

THƯ QUÁN BẢN THẢO

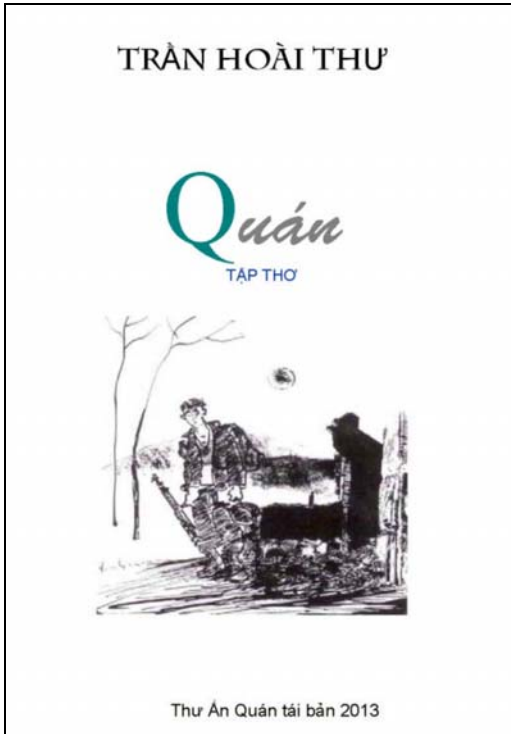
SỐ ĐẶC BIỆT THƠ VĂN GIÁNG SINH ■ TÍNH NHÂN
BẢN TRONG VĂN HỌC MIỀN NAM



SỐ 58 THÁNG 12- 2013



SÁCH MỚI TÁI BẢN



Bìa: Đinh Cường
Muốn có sách tặng xin vui lòng liên lạc về
địa chỉ email: tranhoaitu@yahoo.com

Hay
Thư Ẩn Quán
719 Coolidge Street,
Plainfield NJ 07062

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật

TẬP 58, THÁNG 12, NĂM 2013

Chủ đề: GS & Tính nhân bản trong Văn chương MN

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và Viết / 5

● Phay Van (5) ● Lưu Thủy Hương (8) ● Huyền Chiêu (17) ● Nguyễn Kim Tiến (20) ● Trần Thị Nguyệt Mai (25) ● Hạnh Thảo (29) ● Đoàn Xuân Thu (32) ● Trần Hoài Thư (37) ●

Chủ đề tính nhân bản trong văn chương miền Nam

Trần Hoài Thư: *Hình như cây súng con lạ lắm* (41)

Phạm văn Nhân: *Vài suy nghĩ : Có phải Văn Học MN Trg Thời Chiến Là Một Loại Hình Văn Học Đích Thật?* (59)

Doãn Quốc Sỹ: *Mây trắng, nước xanh, người tử tù* (66)

Trần Hoài Thư: *Em bé và con chó con* (79)

Cao Thoại Châu: *Tôi và văn chương miền Nam* (88)

Di sản văn chương miền Nam

Mai Thảo: *Lá cờ đỏ chói* (96)

Nguyễn Tất Nhiên: *Như màu trang vở cũ* (106)

Nguyễn Xuân Hoàng: *Ý nghĩ trên cỏ* (119)

Di sản văn học

Bình Nguyên Lộc: *Gương mặt của dân Lạc Việt qua ngôn ngữ VN* (126)

Chủ đề Giáng Sinh

Nguyễn Thị Thanh Sâm: *Người ta sống bằng gì?* (137)

Song Linh: *Bên này thiên đường* (173)

Đặng Kim Côn: *Ánh mắt chiều Giáng Sinh* (186)

Sáng tác mới

Văn

Khuất Đầu: *Con mèo* (192)

Hoài Ziang Duy: *Có đời sống thực* (201)

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh: *Từ Một Góc Đời* (214)

Thơ

• **Chu Trầm Nguyên Minh** (225) • **Mai Quang** (227) • **Trần Vạn Giã** (228) • **Đình Thắng** (230) • **Lưu Trọng Tường** (232) • **Đình Cường** (234) • **Nguyễn Thị Khánh Minh** (236) • **mhhoàilinhphuong** (237) • **Tuyết Linh** (239) • **Nguyễn Dương Quang** (241) • **Nguyễn Thanh Châu** (242) • **Nguyễn Hàn Chung** (244) •

Đọc sách

Hoàng Ngọc Hiền: *Đọc « Truyện từ Văn » của Trần Hoài Thư* (245)

Giới thiệu sách báo / 256

Phạm văn Nhân phụ trách

Giữa thân hữu và tòa soạn / 264

Tranh bìa : **Họa sĩ Đình Cường**

Trang trí bìa: **Trần Hoài Thư**

Tòa soạn:

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062 USA

Email: thuquanbanthao@yahoo.com

thư tòa soạn

Số báo kỳ này, ngoài những mục thường lệ như *Sống và Viết*, *Sưu tập Di sản Văn chương miền Nam*, giới thiệu sách báo, những sáng tác văn chương mới nhất của các tác giả quen thuộc, chúng tôi dành nhiều trang cho chủ đề *Thơ văn mùa Giáng Sinh & Tình nhân bản trong văn chương miền Nam thời chiến*.

Chúng tôi rất hân hạnh được đăng một vở kịch thơ của nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm, như là một món quà quý giá và ý nghĩa cho chủ đề *Thơ Văn Mùa Giáng Sinh* này. Rất hiếm người viết kịch trong văn học miền Nam, lại càng hiếm gặp bội khi người viết kịch là phái nữ. Ngoài ra chúng tôi cũng sưu tập những truyện ngắn của Song Linh, Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Xuân Hoàng mà trên mạng chúng ta không hề thấy xuất hiện.

Bên cạnh những văn liệu cũ, chúng tôi còn nhận được những bài vở mới viết của các bạn văn. Sự ân cần ưu ái của quý bạn đặc biệt dành cho TQBT chúng tôi xin thành thật tri ân.

Nhân Mùa Lễ, chúng tôi xin được gởi đến quý anh chị văn thi hữu cộng tác, những bạn bè xa gần, những thân hữu đã hỗ trợ tạp chí *Thư Quán Bản Thảo* bằng tinh thần và vật chất, những lời chúc về một Năm mới Dương lịch đầy bình an và tốt đẹp nhất của chúng tôi.

Trân trọng,
 Trần Hoài Thư
 Chủ trương Tạp chí TQBT



Người cầm lửa qua chiều – Tranh Đinh Trường Chinh
(nguồn Blog Phamcaohoang)

SÔNG VÀ VIẾT

PHAY VAN

*THIÊN THẦN CỦA TÔI**



Hôm qua tôi lại mơ thấy thiên thần, như những giấc mơ thường đến rồi đi từ bao nhiêu năm nay...

Cây thông Noel tí hon oai vệ ngự trên cái bàn kê giữa phòng khách. Cây thông màu xanh bằng nhựa cao khoảng nửa mét, có những sợi kim tuyến màu bạc lấp lánh rắc trên

đỉnh và những thiên thần nhỏ xíu bằng ngón tay của đứa trẻ con lên sáu. Các thiên thần trông xinh xắn với mái tóc quăn vàng óng ả đang say sưa thổi kèn hoặc đánh đàn trên cây thông của Bà Nội. Tôi nhón tay bắt trộm vài thiên thần, giấu đi làm "của riêng tây".

Không như nhà cô tôi, nơi có hẳn một hang đá với tượng Chúa Hải Đồng, Đức Mẹ, Thánh Giuse, mục đồng, bò lừa..., cây thông của Bà Nội đứng một mình, giữa cái bàn rộng. Nhưng vì thế mà nó toát lên vẻ uy nghi, uy nghi trong nỗi cô đơn, bởi chung quanh không có gì để so sánh. Không có gì rạng rỡ hơn nó - cây thông Noel tí hon của Bà Nội.

Mỗi mùa Giáng sinh về, Bà Nội lại mang cây thông ra chung trên bàn. Tôi bầu bạn với các thiên thần suốt ngày, ngoài giờ học. Rồi cũng có lúc tôi hậu đậu đánh rơi, các thiên thần dần dà bị gãy đầu, gãy cánh, những cello, violon, trumpet nối đuôi nhau rơi rụng. Thiên thần bị thương, thiên thần chết. Tôi đem chôn những thiên thần chết dưới gốc cây ngoài vườn. Trong nhà, cây thông Noel của Bà Nội đứng chờ vợ trên bàn, hiu hắt buồn vì thừa thớt cho đến khi vắng bóng hẳn các thiên thần.

Hết đồ chơi, tôi quay sang chơi với những thiên thần trong sách vở. Tôi đọc được một truyện ngắn trên báo Tuổi Hoa trong đó có bé Thơ - chủ nhân của những... hai mươi thiên thần. Nhưng thiên thần thứ hai mươi lại cũng bị gãy cánh. Tuổi thơ tôi - những đêm không ngủ ngồi tránh pháo kích dưới hầm tối hay những lúc hít phải hơi cay giữa nước mắt - đã thấy cuộc sống không êm ả phẳng lặng như thế chỉ cần đưa tay ra là chạm được những thiên thần đang bay trong khoảng không. Tiếp theo thiên thần thứ hai mươi là anh Danh - một Thiên Thần Mũ Đỏ cũng vừa gãy cánh. Những trang sách của Chị Cam Li [1] buồn như cuộc đời thật bên ngoài.

Nhiều mất mát đau buồn lần lượt xảy ra cho gia đình tôi - như bao nhiêu mái gia đình khác ở miền Nam - tất cả cùng "khóc cười theo vận nước nổi trôi".

Một đêm mùa đông, cả nhà cô tôi ra đi, quê hương bỏ lại sau lưng là một căn nhà rộng thênh thang và cái hang đá Noel đang làm dở dang với thật nhiều pho tượng, trong đó có cả thiên thần. Những pho tượng thiên thần hẫ hoi, chứ không phải chỉ là cái đầu và đôi cánh vẽ trên giấy cứng như nhiều hang đá Noel khác. Bà Nội tình nguyện giữ nhà, phòng khi bất trắc gia đình cô còn chốn nương thân.

Mùa Giáng sinh năm ấy sao mà rét mướt, chắc tại người ta bỏ đi nhiều. Tôi năn nỉ:

- Mẹ xin bà nội cho con vài thiên thần nhé?

- Chi vậy?

- Con chơi!

Mẹ gắt nhẹ:

- Cả đời mẹ không chơi với thiên thần nào hết, mà mẹ đâu có chết? Mẹ còn lo làm việc bỏ hơi tai để nuôi mấy cái tàu há mồm đây!

Cuộc sống không diễn ra như mình mong đợi. Tôi dù muốn cũng không thể bắt chước thằng bé lên tám của Ben Piazza [2], gắng sống sao cho hạnh phúc - hết sức hạnh phúc để được thấy thiên thần.

Ngành mỹ thuật Công giáo có những bức tranh mô tả một loại thiên thần khá đặc biệt, có tên gọi là thiên thần hộ thủ hay thiên thần bản mệnh. Các họa sĩ thường vẽ hai đứa trẻ con nắm tay nhau hái hoa bắt bướm trên đồng cỏ, trước mặt là thác nước chảy xiết; hoặc hai đứa dắt nhau đi qua cái cầu khi có một nhịp bị gãy, sau lưng chúng là bóng dáng cao lớn của một vị thiên thần, dáng vẻ uy nghi đang xòe đôi cánh, dang rộng hai tay như che chở, gìn giữ bọn trẻ khỏi lao xuống vực thẳm hay dòng thác.

Những thiên thần của tôi đã lần lượt đi sang bờ bên kia. Chỉ cần nhắm mắt lại là tôi có cuốn phim quay chậm trong

trí: Tôi thấy Chú - một sĩ quan Thủ Đức hay ôm cây ghi-ta hát chỉ một bài "Tôi đưa em sang sông" của Nhật Ngân, thấy Cậu với nụ cười tươi tắn cổ hũu trên môi, hay "dụ khi" các cháu lớn nhỏ tóc sâu bằng những cuốn Văn số mới nhất. Tôi còn thấy cả các anh chị em tôi - những người đã bỏ mình trên biển cả, thấy Bà Nội ngồi nhai trầu ngay bậc cửa, mòn mỏi mong tin con cháu.

Cuốn phim lúc nào cũng kết thúc bằng hình ảnh của Mẹ, thiêm thiếp trong phòng bệnh trắng toát, với những dây nhợ lòng thông từ cái máy trợ thở, trợ tim - người mà suốt cuộc đời chưa từng, và không hề có nhu cầu làm hang đá Noel cùng giao du với các thiên thần.

Phay Van

[1] Những Thiên Thần Bằng Sành - Cam Li NTMT

[2] Trong "The Exact and Very Strange Truth"



LUU THỦY HƯƠNG

MIÊN MIÊN KỶ NIỆM

Khi gia đình tôi dời về cư trú ở vùng ven ngoại thành, chỉ có bốn mẹ con dưới một mái nhà tranh nhỏ bé, trên một mảnh đất hoang vu mịt mù cỏ dại. Ba tôi là sĩ quan quân lực VNCH vừa mãn hạn tù đầy, một đối tượng đang được chính quyền địa phương giám sát chặt chẽ. Lá đơn của ba xin đăng ký tạm trú, xin được về sống chung với vợ con,

ngay từ đầu đã bị chính quyền bác bỏ. Vì, đây là khu xóm đạo của người Bắc di cư, một địa bàn khó quản lý, khó theo dõi và khó đưa vào khuôn khổ. Ba chỉ được đến thăm mấy mẹ con vào ban ngày, ban đêm phải về ngủ ở nhà ông bà ngoại trong thành phố, nơi ba đăng ký hộ khẩu. Nơi, từng đêm công an địa phương vẫn xộc vào gọi ba dậy để... hỏi tên.

Chuyện viếng thăm cũng không đều đặn. Mỗi ngày ba phải đi làm ở lò rèn cuộc xềng. Buổi chiều nào về sớm, ba đạp xe lộc cộc ghé thăm. Khuôn mặt đen thui vì tro than. Đôi mắt đỏ ngầu vì bụi kim loại. Cũng đôi mắt đỏ hoe đỏ, nhìn cuộc sống cô cút thiếu thốn của vợ con mà bất lực.

Buổi chiều đầu tiên phải chia tay chúng tôi về lại thành phố, ba cứ lần lữa hoài, hết sửa lại cánh cửa tre, rồi chăm lại vách lá bên hông nhà. Mẹ sợ cơn mưa chiều đang sầm sập kéo đến, hối thúc mấy lần, ba mới dắt xe ra cửa. Ba xoa đầu tôi, tần ngần nhìn mái nhà tranh nhỏ xíu, cô độc giữa chiều giông. Hai cha con không nói với nhau lời nào, nhưng vẫn thấy hiểu nhau. Ba đi rồi, cơn mưa chiều kéo đến dòn dập, trời đất tối sầm mờ mịt.

Buổi tối đầu tiên trong khu vườn lạ, tôi nằm thao thức giữa những âm thanh mới mẻ hỗn độn. Tiếng mưa xào xạc trên mái lá. Tiếng nước chảy róc rách bên chân giường. Tiếng côn trùng rên rĩ bất tận trong góc nhà. Tiếng cóc nhái oàm oạp sùng ụt.

Tôi hé mắt nhìn qua khe cửa sổ lá chằm. Trong đêm tối, những tàn lá dừa như đang vươn đôi cánh tay dài ma quái thao thao vẫy gọi ngoài hiên. Bụi mưa cũng theo khe lá men len vào nhà, ẩm ướt và lạnh lẽo. Chị tôi nằm co ro bên cạnh, tưởng như đã ngủ từ lâu, se sẽ nắm tay tôi thì thầm:

– Em có sợ không?

– Không! Em không sợ. Chị vô nằm trong vách đi, đổi em ra ngoài.

Chị lại nằm yên không nhúc nhích, chắc chị cũng không xác định được, nằm gần vách lá liệu có đỡ sợ hơn không. Mẹ ở giường bên bắt chợt thở dài:

– Cánh cửa ba buộc ban chiều sao lỏng lẻo quá.

– Để con ra nằm cạnh cửa.

Tôi lồm cồm bò dậy. Mẹ lúng túng đốt lại ngọn đèn dầu. Diêm quẹt thắm hơi âm xoèn xoẹt lóe sáng rồi tắt lụi giữa màn đêm. Trong ánh sáng lập lờ của những tia chớp, tôi kéo chiếc ghế bô ra chắn ngang cửa nhà. Cây rạ bừa củi của ba nằm ngay ngắn bên cạnh. Mỗi sau này, mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn thấy thương hại cho những con người trong đêm mưa gió bão bùng ấy. Căn nhà ọp ẹp, bốn vách tường lá mỏng manh xiêu vẹo. Ai muốn vào, cứ ngang nhiên vạch lá bước qua. Họ cần gì phải đi qua cửa chính, nơi có một đứa bé ốm tong teo nằm trần giữ. Có lẽ, lúc ấy, mẹ là người duy nhất hiểu rõ tình cảnh bi đát, nhưng mẹ chỉ im lặng nuốt tiếng thở dài.

Trong bóng đêm, tôi nghe tiếng đứa em gái nhỏ thờ khò khè từng cơn đứt quãng, khó nhọc. Mẹ xoay người qua xoa lưng cho em. Tôi cũng muốn sang nằm kế nó. Công việc xoa lưng cho em, mỗi khi nó lên cơn suyễn, vẫn là việc của tôi. Nhưng đêm nay, tôi phải nằm đây gác cửa, để gia đình có một giấc ngủ bình yên. Tôi vén mùng thò tay ra khỏi ghế bố, bàn tay chạm vào cái mồm mềm mại ướt át. Con chó xù vùi đầu vào tay tôi như một người bạn trung thành. Tôi thiếp đi, giấc ngủ êm đêm không mộng mị.

Buổi sáng sau cơn mưa, màn trời trong xanh ẩm ướt, cây cỏ loang loang nắng. Hơi đất thơm nồng mùi lá mục, mùi của thiên nhiên hoang dại. Con Sư Nha chui lách qua những bụi cỏ tranh mênh mông ngút ngàn. Thi thoảng, cái đuôi xù vàng hoe lộ ra phe phẩy trên gò đất. Mẹ tôi đặt tên nó là Sư Nha, dent-de-lion, tên một loài hoa dại ở châu Âu. Khi ấy tôi không hề biết rằng, rồi sẽ có một ngày tôi xa quê, xa biệt biệt. Sẽ có những mùa thu tha phương tôi đặt môi mình lên cánh hoa khô, âu yếm thổi đi kỷ niệm. Thả gió... “thả gió bay đi mịt mù”... Mảnh tình hoài hương cuốn bay vào trời điệp điệp thương nhớ.

Tôi tập bỏ những nhát cuốc đầu tiên xuống đất, tập gieo hạt và tập yêu thương những mầm xanh mong manh. Hoa mướp đốt nắng cháy vàng trên sân. Vườn cà treo những giọt mực tím mông lung. Tôi gò lưng đẩy xe rau theo mẹ

ra chợ, tập nuốt nước mắt, cúi mặt những đồng tiền thấm mồ hôi nhàu nát trên đất.

Một chiều cuối năm, ba ghé qua thăm, vai vác chiếc bao tải thật to. Ba cười cười bí ẩn:

– Đố mấy đứa biết, hôm nay là ngày gì?

– Ủa, ngày gì? – Cả ba đứa con gái đứng ngơ ngác.

– Hôm nay là ngày Chúa Giáng Sinh. Ngày ông già Noel mang quà đến cho trẻ em.

Ngày Chúa Giáng Sinh! Ông già Noel! Những khái niệm này đã lâu rồi không còn được nghe đến. Nó thuộc về một vùng ký ức đẹp đẽ dờ dang, mà mỗi khi nhắc đến chị em tôi đều bắt đầu bằng hai chữ tiếc nuối ngậm ngùi: “Hồi đó...”

Hồi đó, là hồi trước 75, hồi ba còn chưa phải đi cải tạo, hồi gia đình mình còn được sống chung trong căn nhà ẩm cúng ở trong phố. Đêm Giáng Sinh nào cũng rực rỡ đèn hoa, náo nức quà bánh, rộn rã tiếng đàn hát của các chủng viện sinh dòng Don Bosco đến chúc lễ thầy cô giáo. Những kỷ niệm đẹp đẽ đó nằm im lìm trong một góc tâm hồn của những đứa trẻ, lung linh xa vời, như vàng trắng cổ tích. Cuộc sống thô bạo cuốn gia đình tôi đi, không một người nào trong gia đình còn dám nhắc đến ngày lễ Giáng Sinh, như sợ chạm vào nỗi đau của những người khác. Mà, ở xóm đạo này, người giáo dân cũng chỉ dám đóng cửa lén lút đón Chúa Hải Đồng, trong một nỗi hoang mang sợ hãi của những công dân phạm pháp. Từ chiều ngày 23, con đường vòng quanh giáo đường đã vắn vơ màu áo công an. Những ngôi nhà trong xóm như nép sát vào nhau âm thầm, những cánh cửa khép kín lo âu, bầu không khí đe dọa buông phũ. Mùa Thiên Chúa nhân từ giáng sinh, mẹ lo sợ thì thảo:

“Tuần này anh đừng sang, phiền hà, nguy hiểm lắm.”

Vậy mà, chiều nay ba lại mang quà của ông Noel đến. Cái bao tải cũ mềm, vá vúi lem nhem. Cái bao to, nhúc nhích phập phồng.

– Mở ra, ba ơi, mở quà ra!

Con em út hét lên như không chịu nổi niềm vui tràn đến bất ngờ. Một niềm vui từ lâu tưởng đã ngủ yên. Ba chậm

rãi mở miệng túi, kéo dài sự căng thẳng. Bàn tay ba lồi ra một hình thê bù xù, vàng hoe. Con vật giương đôi mắt tròn xoe nhỏ xíu, ngơ ngác nhìn đám người hiếu kỳ.

– Trời ơi, một con gà – Chị Hai kêu lên phấn khích, sau khi đã đủ thời gian quan sát con vật – Con gà mái hoa mơ. Em gái tôi ngồi thụp xuống đất, ôm ngực thở khò khè. Niềm vui choáng ngợp vừa đến cũng làm nó đột ngột lên cơn suyễn. Con gà mái hoa mơ lông vàng rực rỡ, có điểm những chấm trắng như bông tuyết. Ba đặt tên nó là Bạch Điểm.

Con gà thứ nhì, lông vàng đuôi đen, tên là Huyền Vĩ. Con gà lông sậm, chân dài lênh khênh, tên là Trường Túc. Một chàng gà trống oai phong lẫm liệt, vừa ra khỏi bao đã lúc lúc tha thiết gọi mấy nàng gà. Ba phì cười, gọi nó là lãng tử Trương Vô Kỵ. Con gà cuối cùng là một đứa hung dữ. Vừa thoát ra khỏi chiếc bao chật hẹp, nó phóng đến đứng cạnh chàng Trương, xù lông đe dọa bọn lau nhau. Nó là người đẹp Chu Chỉ Nhược.

– Vậy con gà mái cũ gọi là gì? Nó đâu có tên.

Chị tôi lên tiếng hỏi, vừa lúc con gà mái già nghe tiếng bè bạn chạy le te về nhập bọn. Từ bao lâu nay nó vẫn quanh quẩn trong vườn, chỉ được gọi đơn giản là con gà, mà không hề có cái tên tử tế. Cũng không ai nghĩ rằng, một con gà như nó cần có tên. Ba có vẻ hối hận vì đã đối xử bất công với con vật, khi mỗi ngày nó vẫn vui vẻ tặng em út tôi một quả trứng.

– Mình gọi nó là Lễ Cao. Lễ Cao nói lái là Lão Kê. Lão Kê là con gà già.

Vậy là con gà mái lông nâu lúi xúi, dáng vóc quê mùa tất tả, trở thành một lão nương trong làng gà, với cái tên Hán-Việt thanh nhã, Lễ Cao bà bà.

Vài tuần sau, ba lại mang thêm về một đàn vịt. Mười con vịt chẳng hề có tên, vì chúng giống nhau như đúc, và vì một lẽ thiên vị khác. Trên đời này, chắc không có giống vật nuôi nào thô thiển, ngu dốt như bọn vịt. Trong khi bọn gà chỉ dám khép nép quanh quẩn ngoài vườn, bọn vịt này nghênh ngang, vênh váo dạo bước khắp nơi. Chúng kéo

nhau vào giữa nhà, cạc cạc chệch bai gia cảnh đạm bạc của gia chủ, nặng nề bình luận đủ điều. Nếu một con hỗn xược đánh phệt một bãi giữa nhà, những con sau đều hơn hờ bất chước, rồi lại xem xét, ngật ngưỡng bình phẩm bấu vật của nhau. Trong khi bọn gà một mực tôn trọng con Sư Nha, bọn vịt lại thường xuyên hành xử vô lễ với bậc đàn anh. Trên đường đi dạo vênh váo, nếu bắt gặp con Sư Nha đang nằm khoan thai đó thì một con vịt sẽ mổ đập vào đầu kẻ ngủ ngày, những con còn lại ngoác miệng cười khèn khẹt. Con Sư Nha hoảng hốt kêu ăng ẳng. Rượt đuổi nhau, cười đùa, mắng chửi... âm ỉ cả một góc vườn. Xôn xao.

Cuộc sống không mãi là những tháng ngày vô tư. Con dịch cúm gia cầm đến thăm bạn bè tôi vào một ngày cuối mùa nắng. Đối với những gia đình quen nuôi gà vịt thả rông, dịch cúm gia cầm là một điều bình thường của tự nhiên. Nó đến đều đặn hai lần trong năm, khi thời tiết chuyển từ mùa mưa sang nắng, hay từ mùa nắng sang mưa. Nhưng đối với tôi, mùa dịch cúm đầu tiên là đòn tàn nhẫn của tạo hóa đánh vào những người bạn bé bỏng của mình.

Buổi trưa tháng tư oi nồng. Con Chu Chỉ Nhược đứng bên hè, đầu nó ngoẹo sang bên, hai mắt kéo màng trắng, đôi cánh rũ xuôi. Tôi đến gần, nó không bỏ chạy. Tôi rón rén ôm chầm nó, ngạc nhiên nhận ra, con vật thường ngày hung dữ chỉ yếu ớt kháng cự.

– Ôi Chu Chỉ Nhược! Chu Chỉ Nhược bé bỏng tội nghiệp của chị.

Tôi ôm chặt nó, cuống cuống chạy băng qua đồng cỏ. Bà cụ già hàng xóm, đầu chít khăn mỏ quạ, hàm răng đen nhánh luôn bồm bẻm nhai trầu. Bà mặc yếm trắng, đang nằm đong đưa trên võng.

– Nó bị cúm, cháu ạ. Mùa này nên nhốt gà vịt lại. Mỗi ngày giã tỏi tươi nhét vào miệng. Con nào ốm phải nhốt riêng ra, cho ăn tỏi nhiều vào.

Con Chu Chỉ Nhược bị nhốt riêng trong chuồng hai hôm, con Bạch Diễm cũng bị vào nằm chung. Con Bạch Diễm đom đóm, yếu đuối không vượt qua nổi cơn bệnh hiểm nghèo. Một buổi sáng, nó nằm duỗi chân thẳng cứng trên

sàn. Lần đầu tiên trong đời, tôi kinh hãi chạm vào cái chết. Lạnh lẽo, dừng dừng!

Con Chu Chi Nhược vẫn tiếp tục vật vã, kháng cự lại số phận. Nó không còn đứng nổi mà đổ vật ra sàn, cái đầu buông thõng, hai mắt mờ đục. Mỗi ngày tôi nhét tỏi vào miệng nó, sờ vào tấm thân gầy còm hăm hấp ảm, biết là nó vẫn sống.

Bệnh cúm tràn qua đàn vịt tàn khốc. Người ta chỉ gọi “gà rù” mà không gọi “vịt rù”. Vịt nhiễm cúm không rù mà bại liệt. Khi căn bệnh mới bắt đầu, con vật khụy hai chân xuống quỳ gối lết đi lạch bạch. Rồi nó bại cả hai chân, ngồi bệt trên sàn, nước mắt nước mũi tuôn ra ràn rụa. Tôi nhìn chúng khóc, chạnh lòng nghĩ, loài vịt không ngu xuẩn như mình tưởng. Trong những thân thể bệnh tật nhỏ nhoi kia, chắc cũng có một linh hồn đang thoi thóp. Tôi hỏi hận làm sao, thậm cầu mong những ngày ồn ào vô tư quay lại. Những cố gắng chạy chữa của tôi chỉ là vô vọng. Không gian ngập ngụa mùi tử khí, hăng hắc, chua lè. Những đôi mắt đầm ướt, đại khờ mỗi ngày nhìn tôi van vãn, mong được chấm dứt nỗi đau. Rồi chúng lần lượt ra đi. Tôi lặng lẽ chôn xác từng đứa... từng đứa... bên mộ con Bạch Điềm. Ở một thế giới nào đó chắc chắn chúng sẽ lại vui vẻ chơi chung với nhau.

Con Bạch Điềm ở thế giới bên kia chờ mãi con Chu Chi Nhược. Nhưng đứa bạn kiên cường của nó không hổ danh là một cao thủ võ lâm. Chu Chi Nhược cuối cùng rồi cũng vượt qua được căn bệnh ngặt nghèo. Một buổi chiều, nó lảo đảo tìm cách đứng dậy trên đôi chân khẳng khiu, yếu ớt. Nó thoát khỏi tà áo đen của thần chết, để đánh đổi một cái giá tàn nhẫn. Trở thành kẻ điên loạn.

Ngày đầu tiên sau con bệnh, nó được thả ra ngoài, đứng đó ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Đầu nó lắc lư muốn tìm đến tiếng gọi của đồng loại. Đầu hướng về bên này, chân bước về bên kia. Nó lảo đảo xoay vòng như người say, ngã lăn ra đất, đôi chân yếu ớt đập hoảng loạn. Tôi nâng nó lên, đổ cho một nắm khoai mì khô bên cạnh. Con vật mỡ mỏi không trúng được mảnh khoai mì, cái mỏ nó chúm xuống lóc cóc

quanh miếng ăn, chỉ mỗ huyệt. Tôi lại phải nhét thức ăn cho nó. Nó tiếp tục phiêu phiêu sống, cố gắng để thích nghi, dần dà đã chậm rãi ăn được một mình. Nhưng nó sợ đi xa, chỉ quanh quẩn góc sân. Người yêu Trương Vô Kỵ của nó từ lâu đã quên tình xưa, vỗ cánh bay xa (thình thoảng còn khoái chí gây vang vang đầu hè).

Con bão nhỏ trên mảnh vườn tuổi thơ trôi qua lặng lẽ, con bão lớn bên ngoài mái nhà tôi lại khóc liệ hơn. Công an đổ về bố ráp xóm đạo, bao vây các chủng viện. Đêm, người ta đẩy những linh mục lên xe, chở đi biệt biệt. Đêm, những người giáo dân quỳ lạy trong nghĩa địa rì rầm nguyện cầu bất tận. Những mái đầu bạc trắng chít khăn mỗ quạ, những tấm lưng còng cúi gục bên thềm nhà nguyện lặng lẽ đêm thâu. Lệnh cấm tụ tập ban hành. Hương khói tỏa mênh mông trên bãi tha ma. Những chủng viện trang nghiêm thanh tịnh qua mùa bão chỉ còn là những đồng gạch đổ nát hoang vu. Lặng câm không bóng người. Tôi sợ lắm, chẳng còn dám chạy chơi xa, chỉ quanh quẩn trong vườn. Mấy tuần rồi ba cũng không sang, công an địa phương gọi ba lên thẩm tra liên tục.

Một chiều sau con bão, ba sang thăm, mệ mỗ hốc hác. Tôi kể cho ba nghe chuyện nhà vườn, chuyện vịt gà vừa qua mùa dịch.

– Ba ơi, ba nhìn con Chu Chỉ Nhược nè, nó như người say rượu.

Con Chu Chỉ Nhược dao dao, vật vờ đi lại trong sân. Ba lắc đầu thương hại.

– Như vậy thì không gọi là Chu Chỉ Nhược được, mình gọi nó là Túy Bội.

– Úi, tên gì đẹp vậy, ba?

– Túy là say, say mãi thành ghiền. Bội là nhân lên, nhân lên thành đa. “Ghiền đa” nói lái là “gà điên”. Túy Bội là gà điên. [1]

Mẹ tôi bên trong nhà nghe ba giải thích lằng nhằng cũng phải bật cười. Vậy là con Chu Chỉ Nhược sau cơn bạo bệnh đã có tên mới. Ba với mẹ xách nước tưới rau. Mẹ nhìn bàn chân trần nứt nẻ của ba dầm lạch bạch qua những

luống dừa, luống cải cười bảo:

– Qua điền bắt nạp lý.

Trời chiều nắng hanh hao, ba nhìn mái đầu trần không nón
mũ của mẹ, hóm hỉnh đáp:

– Lý hạ bất chinh quan. [2]

Hai câu cổ thi này tuần rồi mẹ đã viết lên cửa bắt mấy đứa
học thuộc, chẳng biết đề làm gì mấy thứ rối rắm. Vách lá
tuềnh toàng, cánh cửa tre xiêu vẹo giăng đầy thơ.

Tôi bò trong đám cỏ mần trâu cao lút, nín thở lần mò. Bàn
tay tôi lùa qua lớp cỏ ấu mịn màng dày đặc phía bên dưới.
Chỗ này, tôi qua, tôi nghe có tiếng dế gáy, không biết là dế
than hay dế lửa. Ôi, mùi cỏ thơm.

2008

Lưu Thủy Hương

[1] Cách giải thích từ ngữ Hán–Việt ở đây chỉ nhằm đặt
tên gà.

[2] Qua điền bắt nạp lý

Lý hạ bất chinh quan

Ngang ruộng dừa không mang lại giày

Dưới cây mận không sửa lại mũ

Ngụ ý, dù lòng mình ngay thẳng cũng nên tránh những
hành động gieo sự nghi ngờ.



HUYỀN CHIÊU

THƠ Ở QUÊ TÔI

Tại sao người Việt bây giờ hay làm thơ? Theo tôi người Việt hay làm thơ tại vì người ta không thể làm được gì khác để thay đổi số phận của một đất nước quá buồn... Những dân tộc vui vẻ, lạc quan, may mắn không có chiến tranh, sống đời dân chủ thường dùng thời gian rảnh để ca hát, nhảy múa, khiêu vũ, chèo thuyền, đua ngựa... chứ chẳng ai làm thơ chỉ cho mệt.

Buồn nhiều, thơ càng nhiều.

Tuy thơ bây giờ được sáng tác với tốc độ chóng mặt, tôi tin rằng mọi người làm thơ đều rất thực, rất đáng yêu, đáng trân trọng.

Mà thơ bây giờ không phải vì nở rộ mà kém hay đâu nhé. Tôi không phải nhà phê bình thơ để có thể đọc hết các bài thơ hay trong nước. Chỉ xin nói rằng, trong một thị trấn nhỏ như quê tôi mà tôi thấy có quá nhiều bài thơ hay lắm vậy còn biết bao bài thơ hay hơn nữa đã có mặt trên nước Việt buồn của tôi. Tôi tin rằng mai sau trong văn học sử nước Việt, hiện tượng có một thời thơ nở rộ sẽ được ghi nhận như một sự kiện đặc biệt.

Ở quê tôi trẻ già, trai gái đều thích làm thơ.

Một hôm bác người quen, xưa là thợ may, nay đã gần tám mươi, khề khàng bước vào nhà tặng tôi một bài thơ có những câu thật cảm động:

*“Hồn ta rối bời như cỏ
Buốt lòng bởi giọt mưa sông
Buồn ngắm trăng sao vời vợi
Ngàn năm bóng nguyệt vô thường*

*Buồn tình lên non tìm nhớ
 Bỏ quên dưới phố vẫn thương
 Một đóa quỳnh hoa nở muộn
 Ta ngồi ngắm bóng trăng suông.”*

(Bài Thơ Lữ Vận)
 (Nguyễn Tường Hoài)

Bác nhà thơ nói “Sau 75, người ta mặc áo cũ, không còn ai may áo mới, tôi thành người thất nghiệp, theo mọi người lên rừng hái củi. Chặt được mấy cây to, mừng lắm nhưng yếu quá, chỉ vác về được một cây nhỏ nhất. May mà lên núi làm được bài thơ này nên mới có câu:

“*Buồn tình lên non tìm nhớ*”.

Ồ quê tôi có nhà sư trẻ viết những câu thơ tôi rất thích:

*“Kính lạy đôi mắt ấy
 Không điểm lệ huy hoàng
 Mà như như tại tại
 Soi sáng ánh từ quang*

.....
*Chon như là em đó
 Mặt hồ thu long lanh
 Niết bàn còn bỏ ngỏ
 Cho một lần hiện sinh*

.....
*Thôi ta chào em nhé
 Hãy về cõi uyên nguyên
 Ta cùng em có lẽ
 Thôi trao lời huyền thuyên*

(Mấy Lần Huyền Hóa)
 (Mục Đồng Trần Thanh Thiên)

Trong nước thơ đã buồn ngoài nước còn buồn hơn. Có anh

bạn cùng xóm xa quê biệt, ngày xưa là lính chiến, bây giờ thôi cầm súng mà cầm bút viết những câu thơ tôi nhớ hoài:

*“Đã lâu không tiếng chuông chùa
Còn đâu ghe nhỏ, nước khua dưới cầu
(Cổ Hương)
(Dương Alpha)*

*“Ta nhớ rừng xưa nhớ núi xưa.
Dã quỳ vàng rực lúc chớm trưa
Có con bướm lượn quanh nòng súng
Chia sẻ cùng ta khói thuốc thừa*

.....
*Rốt cuộc nhớ rằng ta chóng quên
Lửa năm nào đã tắt, lặng yên
Bao nhiêu năm tháng cùng nhân ảnh
Còn lại mình ta kiếp sống hèn.*

(Nhớ Và Quên)
(Dương Alpha)

Một anh hàng xóm nữa, làm thơ rất hay nhưng nhất quyết không chịu nhận mình là thi sĩ:

*“Tôi làm thơ như em ngồi đan áo
Hơi thở tôi xin đắp lên ngực đời
Mùa rét chạy ròn trên sóng lưng địa cầu
Nhân loại thét gào đòi hơi ấm*

*“Muốn biến trái tim thành bếp lửa
Đốt thơ tôi cháy đỏ nhân gian
Nếu người vẫn là người
Xin hãy ngồi gần lại”*

(Giá Như Tôi Là Thi Sĩ)
(Khuất Đầu)

Nước Việt còn buồn thì thơ cứ mọc lên hoài. Tôi nghĩ thế.

Huyền Chiêu

Ninh Hòa, 13 tháng 10 năm 2013



NGUYỄN KIM TIẾN

BỮA ĂN TỐI ĐẦU TIÊN

Nhà của Rudy nằm sát bên cạnh nhà tôi. Anh dọn vào sau tôi 4 năm. Anh đến từ Đức - một đất nước cũng bị chia cắt như đất nước tôi. Nhưng đất nước anh may mắn hơn đất nước tôi. Hai miền của đất nước anh đã thống nhất không bằng máu và nước mắt. Ngược lại, đất nước tôi đã thống nhất bằng máu và nước mắt của hàng triệu người cả trong thời gian chiến tranh và sau chiến tranh. Tôi thắc mắc về hai từ thống nhất, nó có diễn tả đúng với điều đã xảy ra ở đất nước chúng tôi? Đó là một trong những câu chuyện xoay vòng vào buổi ăn tối đầu tiên giữa anh và gia đình chúng tôi.

Anh đến từ Đức mà là Đông Đức. Vợ anh đến từ Peru. Họ đã tình cờ quen nhau trong chuyến đi du lịch cách đây 15 năm và họ đã thành vợ thành chồng được 12 năm. Họ có với nhau một trai và một gái. Con họ nói ba thứ tiếng. Nói với mẹ và bà ngoại bằng tiếng Tây Ban Nha. Nói với bà bằng tiếng Đức. Nói với hàng xóm bạn bè bằng tiếng Mỹ.

Hai đứa nhỏ thật dễ thương. Một kết hợp giữa hai giòng máu da trắng và da màu. Anh, với cái đầu hói, mắt xanh mũi cao. Chị với mái tóc đen nhánh và đôi mắt to của miền Nam Mỹ. Một chút của người bản xứ da đỏ và một chút của người Tây Ban Nha của ngày xưa đến khai phá vùng đất Nam Mỹ. Chị trông rất xinh xắn và cởi mở. Lúc hai con của họ còn nhỏ, mẹ chị từ Peru qua ở với chị để chăm sóc hai con giùm chị. Bà không hề biết một từ tiếng Mỹ nào, nhưng mỗi khi tôi ra vườn, nếu bà đang ở ngoài vườn là bà chạy đến chào tôi bằng tiếng Tây Ban Nha. Tôi chào lại bà cũng bằng thứ tiếng ấy với một vài câu rất là đơn giản mà tôi biết. Thế rồi bà thao thao bất tuyệt bằng thứ tiếng mẹ đẻ của bà. Với một nụ cười và nét mặt hân hoan như thể là tôi hiểu bà. Thỉnh thoảng tôi xen vào vài câu tiếng Mỹ đơn giản. Tôi không nghĩ là bà hiểu nhưng hình như bà không để ý đến điều này. Bà không cần biết là tôi hiểu bà hay không, nhưng tôi biết chắc rằng bà rất vui sướng khi có tôi lắng nghe bà. Sau khi bà nói chuyện, kể lể đủ thứ, bà cười tươi rói và nói với tôi “Gracias mucho”. Vậy đó, tôi chẳng hiểu bà nói gì, nhưng tôi có thể đọc được đó là những chuyện vui, có thể những mẩu chuyện vui này từ hai đứa cháu ngoại của bà hay những mẩu chuyện vui từ xứ sở Peru của bà. Nhưng có hề gì bởi tôi cũng thấy vui. Nét rạng rỡ trên gương mặt bà, nụ cười giòn và đôi mắt long lanh của bà đã cho tôi sự cảm nhận vui lây! Bà có dáng dấp của một người quanh năm làm rẫy, da mặt ngăm ngăm, bàn tay thô ráp. Phải chăng điều này kéo tôi lại gần với bà hơn bởi sự đơn giản và thật thà. Phải chăng đời sống của bà và đời sống của tôi ở một chặng đường có những tương quan với nhau. Tôi say sưa thích thú nghe bà kể chuyện, nghe bằng tưởng tượng những động tác của bà, nghe bằng đọc những ánh mắt của bà, nghe bằng cảm nhận nụ cười giòn tan của bà. Phải chăng khi con người có cơ hội sống gần với thiên nhiên, con người có khả năng hòa nhập với tha nhân cao hơn!

Con rể của bà, anh Rudy, đã chịu khó học tiếng Tây Ban

Nha để có thể nói chuyện với bà. Đó là một cố gắng đầy tình thương yêu. Chắc anh phải yêu quý bà nhiều lắm, nhiều lắm anh mới có thể làm điều này. Và từ đó, tôi tin rằng, tình yêu thương là chìa khóa của mọi cánh cửa. Anh nói tiếng Mỹ với âm hưởng tiếng Đức, tôi nói tiếng Mỹ với âm hưởng tiếng Việt, nên có nhiều khi chúng tôi đoán ý lẫn nhau. Thế nhưng chúng tôi luôn có những tiếng cười vang dội cả một góc vườn. Chúng tôi ở trong *cul-de-sac*, tổng cộng có 6 căn nhà. *Cul-de-sac* có hình tròn, là nơi tụ tập con nít hàng xóm, tập xe đạp, vui chơi. Và đó là những lúc chúng tôi gặp gỡ nhau và chuyện trò. Hay những lúc ra làm vườn, nhất là mùa hè. Chúng tôi trao đổi chút ít về vườn rau của mỗi nhà. Năm nào anh cũng đi chở phân bò, phân heo về trồng trọt nên vườn rau, vườn cà, bí của anh rất tươi tốt. Nhưng mà mỗi khi gió về thì cái mùi đồng quê lại gợi nhớ quá nhiều trong tôi. Tôi nhớ đến những chuồng bò ở quê tôi... Vài cây gỗ chung quanh và một mái che bằng tranh. Chung quanh là những ụ rơm....Những tiếng kêu ghé ngo mỗi khi chiều về... Hai con tôi than phiền: “Mẹ ơi! Sao mùi gì thú vị quá!” Mới đầu, tụi nhỏ bịt mũi mỗi khi ra sau vườn... nhưng riết rồi cũng quen. Hai đứa hỏi: “Bộ ba mẹ không thấy thú vị hả?” Trời đất, tôi trả lời: “Mùi ba mẹ vẫn còn tốt mà!”. “Vậy sao chưa bao giờ tụi con nghe ba mẹ than phiền!”. Và những câu hỏi này làm tôi nhớ về, nhớ về một thời, thời mà tôi đã lớn lên giữa đồng quê, đi chân đất không hề thấy đau. Dẫm phân bò không hề thấy gớm!

Tôi kể cho anh nghe tôi cũng có một khúc đời tuổi nhỏ sống ở nhà quê, điện không, nước máy cũng không. Trường học thì năm tôi vào lớp Năm (lớp 1 bây giờ) là năm đầu tiên làng tôi có trường tiểu học nên tôi may mắn không đi học xa như các anh chị của tôi. Những đêm trăng rằm là những đêm tuyệt vời và hạnh phúc nhất cho lũ trẻ chúng tôi. Chạy nhảy và vui đùa đến thật khuya khi ánh trăng đã bắt đầu mờ dần. Tôi kể với anh Rudy về nơi tôi sinh ra và lớn lên ở miền Nam Việt Nam trước 1975 cũng

như sau 1975 và anh cũng kể cho tôi nghe thời gian anh lớn lên ở miền Đông nước Đức.

Anh kể anh sinh ra sau khi bức tường Bá Linh được dựng lên vài năm. Anh đã từng lớn lên trong một xã hội đầy nghi ngờ lẫn nhau, người ta luôn tìm cách đối phó lẫn nhau, và người ta luôn tìm cách vượt qua bức tường ô nhục Bá Linh. Biết bao nhiêu người đã chết trong những trại tù, biết bao nhiêu người đã chết trong khi tìm đường thoát khỏi chế độ độc tài...

Tôi kể tôi cũng đã có thời gian lớn lên ở một xã hội giống như xã hội của anh, cũng đầy nghi ngờ sợ hãi, trại tù khắp nơi, trong rừng sâu nước độc, thiếu thốn trăm bề và bị đối xử rất tồi tệ. Người người đi tìm bến bờ tự do bất chấp tù đầy, hiểm nguy vượt qua đại dương bằng những chiếc thuyền bé xíu hay băng rừng lội suối vượt qua những biên giới đầy nguy hiểm. Đã có bao nhiêu người ra đi và không được may mắn đến bến bờ... Không ai có thể đếm được bao nhiêu người dân tôi đã bỏ mạng trên đường đi tìm tự do. Tôi là một trong số người may mắn!

Chúng tôi đã có một buổi tối thân tình, cởi mở dù là lần đầu tôi mời anh ăn tối cùng chúng tôi. Phải chăng khi con người có cùng kinh nghiệm, có cùng hoàn cảnh giống nhau, chúng ta dễ đến gần nhau hơn. “Nhưng dù sao, dân tộc tôi cũng may mắn hơn dân tộc của cô”, anh nói thế. Anh tâm tình, dù dân tộc anh đã thống nhất không bằng máu và nước mắt nhưng cho tới bây giờ, sau bao nhiêu năm thống nhất, người Đông Đức và người Tây Đức, trong tận cùng sâu thẳm, cũng vẫn còn có những mặc cảm với nhau dù chính phủ nói chung đã cố gắng hàn gắn vết thương này. Bởi gần như hai thế hệ con người đã không được rèn luyện giáo dục cùng một hệ thống tư duy. Nhưng tôi tin rằng vết thương của đất nước anh chưa mưng mủ, chưa mọng nước, chưa lở loét như vết thương của đất nước tôi, tôi nói với anh như thế, và mong là vết thương của dân

tộc anh sẽ lành, sẽ lành nhưng còn vết sẹo thì sao? Chắc còn lâu lắm mới nhạt dần và biến mất. Tôi hỏi, còn vết thương của chúng tôi thì sao, anh có nghĩ là nó sẽ lành? Và nếu lành thì vết sẹo đến bao giờ mới phai dần và biến mất?

Anh nhìn tôi ái ngại. Ánh mắt anh như thầm nói rằng, hình như nó đang lành, nhưng lành bên ngoài mà ung thối bên trong. Bên trong đã mưng mủ, sưng tấy lên chỉ cần một cây kim chích vào, da sẽ bật nứt, vết thương sẽ căng phồng, nhưng mà hình như chúng ta phải cần sự nỗ lực này may ra vết thương mới có thể làm da non và vết sẹo mới phai dần và biến mất!

Tháng 12 trời lạnh buốt, từng cơn gió từ bắc cực đang thổi về. Tiếng tí tách của củi khô trong lò sưởi đang reo mừng như thể nó đang chào đón những điều tốt đẹp mà nhân loại luôn chờ mong. Bên ngoài, những bông tuyết bắt đầu rơi, rơi nhẹ nhàng bám vào cửa kính tạo thành một mảng trắng xóa, mỏng. Tuyết và trắng luôn làm đẹp cho nhau. Tuyết lóng lánh như những hạt kim cương giữa đất trời tĩnh mịch dưới ánh trăng mờ, lạnh.

Anh nhìn ra ngoài trời và dậm đứng lên. Anh xin phép về vì đã quá khuya. Ngọn đèn cây nơi bàn ăn cũng bắt đầu lụn dần. Anh bắt tay và nói lời chào từ biệt: “Merry Christmas and Happy New Year!” với từng người trong gia đình tôi. Chúng tôi cùng chúc nhau, một mùa Giáng Sinh đầy ơn phước và một năm mới nhiều an lành cho tất cả mọi người.

Một buổi ăn tối cùng nhau thật thú vị mà đã nhiều năm chúng tôi vì ngại ngùng, hay vì sao không biết, phải mất đến 13 năm, chúng tôi mới có dịp ngồi lại với nhau. Dù muộn màng nhưng đó là một buổi tối của tháng 12, lạnh lùng giá buốt nhưng đầy tình người. Phải chăng chúng ta nên mở cửa trái tim để những luồng gió yêu thương thổi mát những tâm thất đã bị tắt nghẽn bởi lòng nghi ngại.

Lại thêm một mùa Giáng Sinh nữa sắp về. Trong rộn ràng của những ngày sắp lễ hội, tôi lại nhớ đến buổi ăn tối đầu tiên này, ghi vội vài dòng cảm nghĩ chia sẻ cùng các bạn.

Năm nay mùa thu dài, ảm. Nơi tôi ở bình yên nhưng sao lòng tôi không được bình yên! Những tai họa do con người gây ra đang lan tràn khắp nơi, và cả tai họa của thiên nhiên hình như đang thách thức số phận của chúng ta. Phải chăng nó càng lúc càng làm niềm tin của chúng ta suy sụp? Bạn nghĩ sao?

Nguyễn Kim Tiến

16 tháng 11 năm 2013



TRẦN THỊ NGUYỆT MAI

VÔ THƯỜNG

Từa nay ở sở tôi thấy mắt phải của mình giật liên tục. Không biết có chuyện gì đây. Tôi cố xua đi những ý nghĩ về điềm gở hoặc chuyện không may xảy ra nên không gọi điện thoại về nhà. Chừng về tới, thấy chàng ngồi trên ghế, tay cứ xoa chân mặt...

Cơm nước rửa dọn xong, tôi thúc hối chàng đi tắm vì thấy bộ quần áo trên người chàng lấm đất (việc mà trước đây chẳng bao giờ tôi giục). Chàng chẳng trả lời, vẫn tiếp tục ngồi xoa chân. Chợt thấy trên cánh tay phải có vết xước dài, tôi hỏi:

- Ủa, anh làm gì mà bị trầy vậy? Em thấy lấm tím máu...

Lúc đó chàng mới nói, giọng bình thản làm ra vẻ như không có gì quan trọng:

- Anh bị té hồi trưa. Khi cắt cây bót đằng sau nhà cho gọn. Cành rớt trúng người, kéo theo anh ngã xuống cùng với cái thang. Anh lấy tay chống nên mới bị trầy xước đó.

Tôi hốt hoảng:

- Anh có sao không? Chân anh có vấn đề gì mà sao từ hồi em về tới giờ cứ thấy anh xoa bóp chân mãi...

- Anh thấy đau, đi không được. Hồi nãy anh gọi H. (em gái chàng), H. mang cho anh mượn cặp nạng của Đ.

Tôi lo lắng:

- Sao anh không đi bác sĩ hoặc vô bệnh viện cấp cứu coi có sao không? Anh cũng không gọi điện thoại cho em để em biết mà xin về sớm! À, hôm trước họp, hãng bảo hiểm sức khỏe có nói đến *Urgent Care* dành cho những bệnh không-nguy-hiểm-đến-tính-mạng (non-life threatening). Vô đó viện phí rẻ hơn cấp cứu nhiều lắm, chỉ phải *copay* như khi đi bác sĩ. Mình có thể đến đó xem sao...

Nói xong tôi mở máy computer tìm xem một Urgent Care ở gần nhà. Gọi điện thoại hỏi. May quá, họ nói sẽ đóng cửa vào lúc 9:00 tối, lúc đó đã là 8:35 phút. Tôi hỏi chàng sửa soạn đi nhanh kéo trễ.

Trời mùa hạ nên tuy gần 9 giờ tối mà vẫn còn sáng. Thế là hôm nay, lần đầu tiên, tôi phải lái xe đưa chàng đi. Tôi vốn lái xe rất dõ, nên khi nào hai vợ chồng cùng đi, chàng luôn là người ngồi sau tay lái. Chàng thường nói nửa đùa nửa thật: “Em có thể quên chuyện gì nhưng không thể quên việc *renew* bằng lái khi sắp hết hạn. Cảnh sát mà bắt thi lại, chắc chắn em sẽ rớt.” Thật vậy, ngày đó, tôi thi lái thì đậu ngay. Nhưng de rất dõ. Cứ rớt lên rớt xuống hoài. Thấy người ta de xe “thật ngọt” mà ham. Còn tôi cứ làm rớt cục chẵn nên *fail* liên tục. Không biết đến lần thi thứ bao nhiêu nữa, hôm đó trời mưa nhẹ, chàng tập cho nhiều bận mà vẫn chứng nào tật ấy, tôi đụng cục chẵn hoài, nên la quá chừng. Tôi lầy không thêm đi thi, đòi về nhà. Chàng dụ lại, năn nỉ: “Em nhìn theo kiếng, ráng de cho ngon, đậu

để thôi mà! Đi thi ghen...” Tôi, nước mắt vòng quanh như con nít, miễn cưỡng gạt đầu. May mắn làm sao vị giám khảo của tôi là một nữ cảnh sát rất dễ thương! Có thể bà nhìn trên chúng tôi thấy tôi đậu lái ngay lần một mà thi de lại rớt liên tục, trời mưa không ai để ý chẳng, nên ngồi bên cạnh tôi bà nhắc bẻ lái bên trái, bẻ lái bên phải, hoặc giữ thẳng, v.v... và cho tôi *pass* lần đó. Hú hồn! Nhưng cũng từ đó, tôi rất ngại de. Đi đâu, lúc nào, tôi đều kiểm chỗ đậu xe “thuận tiện” để khi lấy xe ra là chạy thẳng, không phải de, dù phải đi bộ xa một chút mới tới nơi muốn đến...

Vào đến nơi, đồng hồ chỉ 8:50 phút. Sau khi hoàn tất xong thủ tục hành chánh, cô y tá mời vô phòng hồi bệnh trạng và đo huyết áp. Cô đưa chàng qua phòng quang tuyến chụp mấy tấm để đưa cho bác sĩ coi. Đến phiên bác sĩ vào khám ông lại đề nghị chụp thêm mấy tấm nữa với chân để nghiêng vì mấy tấm đã chụp trông không rõ. Rồi ông băng chân lại để giữ chân cho cứng - không di chuyển, dặn chàng đi nặng, biên toa thuốc giảm đau và đề nghị tôi sáng mai phải gọi hẹn một bác sĩ chuyên môn về chân để họ khám nghiệm và điều trị cho chàng kèm theo một đĩa CD copy hình chụp X-ray hôm nay. Ông nói có thấy vết xương nứt, nhưng vì không thuộc lãnh vực chuyên môn của mình, nên ông không thể kết luận được gì...

Sáng hôm sau, gọi bác sĩ trong nhóm của hãng bảo hiểm, họ hẹn sớm nhất là ngày mai, chứ không thể đi ngay. đành phải chờ thêm một ngày nữa.

Khi tới bác sĩ chuyên môn, sau khi xem vết thương và hình X-ray, ông lại yêu cầu chàng đến bệnh viện để chụp thêm một số hình chân ở những vị trí khác nhau và giới thiệu một vị bác sĩ mổ gần đó cũng như giúp chàng có được một cái hẹn nhanh chóng không ngờ...

Vị bác sĩ mổ là một người mát tay, tôi đoán thế vì thấy ông có rất đông khách. Phòng mạch nhỏ nhưng bệnh nhân ngồi chật phòng đợi. Chờ khoảng gần một tiếng đồng hồ, chúng tôi được gặp ông. Sau khi xem những hình chụp, ông đi đến kết luận: "Xương gót chân của anh bị gãy và nằm lệch

đi, không đúng vị trí. Để tôi nhờ cô thư ký văn phòng làm hẹn với bệnh viện mổ cho anh sớm. Nhớ là từ nay anh không được lái xe. Chờ đến khi lành hẳn đã.”

Thật tình từ trước đến nay, tôi vô cùng ỷ y. Cái gì cũng có chàng lo cho tất cả. Trừ khi đi làm hoặc khi đi mua sắm một mình, tôi mới phải lái xe. Còn ngoài ra, đi đâu chàng cũng lái xe đưa đón tôi cũng như làm giúp tôi những việc nặng nhọc. Chỉ có mấy ngày nay, chàng gặp tai nạn, tôi mới bắt đầu phải lái xe và kiêm thêm những việc khác của chàng. Chuyện trước giờ tôi vẫn nghĩ không bao giờ xảy ra. Chàng lúc nào cũng tỏ ra khỏe mạnh hơn tôi: tôi ốm yếu, chàng to con (so với tôi thôi, chứ so với người khác có thể chẳng thấm vào đâu). Hơi trái nắng trở trời một chút là tôi lại ngã bệnh. Nghĩ lại tôi rất thấm thía hai chữ vô thường. Có đó rồi mất đó, nhẹ tênh...

Chàng may mắn gặp được bác sĩ giỏi, vết mổ liền lặn trong 6 tuần. Chụp X-ray xem, thấy xương bàn chân ở đúng vị trí. Mọi việc diễn ra tốt đẹp như ý muốn. Bác sĩ cho phép chàng lái xe trở lại. Tôi là người vui nhất: giao lại ngay chìa khóa xe cho chàng không cần phải suy nghĩ. Một gánh nặng đã được cất đi. Bạn hãy mừng cho tôi.

Trần Thị Nguyệt Mai

10-11-2013



HẠNH THẢO

NIỀM VUI ĐƠN SƠ



Lúc ấy là mùa thu, mùa của mọi cổng trường rộng mở đón các mái đầu xanh mọi ngả quay về. Hôm ấy, trên đường đón cháu từ trường mầm non về nhà, bà và cháu đã thấy cây lá đổi màu nhiều rồi. Bà tay dắt cháu, tay chỉ cháu xem các sắc lá vào mùa thu. Cháu tung tăng chân sáo, miệng tíu ta tíu tít hỏi bà đủ điều:

- Bà ơi, lá cây này màu gì? Còn lá cây kia kia, màu gì mà ngộ quá, hả bà?

Cháu hỏi tới đâu, bà trả lời tới đó. Vạn vật như muốn chia vui cùng bà cháu đem khoe sắc mình suốt cả dọc đường hai bà cháu đi. Có cây lá vừa chớm màu vàng còn ắn chút

màu xanh úa. Có cây cả vòm lá màu vàng ươn hết, lác đác ngả chút màu nâu. Lại có cây lá đỏ au như muốn khoe sắc thắm, làm dáng làm điệu thêm chút nữa với thiên nhiên trước khi rơi vào giấc ngủ triền miên trong vòng tay của đất mẹ muôn đời. Những cơn gió nhẹ cứ lật phật đưa đẩy cành cây, chiếc lá, đồng thời làm bay bay những sợi tóc đen nhánh của cháu và những sợi tóc bạc màu của bà. Những chiếc lá vàng khô cũng theo chiều gió mà rơi xuống chân bà, chân cháu. Chợt cháu thấy chiếc lá khô mà cháu vừa lấy chân đá xui đi, bỗng tung bay là đà trước mặt cháu. Cháu bỏ tay bà chạy theo lá. Bà vội vã chạy theo. Khi chụp được chiếc lá, cháu thôi chạy thì bà thở muốn đứt hơi.

- Bà ơi, sao lá khô bay vậy?
- Lá khô bay vì gió thổi cháu à.
- Mà bà ơi, gió là gì vậy? Gió có miệng không mà thổi lá bay được, hả bà?
- Gió là không khí đi nhanh đó cháu. Gió chuyển nhanh, gió cuốn lá theo. Gió không có hình dáng nên không có miệng.

Bà chưa dứt lời, cháu đã hỏi tiếp.

- Mà không khí là gì? Sao cháu không thấy nó mà nó lại được lá bay đi vậy?

Cháu hỏi thật các cớ. Đôi khi bà hơi ngần ngại một chút để tìm câu trả lời cho vừa cháu hiểu.

- Không khí là thứ mà mọi người hít vô thở ra để mà sống. Cây cối cũng nhờ không khí mà sinh sôi nảy nở đó cháu. Không khí là thứ cần để sống. Không có không khí, con người, thú vật, cây cối đều chết hết đó.
- Sao kỳ vậy bà? Không có không khí mọi thứ đều chết hết, mình cũng chết thiệt luôn, hả bà?
- Thiệt vậy đó cháu à. Cháu để tay lên trước mũi cháu đi. Bây giờ cháu hít vô rồi thả ra. Cái mà cháu hít thở là không khí đó.

Cháu làm theo lời bà rồi nói:

- Phải rồi, cháu nghe thấy hơi vô, hơi ra bà ạ.

- Bây giờ, cháu bịt hai lỗ mũi lại, chừng nào bà biểu buông tay ra thì mới buông, nghe không? Bà chỉ cho cháu cái này hay lắm.

Nghĩ đến trò chơi ngộ nghĩnh của bà, cháu gật đầu thích thú làm theo lời bà nói. Khi bà thấy cháu mặt đỏ hồng, bà bảo thôi. Cháu thở một hơi dài sung sướng.

- Bà ơi, không thở cháu thấy ngột quá à. Bây giờ thở được cháu mới thấy khoẻ. Ngột quá, lạ quá!
- Nếu ngột thở lâu người ta sẽ chết. Người ta nhờ có không khí để thở mà sống đó cháu.

Ngưng một lúc, tự nhiên bà nói tiếp.

- Khi người ta gần mất sự sống, người ta mới biết và hiểu sự sống là gì và quý nó. Cháu có hiểu không?

Bà không hiểu cháu có thật sự hiểu gì không, bà chỉ thấy cái đầu nho nhỏ của cháu cứ gật gật, đôi mắt tròn xoe của cháu long lanh hơn, cái miệng chúm chím của cháu cười tươi hơn và đôi chân nhanh nhẩu của cháu liến thoắng hơn. Bà bỗng bật cười về câu giải thích vừa rồi của bà với cháu nhỏ. Và bà đã cảm nhận được một niềm vui thật đơn sơ, một hạnh phúc đơn thuần mà bát ngát. Đôi mắt nhắm nheo của bà lấp lánh sau làn kiếng lão. Bà mỉm cười và cảm thấy trái tim căn cốt của mình như cũng rộn ràng chia xẻ niềm vui ngây ngô trong sáng của cháu.

Hạnh Thảo P.B.T

(Kỷ niệm thân yêu với đứa cháu đầu tiên)



ĐOÀN XUÂN THU

VIẾT TỪ CHIẾN TRƯỜNG!



John Steinbeck (1902-1968) là văn hào Mỹ. Những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là: Chuột và Người (Of Mice and Men - 1937) và Chùm Nho Uất Hận (The Grapes of Wrath - 1939) đoạt giải Pulitzer Prize and National Book Award năm 1940, viết về thời đại khủng hoảng kinh tế ở Hoa Kỳ. John Steinbeck đoạt giải Nobel văn chương năm 1962.

Bốn năm sau đó, Steinbeck đi Việt Nam để chứng kiến tận mắt cuộc chiến đang hồi ác liệt. Tại đây, ông đã trải qua 5 tháng đi cùng với các đơn vị quân đội Mỹ đang tham chiến tại Việt Nam. Trong thời gian này, với tư cách là phóng viên chiến trường, ông đã viết hàng chục lá thư, ghi lại những cảm nhận của ông về cuộc chiến, gửi về cho tạp chí Newsday do bà Alicia Patterson, vợ của một người bạn thân quá cố, đang làm chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Những lá thư được viết từ tháng chạp năm 1966 đến tháng 5 năm 1967. Gần đây, những lá thư này đã được nhà xuất bản University of Virginia Press tập hợp lại, in thành sách với nhan đề “Steinbeck in Vietnam: Dispatches from the War” (Steinbeck ở Việt Nam: Những Tường Trình từ Chiến Trường).

John Steinbeck là bạn của Tổng Thống Mỹ thời đó: Lyndon B. Johnson, người muốn Steinbeck đi, nghe, thấy và về, tường trình trực tiếp những gì đang xảy ra tại Việt Nam cho ông. Nhưng Steinbeck đi Việt Nam không phải là đại diện của Johnson. Ông là một nhà văn độc lập, không liên quan gì tới chánh phủ Mỹ cả. Tuy nhiên, những bài tường trình này lại có vẻ ủng hộ cuộc chiến. Ông cũng như Johnson tin vào thuyết Domino là nếu miền Nam Việt Nam sụp đổ sẽ kéo theo nhiều nước khác.

John Steinbeck đã bị những người phản chiến và ngay chính cả con trai ông đang ở Việt Nam chỉ trích gay gắt bởi vì những quan điểm ủng hộ cuộc chiến Việt Nam trong những lá thư trên.

Những cảm nhận của ông về chiến tranh Việt Nam đã trái ngược hẳn với quan điểm của phong trào phản chiến, chống chiến tranh Việt Nam đang lên đến cao điểm tại Hoa Kỳ vào cuối thập niên 1960. Dù vậy John Steinbeck vẫn mạnh mẽ chỉ trích những người phản chiến; vì cho rằng họ đã không có mặt ở đó để hiểu biết được ý nghĩa về cuộc chiến tranh này.

John Steinbeck đã mất ở tuổi 66, ngày 20/12/1968, tại New York vì bị trụy tim.

Ba mươi tám năm đã qua, cuộc chiến tàn... Những điều John Steinbeck nói vẫn còn đúng dù những bài viết này đã gần nửa thế kỷ trôi qua. John Steinbeck đã từng nói cuộc chiến tranh Việt Nam khác hẳn với tất cả cuộc chiến tranh quy ước khác. Nó không có mặt trận không có hậu phương, không có phía trước và cũng không có phía sau... Qua phần lược dịch, người viết xin kính mời quý độc giả thân mến đọc lại bài tường trình do John Steinbeck viết từ Cần Thơ, dầu ngắn ngủi, nhưng cho thấy một nhà văn đầy

trí tuệ biết bao của đất nước Hoa Kỳ! John Steinbeck vẫn dũng cảm nói lên điều chính mình suy nghĩ ngày đó cho dù những người phản chiến năm xưa, và ngay cả ngày nay, vẫn còn tiếp tục ngoan cố chỉ trích ông!

Cần Thơ*, ngày 21 tháng giêng năm 1967.

Alicia thân,

Tôi xin viết về một cuộc tuần tra bình an vô sự trên một dòng sông* giữa đôi bờ tĩnh lặng và những vì sao nhấp nháy bởi bầu trời đêm những hơi sương. Chúng tôi về bên* chưa tới 9 giờ đêm. Một phần trong chiến dịch tên Game Warden đặt căn cứ tại Cần Thơ, thành phố lớn nhất vùng châu thổ. Ở Cần Thơ, có vài nhà hàng nhỏ, nơi người Việt dẫn con cái đi ăn, chuyện trò với nhau bằng tiếng Việt, âm vang như đang hát. Nơi đó đèn không đủ sáng. Vì thiếu điện, phải cần thêm những ánh đèn dầu chập chờn, leo lét.

Khoảng 10 giờ tối hai thanh niên đang lãng vãng, chợt dừng lại trước cửa nhà hàng đang đông thực khách, bất ngờ ném hai trái lựu đạn xuyên qua khung cửa mở. Một trái lép. Trái còn lại nổ tung và miếng xé nát thân thể người lớn lẫn trẻ con. Không có bất cứ người lính nào lúc đó trong nhà hàng kể cả Mỹ hay Việt. Không đạt được bất cứ một ích lợi nào về mặt quân sự cả! Một viên đại úy Mỹ chạy vào và bế ra một em gái nhỏ khoảng chừng 7 tuổi. Khi đưa tới bệnh viện*, anh ấy khóc nức nở vì em đã chết rồi! Xe cứu thương chở những xác người đầy thương tích đến bệnh viện, xưa là của Pháp, giờ là của chúng ta. Bác sĩ bắt đầu cưa chân, cưa tay, gấp miếng lựu đạn ra, mùi ê-te lan tỏa cả tòa nhà. Vài người bị thương nặng quá đã chết trước khi đến nơi; vài người nữa chết chẳng bao lâu sau đó; còn những người sống sót thì được chữa trị, băng bó. Họ nằm trên những chiếc giường gỗ, ánh mắt thất thần như hỏi tại sao? Kim chuyền nước biển găm vào mu bàn tay và nếu họ đã mất hai tay rồi nó được ghim vào mắt cá chân. Những đứa bé đang chơi đùa trong nhà hàng là bị nặng

nhất. Những bác sĩ, y tá của đế quốc Mỹ bị gán cho là hung hăng, tàn bạo này đang làm việc suốt đêm để mong cứu chữa những sản phẩm do những người cao quý mệnh danh là bảo vệ tổ quốc mình đã gây ra.

Hai tên ném lựu đạn vừa bị bắt và chúng thú nhận một cách khoái trá, khoái lác về hành động của mình.

Tôi thật không biết bọn khủng bố này nghĩ gì? Tại sao chúng muốn giết người dân của chính mình, những con người khốn khổ mà chúng thường rêu rao là giải phóng họ? Bệnh viện tràn ngập bởi nỗi bi thương. Có ai tin rằng VC, người đã nở nhân tâm làm như thế với chính đồng bào mình lại có thể vì dân, vì nước khi chúng chiếm được chính quyền. Tôi không tin. Khi hành quân, chúng ta và những người bạn đồng minh đôi khi cũng làm thương vong những người dân vô tội. Còn VC thì chắc chắn không quan tâm đến lương dân rồi. Chúng đặt súng máy ngay trước cửa nhà dân và buộc trẻ con phải chơi quần quanh đầu đó vì chúng biết chắc rằng chúng ta sẽ chần chừ bắn trả lại vì sợ sẽ bắn nhầm dân. Chúng xây những hầm trú ẩn ngay trong khu dân cư đông đúc cũng nhằm mục đích đó. Vì vậy người dân thường bị vạ lây. Chúng ta đã rất cẩn trọng muốn tránh cho dân khỏi bị thương vong nhưng đôi khi lại là điều không thể nào tránh được!

Một dãy nhà trong bệnh viện, hồi xưa của Pháp, dành để cứu chữa những tên VC bị thương. Dĩ nhiên cửa ra vào, cửa sổ có chấn song nhưng cách cứu chữa thì không có gì khác cả. Nhưng dưới mắt những tù binh chiến tranh VC bị thương này, họ chỉ nghĩ là chúng ta sẽ tàn nhẫn tra tấn; thậm chí là hành hình họ mà thôi. Vì suy nghĩ lệch lạc như vậy nên chúng mới có thể đặt mìn ở chợ hoặc ném lựu đạn vào rạp hát đang đông người.

Tôi thực sự tin rằng những người biểu tình tuần hành đông đảo suốt nhiều ngày trước trụ sở Liên Hiệp Quốc và Tòa Bạch Ốc chán ghét chiến tranh. Tôi có hàng đồng lý do để chán ghét chiến tranh hơn họ nhiều. Chán ghét chiến tranh thì tại sao họ lại không gia nhập vào những chương trình cứu trợ y tế? Được huấn luyện một cách cấp tốc để cứu

người chớ không ai đòi hỏi họ phải giết người. Nếu họ có tình nhân loại tại sao họ lại không phụ một tay để cứu người? Đất nước này đang rất cần sự trợ giúp về y tế. Có ai dùng sức của mình, thay vì để mang, vác các áp-phích chống chiến tranh thì nên dọn dẹp các giường bệnh viện hay rửa rầy các vết thương đã bị nhiễm trùng chẳng?

Đây mới thực sự là hành động phản chiến. Những người này nên biết rằng những người VC anh hùng của họ không tôn trọng hòa bình. Họ đặt bom bệnh viện và gài mìn ngay cả xe cứu thương.

Tôi không hiểu được những tên khủng bố bừa bãi này nghĩ gì? Tại sao họ lại giết hại chính những đồng bào khốn khổ của chính họ mà miệng cứ ra rả là đang chiến đấu vì sự tự do.

Phản chiến theo cách tôi đề nghị có thể là nguy hiểm thật; ngoài ra khi họ rời đất nước, những trợ cấp an sinh của họ có thể bị cắt đi. Nhưng bù lại họ có được chút tự hào là đã làm một điều gì đó thay vì chỉ đi biểu tình hô hào chống đối suông.

Câu hỏi thường được đặt ra từ quê nhà là - khi nào sẽ chấm dứt chiến tranh? Tôi chỉ có thể đoán thôi, Alicia, nhưng chỉ ít ra cũng dựa trên sự quan sát suốt chiều dài của đất nước. Tôi đoán rằng việc ngừng bắn sẽ không còn xa nữa bởi vì chúng ta và các đồng minh của chúng ta có thể phối hợp nhau lại và đánh bại bất cứ đối thủ quân sự nào dám đối mặt với chúng ta. Nhưng một sự ngừng bắn mới chỉ là một sự bắt đầu. Trong cuộc hưu chiến lễ Giáng Sinh, cũng là một sự ngừng bắn, đã có hàng trăm vụ vi phạm hưu chiến nhưng không có cái nào do chúng ta cả. Đó không phải là sự kết thúc chiến tranh. Những tên VC trung kiên, chuyên nghiệp được huấn luyện trong tổ tam chế sẽ phá rồi đất nước. Chúng phải bị đánh bật ra từng tên một cho đến khi nào các xã, ấp có thể tự bảo vệ được lấy mình. Và điều này chắc phải cần đến một thể hệ. Nhưng bất cứ ai còn nghi ngờ rằng không thể làm được thì nên nhìn vào Nam Hàn. Chỉ trong một thể hệ mà một dân tộc đó đã thay đổi, tự hào, hiệu quả và tự tin. Binh lính của họ đã có mặt ở đây, ở

Việt Nam, cũng thiện chiến như bất cứ quân đội nào khác trên thế giới. Và điều gì đã xảy ra cho họ vẫn có thể xảy ra ở đây (Việt Nam) chứ - chắc chắn là như vậy! Nếu chúng ta vội vã rút quân hay quá ngu muội để so đo cái giá phải trả, chúng ta có thể thắng trận đánh nhưng lại thua luôn cuộc chiến.”

đoàn xuân thu.

melbourne.

(From STEINBECK IN VIETNAM: Dispatches from the War)

*Cần Thơ tỉnh lý của tỉnh Phong Dinh năm 1967, nằm trên bờ sông Hậu, cách Sài Gòn 169 km về hướng Tây.

* Sông Hậu

* Trại Yết Kiêu Hải Quân gần bên Ninh Kiều.

* Bệnh Viện Thủ Khoa Nghĩa Cần Thơ.



TRẦN HOÀI THƯ

Hãy để mẹ vào Nursing home

1.

Đã gần một năm từ ngày Y. bị khổ nạn. Bây giờ tôi đã quá quen với những lần bật dậy giữa đêm, hay những đêm chỉ vài tiếng nhắm mắt. Tôi đã quá quen với kinh nghiệm làm một nurse aid như thay quần thay áo, chăm sóc vệ sinh cá nhân... hay giúp Y. đi đứng ăn uống, vào xe, lên hay xuống

tam cấp, với chiếc gậy chống bốn chân.

Nhưng tôi vẫn chịu đầu hàng khi cố gắng làm kẻ physical therapy. Ôi, tôi đã từng là một người lính, quân trưởng dạy người lính bước một bước hai, đằng sau quay, đằng trước bước, thao diễn nghi... Chỉ một tuần là xong, là đều nhịp, là ngẩng đầu lên, mà bước ngay hàng thẳng lối. Vậy mà giờ đây, sao lại quá đổi khó khăn. Tôi không hiểu nổi.

Suốt ngày hôm qua, Y. cứ nằng nặc đòi vào lại Nursing home. Tôi đã tốn bao nhiêu nước miếng, có khi giận, có khi an ủi, có khi vuốt ve, để cố thuyết phục Y. rằng ở đó là địa ngục. Là ngôi nhà mồ chưa đóng cửa... Y., đã từng ở đó hơn một tháng và tôi phải ký giấy mang Y. rời khỏi nơi ấy sớm hơn dự định cũng vì cái lý do này. Ba lần Y. phải đổi phòng vì người ở chung phòng có bệnh phá phách hay ho suyễn cả đêm. Nếu không ho hay phá phách thì phóng uế hôi thúi đến ghê tởm. Vậy mà Y. lại đòi vào một lần thứ hai.

Thằng con tôi sau khi nghe mẹ nó nói lên cái ý định đã trách mẹ dữ dội. Y. nói với tôi: Nó hòa vào phía ba nó. Nó trách tôi. Nó bảo mẹ nên từ bỏ cái ý định điên rồ ấy đi. Đừng làm khổ ba nữa. Có ai như ba không?

- Rồi bà trả lời sao?

- I am só – ó – ó – ri. Y. nhấn ở chữ sorry và kéo dài như để bõn cợt. Thì ra tiếng nói của con còn mạnh hơn tiếng nói của chồng. Tôi nghiệm ra vậy.

2.

Vậy mà hôm nay tôi lại có mặt tại phòng xã hội của quận

hạt. Tôi có mặt để xin cho Y. được vào nursing home. Tôi có mặt để nói với bà cán sự xã hội rằng tôi đã bất lực. *I could not handle my job as a primary caregiver*. Tôi không thể cứu vợ tôi, dù tôi đã mang tất cả tình yêu thương và sự cam khổ chưa bao giờ có trong đời. Triệu chứng Pavlov đã thật sự reng reng trong tiềm thức mỗi đêm đúng vào khoảng 1 AM. Tôi nghe chuông kêu, và bật dậy, nhưng sau đó, tai cổ lẳng có phải là tiếng chuông là thật hay giả, để rồi biết mình bị gạt. Nhưng mà chuyện đó cũng không sao. Riết rồi cũng quen. Hơn nữa, cái công việc này đâu có gì là cực khổ mà phải than thở, so với những năm tháng tù tôi trong trại khổ sai.

Nhưng Y. lại không muốn vậy. Y. nói tôi đã khổ rồi, chẳng lẽ lại kéo ông theo sao?

Tôi biết phải nói làm sao trong khi tôi cũng thấy mình hơn một lần lão đảo?

Hôm qua tôi đến một nursing home gần nhà. Thấy phòng tập, thấy cảnh những người y tá, trợ tá đang tập những bệnh nhân. Thấy một ông lão bước từng bước với hai người phụ tá tập tành. Tôi nghĩ đây là một chỗ tốt cho Y được tập trong một thời gian mà tôi gởi gắm vài tháng, thay vì phải chờ Y đi tập tại những trung tâm physical therapy vô bổ sờ-tay-sờ-chân-đưa-lên-đưa-xuống chừng 10, 15 phút mục đích để lấy tiền medicare... Tôi vào văn phòng xin đơn từ nhập viện. Bà trưởng phòng chỉ dẫn tôi về cách thức xin nhập viện. Trước hết phải hoàn tất thủ tục PAS (Pre-Admission Screening).

Khi tôi ở trong nursing home thì Y. ngồi trong xe ngoài parking. Y. vui lắm khi tôi tả lại cái phòng tập physical therapy đầy rộn rịp... Y. giục tôi tới phòng xã hội của quận hạt để làm thủ tục càng sớm càng tốt.

3.

Một giờ trưa, một bà cán sự xã hội gọi tôi vào để phỏng vấn. Sau khi tôi trình bày mục đích, bà ta cho biết bà không biết gì về PAS, và nói là sẽ nhờ một bà khác có kinh nghiệm về việc này giúp tôi. Sau đó bà cán sự thứ hai gặp tôi. Bà ta nói là bà cũng không hề biết, nhưng sẽ gọi để hỏi cách thức, thủ tục.

Cuối cùng, họ chẳng giải quyết gì những yêu cầu của tôi.

Điều này chứng tỏ là rất ít - hay không có cũng nên - người làm đơn xin vào ở trong nursing home. Vì sao? Có phải nó là một nhà quan khổng lồ chưa đầy nắp? Có phải một khi vào đây là chấp nhận những ngày tháng quanh quẩn nhất, buồn bã nhất của một đời người? Có phải đó là nơi mà người ta bị bỏ rơi? Để người ta phải sợ mà điền đơn yêu cầu?

Còn chúng tôi thì sao? Tôi đang cần Y. và Y. cũng rất cần tôi mà!

Tôi cũng không biết làm sao nữa !

Viết về tính nhân bản trong văn học miền Nam thời chiến

Trần Hoài Thư

Hình như cây súng con lạ lắm

*hình như cây súng con lạ lắm
sao nó run lên khi đạn lên nòng
(Nguyễn Dương Quang)*

Một

Chúng tôi bắt đầu bằng hai đoạn thơ của Nguyễn Dương Quang cho bài tản mạn về tính nhân bản trong văn chương thời chiến được post kể từ hôm nay.

*dù đợi người qua trên lối chết
lạ sao tôi thấy rất băng khuâng
có rất nhiều điều thật khó nói
đêm sơ giao sẽ chỉ một lần*

*cỏ ơi, có thấy ai trên đồi
vẫn thường vác hận thù đi xuống?
mà sao ta thấy cỏ không vui
cỏ lạnh lòng hơn là sương mỏng*

(Nguyễn Dương Quang: Đêm kích dưới chân đồi)

Chắc khi đọc hai đoạn trên, có người sẽ phán, đại ý: Đánh giặc mà có trái tim Bồ Tát, trong khi kẻ thù thì hung hăng cuồng sát muốn thọc tim uống máu mình thì mình lại thương xót cho mạng sống của nó. Chả trách miền Nam bị mất là phải?

Vâng. Có thể lời buộc tội kia là đúng. Nhưng không thể trách người lính của chúng ta được. Bởi người lính ấy đã học, không phải bằng những bài học căm thù, bằng những sự dối gạt, phỉnh lừa, bằng sự mê muội cuồng sát từ những bộ óc chỉ biết máu me, mà trái lại, từ lòng từ bi của Phật, tính bác ái của Chúa, từ những lời ru ca dao ca ngợi tình người, hay những bài học về đạo làm người...

Nhưng mà, với những câu hỏi băng khuâng ấy, người lính đâu có bao giờ bỏ cuộc? Hãy nghĩ lại đi: Khi người lính băng khuâng, người lính đang ở đâu, làm gì? Đang ở trong tháp ngà, ở những nơi an toàn, những hậu phương ăn chơi mặc ai chết sống? Hay là đang thật sự đối diện với kẻ thù? Anh đang nằm đợi giặc. Anh đang ở tuyến đầu. Anh đang mở tròng mắt trong cõi đêm. Xung quanh anh là cõi dữ. Thần trí anh căng thẳng. Tai anh cố lắng nghe tiếng động. Anh cố phân biệt tiếng động của con chuột, con chồn và tiếng động của bước chân. Lâu lắm. Khóa an toàn đã mở. Mìn claymore đã chờ chực đón chờ. Không phải chỉ một mình anh mà một tiểu đội hờm sẵn. Anh cố gắng căm thù thẳng giặc. Nhưng đêm tối anh không thể hình dung ra. Căm thù. Căm thù gì. Nếu căm thù là căm thù cái bọn khốn nạn ở đằng sau đã xúi đã dùng những mỹ từ những nhân danh đẹp để để đẩy đưa người trẻ tuổi miền Bắc vào Nam. Để trở thành con mồi. Để anh phải giết hấn. Anh phải nhắm ngay vào đầu, vào tim, vào ngực hấn. Vậy mà anh vẫn chấp nhận. Chấp nhận như bạn bè anh chấp nhận. Chấp nhận bởi vì chẳng có con đường nào trừ cái cổng vào trại lính và ra ngoài chiến trường. Chấp nhận để buổi chiều mang súng xuống đồi cùng đám con làm chốt bảo vệ cho kẻ khác được sống. Nhưng mà, xin các người đừng lên mặt

đạo đức, luân lý giáo khoa thư. Trước khi phán xét, xin hãy mang poncho, ba-lô thử về nằm một đêm trên gò mả, dưới mương rạch, để hiểu về ý nghĩ của người lính. Ôi đêm thì quá dài, dài vô tận. Xin hãy cho anh được quyền nghỉ. Hãy cho anh phần nợ. Hãy cho anh nhớ đến người yêu. Hãy cho anh được nói lên cái run sợ khi anh biết rằng anh được lệnh phải thực hiện một nhiệm vụ quá ư nguy hiểm. Hãy cho anh có quyền thương xót một mạng người. Hãy cho anh dùng thi ca văn chương để giải thoát những gì mà trái tim anh đang nói, đang kể. Tim anh không phải là tim thép. Miệng anh câm nín không có quyền nói lên ý nghĩ tuổi trẻ của anh thì hãy cho tim anh được nói mà.

Trời ơi! Buổi sơ giao của chúng ta sao mà bi thiết. Vì ai. Đến cổ còn đau. Cổ còn phải buồn ngán màn sương lệt:

*mà sao ta thấy cổ không vui
cổ lạnh lòng hơn là sương mỏng*

Vì sao?

Nói như Mai Thảo:

Người lính của chúng ta hiền quá. Hiền thật. Làm thế nào được. Dân tộc ta hiền, mãi mãi hiền, mặc dầu đã hai mươi năm lâm trận. [2]

[1] Thơ miền Nam trong thời chiến tập I, Thư Ấn Quán xb tại Hoa Kỳ 2009

[2] Mai Thảo - *Giới thiệu truyện ngắn Bệnh Xá Cuối Năm của Trần Hoài Thư* (tạp chí Văn ngày 1-3-1972)



Hai

Không phải những câu thơ đầy tình người của Nguyễn Dương Quang là những câu thơ hiếm. Trái lại chúng bằng bạc khắp cùng thơ văn miền Nam nhất là thơ văn của những người mang bộ đồng phục.

Đối với người lính, cây súng là một vật bất ly thân cần phải có bên mình. Súng là vợ, đạn là con. Trong quân trường chúng tôi vẫn hằng nghe những lời nhắc nhở của các huấn luyện viên. Ra đơn vị, trước khi “làm ăn”, đơn vị tập hợp, người trung đội phó trình diện, người trung đội trưởng kiểm soát lại súng đạn sợ thuộc cấp vì ngại nặng mà bỏ bê. Nhưng khi khẩu súng đã khoác lên vai, đã cầm trong tay, thì nó được nhìn bằng hai cách khác biệt giữa văn chương miền Bắc và văn chương miền Nam:

Trong văn chương miền Bắc, thời chiến, súng được xem như một biểu tượng cho một nhiệm vụ thiêng liêng hãn diện. Cầm phải cầm chặt. Nhắm phải nhắm trúng, càng hạ nhiều quân thù càng tốt. Như bài thơ ngợi khen của “Bác Hồ” về chiến công một tiểu đội 11 dân quân gái đánh tan một tiểu đoàn lính Mỹ, dùng súng trường hạ 4 xe tăng (!):

“Đồng dục tay cầm khẩu súng trường/ Khôn ngoan dàn trận khắp trong phòng/ Bác khen các cháu dân quân gái/ Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương.”

(nguồn: Internet)

Súng không còn là một phương tiện để tự vệ nhưng được nhắc nhở đến một nhiệm vụ cao cả:

*Chiếc bàn ngời học năm xưa
Con về ngời đầy, trước giờ xuất quân
Vở xưa soạn lại tản ngân
Sách xưa tay sẽ lật dần từng chương
Cây A.K dựng bên tường
Lặng im như nhắc: chiến trường chờ con*
(Chê Lan Viên – súng bên bàn)

.....
*Xóm dưới làng trên, con trai con gái
Xôi nắm com đùm riu rít theo nhau,
Súng nhỏ súng to chiến trường chật chội,
Tiếng cười hăm hở đầy sông đầy cầu.
Bộ đội dân quân trùng trùng điệp điệp
Chào nhau không kịp nhớ mặt
Dò hò nón vẩy theo ...*
(Chính Hữu)

.....
*Anh trình sát hy sinh trao lại tám bản đồ
Anh xung kích hy sinh phát cao cờ chuẩn
Xin Hùng hãy trao cho mình khẩu súng
Trận đánh vẫn còn tiếp diễn, Hùng ơi!...*
(Nguyễn Đức Mậu)

Tôi nghĩ trích dẫn mấy bài thơ trên cũng đủ để chúng ta có cái nhìn về văn chương miền Bắc. Chúng chỉ có rập khuôn với chừng nấy ý: xem việc cầm súng là nhiệm vụ thiêng liêng, xem việc giết kẻ địch càng nhiều càng tốt là niềm hãnh diện. Thơ chính là một vũ khí không hơn không kém.

Còn cây súng trong văn chương miền Nam thì sao?

hình như cây súng con lạ lắm
sao nó run lên khi đạn lên nòng

*tâm hồn nó như tâm hồn con vậy
 một kẻ nằm, kẻ đứng, xót xa không ?
 (Nguyễn Dương Quang - Đêm cuối năm viết cho má) [1]*

Nó không phải là một biểu tượng của chiến công, hay một nhiệm vụ thiêng liêng, mà ngược lại, nó như que củi khô:
*buổi chiều những bà mẹ run rẩy thấp hương đốt nến và thu
 hai bàn tay lên mặt đã ướt như mặt ngói mùa mưa đầy rêu
 xanh
 những cây súng nằm hiền lành như những cành củi vung
 vãi, ghéch mũi lên trời thở hơi khét.
 (Nguyễn Phan Thịnh – Những ngày nội chiến) [1]*

Súng chỉ là một phương tiện để tự vệ:
*ta mang súng trường tưởng sẵn chim sẵn chuột
 một đôi khi ta lỡ đại sẵn người
 ta biết chắc Phật Trời không chấp nhất
 không bắn người người cũng bắn ta thôi
 (Nguyễn Sinh Từ – Trần Tình) [1]*

Súng không phải mang lại niềm vui mà ngược lại:

*viên đạn tròn trong nòng
 khóa an toàn đã mở
 xin anh em vui lòng
 xin bạn bè hờn hở
 mừng tôi giờ chiến công
 trái tim nào nát vỡ
 anh em nào thấy không ?
 (Phan Nhựt Thức – Hòn đạn) [1] [2]*

Cũng có khi, súng dùng để trút nỗi lòng tâm sự thâm kín.
 Tay súng làm sao mà giữ lấy em?

*ôi gió nào lên buồn mang mang
 cát hoang cồn bãi hàng theo hàng
 trái tim nghe đã mềm tay lựa*

thơ cũng vàng trưa nắng hạ vàng
 phương này trời dựng cao mong nhớ
 đầu gối ba lô hồn phiêu bồng
 thương em lòng rợp che đường nhỏ
 tình trái xanh giòng sông tiếp sông
 phương ấy giờ em nghiêng nón che
 chiều tan học thả mộng sang hè
 vu vơ giăng tuổi rong đường phố
 nỗi tình e cũng đã sương che
 ta đêm phục kích ngày lòng giặc
 tay súng làm sao giữ lấy em
 mười nhánh sông trôi vào nghi hoặc
 muốn hỏi nhưng đành im lặng im
 buồn lắm em ơi nào hiểu không
 ở đây vết lệ giòng tuôn giòng
 phương kia thành phố vui bề bạn
 có nghĩ gì ta một nẻo mong ?
 sơn hội (buổi dừng quân tháng ba)
 (Phan Nhự Thức – Nỗi tình trên súng) [1] [2]

Nhắc đến súng là nhắc đến sự sống và chết cận kề. Đó là ám ảnh. Để người lính viết sẵn di chúc:

Tôi vẫn lo sợ nếu mai kia tôi chết đi
 Một viên đạn làm vỡ tan lồng ngực một trái phá vô tình xé
 thân thể tôi thành nhiều mảnh thịt nhầy nhựa đất đen. Mất
 tôi sẽ phải nhắm lại, miệng tôi sẽ phải câm lặng muôn đời,
 trí óc tôi sẽ không còn suy nghĩ thì làm sao người ta có thể
 biết được tôi muốn nói gì trong óc.
 Tôi muốn rằng nếu mai này tôi có rủi ro nằm xuống
 Xin người ta đừng khoác lên linh hồn tôi quá nhiều danh
 từ vĩ đại
 Xin đừng bắt tôi cúi đầu nhận chịu những vương miện
 những vòng hoa đổi lấy cuộc đời
 Cũng xin hãy đừng truy niệm tôi bằng giây phút trống
 rỗng trong tâm hồn những người còn sống.
 Đừng làm gì hết cả – đừng khóc cho tôi hỡi người yêu nhỏ

bé hãy để dành nước mắt cho những mối tình dang dở.
 Những người thân còn lại bên bờ cuộc đời hãy nghe đây:
 - Ta không cần các người đưa tiễn, ta không cần các người
 xót thương.

Ta không cần những hình thức những lễ tán phong những
 hình ảnh đời người đã chết.

Ta đi đây – ta chiến đấu cho các người giành cơm giành
 áo, giành tiền bạc sang giàu.

Ta, ta giành từng chút hơi thở thiên thần, từng mảnh trời
 không bị cắt xén không bị che kín bởi màu đỏ của máu lửa
 màu đen của đêm tối màu trắng của tang tóc.

Ta giành lại từng tấc đất yên lành cho những bước chân
 không còn sợ gì gai góc.

Ta giành lại ánh sáng công viên lối đi sỏi đá bóng mát cho
 những cặp tình nhân chưa biết gì về cuộc đời giả dối.

Ta giành lại sách vở bút mực loài đã thú muốn chiếm đoạt
 về cho các em – các em có thể dùng để viết những danh
 ngôn những bài thơ ca tụng ái tình hay làm gì tùy ý.

Ta xin giành lại những khung trời cổ tích những nàng tiên
 ngoan hiền thần thoại

về cho những khuôn mặt trẻ thơ.

Ta xin giành cho những người già cả mở tháng ngày còn
 lại yên lành như lòng nôi của mẹ.

Và cuối cùng ta giành lại cho người yêu nhỏ bé những giọt
 nước mắt vui mừng những vòng tay ân sủng những nụ cười
 không hề tính toán những đêm nằm ôm gối mà chẳng biết
 cô đơn.

Để chấm dứt bản chúc thư ta xin – Nếu ngày mai ta chết
 hãy đốt lấy thi hài ta rải cùng mặt đất để cho mỗi nơi có
 một hạt bụi rơi xuống sẽ mọc lên một mầm **Thương Yêu**.
 (Phù Vân – Chúc thư) [1]

Dù cây súng là một vũ khí dùng để giết người, nhưng trong
 thi ca miền Nam, chúng ta nhận ra nó đã mang theo một ý
 nghĩa của sự bắt buộc, chẳng đáng dùng: *Ta bắn người vì
 người bạc phước/ Chiến tranh này chỉ một trò chơi* (thơ
 Nguyễn Bắc Sơn)

Súng cũng làm đậm nét thêm tình người, lòng nhân đạo:

*nó bị thương
bị bắt sống
mọi người đòi giết nó:
nó núp trong hầm
với một khẩu tiểu liên
cầm chân cả trung đội:
nó bắn ngã chúng tôi một người
bắn bị thương hai người khác
tôi đọc nét căm hờn
trên những khuôn mặt đồng đội
mọi người đòi giết nó
tên du kích vùng khốn nạn
gài lựu đạn lùm cây bờ ruộng
giết những người bắt cá mò tôm
nó nằm đó
mình bết bùn
máu cánh tay nhầy nhựa
tránh những tia nhìn nổ lửa
những bóng súng gờm gờm
nó nằm chờ
một phát súng vào đầu
một lưỡi dao rạch bụng
một cái đạp xuống hố sâu
nó nằm chờ nằm chờ
tử thần*

(Trang Châu: Nước mắt kẻ thù) [3]

Đối với văn chương miền Bắc, súng đồng nghĩa với chiến công. Nhưng đối với văn chương miền Nam, chiến công là:

*nhưng
chỉ có bàn tay vuốt dịu căm hờn
bàn tay băng bó vết thương
bàn tay vỗ về an ủi*

*nó nằm chờ tử thân
 sững sờ bất gặp tình thương
 đồng loại
 đôi mắt sát nhân vụt bỗng hiện từ
 nhen hai dòng lệ nhỏ
 Trong cuộc chiến hôm nay
 cho tôi xin chiến đấu không hận thù
 xin những vết thương bình đẳng
 cho tôi đổi một trăm chiến thắng
 lấy một giọt nước mắt kẻ thù
 (Trang Châu: Nước mắt kẻ thù) [3]*

Kể chuyện về cây súng là kể một chuyện dài. Chỉ xin được
 trích lại một số thơ tiêu biểu. Và để bạn đọc phán đoán về
 văn chương hai miền. Để có câu trả lời về một nền văn
 chương đích thật.
 Tùy bạn.

[1] Thơ miền Nam trong thời chiến, Thư Ấn Quán sưu tập
 và xuất bản 2009

[2] Đốt Tuổi, thi phẩm của Phan Như Thức, Thư Ấn Quán
 tái bản

[3] Thơ tự do miền Nam, Thư Ấn Quán sưu tập và xb,
 2009



Ba

Thơ miền Bắc, có bài hay, tôi công nhận. Ví dụ bài **Về
 Tiểu Đội Xe Không Kính** của Phạm Tiến Duật có những
 đoạn như thế này:

...

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

*Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái*

.....

*Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*
(nguồn: Internet)

Hay từ chữ, và hay đến cách ví von. Hay cách biết biến những chữ chết, khô thành những chữ sống. Hay ở chỗ là tác giả biến nỗi gian khổ thành niềm hạnh phúc. Hiểm nguy thành nỗi can đảm và khinh mạn. Và hay ở tinh thần đồng đội được thấp sáng.

Đọc bài thơ, mới thấy rõ về sự khác biệt rất lớn giữa hai giọng thi ca Nam và Bắc. Trong văn thơ miền Bắc, trái tim chỉ biết tới một con đường duy nhất, là con đường vào Nam, để chiếm cho được miền Nam. *Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim*. Nó không nghèo nàn, quanh co. Nó là cái mục đích tối hậu, mà cả một miền Bắc, bấy giờ, dồn mọi nỗ lực để đạt cho được. Nó là chân lý. Cái chân lý do đảng đặt ra, và cái câu “miền Nam ở trong trái tim tôi” của Hồ Chí Minh. Con đường ấy đã vui biết bao nhiêu người trẻ tuổi, chắc có nhiều người còn mang theo bên mình bài thơ của Phạm Tiến Duật. Con đường ấy đã đẩy đầy những hồ bom B52 và những người chết vì bị sức ép của bom làm học máu mồm, máu mũi. Con đường ấy đã làm cho những người lính thám kích chúng tôi phải rụng tim nghẹt thở để báo cáo về Bộ chỉ huy hành quân. Những ngày thì im lặng ghê rợn, nhưng về đêm thì đèn nổi đèn, xe nối xe vận chuyển đạn dược vào Nam. Và tiếng dội vang động cả một đường kính vài cây số từ trong cánh rừng già vọng đến. Con đường ấy đã dựng xong. Xe đã đến đích... Vâng, miền Nam thua. Văn hóa miền Nam bị truy diệt. Người miền Nam bị tù tội đọa đày. Nhà phố miền Nam bị chiếm

đoạt. Bầu trời của miền Nam bị cướp đi màu xanh. Và lịch sử trả lời. Trả lời cho con đường đi thẳng vào tim đây. Nó chạy ra biển. Nó là mặt lộ nhưng là con đường cứu rỗi của Noé thời đại này.

Bây giờ một câu hỏi. Những nỗi cam khổ gian nguy ấy, những cái giá rất đắt ấy, những ngôi mồ lớp lớp hàng hàng ấy, đã được đền bù cho con đường mình chọn, mình đặt vào trái tim không? Thơ có phải là một sức mạnh như Napoléon từng xem một cây bút là một sư đoàn không hay là một đồng lõa của tội ác?

*Biên cương biên cương chào biên cương
Chào núi cao rừng thăm nhiều nương
Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt
Núi chập chùng như dãy mồ chôn
Gió, gió Lào tanh mùi đất chết
Thối lếp rừng già bạt núi non
Mùa khô tới theo chân thù địch
Ta về theo cho rậm chiến trường
Chiến trường ném binh như vãi đậu
Đoàn quân ma bay khắp bốn phương
Lớp lớp chồm lên đè bẹp núi
Núi mang cao điểm ngút oan hồn
Đá mang dáng dấp hình chinh phụ
Trơ vơ chóp núi đứng bóng con
....*

*Thôi em, yêu chi ta thêm tội
Vô duyên xui rơi lược vỡ gương
Ngày về không hẹn ngày hôn lễ
Hoặc ngày ta nhắm mắt tay buông
Thôi em, chớ liều thân cô phụ
Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường
Nơi nơi lạnh trăm dòng sông Dịch
Kính Kha đời nay cả vạn muôn*

*Há một mình ta xuôi biên tái
 “Nhất khứ bất phục phản” là thường!*

*Thôi em, còn chi ta mà đợi
 Ngày về: thân cạn máu khô xương
 Ngày về: hôn lễ hay tang lễ
 Hề chi! buổi chinh chiến tang thương
 Hề chi! kiếp cây rừng đá núi
 Nghìn năm hồn quanh quẩn biên cương.*

(Phạm Ngọc Lư – Biên Cương Hành) [1]

Trong một cuộc chiến kinh hoàng đến độ: *Chiến trường ném binh như vãi đậu/ Đoàn quân ma bay khắp bốn phương* như vậy, nhưng chúng ta chẳng bao giờ tìm được trong văn chương miền Bắc một giọng, một câu để có thể diễn tả trung thật về cuộc chiến. [2] Trong khi đó, trong thơ văn miền Nam, thì khác. Người viết vẫn làm thơ không thể giả cảm, giả điếc, giả mù để giết đi trái tim của mình.

Nguyên Sa đã có những bài thơ tình mà miền Nam rất mến mộ như bài **Áo lụa Hà đông**, vậy mà ông phải ăn năn hối hận cho những nhầm lẫn dĩ vãng của mình:

*bây giờ nằm kích ở ven ruộng sương xuống ướt vai
 bây giờ đứng gác đêm ở rừng già gió lạnh thấu xương
 ta mới biết rằng sương lạnh như thế
 ta mới biết rằng gió lạnh như thế
 ta muốn kêu to lên ta là thằng dốt nát
 ta là một thằng dốt nát
 vì mỗi ngày trong mười mấy năm dĩ vãng
 ta không viết lên giấy trắng mực đen cho những người yêu
 thơ ta biết
 anh em ta và quê hương ta đã đứng như thế từ bao nhiêu
 năm*

....

hãy tha thứ cho ta
 những anh em đã chết
 những anh em chết ở bờ ở bụi
 những anh em chết ở đồn vắng trong rừng sâu
 những anh em chết khi đi di hành
 những anh em chết khi đi phục kích
 những anh em chết mặt đẹp như hoa
 một ngàn lần hơn ta
 cũng chết
 những anh em học giỏi như thần đồng
 một ngàn lần hơn ta
 cũng chết
 những anh em có vợ mới cưới chẵn gót còn thơm
 cũng chết
 những anh em có người tình viết thư nét chữ còn run
 cũng chết
 những anh em con cái còn nhỏ hơn con cái ta
 cũng chết
 những anh em mẹ già còn yếu hơn mẹ già ta
 cũng chết
 những anh em đáng sống một ngàn lần hơn ta
 đã chết
 đang chết
 và còn chết
 hãy tha thứ cho ta
 8/1967

(Nguyễn Sa: *Xin Lỗi Về Những Nhầm Lẫn Dĩ Vãng*)

Ôi, chỉ những câu thơ ca ngợi về tình yêu thuần túy để
 thăng hoa cái đẹp cho đời như áo nàng vàng anh về yêu
 hoa cúc/ áo nàng xanh anh mến lá sân trường... chỉ những
 câu mà xét ra không có gì đáng tội để phải ăn năn, vậy
 mà nhà thơ còn cảm thấy ăn năn hối hận và xin lỗi về
 những nhầm lẫn của dĩ vãng, đủ biết tiếng nói của con tim
 – ở đây là lương tâm – là mạnh mẽ đến chừng nào.

Còn ở miền Bắc, không biết có nhà thơ nào còn có lương tâm giống như nhà thơ Nguyên Sa không?

oOo

Vâng trái tim, tức là tình người, là nghe nó đập, kêu gào, phẫn nộ, nó vui buồn đau khổ và hạnh phúc. Thấy dân oan mà thương, thấy tội ác mà lên tiếng. Không khuất phục trước những đe dọa và bạo lực.

Trong Cõi Đá Vàng [3], nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm đã dành cả một chương để nói lên niềm cảm tạ trái tim của con người. Bà đã dành hầu như hết những con chữ đẹp nhất óng ả nhất để ngợi ca thi ca.

....

Đêm vừa tàn, trời mưa vừa tạnh, em bàng hoàng, chơi vơi vì anh vừa thốt tiếng chia ly. Em cuống quýt, mê man vì đau đớn, em nguyện cầu xin Trời hãy cho mưa trút nước cho thành lụt, cho khỏi con thuyền cách bến sang. Nhưng rồi anh cũng ra đi, anh rời khỏi vòng tay em, dấn thân vào vòng đam mê, đồ tơi rùng rục lừa dối bạo tàn. Anh đi rồi, em vẫn còn ngồi mãi bên bờ sông khóc tận chiều, em khóc cho mối tình không chắc, lệ có vơi cùng đau khổ quạnh hiu, tiễn anh dạo này mùa thay lá, mai ngày nếu anh hy sinh trước hay em trước, ta nguyện ôm mộ chôn kiếp yêu.”

Tiếng ngâm của Huỳnh bỗng trở nên khờ dại:

*“Lòng em là mẹ bầy con dại
Mẹ bé mọn côi khổ rất nhiều,
Lòng khổ đi tìm thương xót khổ
Khổ trần xin hợp bến nâng niu.”*

“Này, hãy nghe đây, có một nước cộng đồng. Ở đó có nghìn Chúa bay lên, nghìn Chúa xưng tên, không thiết nhìn nhau, rằng đó là nhau.

Này, hãy nghe đây, ở nước cộng đồng người người đều no

*lành, sức người không hề nghèo, hoa đời không hề tàn.
 Đây, đây, hãy nghe đây, ở nước cộng đồng đầu đầu quảng
 mười vàng thân trí, người người quảng mười vàng từ bi.
 Đây, đây, hãy nghe đây, người hãy gắng sức đi tìm một
 nước cộng đồng như thế trên vũ trụ biến động khôn lường
 này.”*

*Đó là những điều mà Huỳnh đã gói gắm trong thơ của
 anh. Tiếng ngâm của Huỳnh vang vang niềm ưu ái xót
 thương.*

*Lời thơ như hơi thở cuội xuống thổi đi chút bụi mờ trên
 giòng đá khắc, khuôn mặt Huỳnh ẩn hiện dưới ánh đèn
 dầu khi mờ khi tỏ, râu tóc phủ kín mặt anh chỉ để lộ sống
 mũi cao và đôi mắt ngời ngời một nỗi bi thương giữa một
 thế giới hoang tàn. Huyền xúc động sâu xa, một chân trời
 vừa mở trước tuổi thơ thần thánh có những suy tưởng đam
 mê đến cùng cực. Từ bao lâu Huyền đã buông mình trôi
 bèo bọt trong đó, có một cái gì trong Huyền từ chối một
 sự thức tỉnh, nàng biết rằng đàng nào cũng chỉ đưa đến
 một sự giằng co rách nát tâm hồn mà thôi.*

*Trong muôn ngàn mở cảm nghĩ hỗn độn đau buồn đó,
 Huyền mơ hồ nghe những tiếng thơ của Trần nổi tiếp.*

*“Mưa rừng. Ngày này qua ngày khác, những cơn mưa kéo
 dài lê thê dưới bầu trời nặng trĩu mây đen. Cả vũ trụ ướt
 sũng vấy hăm lầy ta. Rừng sâu rập mình dưới cơn mưa
 ngàn thác lũ, không một lời chim vọng lại, bao lâu ta thức
 trong lòng lá, nghe suối trường thiên kể nỗi niềm.*

*Rồi một ngày, mây đen dần thành hàng theo gió bay đi, mở
 hé một mảnh trời xanh như thoáng hiện thiên đường, có tia
 nắng lọt qua kẽ mây chiếu xuống khu rừng một chớp lóe
 tinh khôi. Tức thì rừng sâu xao xác, vạn vật cựa mình, ta
 nghe muôn ngàn tiếng chim trỗi lên lành lốt.*

*Đột nhiên tiếng chim tắt nghẹn, vạn vật im lìm, rừng
 thiêng cuội lặng, ta lạ lùng chẳng hiểu từ đâu, ngẩng trông
 lên, tia nắng phình phờ không còn nữa, bầu trời giăng
 giăng một màn mây xám xịt.*

*Tia nắng đã có ma lực sai khiến chim rừng mừng hão vội
 ca vang, từng tràng lanh lảnh nhưng rồi ngậm, ta ngẩng*

trông trời xám sắc mây!!!”

“Em nằm đó, đất ẩm êm ôm áp da thịt tươi nồng của em. Mồ thì xanh, xanh quá, lá say đời. Hàng cây lá lướt thướt nghiêng xuống mồ em, rõ lên thì thể còn xanh của em những hạt lệ tao phùng. Đêm đêm, có ánh sao khuya bằng mình qua hàng ngàn thế kỷ đến đậu trên hàng mi em, trên mắt em khép kín một giọt sáng long lanh.

Em nằm đó, thời gian ân cần đón nhận em vào lòng Mẹ Thiên Thu. Em buồn chi em, có anh, người thi sĩ quỳ xuống bên em, có môi anh hôn lên vết thương se sắt của em, có môi anh hôn lên đầu mũi tên tẩm độc, có bàn tay anh vuốt mặt cho em, bàn tay anh xin em xóa hết hận thù.

Trả lại cho thể nhân bao cảm hôn phi lý, trả lại cho người ngọn lửa dữ hung tàn. Bao kinh hoàng đớn đau xưa không còn nữa, xin em rửa lòng thương lũ người quay lại giày xéo lên nhau.

Đồng loại em đánh đuổi em ra khỏi cuộc đời, em nằm xuống đây, Đất Trời giao hòa thương mến, em nằm xuống đây, yên hàn thư thái, đợi chờ đồng loại thoát kiếp u mê, trở về cùng em trong lòng hư vô bất tuyệt.”

Tiếng thơ đã dứt từ lâu, mọi người chưa hết bàng hoàng. Gió lộng từ trời cao xoáy sâu xuống lòng biển rộng, bùng lên một âm ba chấn động khiến không gian khép nép.

Ngọn đèn dầu khô cạn, không ai buồn nói năng. Huyền kinh ngạc đến toàn thân bất động, có cái gì đâu đây, một ý thức vạm vỡ của kiếp sống, có một điều gì đó, lần đầu tiên trong tâm trí non nớt của Huyền bỗng nhiên thấy mình trở nên cao cả, vĩ đại vô cùng. Huyền nhìn quanh những khuôn mặt đều trở nên gần gũi thân thiết biết bao.

Đêm nay tâm hồn Huyền chùng xuống, cảm thông với cõi miền vô cùng vô tận. Đêm nay giữa lòng quê hương chiến tranh hận thù chất ngát, người thơ đã vượt muôn trùng, giữa sóng gào gió thét, mang về một chút bình yên trong lòng người thế hệ.

Trong suốt cả hơn 400 trang, chúng tôi đã thấy rõ nở lên những búp sen búp súng về cái Đẹp ấy giữa những đầm lầy của dối trá, tội ác, máu me và thống khổ của một dân tộc mà người CS đã làm mưa làm gió.

Nói như nhận xét của nhà văn Khuất Đầu, sau khi chúng tôi chuyển file đến anh để chia sẻ niềm vui chung:

...Đó chính là thông điệp gửi tới người đọc, rằng tình yêu vượt thoát lên trên tất cả, tình yêu chiến thắng cái ác và vĩnh viễn bất diệt.

Vậy nên, đừng xếp chị vào những nhà văn chống cộng mặc dù tác phẩm là một bản cáo trạng rất chân thực và sâu sắc, bởi vì đứng trên đỉnh cao của tình yêu, chị nói tới cái Đẹp viết hoa của chính con Người.

Xin được cảm ơn nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm.

Xin được cảm ơn miền Nam ân nghĩa đã cho chúng tôi có cánh cửa mở sau những bức tường.

Trần Hoài Thư

[1] Giai phẩm Văn tháng 10, 1972. Thơ miền Nam thời chiến, Thư Án quán Hoa Kỳ 2005

[2] Chỉ sau này trong tác phẩm Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh, ta mới được đọc, hay bài thơ của Chế Lan Viên ăn năn về việc thơ ông đã gián tiếp giết biết bao nhiêu người trong trận Tổng Công Kích Mậu Thân.

[3] Nguyễn thị Thanh Sâm – Cõi Đá Vàng, truyện dài, An Tiêm xuất bản 1972, Thư Án Quán tái bản 2012

Viết về tính nhân bản trong văn học miền Nam thời chiến

Vài suy nghĩ :

Có phải Văn Học Miền Nam Trong Thời Chiến Là Một Loại Hình Văn Học Đích Thạt ?

(viết theo cảm nhận không phải phê bình)

Phạm văn Nhàn

Sau hiệp định Genève 1954, chiến tranh Việt Pháp chấm dứt sau một thời gian dài dưới sự đô hộ hà khắc của thực dân Pháp. Việt Nam chia đôi thành hai miền Nam và Bắc từ vĩ tuyến 17, và rồi sau đó hai năm (1956) sẽ thống nhất đất nước do dân bầu chọn chế độ. Nhưng việc đó không bao giờ xảy ra cho đến tháng 4-1975, chiến tranh mới chấm dứt, thống nhất đất nước hai miền.

Sau năm 1954, Pháp đi Mỹ đến, tạo nên trên mảnh đất nhỏ bé này một cuộc chiến khác. Cuộc chiến mang ý thức hệ giữa hai miền gọi là: Quốc Cộng. Hơn hai mươi năm (1954-1975) dưới áp lực của ngoại bang đất nước lâm vào cuộc chiến tàn khốc với hai ý thức hệ này. Tuy nhiên, dù gì thì sau hiệp định 1954 với khoảng gần một triệu người miền Bắc di cư vào Nam. Trong số những người di cư vào Nam có những nhà văn, nhà báo, những sinh viên đã thổi lên một ngọn gió mới cho nền văn học miền Nam. Một nền văn học mang ít nhiều tự do hơn: nghệ thuật vị nghệ thuật đối nghịch với nền văn học miền Bắc: nghệ thuật vị nhân sinh.

Nguồn gió mới văn học vị nghệ thuật ấy đã mang nhiều

sắc thái đích thực hơn, phóng khoáng hơn, tự do hơn du nhập nhiều màu sắc văn học: dịch thuật, sáng tác từ phương Tây. Gây nhiều sự thích thú cho người đọc miền Nam sau cuộc chiến chống Pháp mòn mỏi và oằn người. Không những ở giới có học, mà ngay cả những người lao động bình thường như những người đập xích lô, kéo xe lôi chở hàng ở ngay Sài Gòn hay các tỉnh lẻ, có chút thời giờ rỗi rảnh họ cũng tìm đến một bóng mát nào đó để đọc báo (nhật báo). Mới thấy được một miền Nam sinh động báo chí và sách vở như thế nào. Tôi nghĩ miền Bắc sau năm 1954 cho đến 1975 không có. Bởi sự kiểm duyệt chặt chẽ hơn. Nghệ thuật phải vị nhân sinh. Sáng tác phải dưới sự chỉ đạo của Đảng, không ai tự cho mình làm “vị nghệ thuật” được. Như một ngọn lửa mới nhóm lên của những nhà văn có đầu óc tự do phóng khoáng một chút là bị tiêu diệt ngay. Phong trào: **Nhân Văn Giai Phẩm**.

Miền Bắc tiêu diệt phong trào này, thì ngược lại miền Nam được phổ biến rộng rãi. Đồng ý có sự tuyên truyền của nhà cầm quyền. Nhưng văn thơ trong Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP) đã đi vào quần chúng miền Nam một cách rộng rãi, được nhiều người ngưỡng mộ với những tác giả: Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Cung, Lê Đạt. Sự ngưỡng mộ những nhà văn, nhà thơ trong nhóm NVGP đến với người đọc miền Nam tự nhiên, chân thành. Nhất là trong giới học sinh và sinh viên, không phải nặng về bởi cái loa tuyên truyền của chính quyền thời đó. Tuy nhiên, nói gì thì nói văn học miền Nam vẫn đa dạng từ văn, thơ, nhạc. Cho nên ngay cả những bài hát có từ thời kỳ cách mạng tháng 8 thường gọi là nhạc tiền chiến trong Nam được hát tự do, thoải mái. Không như ở miền Bắc ngăn cấm. Dù những tác giả đó từ miền Bắc.

Nhìn chung, sau hiệp định Genève chia đôi hai miền. Dù gì những năm đầu miền Nam vẫn còn yên ổn, thanh bình trong khoảng thời gian từ năm 1954-1960. Cho tới tháng 12/1960 Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam mới hình thành, thì miền Nam cũng chỉ có những trận đánh nhỏ

lẽ tẻ, dọn đường. Nền văn học miền Nam lúc này, các nhà phê bình văn học chính quy gọi nền “văn chương đô thị” do những lớp nhà văn, nhà báo di cư sau 1954 cùng với những nhà văn nhà báo trong Nam thời kháng chiến chống Pháp. Lớp trẻ thanh niên, sinh viên chưa lên đường nhập ngũ. Không khí thanh bình nơi phố thị vẫn còn, ngay cả nông thôn. Nhưng đến giai đoạn 1963-1975 rõ ràng là cuộc chiến khốc liệt hơn, sau khi quân đội Mỹ đổ bộ lên cửa biển Đà Nẵng. Lớp thanh niên sinh viên lên đường nhập ngũ nhiều hơn, đối diện với chiến trường nhiều hơn là ở thành phố. Theo nhận xét của tôi, hầu hết thanh niên sinh viên vào lính đều ra chiến trường. Cũng có những nhà văn, nhà báo khoác áo lính, nhưng lại ở quanh quẩn Sài Gòn, cầm súng nhưng chưa bao giờ ra mặt trận. Trong khi đó, nhất là miền trung, chiến trường càng khốc liệt thì càng nảy sinh nhiều người viết trẻ. Bởi chính họ là những người sống trực diện với cái khổ, cái chết chóc, cái đau thương, cái mất mát của chính họ, của bạn bè họ, của những người dân quê nơi thôn ỏ (từ của cố nhạc sĩ Phạm Duy) mà họ đã nhìn thấy mỗi lần hành quân. Từ đó họ trở thành nhà thơ, nhà văn đích thực. Nói thực. Viết thực. Không “phịa ra” đề viết. Họ cũng không cần phải trải qua một trường đào tạo viết văn nào, như miền Bắc, phải viết dưới một chủ đề nào đó theo yêu cầu. Họ, những người cầm bút trẻ miền Nam, đã tạo nên một nền văn học đa dạng, đích thực trong một thời gian rất ngắn mà theo tôi chỉ có từ năm 1963 đến 1975. Nhiều đó năm, những người viết trẻ đã để lại cho miền Nam một di sản văn học đồ sộ (tôi chỉ cảm nhận với những người viết trẻ vừa cầm súng vừa cầm viết).

Tôi nhớ đâu đó trong tác phẩm của bà Dương Thu Hương. Sau này tôi được nghe bạn bè nói: người ta ca ngợi những tác phẩm của bà khi bà bỏ Đảng trốn ra nước ngoài. Những tác phẩm của bà dịch ra nhiều thứ tiếng Anh, Pháp. Nhưng, khi bà còn là một Đảng viên, bà đã tình nguyện vào Nam chiến đấu để mong góp sức với toàn quân, toàn đảng mau đánh cho Mỹ cút, Ngụy nhào. Có đâu đó, bà đã viết:

“...Nhờ những tấm khăn dù, nhờ những chiếc cổ áo sơ-mi kiểu lá sen tròn và hai ve nhọn mà chúng tôi nhận ra đây là những người con gái miền Bắc. Có lẽ họ thuộc một binh trạm hoặc một đơn vị thanh niên xung phong cơ động nào đó bị lạc. Cũng có thể họ đi kiếm măng hoặc rau rừng như chúng tôi rồi vấp bọn thám báo. Chúng đã hiếp các cô tàn bạo trước khi giết! Những cái xác bầm đập méo mó! Da thịt con gái nõn nà tươi thắm vậy mà khi chết cũng thối rữa y như da thịt một lão già phung lờ hay một con cóc chết!”

(Dương Thu Hương – *Tiểu thuyết Vô Đê*)

Tôi không phải nhà văn, nhà thơ gì ráo. Tôi chỉ là người lính. Bạn tôi cũng là những người lính. Họ cũng cầm bút viết văn của một thời trai trẻ. Cũng tham chiến ở mặt trận, ngòi bút của họ chưa bao giờ mang tính “thú” đến như thể như bà DTH đã viết thành văn. Cũng vì những câu văn của bà, mà sau tháng tư năm 1975, những người lính như chúng tôi bị đưa ra miền Bắc cải tạo, đã phải chịu những trận đòn thù ném đá dữ dội.

Trong Nam, văn chương cũng có những loại tuyên truyền. Nhạc cũng thế. Nhưng, với những loại văn, thơ tuyên truyền cho chế độ, viết để ca ngợi “quá đáng” về những người lính ở mặt trận như chúng tôi, chúng tôi thấy cũng ngượng, huống hồ là đọc. Những loại văn chương này, chắc chắn là dở, không hay. Nó chỉ có tính nhất thời. Không phải là văn học; mà cũng chẳng ai để ý tới. Tác giả viết thì tác giả đọc... Tóm lại, với tôi, văn thơ tuyên truyền không phải là loại hình văn học đích thực của một miền Nam.

Như một truyện ngắn mà tôi đã đọc rất nhân bản. Truyện: **Mây trắng, Nước xanh Người tử tù** của nhà văn Đoàn Quốc Sỹ viết năm 1966. Nghĩa là năm mà cuộc chiến miền Nam đã đi vào khốc liệt. Truyện mang tính nhân văn giữa

con người với con người. Người bên này (Quốc gia) người tử tù bên kia (Cộng sản) anh (Huỳnh Văn Q.) đã mang 15 ký thuốc nổ TNT trên chiếc xe lambretta đậu trước một câu lạc bộ sĩ quan, có định giờ để nổ. Nhưng việc không thành vì đã bị phát hiện. Nói như kiểu nói ngày hôm nay là “khủng bố” mà người mang khối TNT đó phải bị tử hình; vì sức công phá thật kinh hoàng. Nhưng nhân vật trong truyện, luật sư Khiết đã tự dẫn vật ông khi ông đứng ra biện hộ cho bị can. Cái tư duy trong truyện ngắn này là cái “nhân bản” mà người cầm bút đích thực muốn nói lên giữa người với người. Độc giả hãy tìm đọc lại truyện ngắn này để thấy nền văn học đích thực của miền Nam trong chiến tranh; dù biết rằng chiến tranh là chết chóc. (Truyện đi lại trong số này.)

Cũng như, người bạn văn của tôi, anh Trần Hoài Thư, cũng là một người lính thám kích. Không khi nào anh kể cho tôi nghe là anh đi hành quân bắt được chiến binh nữ mà lính anh hãm hiếp, xẻo vú cắt da đầu ?? Nhưng trong hầu hết những truyện anh viết đều nói lên thân phận của anh, của đồng đội. Như trong truyện anh viết: Nhật Ký Hành Quân, tôi không thấy có một câu văn nào mang tính “thú” hãm người, giết người... mà chỉ nói lên cái thân phận của một người lính thám kích, nghiệt ngã nơi chiến trường, cũng nghiệt ngã với tuổi trẻ của chúng tôi một thời ra trận. Tạm trích một đoạn trong Nhật Ký Hành Quân: “... *Tao đang rung nước mắt đây. Sao mày không chịu nói, cứ thôi thóp suốt cả ba ngày, cứ đái ra máu, cứ tiếp tục được chuyển từ bình serum này đến bình serum khác. Không ai đến thăm mày nữa. Ô, lính lại bị hắt hủi thế kia sao? Xin tha lỗi cho tôi, các bạn. Tôi không còn đủ sáng suốt để tạo câu văn ý lạ. Tôi đang nằm trong quân y viện đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Lính của tôi nằm nhiều trong đó. Hai thằng nằm tại nhà vĩnh biệt. Hai thằng mất tích. Và hai thằng bị thương đang nằm ở đây. Đêm buồn lắm. Đêm buồn lắm. Ngày hôm đó, ngày 9 tháng 5 thì phải...*” Ở đây, tôi muốn nói, chính tác giả THT là một người lính thám

kích, vừa tham chiến vừa viết văn. Bị thương nằm trong quân y viện. Linh của anh vừa chết, vừa bị thương. Anh không kêu gào chửi bới phía bên kia, không kích động hận thù trong cuộc chiến, chỉ buồn cho thân phận tuổi trẻ. Những câu văn mang tính nhân văn ấy dễ đi vào lòng người đọc hơn là những câu văn có tính tuyên truyền kích động. Cũng như Lâm Chương, một người lính trận, lớn lên trong cuộc chiến, viết văn làm thơ có khi nào tôi thấy thơ Lâm Chương kêu gọi “Giết. Giết và Giết người” đâu mà chỉ thấy nói lên cái thân phận của chính anh và đồng đội. Như: “...*Những thằng bạn nhớ/ Cảm sùng không hận thù/ Dừng quân ngồi tâm sự/ Lòng nao nao nhớ nhà...*” Cũng như Lâm Hảo Dũng, anh cũng vừa là lính vừa làm thơ. Hết chiến đấu dưới đồng bằng rồi lên cao nguyên, thơ anh cũng mang đầy tính nhân văn không hận thù trong từng con chữ: “...*Tội nghiệp quá những mẹ già héo óm/ Ngồi co ro hong bánh trắng đầu ngày/ Tội nghiệp quá tôi trong đời lính mới/ Mang trái tim nhân đạo rất ngây thơ...*” Đây, những câu văn, câu thơ của một vài người lính miền Nam xung trận của một thời mà chiến trường miền Nam khốc liệt nhất trong thập niên 60’ cũng chẳng ai cầm bút để mà bề cong ngòi bút viết những bài viết tuyên truyền cho chế độ. Bởi, hầu hết những người cầm bút trước 1975 ở miền Nam là tự do, không bị bắt buộc vào một môi trường hay một khóa đào tạo nào để viết mà xung tưng, tuyên truyền cho một chế độ cả. Đồng ý, trong Nam cũng có loại văn chương tuyên truyền. Nhưng thường là ...dở. Không ai đọc, cho nên không ai nhắc tới.

Hôm nay, ngồi ngẫm lại, trên quê nhà đã ngưng tiếng súng 38 năm, thống nhất đất nước hai miền, độc giả trẻ hai miền sinh sau 1975 muốn tìm đọc lại những nhà văn miền Nam, tôi nghĩ chắc là khó. Họ (độc giả trẻ) muốn tìm đọc lại những tác phẩm cũ, tìm lại tên của những tác giả miền Nam chắc là khó, vì sách báo văn chương đâu còn. Cho nên, tôi có nghe vào năm 2011 một tập truyện gồm 12 tác giả (6 trong nước và 6 ngoài nước) mang tên “Truyện ngắn

12 tác giả” được nhà xuất bản Thanh Niên phát hành tại Sài Gòn (có trên trang báo điện tử vanchuongviet.org ghi lại trong buổi ra mắt sách, độc giả trẻ tìm đọc rất đông. Và nghe nói buổi ra mắt sách rất thành công. 12 tác giả trước 1975 nay sống khắp nơi hội tụ lại với lỗi viết của một thời xa xưa, của những tác giả nay đã già mà theo như lời của nhà xuất bản: *...Sau thời điểm ấy, họ ngừng viết, cho đến giờ đây, họ cầm bút trở lại. Ba mươi sáu năm là độ lùi thời gian để họ nhìn lại mình, cũng để cho một thế hệ mới độc giả nhìn họ. Người đọc sẽ tìm thấy sự đa dạng trong văn phong và tư duy của các tác giả qua những sáng tác gần đây, thậm chí có những thay đổi của từng người so với chính mình...*” 12 tác giả đó hầu hết là những người vừa cầm súng vừa cầm bút trước 1975 mà ít nhiều độc giả miền Nam đã đọc họ. Tôi có hỏi một vài người bạn trẻ khi tôi về thăm quê nhà, những bạn trẻ ấy nói rất vui khi nhìn lại tên của các chú, các bác trong một tập sách viết rất nhân bản, không tuyên truyền. Bỗng dưng tôi vui khi tôi ngồi nhâm nhi ly cà phê với các bạn trẻ ấy tại Sài Gòn.

Tóm lại, theo cảm nhận của tôi, văn miền Nam trong 20 năm sau hiệp định 1954 dù gì cũng là nhân bản hơn. Một nền văn học đích thực hơn, do đó mà trải qua 38 năm vẫn còn trong lòng người đọc trong nước tìm đọc.

Một truyện ngắn tiêu biểu của dòng văn học
nhân bản miền Nam

DOÃN QUỐC SỸ

Mây trắng, nước xanh, người tử tù

I

Tiếng đàn trầm cảm róng rã. Thêm nửa giờ nữa qua. Chiều nay Khiết ngồi nán lại dưới văn phòng của chàng khá lâu, đã sáu giờ rưỡi chiều rồi. Thu xếp hồ sơ lại, cho vào ngăn bàn rồi vặn khóa, Khiết đứng dậy sửa soạn lên gác tắm rửa thì có tiếng chuông điện thoại.

Nhắc ống máy, một tiếng trầm trầm bên kia đầu dây nói :

- A-lô, thưa có phải đây là văn phòng luật sư Lê Tịnh Khiết ?

- Dạ phải.

- Thưa luật sư, tôi là Đại úy M., ủy viên chính phủ.

Khiết giật mình, biết là chuyện gì rồi. Kinh nghiệm trong nghề đã cho chàng hay khi ông ủy viên chính phủ gọi đây nói vào lúc ngoài giờ làm việc...

- Dạ... kính chào Đại úy...

- Thưa luật sư, xin trân trọng báo luật sư hay bị can Huỳnh Văn Q. thân chủ của luật sư sẽ bị đem hành quyết vào sớm mai, nếu luật sư có đi dự kiến được thì xin báo cho chúng

tôi được biết. Kính chào.

Tiếng ông máy đặt vội xuống, Khiết hiểu là ông ủy viên không bao giờ cần đợi trả lời trong những trường hợp tương tự. Ngay cả việc phải báo trước là mình có dự kiến hay không cũng chẳng cần thiết. Điều cần thiết là ông ủy viên báo ngay hành quyết cho mình, thể thôi. Khiết cảm thấy cơ thể nặng nề. Tiện thể đứng dậy, chàng bước lên thang gác quên cả khóa trái cửa văn phòng. Đây không phải là vụ án đầu tiên xử tử những người trong ban đặc công của đối phương, nhưng đây là thân chủ đầu tiên của Khiết bị tử hình.

- Bố đã lên với con kia, vỗ tay reo a a đi con.

Khiết giật mình ngẩng nhìn miệng mỉm cười. Cam đã bế đứa gái thứ hai mới được tám tháng đến với chàng. (Cô gái lớn lên ba còn ngủ ở chiếc giường xinh kia). Khiết giờ tay đón, đứa nhỏ đôi mắt đen lay láy sáng lên, chân tay quẫy mạnh ré lên một tiếng vui mừng rồi sà vào bố, một tay Khiết xòe ra đỡ lấy đôi bàn chân xinh một tay giữ ngang lưng bé, bập thít đùi, bập thít lưng của bé lấn chắc. Hai cánh tay xinh của bé vòng lấy cổ bố. Khiết hôn lên má và hít hít lấy mùi sữa thơm bên mép con, chàng tìm câu nói đùa với vợ cho quên câu chuyện thối mả:

- Đầu lòng hai ả tổ nga rồi, lần sau xin cô một chàng Vương Quan nhé.

Cam cười mỉm hơi vênh mặt lên:

- Em cứ đẻ con gái nữa, đầu lòng ba ả tổ nga, Kiêu tân thời!

“Cầu chúc cho em giữ được tâm hồn ngây thơ như vậy mãi mãi,” - Khiết nghĩ vậy, đôi mắt nhìn xuống, chàng đã nhớ lại người tử tù. Chàng vào buồng tắm. Cái linh hồn ấy ngày mai sẽ rời khỏi thể xác. Nước lạnh xối xuống như muốn bảo vệ lấy linh hồn và thể xác Khiết. Khi cái thể xác đó bị tàn phá linh hồn đó tan biến ra sao. Khiết ngồi vào bàn ăn, dạ dày nặng nề. Hai đứa con chàng kia còn giữ

nguyên khối linh hồn thuần phác, đứa lớn đã biết chạy lại nũng nịu ôm lấy đầu gối bố. Rồi đây đứa trẻ lên năm cha mẹ phải nghĩ đến việc đưa chúng vào trường. Đó là bước đầu dạy dỗ hay là bước đầu của bồi bản? Ngoài học chữ còn phải cho chúng theo đuổi một ngành nghệ thuật nào nữa chứ, học đàn hay học vẽ. Con ngu thì xấu hổ, con tài thì lo kiêu, nhưng biết thế nào là tài? Phải chăng thiên tài là một thứ bệnh hoạn? Kiêu ngạo về thiên-tài là hai lần ngu hơn. Vậy trau chuốt thiên tài của con phải chăng là phá hủy quân bình của lâu đài linh hồn thiên nhiên ban cho. Làm sao mà dạy con hết những cái đó? Những cái đó ai mà dạy được? Sự sống và đời sống kết tinh dần thành chất keo. Sự sống thì mệnh mông, con người thì phức biệt, mấy ai đi chọn được con đường vòng huyền diệu từ đơn thuần đến phức biệt rồi thành phức-biệt-đơn-thuần?

- Anh nghĩ gì mà thần người ra thế? - Cam hỏi chồng.

- Sớm mai một thân chủ của anh bị hành quyết!

Đôi mắt thơ ngây của Cam chột bối rối, nằng hởi :

- Thật vậy sao?

- Mai anh phải dậy từ bốn giờ để tới với người đó, sống với người đó cho đến phút vĩnh biệt.

- Có một mình anh đến chứng kiến?

Khiết chống dũa không trả lời Cam. Bao quanh người tử tù sớm mai đâu chỉ có một mình chàng. Có ông chủ ngục cho phép vào lấy đúng người tử tù đó ra; có ông Đại úy ủy viên chính phủ là người đã buộc tội; có viên sĩ quan lục sự là người tuyên đọc bản án, hay đúng hơn quyết định bác đơn ân xá của Tổng Thống, có vị đại diện quân trấn vì xử tử trên phần đất của người ta; có vị thượng tọa hay cha cố nữa.

Khiết đứng dậy. Phải, người đó 25 tuổi quê ở Bạc Liêu đã có vợ và một con trai bị bắt quả tang 15 kí TNT trên chiếc Lambretta ba bánh và đã để đồng hồ cho mười phút sau thì nổ ngay trước câu-lạc-bộ sĩ quan, nhưng mưu toan bị lộ nên khi vừa thấy chiếc xe khả nghi, nhân viên an ninh ập tới và chuyên viên tức thì tháo gỡ ngòi nổ - Chẳng riêng

với Khiết mà với bất cứ luật sư nào khi đã nhận đứng ra bào chữa cho bị can, khi đã thể nhập vào hoàn cảnh của bị can *quand on a épousé sa cause...* đều cảm thấy bị can là *một phần của chính mình, un fragment de soi...*

Chợt nhận ra mình đã bước xuống thang gác, Khiết quay lại nói với Cam :

- Em pha một bình trà đặc mang xuống văn phòng cho anh nhé, tối nay anh làm việc khuya ở dưới đó.

II

Thật ra Khiết chỉ muốn ngồi một mình để... để suy ngẫm hay chẳng suy ngẫm gì cả, nhưng biết là lát nữa Cam sẽ mang bình trà đặc xuống nên Khiết mở khóa ngăn kéo lấy ra một tập hồ sơ đặt trước mặt. Cam đã xuống rồi trở lên với con, bình trà với tách uống trà trước mặt Khiết. Ngược nhìn đôi gót chân của vợ khuất sau bậc thang, tất nhiên - Khiết nghĩ - vợ và con người từ từ giờ này ở dưới Bạc Liêu chưa hay biết gì cả, rất có thể chị vừa may xong cho đứa nhỏ chiếc áo mới và dỗ con đi ngủ sớm mai sẽ cho lên Saigon thăm cha. Người đàn bà đó cũng chỉ trạc tuổi Cam thôi, nước da trắng mịn, khuôn mặt tròn với cái mũi hơi tẹt, dáng người hơi đầy nhưng vì thuộc thành phần lao động phải làm việc nhiều nên đó là một thứ đầy chắc. Khiết nghĩ đến hạng phụ nữ đứng chên vênh ngay bên bờ vực thẳm của sa ngã mất nơi nương tựa của chồng là thành gái bán thân nuôi miệng. Mấy lần đầu khi người đàn bà đó đến văn phòng nhờ xin giấy thăm nuôi do tòa cấp, Khiết còn thấy chị chú ý chút ít đến cách ăn mặc cho gọn ghẽ, nhưng càng về sau sự ăn mặc của chị càng cầu thả, cả mẹ lẫn con (thằng bé lên bốn) bụng hơi lớn, chị có mang được ba tháng thì phải, Khiết càng thấy triu mến con đường văn hóa mà chàng cùng các bạn chàng đương nỗ lực phục vụ. Không còn một hạt bụi chủ nghĩa nào bám vào cảm nghĩ con người khi thấy rằng mình có thể bị bắt đắc kỳ tử để lại

côi đời vợ đại con thơ, mọi ảo tưởng tan biến, mọi chủ nghĩa bị bóc trần đến lõi gian manh. Cái ngày tuyên án tử hình, sau phiên toà, người vợ hót hơ hót hời đến văn phòng Khiết dưới cơn mưa tầm tã, nàng mặc chiếc áo bà ba trắng cũ, toàn thân ướt sũng, vải áo dán vào da thịt lộ lộ như khóa thân. Nàng không chú ý một chút nào đến ngoại cảnh. Khiết an ủi nàng nói đã đệ đơn xin ân xá lên Tổng Thống, khuyên nàng cứ bình tĩnh, rất có thể được ân giảm xuống khổ sai chung thân, rồi từ khổ sai chung thân nếu mình tỏ ra biết hối cải sẽ được tha bổng sau năm mười năm cầm cố... Nhưng cũng kể từ ngày đó, theo đúng chế độ đối với tử tù nàng chỉ được cấp giấy nuôi chồng mà không được quyền thăm chồng nữa.

Khiết đã biện luận hết mình trước tòa. Chàng đã chứng minh thân chủ mình chỉ là một người thực thà nhẹ dạ ở cấp thừa hành bị tuyên truyền đầu độc, gia đình lại ở vào vùng bất yên, ban đêm vẫn bị địch kiểm soát, vợ con gián tiếp trong tình trạng bị giữ làm con tin.

Khiết chứng minh bằng những tài liệu chân thực đã được báo chí xác nhận về những thảm cảnh dờ khóc dờ cười của người dân ở vùng thiếu an ninh. Thoạt là một chuyện do tờ nhật báo có uy tín nọ thuật lại. Buổi tối cán bộ Việt cộng về bất hợp mít-tinh hoan hô đã đảo. Sáng hôm sau chính quyền quận cũng lại cho họp mít-tinh để đã đảo hoan hô. Tối lần kia một vị bộ lão đã đứng ra nói với viên quận trưởng: "Dạ hôm nay xin đại úy cho phép chúng tôi hô thêm một khẩu hiệu nữa". Viên sĩ quan trẻ tuổi vốn tính tinh phóng khoáng bèn vui vẻ hỏi lại cụ già xem đó là khẩu hiệu gì, thì được cụ đáp: "Thưa chúng tôi xin hô thêm: *Đã đảo ông nội chúng tôi*. Đại úy thông cảm cho, chúng tôi không hiểu sao lại nhè sinh trúng vào vùng này. Ban ngày phục vụ quốc gia, ban đêm phải thức tiếp chuyện Việt cộng; con trai chúng tôi đã phải đi trốn để chúng khỏi bắt vào khu chiến đấu cho chúng, con dâu tôi thì đêm ngày cũng bận như chúng tôi đi họp hoan hô đã đảo, con cái bỏ nheo nhóc đầy chẳng còn ai trông nom dạy dỗ..."

Khiết chứng minh theo một tỉ dụ điển hình ghi trên một tuần báo có uy tín khác. Buổi tối Việt cộng về bắt người chồng gia nhập đám đông dân phu "xung phong" đi đào đường. Mọi người phải chuyền tay nhau khuân những đất, những đá đổ tới một khoảng ruộng trũng cách hai ba trăm thước mà đổ. Tảng sáng người chồng về nói với vợ cho ghé lưng nằm nhờ một chút. Người vợ giục vào tắm thì chồng đáp là tắm làm gì vì chỉ lát nữa dân làng đã phải tập hợp để lần theo vết chân của chính mình mà tới chỗ ruộng trũng kia, chỗ đá chỗ đất đó, về lấp lại quãng đường phá hoại.

Khiết đọc lớn câu tác giả kết thúc bài báo: "Quý vị bộ trưởng, quý vị triệu phú, quý vị kỹ sư, quý vị bác sĩ được sĩ... Quý vị thượng lưu trí thức, quý vị có đủ tiền cho con em xuất ngoại du học vừa để trốn quân dịch vừa chuẩn bị mai sau thanh bình trở về nước với bằng chuyên môn *tổ bố* trước ngực (chỗ này Khiết cúi đầu xin lỗi quan tòa) tiếp tục hưởng những quyền ưu tiên trí thức, các vị thấu chăng những thảm cảnh tương tự của người dân bé miệng?"

Kết luận bài cãi, Khiết chứng minh sự ăn năn chân thành của thân chủ mình sau khi đã được các cấp chính quyền giải thích. Khiết tha thiết xin tòa xử khoan hồng để mở đường trở về cho những người trót theo bên kia đã biết mình lầm lỡ muốn trở về.

Tiếp lời xin khoan hồng của Khiết, vị Đại úy ủy viên Chính Phủ đứng lên. Thái độ buộc tội của ông lần này chẳng cần phải gay gắt. Ông thoát gờ lên tấm hình vụ nổ mìn định hướng cách đó mấy ngày tại gần vườn trê bờ sông. Có người sĩ quan to lớn, khuôn mặt đau khổ đương gương nhẹ ôm trên tay một em trai khôi ngô, đôi chân bên dưới lưng lẳng và dầm sũng máu đen chắc lúc đó em không còn biết đau biết sợ nữa, đôi mắt đen mở lớn nhưng thất lạc tinh thần. Sau khi xin mọi người nhìn kỹ tấm hình,

ông ủy viên nói: "Thưa quý vị, em bé đã từ trần tại bệnh viện Đô Thành mười hai giờ sau. Thưa quý tòa, tôi chỉ xin vắn tắt như sau: Y đã bị bắt quả tang, y đã nhìn nhận tội lỗi trước quý tòa, đây là một tội phản nghịch được chuẩn bị kỹ càng. Nếu hôm đó nhân viên công lực không được mật báo trước, nếu chuyên viên không tháo gỡ kịp thời ngòi nổ, thì nhất định chúng ta chịu đựng thêm một cảnh tương tự (*Ông chỉ vào tấm hình*). Vậy xin quý tòa trừng trị nặng theo đúng luật pháp đã ấn định để làm gương cho kẻ khác."

Và tòa đã tuyên án tử hình. Đơn xin ân xá đệ lên cho đến nay đúng như Khiết dự tính, vừa được hai tháng thì bị bác.

Trên gác có tiếng va đầu và tiếng khóc thét rồi tiếng Cam rên rĩ :

- Đáo đê quá con ơi, ai bảo động một tí là đổ, ngật đầu va vào thanh giường sắt rồi!

Khiết rút tách trà đặc cuối cùng. Đêm đã khuya lắm. Trên gác hoàn toàn yên tĩnh. Người vợ chưa biết gì về tin chồng có thể ban chiều còn dỗ con: "Nín đi chóng ngoan mai má cho đi thăm ba". Có thể thằng bé bập bẹ hỏi bao giờ ba về. Có thể người vợ nhớ lời an ủi của luật sư mà trả lời: "Ba sắp về rồi con ạ".

Khiết ngả người trên ghế bành thiu thiu. Có tiếng sóng vỗ ì ọp vào chân cột của một trà thất Nam-Kinh ngay bên bờ sông Tần Hoài gợn ánh ngân quang và xuôi miết ra Dương-Tử-Giang. Ngày nào ở Hà-Nội, Khiết chưa lấy Cam, ngồi trên chiếc ghế xi-măng bên bờ Hoàn-Kiểm, chột nhớ đến dòng tản văn chan chứa tình hoài bên Yên-Chi-Tĩnh. Giấc mộng bỗng chập chờn nhịp theo dòng tản văn như con thuyền nhịp theo sóng nước. Ánh đèn về khuya sáng chói. Chàng ngồi thẳng dậy, với chiếc bút ngòi nỉ mực đen của Nhật, và lơ đãng bên ngoài nhưng say mê bên trong cảm cú viết hơi xiên lệch lên trang giấy trắng mấy dòng tản văn cũ:

*Y ! Vân bạch, thủy thương, lưỡng tương huyền tuyệt.
 Nhân sinh tư thế nhị bất đắc nhất tri kỷ tắc cô thâm tịch
 tịch, tưng sử thiên tuế năng trường lại hiệu hà vi tai ?*

*(Ôi ! Mây trắng với nước xanh xa nhau vời vợi !
 Trên đời dù có sống tới ngàn tuổi mà không gặp người
 tri kỷ, thì cuộc sống quạnh hiu kia cũng bằng thừa)*

Chuông đồng hồ buông ba tiếng Khiết mới chợp ngủ lại một chút và đúng bốn giờ thì thức giấc, vùng dậy sửa soạn ngay, chỉ mười lăm phút sau chàng đã y phục chỉnh tề, đánh thức Cam dậy để đóng cửa lại khi chàng đã cho xe ra. Chàng quăng chiếc cặp da chứa hồ sơ và chiếc áo luật sư xuống ghế sau, rồi cho rồ máy.

Đường phố vắng tanh, rộng thênh thang, hai ánh pha xuyên qua ánh sáng rộng của cả thành phố như một hải lưu tự vạch đường giữa biển cả. Lác đác bên vĩa hè một vài bà buôn thúng bán mẹt đã phải dậy sớm đi bỏ mồi, bóng một ông già còng lưng đạp xe ba gác... Những người đó làm sao ngờ được là mình đi tiễn chân vĩnh biệt một người - Khiết nghĩ thầm vậy. Từ đường Lê Văn Duyệt rẽ vào khám Chí Hòa ánh pha quét thấy lác đác những người lính bông súng đứng gác. Ánh pha vấp phải chiếc công sắt lớn. Khiết phải xuống xe và tới nói khẽ với người gác vừa thò đầu ra khỏi khe cửa:

- Luật sư dự kiến hành quyết!

Cổng lớn sền sệt nặng nề từ từ mở. Xe của Khiết tiến vào trong sân. Vẫn im lặng, tựa như chẳng có gì lạ lùng sẽ xảy ra cả. Bên phải chiếc sân rộng mênh mông đó Khiết mới thấy có hai chiếc xe Jeep và một chiếc Dodge 4 sơn trắng. Xuống xe, cặp hồ sơ và áo luật sư vẫn còn để lại trong xe, Khiết khẽ ấn cửa xe cổ cho không có tiếng động, rồi bước vào vùng ánh sáng vàng kạch và bệnh hoạn. Người gác-

dan còn ngái ngủ, bộ quần áo ka-ki vàng cũ kỹ, cũ kỹ như vẻ người, khuôn mặt cũ kỹ, cũ kỹ như chính nếp sống của người đó đã bao nhiêu năm sống nơi đây, đã bao nhiêu lần chứng kiến những cảnh tương tự. Khiết bước vào căn phòng ngay bên đã thấy một vị thượng tọa và một vị linh mục ngồi đây. Hai người khẽ cúi đầu đáp lễ Khiết và chắc chắn cũng chưa biết - hình như cũng chẳng cần biết - Khiết là ai. Thỉnh thoảng một ánh pha sáng rực tiến vào... Vị đại diện quân trấn, vị Đại úy ủy viên chính phủ, cùng viên lục sự đã tuần tự có mặt. Lúc đó đã gần bốn giờ rưỡi sáng. Viên quản ngục tới nói khẽ gì với ông ủy viên chính phủ, vị này khẽ gật đầu, người gác-dan hơi ngược nhìn. Viên quản ngục khẽ ra hiệu, người gác-dan cúi đầu làm hiệu đã hiểu và bóng ka-ki vàng nhàu nát cũ kỹ đi khuất vào vùng bóng tối, chừng mười phút sau xuất hiện trở lại, tiến tới gần viên quản ngục thưa khẽ: "Dạ xong rồi." Viên quản ngục nói hơi lớn đủ để mọi người trong phòng cùng nghe thấy: :

- Xin mời quý vị vào!

Mọi người đều như muốn chùn bước, không biết nên để ai đi trước ai đi sau. Qua một giây ngập ngừng người cai ngục và người gác-dan do thói quen nghề nghiệp thông cảm bước lên trước như dòng nước đã được khơi thông, vị thượng tọa và vị linh mục bước theo sau, kế đó đến các người khác. Mọi người qua khung cửa hẹp bước vào một buồng rộng thật rộng, trần cao vút, vì thế ánh đèn vàng kẹch càng trở nên ồm yếu bệnh hoạn. Đây là phòng tập trung những tù nhân trước khi giải họ ra tòa, có khi tập trung tới trăm người.

Tiếng giày ròn ròn bước vào phòng chỉ khiến căn phòng rộng càng thêm rộng, trống trải càng thêm trống trải. Tít trong góc xa, khoảng ánh đèn mờ muốn nhòa lẫn vào với bóng tối, một người ngồi xỏm (tù nhân hàng ngày vẫn ngồi xỏm như vậy mỗi lần điểm danh), trông y nhỏ thó, càng nhỏ thó hơn nữa vì hai tay khoanh ủ trước ngực: thân chủ của Khiết!

Khiết bước nhanh lên trước. Người đó nhận ra luật sư của mình từ từ đứng lên, khẽ cúi chào, khuôn mặt còn ngơ ngác nhưng rồi chợt hiểu, cúi xuống nhìn chân, miệng hơi chúm tròn, hai vành môi khô thoáng gợn nhăn nhúm, tựa như không khí hút vào lật đặt bị vấp ngã nơi đó. Khiết đã tới sát, đưa bàn tay thân ái của chàng ra, người tù tự động đưa tay cho chàng bắt. Khiết nắm chặt lấy bàn tay đó, câu nói trầm lặng chàng muốn truyền sang là: tôi đã cố gắng tận tình giúp anh, nhưng luật pháp là luật pháp, tôi đau lòng thấy anh ra đi.

Viên sĩ quan lục sự đã tới đứng trước người tử tù, nói:

- Anh biết anh bị án tử hình, luật sư đã đệ đơn xin ân xá, đơn đó đã bị bác, đây là quyết định của Tổng Thống (*viên sĩ quan tuyên đọc*):

Bị can tên..., bị kết án tử hình ngày... đơn luật sư xin ân xá ngày... Nay bác đơn đó.

Viên lục sự ngừng nhìn người tử tù lần nữa, vài giây qua mới nói:

- Anh hãy can đảm lên, bây giờ sắp đến giờ hành quyết!

Gương mặt tử tù thoáng vẻ sững sốt, đôi hàm răng cắn lại, đôi mắt nhìn sâu vào cái gì vô hình tượng trưng cho hiện tại mà anh sắp phải đoạn tuyệt vĩnh viễn.

Khiết nói khẽ :

- Anh có điều gì muốn nhắn lại chị và các cháu xin cứ nói để tôi chuyển lời.

Nghe nói đến vợ, đến con, người tử tù rơm rớm nước mắt, cánh tay hơi run run. Anh ta trấn tĩnh rồi đáp khẽ:

- Vợ tôi có chữa. Tôi không được thấy đứa bé. Khi nào vợ tôi ở Bạc Liêu lên xin luật sư bảo vợ tôi gắng nuôi con và đừng bỏ quê.

Viên sĩ quan lục sự hỏi :

- Anh theo đạo nào? Đây có một thượng tọa và một vị linh mục.

Người tử tù đáp :

- Tôi theo đạo Phật.

Vị thượng tọa tiến lên, dáng đi từ tốn, gương mặt trầm lặng và từ bi, đeo một chuỗi hạt bồ đề lớn, áo nhà chùa nhuộm nâu rộng che tấm thân dong dong với đôi vai gầy. Không ai bảo mọi người đều lùi lại cách xa hai người. Vị thượng tọa dìu người tử tù cùng ngồi xuống chiếc ghế sắt dài, chân bắt vít xuống nền xi măng gần đây. Đôi bên nhìn nhau. Vị thượng tọa nói những gì rất khẽ, một tay đặt lên vai, một tay đặt lên đùi gối người tử tù, dáng điệu cực kỳ thân ái. Khi hai người tử tù đứng dậy, viên quản ngục tiến lên nói:

- Anh có muốn ăn gì không?

Người tử tù lắc đầu.

Viên quản ngục nói tiếp :

- Anh có muốn gì không?

Người tử tù lắc đầu.

Người ta vẫn mang tới một ly nước nóng cùng một gói đồ. Người tử tù lấy ly nước, khuôn mặt càng đượm ngời ngác dưới ánh đèn vàng vọt. Vuông vãi gói đồ được mở nút và phanh ra bên trong còn một bộ pyjama khác, một chiếc quần tây vải xám, một chiếc sơ mi trắng mới nguyên và một tút thuốc lá Ruby cũng còn nguyên chưa bóc.

Người quản ngục đỡ lấy ly nước trà uống hết nửa tự tay người tử tù và hỏi :

- Đó là những đồ của anh?

Người tử tù khẽ gật đầu, rất hiền lành như còn muốn kèm thêm một lời cảm ơn nữa rồi nói :

- Tôi xin thay quần áo. Tôi muốn chết cho đẹp mắt một chút.

Anh cởi bỏ bộ pyjama đương mặc, chỉ còn bận chiếc quần đùi đen cũ, thân hình không gầy những thịt bệu da xanh. Khiết thâm nghĩ con người trần trụi như kia trước cái chết!

Người tử tù đã mặc chiếc áo sơ mi trắng mới và chiếc quần tây xám. Vị thượng tọa bóc tút thuốc Ruby, vị linh mục đỡ lấy một bao thuốc, xé khoảng giấy thiếc, rút ra một điếu, đặt lên môi người tử tù, vị thượng tọa quẹt một que diêm. Chấm đỏ thuốc lá bập bùng im lặng. Người tử tù cảm điều

thuốc cháy dở giữa ngón trở và ngón cái nói khề vớ người cai ngục, trong khi vị linh mục nhét bao thuốc dở vào túi quần anh:

- Những đồ còn lại này xin trao cho anh Tư, ở xà-lim bên cạnh tôi.

Bên ngoài có tiếng xe nổ máy, và những bước chân rộn rã vọng lại. Vị Đại úy ủy viên chính phủ nói vừa đủ cho mọi người cùng nghe:

- Thôi bây giờ đến giờ chúng ta đi.

Người phụ tá cai ngục tiến lên, tay cầm chiếc còng. Người tử tù biết ý tự giờ hai cổ tay bắt chéo lên. Khi qua cửa sắt bước xuống sân, có thêm hai người lính ngục đi kèm hai bên. Khiết đã đi bận áo đen luật sư.

oOo

Người tử tù cùng đoàn người vừa bước tới thì những *flash* liên tiếp, liên tiếp lóe sáng, lóe sáng. Những đầu người lồ lộ nhỏ, đủ mặt các phóng viên nhiếp ảnh, truyền hình quốc tế và quốc nội, những tiếng xì xào tuy nhỏ nhưng rõ ràng cô đọng biết bao tiềm lực của những thần kinh hệ căng thẳng đến tột độ. Người tử tù bước lên bậc, Khiết đi sát bên, vô tình cả hai cùng ngẩng nhìn thẳng về phía có chiếc cột cao sơn trắng, ánh sáng của tất cả những ngọn pha mắc theo hình bán nguyệt phía trước đến rơi vào tiêu điểm đó.

Bỗng Khiết thấy người tử tù đứng khựng, tia mắt dừng lại chiếc áo quan sơn trắng đặt cách chiếc cột không xa, và xa hơn một chút nữa ngoài tiêu điểm các pha, nép trong một vùng tối lơ lơ là chiếc xe bịt bùng cũng sơn trắng. Các *flash* tiếp tục sáng lóe, sáng lóe. Người lính ngục phía sau dẫn người tử tù tiến bước, vô tình đẩy cả Khiết nữa.

Người tử tù đã tới trước chiếc cột sơn trắng, xoay lưng lại, mắt nhắm nghiền, cả khuôn mặt nổi bênh lên lấp loáng ánh những hạt mồ hôi ứa đều. Ánh sáng ở vào đúng tiêu điểm này như chọt cô đặc lại thành thủy ngân.

Ông đội già đã mở còng tay và cột thừng ghì cánh khuỷu vào cột trắng, chiếc thừng xiết mạnh nâng lên cao quá khiến người tử tù phải kiễng chân, hơi nhả mặt và hướng về phía Khiết nói khẽ :

- Đau quá luật sư ơi.

Khiết tiến tới sát cột nói với ông đội già:

- Xin ông làm ơn nói giầy thừng cho một chút.

Và một lần nữa Khiết đặt tay lên vai đã lạnh toát của người tử tù và hỏi một lần cuối:

- Anh cần trời trăng thêm điều gì xin cứ nói.

- Xin giúp đỡ cho vợ con tôi!

Có tiếng đằng sau nói lên cùng với những ánh flash tiếp tục lóe không ngớt :

- Maître, tránh ra Maître ơi!

Khiết chỉ lùi lại có chừng dăm bước đã gặp vùng bóng tối.

Tiếng hô sắc gọn. Một loạt súng lóe sáng. Người tử tù gục mặt...đầu ngoẹo về phía trái tim... miệng há tròn...rùng mình một cái... rồi im lìm. Người trưởng toán hành quyết đã tiến tới nắm tóc, banh ngửa bắn một phát tối hậu vào thái dương bên trái, khi buông ra mớ tóc vừa nắm xõa xuống một cách thê thảm, nhưng đầu vẫn trở lại vị trí cũ, ngả về phía trái tim.

Kể cả những kẻ sống thuần lý trí, suốt đời nô lệ cho lý trí mù lòa, khi chết trong trường hợp tương tự, đầu bao giờ cũng ngả về trái tim như vậy. Những dòng máu chảy dọc xuống đùi, thấm qua quần, chảy dọc xuống gót chân... Bao Ruby vị linh mục nhét vào túi quần cho khi nãy cũng như vừa muốn giầy thoát ra khỏi vùng kinh hoàng, sắp rơi xuống đất.

(trích "Đàm Thoại Độc Thoại" sắp xuất bản)

Doãn Quốc Sỹ

(Nguồn: *Bách Khoa T.Đ số 233 tháng 9 năm 1966*)

Trần Hoài Thư

Em bé và con chó con



Tranh Cát Đơn Sa

Mấy hôm nay, cháu bé vui như con sóc con. Mẹ bảo với cháu, chúng ta sẽ đi thăm bố. Con hãy gắng ngoan. Cháu hỏi mẹ ơi, không biết bố có mừng thưởng con những đồng bạc như ngày trước không, hở mẹ? Mẹ nói có chứ. Bố lúc nào cũng nhớ đến con chứ. Cháu hỏi thêm nhưng mẹ nói bố đi học tập, làm sao bố lại có tiền. Con sẽ không xin bố tiền đâu. Con sẽ xin bố chiếc lược như chiếc lược mà bố gởi cho mẹ. Con sẽ chải tóc con búp bê. Con sẽ khoe với mấy đứa bạn của con là bố của tao tài lắm. Bố biết làm chiếc lược chải đầu bằng cả tay không cơ. Nhưng mà tại sao mỗi lần nhắc đến bố là mẹ lại khóc. Mẹ nói với con là bố sẽ về mà. Bố đi học mà. Mà mẹ ơi, con nhớ ngày bố đi học, bố nói với con chừng một tháng là bố sẽ trở về. Tại

sao lâu quá bố không chịu về. Bố đi học gì mà lâu hờ me. Con Tuyết nói với con là bố ở tù, người ta giam bố, con cãi. Con nói bố đi học. Ai cũng đi học hết phải không hờ me?

Người mẹ ôm siết lấy đứa con gái 7 tuổi, mắt long lanh lệ. Nàng không đủ can đảm để kể tất cả những thảm kịch của lịch sử. Nàng sợ khi nhắc về cái trại tù nào ở biên giới, những vòng rào dây kẽm gai, về những tin tức loan truyền từ những người có cùng chung một cảnh ngộ với nàng. Nàng sợ khi phải nhắc lại một cái tiếng như cả cái ách gõng mà cả miền Nam này đang gánh nặng: Ngụy. Ngụy quân, ngụy quyền, ngụy thầy giáo, ngụy cô giáo, ngụy con, ngụy cháu, ngụy quê, ngụy thành. Nó còn quá nhỏ để hiểu thế nào là cái luật của kẻ thắng trận. Nó không đủ trí khôn để hiểu về cái tang thương, đau khổ chất chồng khắp hang cùng ngõ hẻm, khắp thành thị đến thôn quê, bầm dập vào từng đời sống, từng lứa tuổi. Và ngay cả nó nữa. Con ơi, mẹ không thể nhìn thêm nước mắt của con. Mẹ đã ném quá nhiều nước mắt rồi. Anh yêu dấu, em giấu con về anh. Em giấu con về em. Em giấu con về chú Hải, chú Tân, về những người quen biết. Em giấu con về một đêm em đứng đợi bên lề đường trước ngôi trường trung học của thành phố, từ 7 giờ tối đến 3 giờ sáng để chạy theo đoàn xe mang những người tù binh vào trong bóng tối. Em nhớ là em đã nhận ra anh giữa đám người mang gói bị chờ đợi lên xe. Em đã chạy ủa đến. Nhưng đám lính canh đã cản em lại bằng mũi súng. Và em đã la lên thẳng thốt. Nhưng anh vẫn không hay. Anh không biết miệng em thì méo mào, uống cả nước mắt.

Rồi đoàn xe bắt đầu chuyển bánh. Cả hàng trăm người thân nhân chạy theo, gào, la, khóc. Con đường tràn ngập người chạy bộ. Họ đã ném lên xe những gì họ có thể ném được. Chiếc áo ấm. Bọc cam. Bọc thuốc Tây. Đôi dép. Và những phong thơ. Họ không cần biết món quà kia có đến tay người thân của họ hay không?

"Thôi con đi ngủ đi".

Nàng vuốt tóc con.

"Me hứa lại với con đi. Lần này me sẽ dẫn con đến gặp bố, phải không?"

"Me hứa mà. Con xem từ trước đến nay có bao giờ me dối gạt con một lần nào đâu..."

Nàng nghe tim mình quặn lại. Nàng đã dối gạt con quá nhiều. Tại sao lại không cho nó biết? Mà biết để làm gì? Nó không thể hiểu những gì mà tuổi thơ của nó đang gánh chịu. Hãy để nó sống cùng nỗi hờn nhiên, trong trắng của một thiên thần. Chồng nàng đã từng nói với nàng như thế.

Bây giờ nàng bắt đầu khiêng thùng thuốc lá bỏ lên chiếc xe đạp đầm. Đêm về trên những mái nhà leo lét ánh đèn. Chỉ có công viên với bức tượng Hồ Chí Minh đang đứng xoa đầu đám thiếu nhi choàng khăn đỏ là đèn sáng trưng. Nàng mặc thêm chiếc áo ấm. Những vì sao đã thấy mờ nhạt trên bầu trời đêm. Như vậy, đêm nay không mưa. Nàng nghĩ, lòng hơi vui. Và như một thói quen, trước khi dắt chiếc xe đạp ra ngoài cổng nhà, nàng nhắm mắt lại: "Con cầu xin Trời Phật ban cho con thêm nghị lực để con có thể vượt qua những khó khăn trong khi con không có chồng con ở bên cạnh". Đứa con nàng vẫn đứng xờ rờ gần đó. Con bé nói:

- Me nhớ về sớm với con me nhé.
- Me sẽ về sớm. Ở nhà con nhớ lấy vở học bài. Coi chừng đèn đuốc đầy. Có đói thì còn ít cơm nguội trong nồi. Ngoan giỏi để ba ở xa ba vui...
- Thừa me, con hứa.

Bây giờ chỉ còn một mình cháu bé cùng căn nhà trống vắng. Cháu đã quen với cảnh cô cút nên không còn sợ hãi như xưa nữa. Cái bóng cháu in trên vách đã không còn làm cháu run rẩy nữa. Cháu lại có cả con chó vàng làm bạn. Nó nằm yên dưới chân cháu, thỉnh thoảng ngược mắt lên nhìn cháu như ngầm nói với cháu, cô chủ nhỏ bé ơi, cô đừng có sợ. Có Lulu đây. Lulu sẽ canh chừng nhà cho cô chủ. Cô

chủ đi đâu thì Lulu sẽ đi theo. Không ai dám làm gì cô chủ đâu.

Em bé mang tập vở ra học. Cháu đọc lại bài cửu chương bảy. Bảy lần một là bảy. Bảy lần hai mươi bốn. Cái bóng điện quá nhỏ không đủ sáng khiến cháu phải khó khăn lắm mới đọc từng con số. Nhưng cháu gắng đọc. Bảy lần sáu bốn mươi hai. Bóng cháu in mờ trên vách. Lulu vẫn nằm ngoan dưới chân cháu. Cháu vuốt đầu Lulu, Lulu có biết không, me nói vài ngày nữa me sẽ dắt tao đi thăm bố. Tao sẽ được gặp bố, tao sẽ về kể lại cho Lulu nghe. Nay Lulu, tao học thuộc cửu chương bảy rồi đấy. Có muốn dò tao không, tao đọc nhé.

Cháu đọc một mình, thỉnh thoảng, mắt cháu nhắm lại, miệng hơi ngưng ngáp vì quên. Lulu tao lại quên rồi. Cho phép tao xem lại, đừng có cười tao nghe Lulu. Rồi đến một lúc nào đó, cháu bỗng nhiên giật mình. Thì ra cháu còn cả bài toán đố nữa. Mai phải nạp rồi Lulu, cháu thăm thì, để tao làm xong, tao sẽ nói chuyện với Lulu, nhé.

Cháu đọc đề bài toán: "Em bé dũng sĩ diệt Mỹ một ngày bắn hai tên giặc lái Mỹ, ba tên ngụy quân. Như vậy tổng cộng quân giặc bị em bé dũng sĩ bắn là bao nhiêu?" Cháu đọc to lên. Bố vẫn hằng dạy cháu là mỗi lần làm toán thì phải đọc thật lớn, đọc hai ba lần cơ. Đến chữ giặc lái thì cháu khựng lại. Cháu vẫn chưa hiểu giặc lái nghĩa gì. Ngụy thì cháu hiểu. Ngụy là bố, chú Tần, chú Khánh. Mà tại sao em bé dũng sĩ lại bắn bố. Bố hiền lắm mà. Chú Tần cũng dễ mến lắm mà. Chú vẫn cho cháu kẹo, kể cho cháu chuyện cổ tích Tấm Cám, lại dạy cho cháu bài hát Trung Thu "Tết Trung Thu xách đèn đi chơi. Em xách đèn đi khắp phố phường..." Không, cháu không thích ai bắn bố, bắn chú Tần. Lulu có ý gì không, bài toán tao không hiểu. Tao phải đọc thêm một lần nữa như bố đã từng dặn.

Giữa lúc ấy, thì điện bỗng nhiên tắt. Cháu đã quá quen thuộc với những lần điện đột nhiên tắt như thế này. Ánh

điện ngoài công viên vẫn còn sáng rực, chiếu vào cửa sổ. Cháu tìm chiếc đèn dầu hỏa đốt lên. Lulu tự nhiên sửa vài tiếng vu vơ. Đừng sợ Lulu, có tao đây. Cháu vỗ nhẹ trên đầu con chó. Này, chúng mình cùng ra công viên nhé. Đèn ở đây sáng lắm. Tao phải làm tiếp bài toán nếu không bố sẽ buồn. Ra ngoài với tao nhé. Đừng sợ nhé. Cháu mang tập vở đi về phía công viên. Lulu lẻo đẻo bước theo cô chủ. Trời đêm đầy sao. Những đứa con nít đang chạy nhảy trên bãi cỏ. Đám người lớn thì ngồi trên băng đá. Một đứa bé trai đang mang chiếc rổ chuối luộc đi bán rong. Một người đàn bà đang ngồi bên quầy thuốc lá. Cháu tìm về dưới chân pho tượng. Đèn sáng choang, rực rỡ. Cháu nói với con vật đồng hành: Lulu nằm ở đây nhé. Đừng sửa bậy, chạy bậy. Ở đây là công viên, có tượng của bác, sửa bậy, chạy bậy họ bắt đấy. Để tao làm bài toán này xong, tao sẽ dắt Lulu trở về nhà. Tao sẽ cho Lulu ăn cơm nguội cùng với tao nhé. Cháu bắt đầu đọc lớn bài toán. Giấc lái là gì nhỉ. Cháu nhắm mắt nghĩ ngợi. Lulu ơi, Lulu có biết không. Tao thì tao không biết. Tao không có ai để hỏi. Bố thì đi học chưa về. Mẹ thì đi bán thuốc lá đến nửa khuya ở bến xe.

Gió sông thổi về từng cơn khiến bé phải co rúm vì lạnh. "Lulu ơi, Lulu có lạnh không, chờ tao thì lạnh lắm. Thời còn bố, tao có nhiều áo quần. Này, tao có cả áo đầm nữa, áo len mà chú Hưng mua từ bên Mỹ nữa. Bây giờ mẹ đem bán hết rồi. Mẹ nói tao lớn rồi, áo quần tao mặc không vừa. Nhưng tao thì tiếc chiếc áo đầm màu đỏ. Nhưng tao thương mẹ. Tao biết mẹ không có tiền. Này Lulu có lạnh không, nép vào tao đi..." Con vật nằm bên cạnh, nhìn lên cô bé, chiếc đuôi ngoắt ngoắt. "Đợi một lát Lulu nhé. Tao phải học cho thuộc, để tao còn được bố thương..."

Những vì sao hiện đầy trên nền trời đêm của bến sông. Vài ánh đèn le lói giữa dòng từ những chiếc ghe thương hồ. Cảnh tượng chìm trong bóng tối của một đêm thành phố không điện. Chỉ có pho tượng mới sáng rực ánh sáng. Và

đứa bé gái ngồi bên cạnh con chó con kia như một hình ảnh sống động giữa một nơi câm lặng vô hồn. Thật vậy, người ta không còn thấy cảnh những đứa bé đuổi bắt nhau, hay những cặp tình nhân trên băng đá, hay cảnh những người bán bò khô, hột vịt lộn, chè trong công viên như ngày xưa nữa.

Lúc này, trong một góc của công viên, tối mờ vì tàn cây che khuất, một người đàn ông đang ngồi trên băng đá, trong bộ quần áo nhàu nát, chiếc áo lính màu xanh vá mấy mảnh trên vai. Anh ta là một nhà thơ miền Nam cũ. Còn ở phía bên kia, xa cách anh khoảng 50 thước, một người đàn ông khác cũng đang ngồi trên băng đá, trong chiếc áo trắng bỏ ra ngoài, vai khoác thêm chiếc bị da dành riêng cho cán bộ đảng. Anh ta là phóng viên của tờ báo thủ đô Hà Nội vào công tác tại thành phố này. Không ai buồn để ý đến sự có mặt của hai người này. Họ cũng như những người dân trong thành phố, đến công viên, để tìm một chút thoải mái của đêm, của gió, trăng và sao... Dù sao, nơi đây, còn giữ một chút màu xanh của những hàng cây cao cổ thụ.

Chợt một lúc nào đó, người phóng viên miền Bắc bỗng nhiên nín thở, bàng hoàng. Rõ ràng, mắt anh bị choáng ngợp bởi hình ảnh em bé đang ngồi học bài dưới pho tượng của Bác. Như một phản xạ nhà nghề, anh nhanh nhẹn lấy máy ảnh từ chiếc bị da và chuẩn bị. Một cơn gió thổi hắt vào, khiến châu thân anh lạnh run. Kia kìa em bé kia cũng đang co ro. Không được. Anh phải ráng chờ. Chờ em bình yên bên con chó nhỏ. Chờ em chăm chú nhìn xuống trang vở. Anh biết rõ hơn bao giờ, anh sắp có một tác phẩm lớn. Tác phẩm sẽ mang tiếng tăm anh nổi như cồn. Chức phóng viên của anh sẽ trở thành một chức vụ khác. Và biết đâu, bức hình này sẽ được mang ra nước ngoài. Và sau đó, anh sẽ được nể trọng, sẽ được hưởng nhiều lợi nhuận của tổ chức, sẽ có nhà có xe... Những khóa huấn luyện của Đảng đã dạy anh về con đường hôm qua và hôm nay. Hôm qua tất cả cho cuộc chiến thần thánh, và

hôm nay tất cả cho sự lãnh đạo ưu việt của Đảng. Ánh sáng trên cao tỏa xuống trang vở, lung linh mái tóc bông-bê chính là ánh sáng của Bác và Đảng. Em bé học bài bên cạnh con chó nhỏ chứng tỏ về một sức sống đang vươn lên sau cuộc trường kỳ kháng chiến. Hai tay anh cầm chặt lấy ống kính như người lính đang chuẩn bị xung kích. Anh cố lấy ánh sáng nhiều hơn trên trang giấy. Anh điều chỉnh độ xa để cố thu cả pho tượng lọt vào khung kính. Và hai tay anh cố giữ cho máy hình khỏi run. Đến một lúc nào đó, anh nhận ra em bé kia không còn co ro nữa. Đó là lúc ngọn gió đêm đã không còn lạnh tê nữa, anh bấm máy. Ánh đèn lóe sáng từ góc tối, nhưng đưa bé chẳng hề hay biết.

Giữa lúc đó, người thi sĩ miền Nam cũng bàng hoàng không kém. Anh nhìn như uống hết vào đôi mắt và con tim của anh hình ảnh của em bé gái đang ngồi bên cạnh con chó nhỏ dưới pho tượng. Vâng, anh biết hơn ai về số phận của em. Bóng em nổi bật trên những hình khắc về đám thiếu nhi choàng khăn đỏ. Tội nghiệp cho em, em chỉ mang một chiếc áo mỏng. Người thi sĩ nghĩ là em phải lạnh lắm. Bởi vì ngay cả anh, anh cũng phải run lên mỗi lần con gió từ sông thổi về. Mái tóc của em tuồng như đen hơn, mun hơn, nổi bật hơn so với màu trắng của pho tượng. Mắt anh mở trừng, như uống hết hình ảnh của đứa bé đang cúi đầu trên trang vở. Thì ra, từ lâu anh đã quên. Anh chỉ khóc cho anh, vui buồn cho chính anh, hạnh phúc cho chính anh. Anh chỉ biết trăng sao, hoa cỏ, bên sông mờ sương, chiều hoang trên bãi, gió đồng nội rì rào. Vâng, từ lâu, anh đã tìm thi ca như một giải quyết vấn đề tâm linh, giúp anh sống giữa một xã hội ta bà, nhưng bây giờ, hình ảnh trước mắt đã làm tâm thức của anh bật gốc đến độ sững sờ. Đứa bé, con chó nhỏ, và sau lưng là pho tượng. Em bé nương nhờ vào ánh sáng để cố làm người. Em bé cô đơn, chỉ con chó con làm bạn. Nhưng mà anh hiểu hơn bao giờ nổi bất hạnh của em. Bởi vì em chỉ mang chiếc áo mỏng. Bởi vì em đâu có phải là con của kẻ thắng trận. Bởi vì em đâu có những chiếc áo ấm để chống đỡ những cơn

gió lạnh tê. Bởi vì anh mang chiếc áo lính cũ này mà châu thân anh cũng phải se sắt căm căm. Huống hồ là một em bé. Trời ơi, anh đã làm hàng ngàn bài thơ, nhưng anh không thể nào diễn tả hình ảnh tội tình này. Không ai có thể đo lường được ngọn gió quất trên tấm thân run rẩy vô tội như người đã trải qua như anh. Em bé nhỏ. Đêm nay, tôi biết em không có cha, bởi vì cha em ở trong vòng tù tội, không có mẹ, bởi vì mẹ em còn phải đầu tắt mặt tối để kiếm miếng cơm manh áo. Đêm nay, những đứa bé của hàng ngũ thắng trận đang vui đùa trong những căn phòng ấm cúng, đèn nến sáng ngời, thì em phải tìm đến nơi mà người ta dựng lên để tôn thờ ngưỡng mộ, trong chiếc áo mỏng dính, trên vai sớm đã gánh theo nỗi bất hạnh tuổi thơ. Từ lâu, vâng từ lâu anh chỉ nhìn pho tượng mà chiêm ngưỡng, nhưng anh không nhận ra thực chất của ngọn gió lạnh tàn bạo vô hình vô tướng này. Vâng, anh biết từ nay anh sẽ phải làm gì.

oOo

Một năm sau, ở Washington D.C. Phòng triển lãm mỹ thuật gồm những người trong và ngoài nước đã triển lãm tấm hình "Vươn lên" của người phóng viên đã chụp trong một đêm nào ở công viên trong số hàng chục bức hình nổi tiếng nhất của thế giới. Tiêu đề của bức hình đã được sửa lại từ "Dưới ánh sáng của vị Cha Già".

Bức hình đã được khen ngợi nồng nhiệt bởi các nhà phê bình danh tiếng. Như một sự vươn lên từ cõi hoang tàn. Như lòng bao dung của những con người ngày xưa đánh Tây đuổi Mỹ bây giờ tất cả cho tuổi thơ. Ánh đèn sáng từ phía sau người và vật là một vùng hào quang của vị lãnh tụ, phát xuất từ con tim vô biên của một vị cha già.

Người ta đã dừng lại trầm trồ chiêm ngưỡng. Người ta đã say đắm trước hình ảnh con chó nằm yên bên cạnh cô bé gái. Nhưng chỉ có một người. Người thơ năm xưa, người

đã từng ngồi trên băng đá. Anh thấy lại cả hình ảnh cũ. Anh thấy lại chiếc áo mỏng. Anh nghe lại cái tê buốt từ những cơn gió đã quất vào châu thân anh. "Chúng bây ngu, một phường ngu độn". Anh không kiềm chế được cơn phần nộ và hét: "Chúng bây có thấy tấm áo kia, tấm áo rất mỏng, không đủ che cả tấm thân nhỏ bé của em. Chúng bây làm sao hiểu những cơn gió không thể chụp được trong hình để biết thêm về một sự thật. Đó là sự chịu đựng vô bờ của tuổi thơ Việt Nam. Chúng bây không biết, cha của em bé này, đã mục xương trong trại tù". Cũng ngay lúc đó, tên cảnh sát da trắng đã nhào đến, ôm anh và vật anh ngã xuống.

Trần Hoài Thư



Cao Thoại Châu

TÔI & VĂN CHƯƠNG MIỀN NAM



Tranh trầnquithoai

Vào sống ở Sài Gòn năm 1954, học hành, kết bạn, tập tành đọc sách và đam mê cái việc nghiệp ngã nhất trần đời là viết lách, cũng có thể nói tôi là người lớn lên và sống bằng văn chương miền Nam. Đó là thứ thực phẩm chẳng khác chi nước và cơm và những thứ linh tinh khác cần thiết cho một con người. Đó còn là bàn tay vỗ về, là niềm kiêu hãnh mỗi khi lòng tôi rung rinh chao đảo, mãi đến hôm nay.

Văn chương ấy là văn chương của một bối cảnh lịch sử mới, trong đó có sự cuốn đi của hệ thống cai trị của Pháp thay vào đó là sự Mỹ hóa nhanh và cụ thể. Cảm hứng sáng

tác của người cầm bút có một bước nhảy vọt từ cái tâm với những phận nghèo cổ điển chuyển dần sang văn chương của cái *Tôi* tiểu tư sản trẻ hiện sinh có góc cạnh, đôi khi có một chút rườm rà công kênh nhưng không trụi lủi như con chim bị vặt hết lông cánh nhìn đã phát khiếp, nói chi ăn. Cái *Tôi*, trong thứ văn chương mà tôi tắm mình trong đó đến già cũng chưa lên bờ, là to lớn lắm, nó đôi khi bệ vệ ngời hay hiên ngang đứng như pho tượng bốn mặt nhìn cho đủ bốn hướng. Tức là không phiến diện, không lép kẹp kiểu con cá khô. Con người nhìn ra phía trước và nhìn bốn hướng để tìm và chọn lấy cái không có sẵn hoặc bị lừa vào là *thân phận*. Và văn chương miền Nam là văn chương mang thân phận con người hết sức đa dạng. *Tính nhân bản* vì thế mà là cái chất bao trùm lên, chảy lênh láng ra trong dòng văn chương này? Đặt thành thử nghi vấn cho thay đổi nhịp câu viết chứ không phải một hoài nghi cần tìm câu trả lời.

Khi nhà thơ và cũng là người thầy dạy học của tôi, Nguyên Sa, tung ra hình ảnh này "*Hôm nay Nga buồn như con chó ốm/ Như con mèo ngái ngủ trong tay anh*" là ông đã tham gia vào lớp người mở một khu vườn mới cho thơ tình giai đoạn đất nước vừa chia cắt, cái *Tôi* trong thơ rất rõ nét và đậm nét, rất thơ và rất... người!

Trong trí nhớ tôi, mấy câu "*Đời sống ôi buồn như cỏ khô/ Nay anh, em cũng tự sương mù/ Khi về tay nhỏ che trời rét/ Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ*" (Nhã Ca) như một chút "nổi loạn" của giọng thơ nữ hiện nguyên hình tâm trạng bơ vơ rất có thực trong những năm cuối thập kỷ 50 thế kỷ trước mà bấy giờ nỗ lực phá dỡ khuôn thước ước lệ của thân phận đang bắt đầu.

Đất nước bị chia cắt, chẳng bao lâu thì chiến tranh bùng phát ngày một khốc liệt và dai dẳng. Nguyễn Bắc Sơn thật tình và ngay thẳng: "*đời đã bắt kẻ làm thơ đi làm lính/ mang trong đầu những ý nghĩ trong veo /xem cuộc chiến như tai trời ách nước*" thì đây là tiếng nói thực của nhiều người lứa tuổi tôi khi đó.

Rồi "*Mai anh về em sầu thê thiết/ Kỷ vật đây viên đạn*

màu đồng/ Cho em làm kỷ niệm sang sông/ Đòi con gái một lần dang dở” (Linh Phương) như một tâm trạng chung của nhiều thanh niên cùng thời với tôi. Quà tặng này đưa trước hay đưa sau, khi người tặng còn hay mất là một xúc động rất khác nhau về bề sâu cả bề rộng!

Thơ thuở ấy có nội hàm là những khát vọng ẩn tàng một tuyệt vọng “... bởi ngày mai anh trở ra mặt trận/ ở đó, anh không thiếu một thứ gì/ kể cả máu/ chỉ duy có thứ này/ hãy viện trợ cho anh/ đó là giọt lệ em xanh biếc...” nhà thơ bị mất một chân vì mìn nổ Luân Hoán đã viết như tiên tri thế ấy. Những thứ dùng để hạ sát được nhà thơ mang làm tặng vật như tặng cho nhau một tâm trạng thừa mứa những vô vọng nghịch lý của một thời: “Tặng cho em trái lựu đạn cay/ Hạch nước mắt của thời đại mới/ Tặng cho em cuộn dây thép gai/ Thứ dây leo của thời đại mới/ Đang leo kín tâm hồn ta hôm nay/ Đó là tình yêu anh, em nhận đi đừng hỏi” (Trần Dạ Từ).

Thân mình mỏng manh như sợi chỉ mà thân phận lại nặng nề như cái ba-lô trên lưng, Trần Hoài Thư viết: *Đêm xuống đôi gập con nước nổi/ Súng đưa khói đầu/ Từng con một vượt sông.../ Anh lạc trên cánh đồng trắng mênh mông/ Không biết nơi nào là cội dũ/ Trên đôi vai anh nặng nề lịch sử/ May mà còn em/ vàng trắng mười sáu/ anh giữ/ ở đây ba-lô... Đấy ba-lô thì chứa được bao nhiêu? Cả một gia tài gom lại còn có bấy nhiêu? Chiếc ba-lô là ẩn dụ cội sông và lở có sao thì đó là cội chết hình như được báo trước! Nhà thơ vốn là người bén nhạy hơn dân thường: “Và có thể nào đêm nay không còn tiếng súng/ Không còn nghe tiếng còi hự giới nghiêm/ Ba giờ sáng xuống Ngã tư quốc tế/ Ăn một tô mì thơm ngát bình yên” (Phạm Cao Hoàng). Thật tuyệt vời cho tô mì ăn vào phút đầu tiên của hòa bình! Thời chiến tranh là nền cho nhiều bài thơ tình mang dấu ấn của nó, có điều là tính hùng tráng hay bi tráng mà thôi. Và tôi (CTC) trong một bài thơ của mình cũng góp một bộ trang phục riêng do tự mình may đo lấy theo kích cỡ riêng mình: “Tôi là chiếc xe bò đã cũ/ Đường gập ghềnh tôi chở tôi đi/ Đường gập ghềnh tôi*

chở tôi về/ Trên một chiếc xe bò đã cũ.”

Trong dòng thơ 20 năm ấy sừng sững hiện tượng thơ Bùi Giáng độc đáo có một không hai trong thi ca VN. *“rong chơi, lãng mạn, tinh nghịch, nhẹ nhàng, hóm hỉnh, luôn là những lời vắn đáp lẩn thẩn về ý nghĩa cuộc đời, về lẽ sinh tồn, về những chuyện phù du, dâu bể, ẩn khuất khía cạnh dục tình khép mở. Tạo nên một mô-típ bạc mệnh hiện đại, có màu sắc siêu thực có chất hoang mang của con người bất khả tri về mình, về người khác trong cuộc sinh tồn hiện hữu...”*

Ngay từ thuở đầu thơ ấy tôi vẫn tự hỏi nên đọc thơ Bùi Giáng vào lúc nào để thấu tóm được tinh túy của nó? Và câu trả lời là... không biết, không thể biết, cần gì phải biết: *“Về cổ lục cũ rồi câu chuyện cũ/ Và cỏ thơm không mới nữa bên đèn/ Và sương sớm hay chiều buông liễu rủ / Biết thế nào mà nói lạ hay quen”*. Và đây nữa cũng là Bùi Giáng: *“Gặp Bô Tát cười vui như nắc nẻ/ Một hôm nào nương tử bước hai chân/ Vén xiêm áo cho tượng thần mờ hé/ Tòa thiên nhiên ngồi xuống cỏ vô ngần”*.

Những bài thơ đầy của chúng tôi như một sự bột phát cá nhân, không một định hướng nào, một sự khích lệ cũng không. Chỉ là sự đối mặt một cách rất cá nhân giữa con người với chính thân phận của mình!

Bây giờ tôi nói đến truyện ngắn gây cho tôi ấn tượng nhất trong 20 năm văn chương miền Nam. Vào năm 1965 khi truyện ngắn “Dọc Đường” của nhà văn Thanh Tâm Tuyền ra đời thì cũng là khi các thành thị lớn nhỏ của Sài Gòn bị lọt thỏm trong chiến cuộc mà ngày và đêm trở thành ranh giới cho không ít những phận người.

Không gian và cảnh tượng chỉ là một buổi chiều chạng vạng ở một dãy phố chợ tạm bợ không có tên nằm dọc quốc lộ chạy qua một khu rừng cao su cũng không được tác giả chỉ định một cái tên. Và cũng như thế, những nhân vật của “Dọc Đường” cũng chỉ được gọi theo giới tính, độ tuổi... hoặc một nét nhận dạng bất kỳ nào đó. *“Ba người đàn ông ngồi quay xung quanh cái bàn gỗ tròn trong quán và cùng hướng về phía quốc lộ. Quán bằng lá nằm cuối*

dây phở mười lăm chiếc, sát cạnh con đường đất xe hơi có thể vào ngăn phở với rừng cao su. Đầu trên dây phở là đồn Dân vệ rào ba lần thép gai trên treo lủng lẳng những ống lon ri”.

Đây là nơi chôn và đây là những con người của nơi chôn đó: *“Người đàn ông ngồi ngoài cùng kế cây cột chống, mặc áo lá quần xà lỏn, một chân co lên ghế, tay bung ly cà phê uống từ hộp nhỏ. Người đàn ông liền bên vận quần áo kaki sờn rách, đầu đội nón bẻ vành, chân đi giày không vớ, cầm chiếc muống nhỏ xúu gõ nhịp lên bàn. Người ngồi tách riêng một phía già hơn hết, tóc tiêu muối, vận quần lãnh đen bám bụi đỏ, áo túi trắng ngả màu.”*

Sống ở cái nơi như thế, trong bối cảnh cuộc chiến tranh đã tới hồi gay gắt, điều quan tâm của nhóm người này là một... con đường có những chuyến xe đủ loại chạy qua biểu hiện của sự thông suốt liên lạc mà bất cứ lúc nào cũng có thể không còn như thế. Vào thời buổi ấy, trời càng về chiều xe càng chạy bán sống bán chết cho kịp tránh bóng đêm khi đường, rừng được “bàn giao”. Và sự quan tâm đến dòng xe của những người này là để đánh bài bằng biển số.
- *Nè, trả tiền ly cà-phê. Tao về cho sớm. Tối nay thế nào cũng có hành quân.*

Không khí chiến tranh được dẫn vào chuyện đơn giản như một thói quen chờ đợi như vậy. Nghệ thuật hiển thị sự việc của Thanh Tâm Tuyền là rất điêu luyện, chúng cứ lộ diện từ từ từng chút một, từ câu nói vu vơ *“Tối nay thế nào cũng có hành quân”* đến *“Đậu cái này rồi về tí”*, *“Tụi bay tuột dù hết rồi. Máy bay trực thăng đó.”* Toàn là những lời vô tư ngắn gọn phục vụ đánh bài như thế. Vài phút sau, tiếng động cơ nổi rõ hơn, tới gần... Chiếc trực thăng bay sà thấp ngang qua quán. Hai người dân vệ từ trong lối xóm trở ra, chân mang giày bó túm ống quần bám sinh vì bụi đất: một người đeo súng hai tay bung trên miệng huýt vào chiếc lá tre non kêu chít chít từng hồi như tiếng chim, một người quàng hai tay trên hai đầu súng đặt nằm ngang cần cổ ngó phía trước, cả hai mặc đồ đen đội những chiếc nón vải đen có lưới. Linh chuẩn bị co rút vào

đồn vì đã tới giờ bóng đêm không là của họ, còn một số người dân thì sửa soạn về ngủ tạm tại một thành phố gần đó, như loài chim di trú trốn tuyết. Người đàn bà không có cái ưu tiên... được sợ chết này, nói với chồng:

- *Mấy cha chỉ bày chuyện đi chơi không à!*

- *Mày không thấy trực thăng quân này giờ sao mày. Bộ mày muốn tao chết...*

- *Còn tôi dễ không chết hả.*

- *Tao là đàn ông mày nghe chưa? Ở nhà để lỡ như lần trước... Tao ở nhà... Đ. m. thử đàn bà ngu!*

Ngay lúc ấy một chiếc xe có thể là cuối cùng từ từ đi qua hết đoạn đường rào kẽm gai đậu trước quán hớt tóc. Người lơ xe nhảy xuống đất kêu vô trong:

- *Xuống lẹ lên cha nội.* Một người đàn ông tay ôm bọc giấy dầu, lom khom bước xuống. Tới đất, người đàn ông lại muốn trở lên, nói:

- *Không phải đây...*

Vậy là đâu? Và chuyện bắt đầu hé lộ ra.

Chiếc xe rồ ga chạy thẳng vào. Người đàn ông đứng lại bên đường ngơ ngác. Hắn vận bộ bà ba đen, chân đi xăng-đan, tóc cắt ngắn, mặt mũi gồ ghề xanh xao. Hắn ngửa mặt nhìn lên trời trông chiếc trực thăng từ phía rừng cao su bay tới, đứng im rồi hạ thấp trên bãi trống bên kia đường. Một vài người nhìn thấy người đàn ông bận bà ba đen ôm bọc giấy dầu đứng trước quán hớt tóc.

Anh ta đi dần và dừng lại trước nhiều căn nhà mong tìm một chốn nương thân qua đêm. Trước tiệm sửa xe máy, cố gắng cười gượng gạo hỏi:

- *Giờ này còn xe trở xuống không anh?*

- *Có lẽ hết.*

Và người đàn ông lại bước đi.... Hắn đứng ở đầu đường đất ngó mông vào xóm, nhìn con lộ chạy ẩn giữa hai hàng cao su tối. Hắn bước vô quán, ngồi bàn phía ngoài, đặt gói đồ lên một cái ghế. Người đàn bà mập từ sau bếp bước ra nói:

- *Hết trơn nước đá rồi, cà phê cũng hết...*

- *Thím cho ngồi nghỉ đỡ đón xe.*

Người đàn bà ngó khách từ đầu tới chân. Lắng nghe khách

nói và bảo:

- *Có xe be tới đó.*

Người đàn ông vội ôm gói đồ chạy ra lề đường. Hai chiếc xe be kèn càng rần rần từ trong rừng cao su, xe chạy chậm. Người đàn ông đưa tay lên cao vẫy kêu: *Cho quá giang...* Hai người tài xế đưa tay vẫy chào và xe vẫn chạy. Người đàn ông thất vọng lầm lũi trở vô quán. Người đàn bà chủ quán hỏi:

- *Chú ở đâu tới?*

- *Tôi đi kiểm thằng em của tôi làm đồn điền cao su.*

Nhưng cái khổ là anh ta không nhớ tên nơi mình muốn đến.

- *Chú nói chuyện trời đất không à. Bộ khi không chú ngồi đó không cho tôi đóng cửa tiệm đi ăn cơm hả? Chú tính chuyện gì?*

Người đàn ông sừng sốt, giật hai tay ôm gói đồ vào bụng ngó trân người đàn bà:

- *Thím cho tôi ngủ đậu. Thím làm phước.* Người đàn bà kêu lên:

- *Đâu có được chú... Biết chú là người thế nào mà cho ngủ đậu. Lỡ đêm chú cắt cổ tôi sao?*

Người khách lạ, nhìn mọi thứ, là một người lương thiện bị đánh đồng với những kẻ bất lương bởi người ta sợ hãi hơn là dành chỗ cho lòng nhân ái

- *Tôi đi đâu? Thím nghĩ coi...*

- *Tôi không biết. Mấy người rắc rối lắm.*

Người đàn ông ngập ngừng bước ra khỏi quán tiến tới bên cửa một tiệm sửa xe. Và điệp khúc lặp lại:

- *Anh Hai cho tôi ngủ đậu. Dưới đất cũng được. Mời tôi đón xe về sớm.*

- *Bộ anh cho là tôi khùng hả. Cha này kỳ quá...*

Ngoài rừng trời chạng vạng nhá nhem. Người đàn ông đi tới bên lề đường. Một vài tiếng đại bác nổ âm ỉ ở xa. Hắn gõ nhẹ lên cánh cửa rồi nghe ngóng... Trời cứ tối dần. Người đàn ông cúi nghiêng xuống ngang mặt với lỗ hồng:

- *Tôi lỡ độ đường.*

- *Thôi mà chú, chú kiếm nơi khác. Tôi tu hành mà.*

- *Không đâu họ chịu cả. Bác làm phước thương con.*
 Bỗng trong nhà có tiếng thiếu nữ ngắt ngang:

- *Bà tôi nói thiệt mà.*

- *Tôi thiệt tình mà cô Hai.*

- *Thiệt hay không thiệt cũng không ai chứa người lạ trong nhà.*

Một tiếng nổ âm rung chuyển đất. Lỗ hồng đóng sập lại và tiếng chân chạy trong các nhà. Mọi cửa đều đóng vội. Những tiếng nổ tiếp theo còn cách xa. Người đàn ông đảo dác ngó ra đường. Trên trời phía rừng cao-su trái hỏa pháo bắn vọt lên lơ lửng vài phút rồi tắt. Tiếp theo một trái hỏa pháo khác. Người đàn ông đứng ôm bọc giấy bên lu nước...

Đêm, súng nổ, nơi tạm yên ổn là mái nhà và người đàn ông không có được. Anh ta không khùng khùng, anh ta *lỡ độ đường*, một mình đứng giữa bóng đêm!

Thân phận con người càng đa dạng bao nhiêu thì nỗi cô đơn của nó càng lớn bấy nhiêu. Và người viết truyện ngắn này – người làm văn chương nói chung - lúc đó đã nhanh chóng và trung thực phản ánh trong tác phẩm của họ.

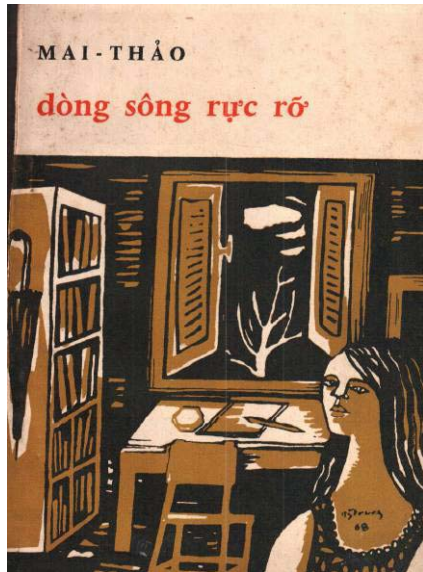
Sau này khi mọi sự đã lắng xuống, tôi cũng có lúc thử tìm nhưng quả thật *không thể nào nhìn thấy bộ đồng phục* trong dòng văn chương mà tôi viết ở đây. Tìm ra nguyên nhân thì đó là... việc của người thưởng ngoạn!

Cao Thoại Châu

Di sản Văn chương Miền Nam

MAI THẢO

Lá cờ đỏ chói



Những ngày cuối năm, buổi sáng xanh, làm nhớ đến những tình sương mùa thu miền Bắc, buổi trưa ẩm hơi trong da thịt ngờ ngàng xao động, và buổi chiều, buổi chiều thấp thoáng chuyên chở trong nó hình ảnh phần đời tàn tạ bắt đầu, tôi thường từ trong xóm thấp vượt qua con đường liên tỉnh, sang tới bãi cỏ đó, ngồi với tôi, một mình, trên cái chiếu cỏ mênh mông nuốt nà xanh biếc. Và nghĩ.

Quá khứ xa đắm lùi giạt sau tầm chạm đụng mịt mùng của trí nhớ phản phúc, hiện tại như con đường liên tỉnh băng qua, tương lai sát gần và hạn hẹp thâm thương chỉ còn như một nỗi dài lung lay của trí nhớ và quá khứ đã lấp trùm trên toàn diện thân thể thiêm thiếp lắng đọng, tôi sống những chuỗi tháng ngày cuối cùng không còn với gì hơn là những ý nghĩ của mình. Sống. Sống bằng ý nghĩ. Phải, tôi chỉ còn có thể. Tôi chẳng còn gì. Tôi đã mất sạch. Người ta bảo tuổi già là một trạng thái khoan thai suy nghĩ của con sư tử có cặp mắt hiền từ mà vẫn dư thừa quyền lực, bởi vì con sư tử hiền lành vẫn làm cho chung quanh rùng rợn nín thinh, tuổi già trầm lặng trong khốc liệt, thư thái mà chói lọi, bởi nó nung nấu trong nó ngọn lửa vĩ đại âm thầm ấy là cả một đời người đã trải qua, và tự động lại, tuổi già như một đời cổ thụ với những đường nhăn là những gân xanh và những màu hồng mới, nhưng tuổi già ở tôi không phải như vậy. Tuổi già chỉ là một khúc ruột thừa, một nhánh gỗ mục, sự lẩn lóc vô ích, sự bất động trống không, không ra khối hình cũng chẳng thành hình bóng. Tuổi già chính là cái bất toàn, khó coi và quái gở nhất của một đời người. Sống. Sống bằng ý nghĩ. Thế là sống đó sao? Không. Tôi đã chết rồi. Tôi chỉ còn những ý nghĩ vật vờ của tôi như những cặp mắt ráo hoảnh ngó sang đời sống. Đời sống vẫn gần gũi đó. Chung quanh đây. Tôi còn tỉnh táo. Tôi còn tỉnh tường. Vành tai còn lắng đoán và ghi nhận được những tiếng động thâm thì nhất. Tròng mắt còn in dấu được những hình ảnh hư ngụy nhất. Chân tôi còn đi. Da tôi còn sờ. Nhưng đời sống là hàng xóm rồi. Và nhà láng giềng với ông lão già thì đã có một hàng giậu ở giữa. Phút này, tôi cũng lại đang sống với cái thứ đời sống chán nản ngầy ngầy thuần bằng những ý nghĩ, ở đây, trên cái ngai cô độc vô hình là bãi cỏ hoang, dưới cao vút và lồng lộng trời chiều vẫy bọc. Mỗi buổi, mỗi ngày, tôi chỉ còn có trời cao trên đầu vẫy bọc. Như những sự vẫy bọc khác của cô độc, lặng im, và bóng tối. Còn thì tất cả không còn vẫy bọc nữa, tất cả đã xa vắng rồi, tất cả đã đâu đâu.

Đưa con gái cuối cùng của tôi vừa đi lấy chồng. Đám cưới

nó đã được cử hành sáng nay. Anh em nó đã đem vợ con cháu chắt về nhà tôi, căn nhà nhỏ đầy tràn, đông đặc, hỗn loạn, tôi sống suốt một buổi sáng bàng hoàng thảng thốt trước cái cảnh tượng xô lẫn choáng váng, nhưng rồi đến buổi trưa, cái ngọn triều ấy chỉ trong chớp mắt đã tan biến, đã rút đi thật xa, để làm đây, để dâng lên ở những bến bờ nào khác, ném trả tôi lại, một mình, như một con cá ươn nằm thoi thóp trên một bãi khô tịnh không có một dấu vết, một hiện hữu nào hơn là con cá ươn phơi mình tênh hênh. Và tôi lại ngẫm nghĩa, lủi thủi, lẫn thẩn cái tuổi già xa lạ của mình qua từng cái vẩy, qua từng cái vẩy của con cá chết.

Tôi yêu nhất nó. Vì nó là đứa con gái cuối cùng. Tình yêu chỉ mãnh liệt và tuyệt vọng khi nó diễn ra trong một tâm trạng lo hoảng đánh mất. Tôi yêu thương đứa con gái út của tôi như thế, hơn đám anh chị nó, chỉ bởi vì nó là mối dây cuối cùng còn buộc lấy đời tôi. Nhưng tuổi trẻ không phải là tuổi già. Nó có cánh. Cánh nó đã lớn. Và đẩy gió. Thế là nó cũng bay đi,

- Sáng mai chúng con sẽ về thăm thầy.

Nó nói với tôi ở bên cạnh bàn thờ, trong ánh mắt nó thương mến nhìn tôi, có ánh nền từ trên bàn thờ cao chiếu xuống. Tôi nhìn nó thật lâu. Chỉ với một chiếc áo cưới trắng toát tinh khiết, và một gã trẻ tuổi đứng xấp năm bên cạnh, máu huyết ruột thịt của tôi kia đã trở thành một cuộc đời lạ mặt. Lạ. Như chưa từng nhìn thấy bao giờ. Và tôi ngần ngừ, tôi đã nhìn nó thật lâu.

- Thầy mừng cho chúng con.

Mừng? Tôi nhìn cái người đàn bà lạ mặt, hớn hờ, đột ngột, và tôi không trả lời được. Tôi không biết. Không biết. Và tôi không trả lời được. Nó nhắc lại, một câu đã nói, hơi khác đi vài chữ :

- Sáng mai con và nhà con sẽ về thăm thầy.

Tới đó thì tôi nghĩ tôi có thể nói được. Mà không thể nói.

Tôi muốn nói mày đi ngay đi, ra khỏi cửa thật gấp, đi ngay đi và không nhìn trở lại, không còn sáng mai nào hết, mày đừng nên trở lại làm gì, mày chỉ có nghĩa ở đây, không bằng sự sáng mai trở lại, hãy để tôi yên, từ phút này, từ sáng mai, trong năm mộ này. Thật tình, phút đó tôi đã nghĩ và đã muốn nói như thế.

Đám cưới tan. Đoàn xe đậu kín cửa nối đuôi nhau từ trong xóm quay đầu chạy ra, leo lên con đường liên tỉnh. Con cháu tôi đã lũ lượt bỏ đi như khi chúng đến, lũ lượt, thoáng chốc đã đầy chật quanh mình, và căn nhà thấp, tôi chỉ còn mình tôi, vang mãi, vang mãi, cho đến lắng dịu dần, một thứ âm thanh kỳ lạ. Sau cùng, tôi thở ra được. Chớp mắt được. Nhức nhích được. Bước được một vài bước. Đưa được cánh tay lên. Mọi sự bừa bãi đã được chúng nó chia nhau thu dọn lại. Nhưng cái đám cưới, cái buổi họp mặt ồn ào ban nãy vẫn còn ngồn ngằng dấu vết. Những bông hoa lẫn lóc trên mặt chiếc khăn bàn xô lệch. Những tách nước uống dở. Một điều thuốc lá rớt xuống tự bao giờ, nằm trên nền đất. Tôi bước đến, cúi xuống, nhặt điều thuốc lên, đặt ngay ngắn trên mặt bàn, đứng tần ngần. Đến màu hồng mơn mớn của những cánh hoa cũng thoáng chốc trở thành một sắc màu xa lạ. Tôi đặt bàn tay trên nền vải trắng, miết nhẹ từng ngón. Những ngón tay gầy guộc, khô teo, bỏ đi, trong dáng điệu đặc biệt lạc lõng của kẻ mù lòa, rồi đứng lại. Tôi rút tay. Tần ngần. Tôi buông thõng tay. Tần ngần. Im lặng chung quanh đầm đẫm ngó nhìn không chớp. Ông lão già, ông không còn gì hết, ông chỉ còn những người đã chết. Thật thế sao? Tôi không còn gì nhưng tôi vẫn còn được những người đã chết ? Cũng được. Tôi chỉ mong còn được một cái gì. Một cái gì đó ngoài tôi. Thế giới bên kia, tại sao không, tôi nghĩ thế và lật đặt trở lại trước bàn thờ. Ngọn nến đã tắt. Tôi hấp tấp châm lửa, đốt luôn một lúc hai ngọn mới. Những thẻ hương đã tàn. Lửa. Một thoáng khói, một thoáng hương, và một mùi thơm tín ngưỡng đã tỏa lan từ những que gậy rung rinh. Thành kính trong tâm hồn, hèn mọn trong một nỗ lực cảm thông và tín mộ sôi nổi, tôi đã cúi đầu xuống, tìm kiếm cái đời sống kia của

những người lánh khuất xưa trước đã có một tuổi già như tôi. Lại thay. Chẳng có một va chạm siêu hình gọn gọn. Chẳng có một tiếp nối thần thánh dầy dầy. Thì ra cái thế giới của người chết chỉ có với người sống. Kẻ đã tựa lưng vào cõi biết, cõi biết chính là người. Cõi biết không có nữa.

oOo

Đám trẻ nhỏ từ bên kia con đường trái đá xanh tụ tập ở đầu, từ lúc nào không rõ, thỉnh linh xuất hiện.

Thằng nhỏ dẫn đầu, cầm trên tay một lá cờ màu xanh, lá cờ lấp lánh nắng, phấp phất theo nhịp chân líu ríu dồn dập. Theo sau nó, một đứa con gái, thấp hơn thằng chạy trước một cái đầu. Đứa con gái tóc cắt ngắn, mặt mũi tròn quay, cổ tay cổ chân mập mập, quần xắn tới đầu gối, cầm một lá cờ đỏ chói. Chúng dẫn đường cho chừng mười đứa nhỏ khác, trai gái lẫn lộn, cùng nối đuôi nhau chạy theo một đường chạy vòng vòng lượn lượn, và sang tới bãi cỏ, đột ngột tỏa rộng, hỗn độn, không hàng lối, không phương hướng, như trước đó một phút, sự di động tập thể ấy vẫn tuân theo một hướng dẫn vô hình và hướng dẫn ấy bất ngờ hất tung đám trẻ về nhiều phía khác biệt. Thoắt chốc, những thước không khí lặng lẽ lắng đọng như một trạng thái thiêm thiếp lim dim nhón nháo thức tỉnh bởi một xáo động điên cuồng. Với hai lá cờ và rất nhiều tưởng tượng thần thánh vô hạn của tuổi nhỏ, đám trẻ ào tới, vây lấy ông già giữa một vùng la hét đỉnh tai nhức óc. Không hiểu chúng đang chơi với nhau một thứ trò chơi nào. Không hiểu. Chúng đến từ nghìn dặm. Từ đầu đời bên kia, thấp thoáng một thế giới khác, một vùng trời khác, xa lạ một tuổi tác khác, và ông lão già, vẫn bất động như một tảng đá mềm nhũn, ngó nhìn cái vòng tròn quay đảo hoa mắt bằng cái nhìn mà kinh hoàng tội phạm đã tê liệt, thành một đờ đẫn rung rung. Nắng chiều tỏa đầy trên cái nhìn đó, trông không mù lòa và tối đen, với trông mắt không đầy để lọt qua không ghi nhận không ngăn giữ một ảnh hình nào. Đám trẻ ở sát gần. Có đứa gần quá, đụng cả vào ông lão

già. Ngọn cờ xanh, ngọn cờ đỏ phấp phới qua lại, phía trước, phía sau, bên tả, bên hữu. Những thân cỏ rạp xuống. Nắng từng đợt, từng phiên, từng dòng nhẹ nhai óng ánh tràn chảy, rót rụng trên những mái tóc, những cánh tay thơ ấu, giữa những nếp quần áo phần phật đập theo gió, theo sự giẫm đạp không ngừng của những gót chân chong chóng đan nhau. Đám trẻ vừa chạy vừa hò hét. Chúng hét đến đứt hơi. Chúng la đến khản tiếng. Nhưng, như cặp đồng tử mù lòa im ỉm, vành tai của người già chùng như cũng đã khép lại, và tiếng la thét dội đập vào một cánh cửa cài then đóng kín, chỉ còn là một thứ âm thanh xôn xao, vật vờ, thứ âm thanh rì rào, mất tăm từng hồi, hiện ra từng lúc, của một vùng biển ở rất thấp và rất xa, vọng lên qua bao nhiêu ngọn đồi, bao nhiêu cánh rừng mỗi một, âm thanh đó lần đi tới đâu mất dần tới đó, cuối cùng chỉ còn là một dây động hắt hiu nghe từ trong ra, nghe từ đâu phả tới, một thứ dây động mơ hồ và tưởng tượng.

Đám trẻ nhỏ với thứ trò chơi lạ lùng và khó hiểu của chúng hung hăng được một lát. Rồi sự cuồng nhiệt cũng giảm sút dần theo đà chân chậm lại. Ngọn cờ xanh hạ thấp xuống. Ngọn cờ đỏ hạ theo. Những tiếng la thét rời rạc đứt quãng. Những cái vòng tròn quay múa chóng mặt tan rời và phân chia thành nhiều mảnh nhỏ. Đứa con gái phịch phịch ngừng chân trước nhất. Nó cắp lá cờ đỏ trong tay, đi lững thững, vừa đi vừa thở. Mái tóc nó dính bết. Hai bên thái dương lấm tấm mồ hôi. Rồi nó thốt lên một tiếng kêu ngắn, rất lạ tai và ngồi phịch xuống. Đám bạn nó lần lượt ngồi xuống theo. Nắng chiều nghiêng xuống bãi. Cỏ mênh mông chột mang hình ảnh phẳng tấp của một mặt biển cứng lạnh như một mặt kim khí xanh biếc, trên đó lác đác những đứa trẻ ngồi khoanh chân như từng hòn đảo tí hon. Ông già ngồi ở giữa chúng nó. Ông già không phải là một hòn đảo. Ông già chỉ là một phiến đất, một nhánh củi mục.

Đứa nhỏ ngồi gần nhất ngược cặp mắt đen láy nhìn ông già. Nó nhẩn mặt ngơ ngĩnh và lân la lại gần. Phần lớn những đứa kia cũng bắt chước làm theo như thế. Bóng

chúng nó vây quanh nối liền với bóng ông già ngồi giữa. Và những câu hỏi bắt đầu, như một cuộc truy kích tuần tự:

- Ông già, ông ngồi làm gì đó ?

Im lặng. Im lặng với tôi là nẻo mới tôi đang trở về. Im lặng với tôi là cửa hầm tôi lách tới, lưới tôi ở phía bên kia cổ họng thu nhỏ, tôi không biết nói nữa, nói là ngôn ngữ của trẻ nhỏ, của loài người. Tôi đã ván thiên, tôi đã mộ chí. Tôi chỉ còn là một búp khói rung rinh trên một thân hương gầy guộc. Đang làm gì ư? Tôi đang làm cỏ. Tôi nhòa vào chiều. Tôi là phiến linh hồn ngắt ngư phiêu bạt, tôi là mảnh tâm linh băng hoại lang thang của buổi chiều này. Và đứa con gái cuối cùng của tôi cũng đã bỏ đi, và nó đã nói: sớm mai chúng con trở lại thăm thầy. Sớm mai. Những sớm mai nào mặt trời thức dậy. Đang làm gì ư ? Đang làm hư không.

Không thấy ông lão trả lời, đứa con gái sán gần hơn nữa. Nó thân mật đặt bàn tay mụ mẫm trên cái đốt xương nhọn hoắt ấy là đầu gối ông lão, và phát qua phát lại lá cờ màu đỏ trước mặt ông ta. Nhưng cặp mắt ông lão thì vẫn trùng trùng mở cứng. Chỉ một thoáng mi động ảnh dịu dàng.

- Ông ở đâu tới?

Thằng cầm cờ xanh, buông rót lá cờ trên mặt cỏ. Màu xanh của cờ chìm nhòa vào màu xanh của cỏ. Nó nhặt lá cờ lên, chỉ thẳng cây cờ trước mặt, như một điểm hồng tâm, neho mắt ngắm, và trả lời thay cho ông lão:

- Bên kia đường. Trong xóm. Nhà có đám cưới hồi sáng đó.

- Nhà ông mới có đám cưới sao ông buồn thế ông lão ?

Những chiếc xe kết hoa trắng toát chở người đi vào cuộc đời, người đi về kẻ chợ, về ngã tư, về biển lớn lấp lánh những điểm lân tinh mộng tưởng chan hòa, và những chiếc xe hoa hóa thân theo hiện tượng nhị trùng bản ngã của người đã chở hư không về một hướng khác, tôi trôi theo hoa trôi vào khoảng biếc, tôi đã đến gần lắm với vùng âm

thanh rì rào đời kiếp ấy xuất lên và vang ngân lạ thường từ vùng biển kia, xuất lên và vang ngân qua không biết bao nhiều núi rừng mỗi một.

- Ông ấy điếc chúng mày !

- Ông ấy câm.

- Ông ấy mù chúng mày !

- Sao ông không trả lời chúng cháu, ông lão. Cho ông lá cờ xanh này, ông lão. Lá cờ đỏ này nữa, cờ dẫn đường và cờ chạy đầu đó, cho ông đó, ông lão.

Hai lá cờ từ trên tay hai đứa nhỏ được đặt xuống, ngay ngắn, cân đối trong hai lòng tay nhẵn nhúm của ông già xòe mở song song trên đùi, như hai nhành hoa chết hai cái chết mở rộng và hướng tới, từ dưới thấp mặt cỏ lên trời xanh trên đầu.

Vô hiệu. Tuổi già thành tượng trên bãi cỏ là một khối lừng lững bất khả xâm phạm không thả ra một dấu tích sự sống bé nhỏ nào. Đám trẻ con đưa mắt nhìn nhau. Trò đùa mới của chúng nó thật chán ngắt. Trò đùa như tình yêu. Chỉ có, nếu được đáp lại. Hai cây cờ xanh đỏ như hai hòn đá ném xuống một mặt nước, mất tăm, không gợn lên một tấm nước sóng sánh. Và, chừng như, sau một lúc ngồi, nằm ngổn ngang trên mặt cỏ, đám trẻ nhỏ đã hết mệt, chạy nhảy với chúng lại trở thành một hứng thú tốt đỉnh như lúc chúng khởi đầu cuộc chơi từ phía bên kia con đường trải đá băng sang, đám trẻ cũng hô lớn một tiếng và đồng loạt đứng vùng lên. Lần này, chúng chạy đều nhịp, những cánh tay dang rộng thành hình thước thợ với chiều người, hợp thành một hàng thẳng tắp. Đứa con gái, thấp nhất bọn, chiếm vị trí chính giữa. Nó chạy thật nghiêm trang, mắt không ngừng ném về hai phía một cái nhìn điều khiển, và từ đứa con gái, cái hàng dài ấy nghiêng nghiêng lượn lượn quay chung quanh ông lão già nhiều vòng đẹp mắt.

Mặt trời bỗng ngả thật mau, lớn hơn và chói chang dữ dội hơn trong khoảnh khắc thẳng thốt là dấu hiệu của một lặn

chìm báo trước. Cái bóng ông lão bị hắt bắn về phía sau, đồ dài và mất hút trên mặt cỏ. Như thế một lát. Rồi đôi cánh lớn kết bằng những cánh tay thơ ấu nổi liền chùng xuống, đứt rời thành từng đoạn ngắn. Bầy trẻ nhỏ không để ý đến ông lão nữa. Chúng quay lưng, buông tay, lững thững ra khỏi bãi cỏ chiều và mất đi về phía sau sát mái nhà bên đường bên kia. Khi đứa trẻ cuối cùng rời khỏi bãi cỏ cũng là lúc mặt cỏ chợt tối hẳn đi, vì mặt trời đã lặn.

oOo

Thế giới của tôi bắt đầu bằng những vì sao là những cặp mắt, những tình nhân, những linh hồn ảo huyền và hằng cửu của đêm tối. Sao đang lên, sao đang lên rồi, từng vì sao một. Một vì sao đã lên và tiếp theo nó là một vì sao mới đang hiện, điểm sáng rõ dần thành lấp lánh, cạnh sáng hiện dần thành lung linh, tưởng như có một bàn tay vĩ đại kích thước mệnh mông xòe mở kín trời đang nhặt dần trong hằng hà vô tận từng đời ánh sáng một và cấy dần chúng lên nền trời bằng một trồng cấy tuần tự khoan thai vô cùng vô hạn. Bàn tay huyền diệu kia đang đánh hào quang lên trời là của kẻ ấy có thừa thì giờ. Kẻ ấy có triệu ngày triệu năm, triệu đời triệu tháng. Y không vội vàng. Y cấy sao lên đêm, y cấy sao đêm không vội vàng. Tôi cũng vậy. Tôi đã ở ngoài mọi áp lực lũy tiến của đời sống dồn đuổi bằng những nhân gấp tích lũy tuôn tuôn nổi nổi của nó, và tôi đã thôi vội vàng, đã ngừng hấp tấp, tôi đã hằng cửu và tôi đã khoan thai. Đêm đang xuống, tôi ngồi đây, và tôi cũng đang chăm chú, đang trầm tĩnh, đang khoan thai cấy dần từng vì sao lên vòm trời riêng biệt của mình. Mai chúng con trở về đây thăm thầy. Ừ, con hãy trở về, hãy trở về đây thăm thầy. Tôi cấy thêm một vì sao mới. Tôi đang cấy tôi trên từng vì sao mới. Ừ, sáng mai mặt trời mọc, xe cộ chạy, đời sống lên, vòng xe quay, con hãy trở về đây thăm thầy. Trong tôi, một nền trời đã dựng xong. Dựng xong từ một vì sao cuối cũng vừa cấy hết.

oOo

Tinh sương ngày hôm sau, đứa con gái mù mắt bỏ quên lá cờ đỏ trong lòng tay ông già trở lại tìm lá cờ của nó trên bãi cỏ. Lá cờ ướt sũng sương đêm vẫn nằm ở đó, như chiều hôm trước, trên lòng tay mở rộng của ông lão già. Và ông lão già vẫn ngồi đó, y nguyên như chiều hôm trước. Đứa con gái nhìn ông lão đăm đăm. Nó chỉ ngạc nhiên chút ít khi nghĩ rằng ông lão đã ngồi suốt đêm một mình như thế ở ngoài trời. Nó cúi xuống, nhẹ nhàng nhặt lấy lá cờ đỏ, nhặt luôn lá cờ xanh, và bình tĩnh đi ra khỏi bãi cỏ với những hạt sương óng ánh dưới nắng sớm vừa dấy. Bằng những vì sao và hai lá cờ xanh đỏ của đàn trẻ nhỏ trên lòng tay, ông lão già đã trồng cây xong vòm trời thế giới của mình. Và không có ngày nhĩ hi cho người thiếu nữ lấy chồng ngày hôm trước đó.

Mai Thảo

(Nguồn: Giòng sông rực rỡ, tập truyện, Văn Uyển xuất bản tháng 8-1968)



Di sản văn chương miền Nam

NGUYỄN TẤT NHIÊN

Như màu trang vở cũ



Giờ này, trên ấy, nhỏ đang làm gì đó nhỏ? Một câu hỏi xưa như kinh thánh mà cũng bất diệt như thánh kinh của những tình nhân cách biệt nhớ nhung, chắc nhỏ cũng vừa hỏi anh (bằng có là anh mới ách xì). Có bao giờ nhỏ nghĩ rằng tình yêu và hạnh phúc như hai mặt gương soi đối diện? Chúng chẳng soi thấy nhau gì cả, nếu không có sự hiện hữu của mình. Và chúng chỉ soi được bóng mình với bề ngoài diêm dúa, điệu bộ. Anh muốn nói đến sự dối lừa. Có bao giờ nhỏ nghĩ rằng tình yêu và hạnh phúc chỉ là sự dối lừa mà Thượng Đế đặc biệt riêng tặng loài người?

Gần tàn điều thuốc, tôi hỏi:

- Em đóng kịch được chứ?

- Không.

- Gắng lên xem nào. Ông bạn Hòa đã cho biết là năm nay ông định dựng một vở kịch ở trường đại học Đà-lạt. Anh đang chờ ông gọi kịch bản về.

- Ai đạo diễn?

- Anh.

- Anh vừa đạo diễn vừa diễn viên?

- Ừ. Anh định sắp em một vai.

Nàng rụt cổ:

- Thôi, khó lắm, em sợ lắm.

- Không khó lắm đâu... Kịch ngắn, chỉ có hai vai, anh với em tha hồ múa rối.

Nàng cúi đầu, do dự:

- Để em nghĩ xem.

- Không nghĩ chi hết, anh đã chọn em rồi. Tầm vóc mình rất tương xứng. Mình vừa là đôi tình nhân ngoài đời vừa là đôi tình nhân trên sân khấu. Thiên hạ sẽ buồn, sẽ vui, sẽ mệt theo mình. Anh là người phía đám đông, em là một phần tử đã tách rời đám đông phải đứng cạnh anh.

Nàng cười:

- Anh lúc nào cũng đầy ắp tự tin.

- Và tự kiêu...

Giờ này, trên ấy, nhỏ đang làm gì đó nhỏ?

“Đà-lạt 5-1-74

Ông,

Nhỏ buồn.

Nhận thư và quà ông lúc bắt đầu thi môn thứ nhất của đệ

nhất lục cá nguyệt. Buổi sáng, trời ngập sương nhỏ đứng cuối hành lang áp hai tay lên má lạnh run, thềm ngủ quá ông ạ, nhỏ chong đèn tròn mẹ chui xuống gầm giường học sáng đêm mà. Mẹ Cécile đến đưa quà cho nhỏ và bảo sướng nhé, ai thế? Nhỏ nhìn mẹ cười buồn rười buồn: anh con. Mẹ vỗ vỗ đầu: ráng thi nghe con... Rồi mẹ đi. Cái lúp xanh phản phật với những sợi tóc mai ủ kín hai mang tai lộng buốt trong gió sáng. Người tình của Chúa, bình yên quá! Ông có thấy đó là một kiểu hạnh phúc không? Mùa thi làm rời đau từng ngón tay, từng sợi tóc, rồi đau đến giọt nước mắt ứa ra thâm lặng ở những khuya sách vở vung vãi ngủ vùi. Nên cả tháng không thư, biết nói gì với ông bây giờ ngoài nỗi buồn, mà nỗi buồn thì ngập lụt đầu cổ, hôn xác, buồn thối ruột mềm môi, ông. Thi xong, đau. Vừa vặn cho mùa Noel nằm trong chăn khóc mướt. Đêm Chúa, mẹ dắt đi lễ, quì ngoan quì hiền ở một góc, chuông đổ trầm ngâm nhỏ hiền mất thánh, nhỏ nghĩ ông vui lắm ở Biên Hòa. Đến ông một lời chúc thật nồng dù đã quá muộn, ông nghe.

Nước mắt đã ứa đỏ môi cay con gái. Ở đây mẹ chỉ biết có mình cô và dưỡng, chỉ hai người đó mới lãnh nhỏ ra khỏi trường được thôi. Luật nội trú là thế. Nhỏ xin lỗi ông, không ông giận, tội nhỏ vô tội.

Mười ba trường mở kermesse, chắc là rộn rịp lắm, bẽ bẽ công việc, chắc là nhỏ sẽ lây vui lắm với bạn bè. Ông có chúc nhỏ vui không? Mùa đông buồn hơn mất khóc mà, ông chả tội nhỏ tí nào hết. Đà-lạt là nắm mồ sâu, nội trú là quan tài lạnh, nhỏ nằm trong đó, nhỏ ăn, nhỏ ngủ, nhỏ chơi, nhỏ học, như cái bóng với cái bóng. Thảm. Chết.

Nhớ hội chợ tết trường Ngô-Quyền quá, ông. Cây nêu cao ngất ngưỡng với tờ báo xuân lác lư, những gian hàng nô nức như chợ chồm hổm, nhưng mà nhớ nhất là con nhỏ áo bà ba trắng tròn bạn bè đang vui vẻ ăn uống la hét thấy ghê xuống thư viện chơi với ông, ông “cụ” học sinh. Gian hàng Cựu Học Sinh một mình ông xóc nổi, ông hát hay ghê, ông ngâm thơ hay ghê, ông thổi sáo, ông đàn hay ghê... Sao mà

ông lắm tài thế? Ông, sao mà nhỏ chả biết cái gì thế ông? Ông giành của nhỏ hết rồi mà, ông tham lam tợn đời. Mai một ông dậy nhỏ thôi sáo nhé, eo, nhỏ mà thôi chắc thiên hạ chết hết (bởi rách lỗ tai ấy). Nhỏ biết năm nay Ngô-Quyền cũng tổ chức như thế, ông có dự không? Dự đi ông, nghe. Ông, cho nhỏ một chút xíu vui ké nhé.

Chiều mù 6-1

Chúa nhật long nhong loanh quanh trường, chả biết làm gì cả dù có quá nhiều chuyện để làm. Trưa cuộn trong chăn lồi một xấp thư ra, nâng niu từng cái. Thân tình là đây, ngậm ngùi là đây. Đọc thư ông. Nghe chừng trong lòng có nỗi buồn vỡ ra, xót xa. Những thân tình đã là những hệ lụy. Thôi ông, nội trú tường dày tường kín, hãy để cho con chim nhỏ bình yên ngậm cầm tiếng hót, đã bỏ lại một thời lao đao, cuống quít ở phố cũ trường Ngô Quyền xưa, đừng bắt nhỏ qua những khúc quanh ông đã đến, đã bỏ đi, đã mất hút... quá lạ lòng mất nhìn mười bảy tuổi. Nhỏ sợ chết được những ồn ào, những vội vã nên nghe ông, có đến hãy bằng bước nhỏ nhẹ, bước nâng niu mây khói, đã là thiên đường thỉnh lặng mà.

Mùa đông và cái hẹn của ông như ly nước nóng hong mắt đầm đầm rời đau. Anh đào nở, ông cũng nên đến, qua những con đường run rẩy để nghe một chút rét muối dịu dàng, sống cho mình, riêng mình một cõi. Chúc ông cười hờ hết răng và gặp nhiều chuyện ly kỳ, vui vẻ ông nghe. Nhỏ không đùa đâu, mẹ nội trú giữ con gái hơn giữ của, ông đến trường chắc gì mẹ cho nhỏ ra, chỉ nói chuyện thôi chứ đừng nói chi việc đạo phở xá. Trăm ngàn lý do để mẹ đưa ra. Chấm hết, chấm hết. Có thể, biết đâu nhỏ sẽ đứng đầu đó, một góc lầu khuất tối hay một khung cửa sổ mở ra lộng gió nhìn ông bỏ đi, mẹ ạ. Hãy nói nhỏ với Ngô Quyền rằng: Chim núi nhớ Ngô Quyền chim núi khóc, ông nghe.

Sáng mù 7-1

Đêm mơ thấy về Biên Hòa, thấy ông ghê gớm lắm, thấy bạn bè ghê gớm lắm, bỏ hết quên hết, nhòa mất hết. Nhỏ

nghe chừng có ngàn phiền băng rã ra, vỡ nát. Thấy nhỏ về vùi trong tóc mạ khóc mướt, mạ ơi, con gái mười bảy tuổi sầu đời. Con gái thương mình, thương mạ chừng lòng. Thấy tay mạ dài, mắt mạ ướt, thấy nhỏ hỏi hoài một câu sao mạ bỏ con thui thui, sao cha mù đời, sao tình chết mạ mang, gánh ăn năn cha nặng, sao xác-chết-tình-xưa của mạ của cha cứ theo trời quít chân con?... Ông ơi, mạ khóc, nước mắt nghìn lần cho cuộc tình rã vỡ ngày xưa.

Sáng dậy, đứng trước lavabo áp nước tê run lên má, gương ơi, mắt ơi, môi ơi... ông ơi, sao rồi, sao buồn? Cười với nhỏ một cái đi. Thèm cười ghê lắm, sao chả nhếch môi run?

Dù sao, nhỏ cũng ráng nghe lời ông, phải «cố vờn vai mà sống» ông a...”

“... Nhiều lúc nhỏ muốn nói với ông những điều nhỏ nhoi khiêm tốn nhỏ nghĩ ở cuộc đời dài này lắm chứ. Nhưng sao cứ thấy ông ngủ ngủ xa khuất, ông mộng mên, lênh láng, lỏng bông thế nào. Nhỏ hay quên và cũng hay nhớ. Như ông. Rồi cái chi cũng một thời, qua mắt hút. Người ta cứ nghĩ rằng bớt mơ mộng để sáng suốt hơn. Nhưng ông thấy mà, sáng suốt không phải là tìm được lối thơ ngây cũ. Đời sống một ngày một chất chồng thêm đuôi kéo, mơn mõi lê thê. Nhỏ lắc đầu hoài nên ngủ mơ hoài, không muốn mơ vẫn cứ mơ, mơ hoài, những giấc mơ đẹp, những nụ hồng rũ cánh buồn hiu hiu khi chưa kịp nở một cánh nhỏ ngát hương nào, nhỏ thấy mơ hồ và thương ơi cái hình ảnh đó.

Nhỏ mới đi phố về, phố chiều êm và sâu. Qua mấy tú kính thấp thoáng mắt môi trời nổi, nắm tay nhỏ bạn, tay lạnh run, đầu trống không. Hồn tôi bỏ tôi mà đi đâu mất biệt. Về trường, thấy Soeur cười đẹp như con gái, thấy nhà thờ lặng lẽ lặng mạn sương mù, thấy một chút máu rớt xuống chân thành đá. Có phải, một chút nhớ mù khơi, một chút hồn phố cũ thức giấc trở mình đau xót mấy chục con mắt quay lui quay ngược. Nhỏ vẫn vậy, quần quanh hoài cái

đuôi cụt lê thê hệ lụy của mình.

Ừ, tháng năm ông vào quân trường bỏ một lớp áo và lấy một lớp áo, mới mẻ, ngượng ngùng. Chúc ông vui, ông buồn, mắn may, may mắn. Ừ, tháng năm nhỏ rời chào sách vở, này thi cử, này những ngọn đèn cây thấp lén leo lét nửa đêm sâu lạnh, này những cơn trở mình không yên chữ nghĩa, những yếu đuối lướt qua, những mối mê cúi xuống... có còn một lỗ trống nhỏ nào cho ông nghĩ, nhỏ nghĩ, đến nhau một khoảnh khắc nào không? Hay quên, quên mất. Ngó lại. Lặng câm. Xa lạ. Ừ, ông, ông có một đời mù ngạo mạn còn nhỏ thì ngàn năm tí năm mù đời mất mát. Nhỏ thả cho bóng bay, nhìn theo, ngăn ngợ nước mắt vẫn dài, nuối. Còn hơn, nhìn bóng vỗ ngay trong tay nắm, đau xót, ích chi.

Đêm nào mẹ cũng đứng đầu giường, nhìn nhỏ cười và bảo nhỏ học ngoan học chăm. Thương mẹ quá đi ông, nhỏ không đời nào thích làm mẹ buồn hết.

Nội trú quặn ruột buồn, ông nói cái gì cho nhỏ vui một chút, than hoài làm nhỏ thờ theo...

Anh biết nói cái gì cho nhỏ vui một chút bây giờ? Ngoài những mẩu chuyện đời anh trần trề bóng tối, ngoài những cay cú, oán hờn ngậm búng trong chuyện nhiều năm. Nhỏ có sân trường tuổi thơ xúm xít bạn bè để luyện tiếu. Anh có đôi người tình học trò điệu ngoa, vài ông thầy tàn nhẫn, dăm anh em kết nghĩa phản trắc để nhớ nhung. Nên, anh yêu khí hậu rét buốt, yêu sương mù, yêu mẫu người bệnh hoạn. Nhỏ kể lể nhỏ mặc cảm về chứng đau tim nghiệt ngã càng nhiều, anh càng lao vút tới bởi đau thương là công chính của tình yêu.

Giờ này, trên ấy, nhỏ đang làm gì đó nhỏ? Anh đang quay mòng mòng nhớ nhỏ đây. Anh đang hình dung những con đường sương sa mù mù thành phố lạnh, cao vời, tĩnh mịch, êm ru, có sườn núi lằm lị, có sườn đồi cỏ mượt với đàn bò thành thoi, có lũ thông già nhân danh mùa đông, có anh lâu

khêu lom khom quàng vai nhỏ xinh xắn, mồm mĩm, thấy ghét. Anh đang thềm cần vào đôi má phính phính hồng ngon lành như cần ngập răng thứ trái cây gì chín mọng ngọt ngào hương. Gần hai năm, một núi thư từ, lá nào cũng tỉ tê, đồ trút tâm sự vào nhau, vậy mà, xa cách vẫn cách xa. Gần bốn năm quen, mình vẫn không hơn không kém, chỉ là hai kẻ biết mặt biết tên biết tuồng chữ nhau. Một giáng sinh và một tết nguyên đán rồi, làm sao anh gửi thư đòi lên thăm nhỏ cũng đều bị cúp liên lạc ngắn hạn.

Chiều đang chậm chậm kéo dài từng vạt nắng lưu luyến trên những mái nhà. Thành phố sắp sửa lên đèn. Hoàng hôn bắt đầu lan tỏa một cách quý phái bằng chút mỏng mù sương. Tôi vuốt tóc nàng, mềm mại bàn tay gian dối. Nàng ngồi im mơ màng. Hạnh phúc chỉ đến với người mới biết yêu. Đời sống hạnh phúc chỉ thích thú đối với kẻ mơ mộng. Có lần nàng khóc tằm tã trong ngực áo tôi, bởi lần ấy tôi quá mạnh tay lôi nàng về thực tế. Hạnh phúc đôi tình nhân khác hẳn hạnh phúc gia đình, em hãy ghi nhớ điều đó, và đừng bao giờ nghĩ rằng người yêu tuyệt vời sẽ là người chồng xứng đáng. Anh suốt đời có lẽ, không đủ tư cách làm chồng ai cả. Nếu anh nói thế thì ngay từ bây giờ mình nên xa nhau, để em còn kịp thời quên lãng, em hy sinh tình đầu cho anh khỏi bận tâm. Tôi kiêu ngạo hỏi, nổi chằng? Nàng quay chỗ khác, khẽ gật. Tôi im. Cả hai bất động. Một lát, hết nhẫn tâm được nữa, tôi đặt tay lên tóc nàng, nói nhỏ, thôi em... Và nàng cũng đuối sức dần nén, khóc mùi, khóc nấc... Sau đêm ấy tôi đành phó mặc, nàng tin tưởng hy vọng gì nơi tôi, thầy kệ. Khi tình yêu lên tiếng, người ta chống đối tất cả mọi sự thật khách quan. Cuối tháng mười một Tây. Tôi hợp ngუმ cafe, chậm chạp nhìn quanh một lượt, nói:

- Anh thích ngồi dưới những mái thấp, thích cảm tưởng dưới hầm.
- Và thích nhận nhịp?
- Đôi khi. Nhưng nhận nhịp khác xô bồ.
- Vậy sao anh lại thích đến đây?

- Vì đã vài lần được hưởng không khí quán vắng.
- Chỉ vào buổi sáng.
- Cũng có buổi chiều.
- Rất hiếm.
- Anh hay chơi trò hy vọng. Trước khi tới hy vọng quán vắng, tới rồi thì ngồi đợi với hy vọng khách thưa dần.

Nàng cười:

- Khách càng lúc càng đông hơn!
- Tôi lui ghé đứng lên xốc áo, vui vẻ:
- Thì mình về.

Giờ này, trên ấy, nhỏ đang làm gì đó nhỏ? Đang dỗi dỗi tằm *buồn rười rượi* ngó mông mênh sương đục, lạnh se tóc thề? Đang chăm chỉ học hành lo mùa thi tới? Đang chọn màu len đan khăn quàng cổ cho anh như đã hứa? Hay đang chuẩn bị viết bức thư dài, chờ qua giáng sinh mới gửi, từ chối mượn màng lời hò hẹn tình anh?

Có bao giờ nhỏ nghĩ rằng anh là kẻ suốt đời chơi trò chơi hy vọng? Biết trước nạn tai nhưng vẫn lì tin gặp gỡ ngày lành!

Chị giúp việc ra mở cổng. Tôi nhìn vô nhà thấy trống trơn nên hỏi anh đi đâu giờ này vậy chị? Chị đáp cậu chờ mợ đi từ hai giờ trưa, hông biết đi đâu, em chờ com hụi hơi. Trời tối hẳn. Trước khi đẩy xe vào sân tôi quay nhìn nàng dọ ý. Nàng tỏ vẻ bằng lòng nán chơi.

Việc đầu tiên, thành thói quen, ghé nhà ai tôi hay xăm xăm tới kệ sách. Nàng lại giường bế xốc đứa bé gái nhỏ lên nựng nịu, trong khi tôi lúi húi lục lạo.

Chọn sách xong tôi bật ngọn đèn hiên, ra ngồi bệt xuống đất, dựa vách, đọc lam nham. Ánh điện vàng phả trên trang giấy cũ, trên mấy cành hoa sứ lay lay, trên vuông cỏ kiểng cọng ngắn to bản mà anh chị Lịch mất hàng tháng công lao tha từng ụ về bồi đắp dần dà, trên hồ cá nhỏ đào giữa sân, và xa hơn chút xíu, trên những chiếc lá trúc đào thuần động đậy, hòa nhập cùng cái lạnh gay gay, tưởng như mình đang sống ở miệt ngoại ô nào Âu châu, hình dung qua

phim ảnh. Em ơi, tôi gọi. Dạ. Ra đây. Dạ...

Bỗng nhiên tôi nghĩ đến một tổ ấm, một đôi uyên ương, nên muốn cạnh nàng. Phải chăng mùa đông và ngôi nhà xinh xinh yên tĩnh của anh chị Lịch đã quyến rũ tôi rồi? Hồi nãy nêu định đến đây, tôi nói, thì anh đã bảo em rời quán sớm hơn, để mình xem cá vàng. Nàng hỏi to không anh? Vừa vừa, ông Lịch thả chung đủ thứ, cá trê cá lòng tong cũng có. Chúng không thịt nhau à? Biết đâu, anh có nói cá vàng dễ chết lắm, mà anh Lịch cứ bướng. Mùa đông thả từng ngụm gió rời rạc, nhẹ, ngắn, xuống đồng miền Nam như những bước chân lững thững của một người đi chẳng thiết tới.

- Anh.

- Há?

- Em quên mang áo len theo rồi.

- Lạnh à?

- Hơi thôi, nhưng em đang bệnh, sợ tí nữa đường về trúng gió.

- Chút nữa anh chạy chậm chậm. Bệnh gì mà mấy tháng chưa hết?

- Cảm, ho.

- Cảm gì tới mấy tháng lận?

- Tại em sợ thuốc lắm.

- Hư vậy còn nói nữa.

- Anh.

- Há?

- Mắc em...

- Đáng!

Nàng phụng phịu ngồi dậy. Tôi cười:

- Bé con.

- Ồ, bé con thế đấy.

- Cà chớn!

Nàng dẩy nẩy:

- Á... à... Anh nói em vậy đó hả? Hồng chịu đâu... hồng chịu đâu...

Tôi chọc thêm:

- Biểu diễn luôn màn khóc nữa cho đủ bộ. Mít ướt.

- Không thêm.

Mặc cho nàng giận dữ, tôi vô tình bỏ đọc sách. Đôi lúc thâm thì nhỏ to, nàng trách tôi hay vô tình nói nhiều câu khiến nàng có cảm tưởng tôi xem thường nàng quá. Tôi phải vuốt ve an ủi mãi. Em nghĩ vậy sao được, nếu xem thường em thì chẳng khi nào anh chịu khó bỏ cả ngày trời ra dỗ dành. Dỗ dành là một lẽ, xem thường là một lẽ! Nói vậy mà cũng nói, xem thường thì dỗ dành làm chi? Tại tính anh đặc sệt Nam kỳ, đã coi nhau như người nhà rồi là ít để ý để tứ lời ăn tiếng nói lắm. Tự dung, nàng khóc thật vô duyên. Tôi nhăn mặt hỏi khóc gì mà khóc kỳ cục? Nàng ầm ức, em cứ nghĩ anh xem thường em, mà tại sao... em lại thương cái tính đó của anh... Nàng lẳng lẳng đứng lên bỏ vào nhà, còn mình tôi với vài mẫu bực mình, vài mẫu suy tưởng, vài mẫu nhớ nhung.

Khi yêu cuồng nhiệt con gái dễ lộ rõ chân tướng. Trong giai đoạn tình nhân giao du lắm cấm tranh tối tranh sáng này đáng lẽ, nàng phải tế nhị và cần thiết nhất là phải tỏ ra nể nang tôi càng nhiều càng tốt, đằng này, nàng lại rình rập tìm đủ cách hời chận đầu chận đuôi, ghen tuông bực mình. Nàng sẽ đau lòng chết được nếu biết rằng tôi chẳng bao giờ liêu lĩnh cưới một bà vợ có máu Hoạn Thư. Từ hồi biết yêu đến giờ, tôi tìm hoài, sao chưa gặp mối tình nào vừa ý, tại tôi chẳng?

Hơn tám giờ anh chị Lịch về. Anh người. Bắc, chị người Trung lai Nam. Hai người thương tôi như ruột thịt. Vừa thấy tôi anh đã kêu:

- Ủa, tưởng em về Biên-hòa rồi chứ.

Nàng bước ra chào, tôi chỉ:

- Giữa đường gặp mưa lớn.

Anh nhướn mày, đùa:

- Cái này không phải mưa. Bão!

Chị nhìn chúng tôi cười triu mến. Thời anh chị đã qua. Những ngọt bùi tình yêu đã trở thành những cắn đắng vợ chồng. Sự nghèo túng bực bội lâu năm chày tháng nuôi nấng chắt lòng ân hận. Qua nụ cười giòn tiềm ẩn men chua, qua câu nói nửa đùa nửa thật, nghệ sĩ ngấm xa xa

thấy tuyệt lắm, ai tưởng bỏ đến gần là chết! Tôi hiểu chị muốn nói chị lỡ lầm chống đối các ông anh, vượt mọi trở lực ghê gớm gia đình trước ngày đám cưới, chạy điên cuồng theo tiếng gọi lừa dối của tình yêu, chị muốn nói anh Lịch gạt gẫm chị tàn nhẫn quá, anh đã bỏ vợ con để đeo đuổi chị tới cùng, hậu quả bây giờ một mình anh hào hiên gánh gồng, đồng lương quân đội chia tam xẻ tứ! Tôi thương anh chị có thể nói sánh sau bố mẹ mà không ngượng miệng, nhất là anh, nhưng tình thương của một thằng thất nghiệp chỉ ăn hại và phiền toái kẻ “bị” thương!

- Cô cậu ăn cơm chưa?

- Thưa rồi chị. Tụi em ăn mì.

- Ai bao?

- Em.

- Tốt, tôi cứ tưởng cậu lại bắt cô bao. Lớn rồi, liệu kiếm việc làm nuôi vợ chứ.

- Chị khỏi lo, em sẽ nuôi bằng thuốc lá với cà phê.

Chị nheo mắt, hỏi gặng:

- Gì chớ? Cậu nói gì tôi nghe không rõ? Tàn thuốc lá với bã cà phê hả?

Anh Lịch cười, phụ họa:

- Cô ráng học ra trường, kiếm tiền nuôi lấy thân, chứ đừng đại dột trông vào thằng này.

Rồi quay sang chị bảo:

- Thôi mình vào ăn cơm.

Hai đứa tiếp tục ngồi hàng hiên ánh điện vàng mái tóc, tình yêu thử nhịp bình thường, cũng có nghĩa là tình yêu đang hấp hối.

Giờ này, trên ấy, nhỏ đang làm gì đó nhỏ? Đang cuộn mình trong chăn? Đang chui xuống... gầm giường thắp đèn cây leo lét? Đang đọc kinh buổi tối? Hay đang chết giấc chờ hồi sinh?

“... Ông coi, con nhỏ đau, phòng ngủ vắng ngắt lạnh tanh, tụi nó đi học hết bỏ con nhỏ một mình lủi thủi, loay hoay với cái mền dày tận ngực, chơi với mấy con muỗi đói, chán, chơi với nghìn nghìn sợi mưa xiêu ngoài trời, chán,

nên lôi giấy ra tiêu ngạo với ông, ông ạ.

Nói cho Ông nghe, nghe.

Ngày xưa đệ tứ đệ ngũ chi đó, nhỏ đã xé một trang vở và viết cho một người lớn mấy chữ: “Em cười với tình nhưng em không thích sánh bước đi với tình”. Bây giờ thì vẫn thế, dường như nhỏ sợ những cái tầm thường của con người, nhỏ sợ những vết thật làm lem luốc cõi yêu thương nhỏ nước mắt vẽ vời từ thuở biết nuôi tóc dài, biết yêu phòng riêng, biết soi gương khóc nuối. Nhỏ kỳ cục thế, ông thấy không vô duyên đời nữa, nên không ai ưa nổi hết, nhỏ cũng thêm mà cần, trời sinh ra ta là để phớt tình, coi mọi người như coi ta, chẳng là cái gì hết. Cũng như ông chả là cái gì của nhỏ, nhỏ cũng chả là cái gì của ông, ông đùa nhỏ đùa, cho đời vui vẻ một chút, cho hồn cao ngêu một chút, trong lẽ đời, không mấy vui này. Nhỏ vui thất ruột thất gan ông ời. Vui muốn đập tung hết mền hết chăn, đau. Những cơn kích ngất đấy, vẫn còn quyến luyến thủ thủ tình nhân với nhỏ hoài, ông chẳng biết chi hết...”

Hình như mình càng nói năng càng thở vắn than dài tâm sự càng mờ mờ mịt mịt về nhau. Và hình như, tình yêu khởi đi từ cõi mịt mờ nhòa nhập ấy.

“... Đời vung chân đá ông lăn lông lốc bao nhiêu lần rồi hở ông? Mà hồn ông vẫn mới với những cuộc chơi mới, phục ông ghê á. Hồn nhỏ chưa kịp mới mà đã cũ mèm rồi nhỏ cũng phục nhỏ ghê à!

Đếm trên đầu ngón tay đi rồi thật thà kể cho nhỏ nghe những nụ tình hồng đã qua, đã mất cũng như đang nở bung trên tay ông. Thêm nghe chuyện mọi người, đời sống hay ho lắm ông, nhất là đời sống thâm rịm yêu thương.

Có khi nào ông nghĩ được cái điều này không, cái điều nhỏ thêm làm con trai, không đùa đâu, thật tình là thêm ngênh ngang như con trai, con trai muốn nói gì thì nói, đi đâu thì đi, sống sao thì sống, không có cái cảnh che che phủ phủ, trong lòng sóng nổi mà ngoài thì cứ như, cứ như cái gì ông nhỉ? Coi nhỏ như một tên bạn trai nào đó của ông được không?

Thật tình là coi ông như ông bạn lớn, chân tình. Ông ạ...»

Có bao giờ nhỏ nghĩ rằng anh lãng mạn đến độ tìm yêu một nàng con gái mắc chứng bệnh tê liệt đạo nào? Tình yêu phải chăng, là mũi tên xé gió lao vào bia hạnh phúc mà hồng tâm là đích đau thương?

Tôi vuốt tóc nàng làm lạnh:

- Lâu lâu anh nói chơi, đừng giận.
- Mặc em.
- Thôi mà...

Nàng lẩm bẩm:

- Ở xa thì nhớ, ở gần thì tức.

Tôi mỉm cười:

- Thôi tức chi cho mệt. Ngoan coi nào.

Thưa quý vị,

Truyện viết đến đây là mười dòng đầu của trang đánh máy thứ mười hai. Đoạn ba này, tôi định gom hết tài nghệ ra tả một chiếc cầu với hai hàng đèn xa lộ mù sương, tôi định gom hết vốn liếng chữ nghĩa ra nói sạch bách, nói thỏa mãn lần này, về nỗi đăm đuổi của gã quanh năm chờ đợi mùa đông để được hưởng thú lang thang trong sương mù, tôi định cho câu chuyện kết thúc ở cuộc đua tiễn nhau vào lạnh lẽo...

Nhưng tôi bỗng khựng, điếng, tiêu tan!

Lý do, vừa nhận được phong thư đóng dấu bưu điện Đà Lạt, chứa một tờ giấy tập trắng và một bức ảnh nhỏ. Cô bé mặc váy, áo trắng ngắn tay, mũm mĩm, lí lắc đứng nơi vườn hoa nghiêng đầu cười với tôi, thấy ghét...

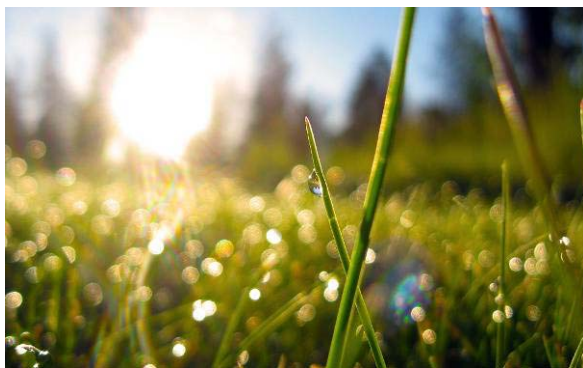
Tôi phải đi nằm. Bắt đầu trò chơi hy vọng mới: xoay được tiền đủ cho đêm hăm bốn và hăm lăm tháng mười hai Tây tới đây không ai có thể tìm thấy tôi ở thành phố đồng bằng. Tôi sẽ viết thư báo tin ông bạn Hòa đa, đừng gửi kịch bản vô ích.

Nguyễn Tất Nhiên

(Tuổi Ngọc số 151)

Di sản văn chương miền Nam

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Ý Nghĩ Trên Cỏ



Ảnh: nemesis158

Tám ngày ở đây rồi. Không, lẽ ra phải nói là tám đêm đã nằm trong bệnh viện này rồi mới đúng.

Còn những ban ngày?

Những ban ngày tôi không chắc là mình có mặt tại đó ngoài những giờ người thầy thuốc đến khám bệnh. Bởi vì sau đó, sau những mũi thuốc đau nhói trên bả vai, sau những viên thuốc đủ màu đủ cỡ... tôi rời bỏ ngay giường bệnh, trốn chạy những mũi kim và cô y tá, trốn chạy vì sợ phải ngửi ngóng cái mùi đặc biệt bệnh viện, thứ không khí kỳ cục vừa nhẹ nhàng vừa đầy hăm dọa, bầu khí mà một người nào đó đã nói rằng mỗi đời người ít ra cũng nên hít ngửi tẩm đẫm nó một đôi lần để làm quen với sự chết:

Bệnh viện chính là thứ trung gian cần thiết gạch nối không thể thiếu giữa cõi sống và cõi chết, nó giúp cho người ta thích nghi với đời khác một cách dễ dàng hơn.

Trốn chạy tất cả những thứ đó, mang theo cánh tay đau của mình chạy rong trong thành phố vào những ngày cuối năm, nhìn ngó đời sống như nhìn ngó những lá cây xanh trong khu rừng già, nhìn ngó đời sống như ngóng ngửi hơi hướm của mặt trời chiếu âm bãi biển buổi sáng; nhìn ngó đời sống như nhìn ngó sự thoải mái của mỗi người trên chỗ nằm của họ mùa đông...

Bởi vì mặt-trời-mùa-hè cũng như sự chết đều chói chang đến nỗi chẳng ai có thể nhìn thẳng vào mặt chúng mà không bị chúng làm cho mù lòa và tan thành hư không.

Buổi chiều ở nhà thương ra, tôi vào quán nước ở ngã tư đường tìm Thành, nhưng không thấy hẳn đâu. Quán có vẻ đông người hơn trước. Tôi đứng ở một góc cột có cần gương (với tên những món ăn được viết bằng sơn trắng) soi rõ bộ mặt hốc hác của mình (hai con mắt sâu hoắm có quầng đen, trông mắt đục, da xanh xao hơi búng, môi thâm tím, tóc đứng với những sợi trắng, vẻ thảm hại thấy rõ...) và tần ngần chờ đợi một chút. Biết đâu sẽ chẳng có đứa đến?

Ừ, biết đâu. Và tôi tần mẩn sờ những cọng râu mọc tua trên cằm mình. “Râu gì mà râu dữ vậy!” trước ngày vào bệnh viện mấy hôm Như đã kêu lên khi tôi đến thăm nàng trên một chung cư. Như nói anh để râu trông khiếp quá đi, và nàng hôn lên trán tôi như thể một người mẹ hôn con. Phòng khách nàng la liệt những sách vở báo chí, buồng ngủ của tôi cũng vậy. Như cho tôi xem bản dịch dở dang của nàng, bản dịch một quyển truyện dài của một nhà văn Anh-Cát-Lợi mà tôi chưa nghe đến tên một lần nào. Nàng nói những người để râu đều kỳ cục. Tôi hiểu cái lối nói ám chỉ của nàng. Nàng kể cho tôi nghe cái cá tính của nhân vật có râu trong truyện này, sau cùng nàng kết luận

nếu anh không bận mời anh dùng cơm tối với em, ở hiệu ăn hôm trước, và nếu anh thấy không có gì trở ngại em sẽ đem thằng nhỏ theo, hồi này em không muốn gửi cho người khác nuôi nữa, em đã nghĩ kỹ rồi, nó cần em, nó phải có một người mẹ.

Chúng tôi chia tay liền ngay đó nhưng buổi tối tôi đã không đến dùng cơm với nàng như đã hẹn. Khi sửa soạn mặc áo ra đi tôi bỗng nghe đau nhói ở cánh tay trái, thịt ở bả vai cứng lại như đá, và dọc suốt những khớp xương tay nhức nhối không thể tả như thể có ai cầm dao lóc thịt tôi. Tôi đi bác sĩ, người ta cho tôi một toa thuốc dài và mấy hôm sau tôi không còn đủ can đảm chịu đựng nỗi sự đau đớn lớn lao dường ấy. Một người quen giới thiệu tôi vào một bệnh viện. Người ta bắt tôi kiêng cử, cho tôi uống thuốc và chích thuốc theo liều đã định. Viên bác sĩ ngoại quốc hãy còn trẻ cho tôi biết là hấn vừa mới đến Việt Nam, hấn nói rồi ông sẽ khỏi sớm, bệnh ông không có gì trầm trọng. Tôi mong thế. Và tôi trốn hấn sau những mũi chích đầu tiên.

Quả thật là chẳng có đứa nào đến! Tôi ngâm gọng kính trong miệng và đi ra bằng một cánh cửa khác. Tôi vào một hiệu sách gần đó mua một tạp chí (để buổi tối còn dễ giấc ngủ), một tạp chí đầy những hình ảnh *erotique không chịu nổi*. Thành đã nói vậy khi hấn cầm những tờ báo loại này trên tay lật lật từng trang. Tôi trả tiền nơi người thu ngân và đi lang thang một mình.

Đi lang thang một mình trong những ngày giáp tết, với cánh tay đau kỳ cục, cánh tay đã chết nhưng làm nặng nề thêm cái phần xác vốn nặng nề của tôi. Tôi ôm nó trong tay như đang cầm một vật lạ. Giá mày bị cắt đứt đi mà ta không bị nhức nhối có lẽ sẽ làm ta dễ chịu hơn.

Nhưng tại sao cơn đau kỳ cục ấy?

Không một ai trong những bác sĩ tôi gặp đã giải thích cho tôi rõ ràng điều này.

Có phải vì tôi đã thờ trướng cái không khí tử vong phảng phất ở cánh cửa sổ, đêm trên căn gác nhìn ra bãi tha ma phía bên kia đường mường nhà tôi?

Có phải vì tôi đã hít ngửi phải ngọn gió độc chạy lùa qua ngôi nhà xác ở đầu con lộ lớn?

Tôi tưởng như nghe thấy sự chết đang găm nhăm lăm hồi, chậm chạp nhưng rõ ràng trên sự sống tôi. Điều này làm tôi kinh sợ và ghê tởm như ghê tởm khi ăn gần hết một trái cây xanh và bắt gặp trong nhát cắn sau cùng con sâu đo đang cuộn tròn trong ruột nó.

Tôi băng qua hàng sách, hình như thể tôi không chắc lắm, bởi vì có thể gọi đó là hàng vải cũng chẳng sao, người ta chen chúc dữ nhưng mua sắm không nhiều. Tôi nhớ đến lớp học lúc nhỏ của tôi, với số học sinh ít ỏi không thể tưởng tượng đó chính là lớp học lý tưởng nhất mà tôi được phụ trách. Phạm đứng đắn nghiêm chỉnh, Hùng trẻ tuổi, Nguyên có cách nhìn đời đặc biệt, chị Liên bận bịu gia đình, Ánh còn trẻ nhưng hình như quá dè dặt để có thể tách rời khỏi sinh hoạt ngoài lớp học, Thu rất dễ mến dịu dàng và vui vẻ, Lan vừa khinh đời vừa sợ đời. Không khí ở đó trong những buổi tối giúp tôi đánh tan mọi mệt nhọc trong tuần. Nhìn thấy họ chăm chú theo dõi bài học, xem xét những bài kiểm của họ, nghe họ phát biểu ý kiến về một vấn đề liên quan đến.

Bài đang giảng, tôi hiểu rõ sự cố gắng của họ và cả sự cố gắng của tôi nữa, tôi hiểu tại sao tôi từ bỏ tất cả để giữ lại lớp học này, tôi hiểu tại sao tôi đã rời khỏi chiếc bàn giáo sư để ngồi xuống chiếc băng ghế học trò, tôi hiểu tại sao tôi đã đổi cách trình bày một bài học, tôi hiểu tại sao chúng tôi (Nguyên và Phạm) dự ngày sinh nhật của Lan không do dự, tôi hiểu tại sao chúng tôi ăn một bữa cơm tối đầy thú không khí mà những người trước tôi xưa lắm đã từng thực hiện, với môn đệ của họ, tôi hiểu tại sao tôi che giấu sự đau đớn nhức nhối của cánh tay tôi để giữ lớp học khỏi mất bài, tôi hiểu sự khó khăn của họ, và tôi tin chắc là họ cũng sẽ hiểu những khó khăn của tôi; tôi tìm kiếm gì

trong đời sống nếu không phải là sự thoải mái cho chính tôi và cho mọi người, (tôi sẽ sung sướng trong nỗi khổ đau của người khác) tôi đi cô đơn giữa những đám người lạ mặt, nhưng trong tôi nổi âm áp đầy ấp tình thân ái của lớp học. Tôi gọi đó là thứ tình bạn mới, thêm vào tình bạn mà tôi đang có với Thành, với Quốc, với Phùng, với Nhật, với Đình,...

Ồi bạn bè ta, còn thứ tình cảm nào lớn hơn để ta chia sẻ cho chúng bây!

Tôi trở về bệnh viện lúc tám giờ. Tôi không vào giường, tôi thả bộ với những vòm cây cao đầy bóng tối. Cánh tay đau nhức vẫn lủng lẳng bên mình như những kẻ thân yêu vẫn làm khổ ta mà ta không làm sao vứt bỏ được họ. Tôi biết người thầy thuốc rất không bằng lòng về con bệnh của ông. Chắc không người thầy thuốc nào bằng lòng một con bệnh loại này. Hình như họ ưa thích nhìn thấy chiếc giường với người bệnh nằm yên trong đó. Ít ra một bệnh viện phải là như thế để được gọi là một bệnh viện. Tôi không ao ước một điều như vậy. Tôi muốn đi thăm những nhà thương với sự nhàn rỗi của người y tá và những chiếc giường trống trơn, nệm dày, vải ra trắng phẳng và không có mùi của thuốc men. Như thế đời sống có vẻ khỏe mạnh hơn.

Tôi đi qua khu nhà xác. Chỗ này tôi có đến một lần, chỉ một lần để nhìn khuôn mặt người bạn tôi, kẻ chết không kịp nhắm mắt vì một viên đạn. Đó là một người bạn tốt. Hẳn tên Sơn ít nói và thẳng thắn tôi ưa lối cư xử của hắn. Nhân cách ấy không phải dễ tìm trong một đời sống chật hẹp thân ái nhưng đầy những tình bạn giả trá và thâm độc này. Thành cũng nói “tao chịu thẳng đó”. Tôi biết sau Sơn, Thành là tên bạn hiếm có còn lại. Thái độ của Thành phân minh rõ rệt, hẳn yêu bạn đôi khi có phần quá lố, nhưng điều đặc biệt là chẳng bao giờ hắn đề cao hay hạ giá một cách quá lố về tình bạn của hắn. Tôi đã quen Thành bằng cách nào, điều này tôi không nhớ lắm nhưng tôi còn

nhớ rõ rằng chẳng bao giờ tôi đã để lộ thứ vồn vã ngay từ ban đầu với hắn. Một cách chậm rãi tôi yêu người bạn đó, cũng như một cách chậm rãi tôi xa lìa những người bạn kia.

Tôi đi vòng lại trước nhà nguyện. Sân cỏ rộng thiếu ánh sáng. Chỗ đó tôi vẫn đưa Như vào ngồi trên ghế đá dưới một tán cây lớn nói một vài câu chuyện vợ vắn và hôn nhau khá lâu trước khi chia tay. Một lần Như nói với tôi, sao anh không bệnh thử một chuyến coi. Tôi nhìn nàng không hiểu. Như cười, em sẽ có cơ vào thăm anh, bóc cam cho anh ăn và ngủ lại với anh. Hình như hồi đó tôi cũng có ý nghĩ gần gần như vậy. Tôi tự hỏi không biết một người bệnh bị ám ảnh về cái chết của mình sẽ yêu đàn bà ra sao? Tôi muốn có kinh nghiệm về thứ dục tình đó. Chắc là khủng khiếp lắm. Tôi nói với Như rằng nếu nàng làm được điều ao ước đó, nàng sẽ được coi là kẻ giết người dễ thương nhất thế giới, *“nhưng mất Chúa sẽ theo dõi em”* tôi trêu chọc nàng bằng cách nhấn mạnh ý tưởng này, vì tôi biết Như đi đạo và hơn thế nữa nàng có đạo dòng. Như nói anh không phải lo, khi chúng ta yêu nhau Chúa đã lánh mặt ở một chỗ khác và Chúa chỉ hiện ra khi chúng ta chia lìa hay đau khổ thôi, *“vả lại, Như nói thêm, em đã cầu nguyện Chúa rồi.”* Nhà nguyện! Hình như chưa bao giờ tôi bước chân vào một ngôi nhà có cái tên đó. Chúa hay là Phật, các Ngài ở xa chúng tôi quá. Các Ngài là những Thượng Đế chưa hoàn bị, bởi thế giới mà các Ngài đã dựng nên là thế giới chưa hoàn tất, ít ra là còn có bệnh tật và chết chóc trước mặt các Ngài.

Bỗng nhiên tôi muốn ngồi xuống đó, trên ria cỏ trong bóng tối của những vòm cây, trong sự im lặng của khu rừng cầu nguyện, trong chút gió lạnh của một đêm cuối năm, trong cánh tay đau nhức còn đeo bên mình, trong nỗi lo sợ của một đầu óc hỗn loạn. Tôi ngồi xuống đó và tôi tưởng nhìn thấy rõ những khuôn mặt bạn bè.

Tôi đã ngã mình trên cỏ mướt ướt duỗi dài hai tay hai chân. Khép mắt và nhìn thấy hiện ra trong bóng tối của đêm những khuôn mặt quen thuộc và nghe lại trong tiếng

gió khua trên ngọn cây giọng thăm thì của bạn bè.

Tôi bị đánh thức trong hơi thở thơm tho và mùi da thịt nồng nàn của người nữ y tá.

Hình như bây giờ đã là thứ tư. Để coi sáng nay tôi sẽ rong chơi và trốn tên bác sĩ bằng cách nào?

Nguyễn Xuân Hoàng

(Văn, số 170-171, Xuân Tân Hợi tháng 1-1971)

Sơ lược tiểu sử:

Tên thật cũng là bút hiệu. Sinh năm 1940 tại Nha Trang. Cựu giáo sư Triết. Hiện định cư tại San Jose, California.

(Nguồn: Văn Miền Nam tập II, Thư Ấn Quán xuất bản 2011)

Di sản văn học

BÌNH-NGUYỄN LỘC

Gương mặt của dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt Nam

Đành rằng ngôn ngữ cũng là một thứ sử liệu, nhưng ta không thể có tham vọng biết lịch sử với độ một nguồn ngôn ngữ. Thí dụ, ở bài trước, chúng tôi có nói người Trung Hoa không có tiếng “*Nặng*” theo cái nghĩa *Nặng* của ta. Họ nói *Phoi*. Nhưng rồi sau đó, họ vẫn có tiếng *Thử*. Nhưng đó là sáng tạo về sau mà họ đã quen miệng với tiếng *Phoi*, tiếng *Thử* chỉ để viết chứ không nói. Như vậy, kết luận rằng từ thuở sơ khai, trên lãnh thổ Trung Hoa chánh gốc (Thiểm Tây, Hà Nam) trời không có nặng là sai. Thuở ban đầu, họ không có tiếng *Nặng*, không hiểu vì lẽ gì, còn phải tìm ở các nguồn khác nữa, chớ ngôn ngữ không phải là một chứng tích đủ sức nặng một cách tuyệt đối.

Nhưng nếu chứng tích ngôn ngữ được đối chiếu với một vài chứng tích khác thì có hy vọng tìm ra phần nào sự thật trong cõi u minh của thời gian, những chứng tích khác ấy, riêng lấy nó cũng không đủ để chứng minh một cách đích xác sự kiện nào thì ngôn ngữ, trong trường hợp đó, là một sử liệu tốt để bổ túc vậy.

Những cuộc khai quật cổ vật ở Đông Sơn và Lạc Trường trước chiến tranh, quả có rọi ánh sáng vào buổi bình minh của dân tộc ta thật đó, nhưng đó là một thứ ánh sáng mờ ảo, không cho ta thấy rõ cái gì cho lắm, lại còn làm ta bối

rồi thêm.

Ta cần phải nỗ lực nhiều năm nữa, chứ không nên vội vàng nhận người Đông Sơn là tổ tiên của ta, hoặc chối phăng họ là tổ tiên của ta. Phủ nhận hay nhìn nhận gì cũng phản khoa học cả, nếu ta chỉ bằng lòng với những công trình nghiên cứu của những ông V. Gouloubew, những ông O. Jansé v.v..., họ chỉ mới làm việc có một giai đoạn thôi, chưa xong gì cả.

Theo khoa học thì lịch sử giống như sợi dây xích sắt, có cái khoen đầu, những khoen giữa và cái khoen chót. Khoen đầu là người Đông Sơn, tức Lạc Việt, khoen chót là người Việt Nam ngày nay, vậy cần tìm cho ra những khoen trung gian mới được phép kết luận rằng Lạc Việt = Việt Nam, bởi hai thứ dân đó khác nhau quá xa. Nhưng phủ nhận cũng sai khoa học, bởi những khoen trung gian ấy *chưa* tìm thấy, chứ không phải là chắc chắn *không có*.

Bỏn phận chúng ta là đi tìm những cái khoen đó, mỗi người một nẻo. Những khoen trung gian là hình ảnh biến chuyển của nền văn minh Anh-đô-nê-diêng của Lạc Việt sang nền văn minh Trung Hoa của Việt Nam trên bước truy tầm này, ta đừng quên ngôn ngữ cổ Việt.

Trước hết ta thử xét qua chế độ mẫu hệ của ta bằng vào danh từ CHA.

Sách *Tiền Hán Thư* viết rằng ta không có tình cha con. Thế nghĩa là thuở ấy ta còn theo mẫu hệ như người Chăm ngày nay, mà còn tệ hơn nữa là người Chăm ngày nay, tuy còn theo họ mẹ, nhưng vẫn biết cha, vì vợ chồng sống chung với nhau, còn *Tiền Hán Thư* thì cho rằng ta “*không biết đạo vợ chồng, vì vợ chồng chỉ lấy nhau (vì sinh lý) mà không có sống chung với nhau*”.

Thế sao ta lại có danh từ *cha*? Danh từ này, Quan thoại là *Fuá tsıl*, Quảng-đông là *Fùu tsánh*, Hán Việt là *Phụ thân*. Xem ra thì danh từ *cha* của ta không phải do tiếng Tàu mà

ra.

Quan-thoại và Quảng-đông đều có Pà, Pá, tức cũng là Cha đó, mà đó không phải là danh từ để chỉ ai, mà là đại-danh-từ của con xưng hô với cha; ta cũng đã vay mượn *Pà, Pá*, biến thành *Bố* (Bắc Việt), thành *Ba* (Nam Việt), còn *Cha* thì khó có thể là một biến thể thứ ba của *Pá* được.

Trong ngôn ngữ Trung-hoa, có tiếng *Tía* của Quan thoại, mà *Tía* là *Đệ* tức em trai. Thổ ngữ Triều châu có tiếng *Tía* tức đại danh từ Pá đó, nhưng danh từ *cha* của ta là danh từ chứ không phải đại danh từ, và lại *Tía* cũng khó lòng biến thành *Cha*, và người Triều-châu chỉ leo heo có mấy huyện ở bên Tàu thì nếu phải vay mượn, ta không vay mượn của đám thiểu số ấy đâu. Năm 1658, có nhóm lưu vong nhà Minh sang Nam-kỳ, gồm rất đông Triều-Châu, nên người miền Nam quả có mượn đại danh từ *Tía* của Triều-châu thật đó, khi con xưng hô với cha, nhưng toàn quốc thì không hề có vay mượn ngôn ngữ của nhóm ấy.

Pà, Pá, Ba, Bố, Tía gì cũng để dùng xưng hô, thí dụ: “Ba ơi, cho con đi chơi” hoặc: “Tía ơi, con đói bụng” chứ không ai lại nói: “Gia đình gồm ông, bà, ba, mẹ, và các con.”

Đại danh từ *Bố* đã hơi được biến thành danh từ thật đó, người ta nói: “Bố anh Nam rất già.” Nhưng chưa biến hẳn, chẳng hạn không thể nói: “Chém bố cái kiếp ba đào” hay có thể nói, nhưng chỉ nói đùa, hoặc nói một cách thân mật mà thôi.

**

Nghe các sử gia Pháp phụ họa theo các sử gia Tàu nói rằng thuở ấy ta còn theo chế độ mẫu hệ, các nhà học giả ta giấy nẩy lên và phủ nhận, viện bằng chứng rằng ta đã có vua đàn ông là Hùng Vương.

Nhưng Hùng Vương không chắc hẳn là đàn ông, hơn thế một dân tộc theo chế độ mẫu hệ vẫn có vua đàn ông như thường, bằng chứng là dân tộc Chăm. Nếu vua họ là đàn bà thì ai cưới Huyền Trân Công chúa của ta ?

Chúng tích “*Vua đàn ông*” xem ra nặng cân không bằng danh từ *Cha*.

Ta có thể nào tân tạo danh từ *Cha*, sau khi tiếp xúc với nhà Hán hay chẳng ? Có thể, nhưng lại không. Thường thì khi một dân tộc vay mượn một món đồ, một ý niệm, họ vay mượn luôn danh từ trong ngôn ngữ của dân tộc cho vay. Thí dụ ta vay mượn cái *xà rông* của dân Mã Lai thì vay luôn danh từ *xà rông*; người miền Nam vay mượn một thứ bánh của người Chăm thì họ vay mượn luôn tên bánh, chỉ có một chút thay đổi là thay vì dùng tiếng Chăm, họ dịch sát nghĩa ra tiếng ta. Người Chăm gọi bánh đó là bánh *Gan con Tây* (tức con Tê ngư), ta cũng dịch y nguyên là bánh *Gan con Tây*. (Sau này, vì luật lười biếng, người miền Nam nói tắt là *Bánh Gan*.)

Sự tân tạo chỉ để dành cho sáng tạo, cho phát minh riêng của dân tộc. Người Trung Hoa thường tránh mượn tiếng nước khác, nhưng vẫn phải phiên âm nhiều món như Cà phê, Quan-thoại đọc là *Khá fĩ*, Quảng đông đọc là *Café*.

Thế thì ta đã bắt đầu bước sang chế độ phụ hệ rồi, vào thuở nhà Hán sang đây, chưa bước hẳn, nhưng ở lưng chừng giữa hai chế độ như người Thượng Kontum ngày nay, gái cưới chồng, nhưng trai cũng cưới vợ. Các sử gia Trung Hoa họ chỉ nói quá đề sự xâm lược của họ có một lý do chính đáng là lý do khai hóa dân man di.

Thật là rủi ro cho dân tộc ta, nguồn sử thành văn độc nhưt là các cổ thư Trung Hoa, nhưng lại không thể tin bằng lời được vào những quyển sách đó thì công việc viết sử của ta phải khó nhọc vô cùng.

Dầu sao, vào thời đó, dân ta mà còn theo mẫu hệ đi chẳng nữa, thì vợ chồng vẫn sống chung, chứ không phải trai gái giao hợp như cầm thú, rồi trai đi mất, để gái lại với cái thai, theo như sử Tàu đã nói.

Sự kiện giao hợp rồi đi mất là thói của các thứ dân còn ăn thịt sống ở hang núi, chớ người Lạc Việt đã biết cất nhà rồi, hơn thế, đã tiến đến nền văn minh đồng-pha (bronze) thì không thể nào mà có việc “*không có tình vợ chồng, tình cha con, không sống chung, lấy nhau vì dâm tính*”.

Tạm gác danh từ *Cha*, ta học qua về động từ *Chém*. Quan-thoại nói *Chải*, Quảng-đông nói *Chảm*, tiếng Hán Việt là *Trảm*. Vậy động từ *Chém*, chắc chắn là ta mượn của Tàu vì bốn giọng giống nhau quá.

Ta không có Dao hay sao ?

Xem qua kho vũ khí của ta khai quật được ở Đông Sơn thì qua ta không có món gì để mà *chém* hết, mà chỉ có những vũ khí để đâm mà thôi: lưỡi lao bằng đồng để phóng, lưỡi đoản kiếm, lưỡi rìu. Nhưng nhà bác học V. Gouloubew nói rằng lưỡi rìu ấy để ném chứ không phải để chặt (arme de jet).

Ta không có vũ khí, không có dụng cụ để chém thì dĩ nhiên ta không có động từ chém, phải mượn của tiếng Tàu. Có một lưỡi kiếm bén ở hai bên, mà đó là lưỡi kiếm của nhà Hán. Người chết trong những cái mồ chứa đựng vũ khí ở Đông Sơn là quí tộc Lạc Việt vì người ấy có tư trang bằng ngọc. Chỉ có quí tộc là có chém, nhờ lưỡi kiếm vay mượn ấy, còn đại đa số dân chúng thì không mà ngôn ngữ thì lại từ dân chúng mà ra.

Ta không có động từ *chém*, nhưng ta có danh từ *buồm*. Nhiều nhà học giả ta băn khoăn hỏi những chiếc thuyền khắc chạm trên trống đồng là thuyền đi sông hay đi biển mà không thấy buồm. Xét qua ngôn ngữ, ta có thể đoán rằng thuở ấy ta đã biết đi biển, vì ta có danh từ buồm.

Quan-thoại nói *Fải*; Quảng-đông nói *Fải* ; Hán Việt nói *Phàm*. nhưng tiếng Việt là *Buồm* thì chắc chắn là không có sự vay mượn ở danh từ đó.

Ta đã biết làm ruộng, nên ta đã có danh từ *Cơm* không phải Quan-thoại cũng không phải Quảng-đông. Nhưng

chắc là ta chưa biết nấu cháo, y như đồng bào Thượng ở Kontum ngày nay, họ không hề biết món đó, nếu không có chung đụng với ta.

Quan-thoại nói *Chúa*, Quảng-đông nói *Chúc*, Hán Việt nói *Chức*, tiếng Việt *Cháo*, rõ ràng do tiếng Tàu mà ra.

Về điểm người Lạc Việt có mặc quần hay không thì ta bối rối lắm. Hình người khắc ở trống đồng, cho ta thấy họ mặc một thứ gì bằng lông chim dài từ trên xuống dưới như giáp của hát bội, mà không thấy quần. Quyền *Annam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng cũng nói là trước đời Trần Lê, người mình chưa biết mặc quần.

Nhưng sao ta có danh từ *quần* mà Quan-thoại nói là *fũa*, Quảng-đông nói là *fuu*, tức danh từ *quần* của ta không phải mượn của họ.

Xin nhắc lại rằng đừng tưởng rằng ta có thể vay mượn của các nhóm khác như Mân Việt, Đông Âu, như đã nói ở bài trước, bởi vào thuở ấy các nhóm đó cũng kém văn minh như ta và chỉ bị Tàu cai trị trước ta một vài trăm năm thì chưa đủ khả năng làm thầy của ta đâu. Ta có vay là vay của Tàu chánh gốc, tức Quan Thoại mà thôi. Phương âm Quảng-đông chỉ đưa ra để làm chứng vậy thôi. Còn sáng tạo tiếng mới thì cũng khó có, như đã nói trên kia.

Như vậy, có thể kết luận rằng ta đã biết mặc quần vào thời hai bà Trưng rồi chăng?

Về cơ-thể-học, ta chỉ biết có *xương*, *máu* và *ruột* mà thôi, còn *tim*, *gan*, *phổi* đều mượn của Tàu. Điều đó không có gì lạ. Vương Mãng đã có chiếu cho phép các y sĩ Trung-Hoa giải-phẫu xác chết để học tức y-học của họ đã tiến bộ rồi phần nào (theo bác-sĩ Huard), còn ta thì chưa tiến được như vậy, nên chỉ biết những gì ta tự nhiên mà thấy: máu chảy khi bị thương, lòi ruột khi bị đâm, và xương cốt người chết. Phổi, gan, và tim chỉ thấy được nhờ các cuộc mổ xẻ, chứ tự nhiên không thể thấy ba món đó.

Nhưng có một điểm này lạ lắm là ở bề ngoài, ta có đủ tiếng cả, không phải vay mượn của Tàu, từ ngón tay, ngón chơn đến da thịt, nhưng tiếng *đầu*, ta lại mượn của Tàu.

Quan-thoại nói *Thủ*, Quảng-đông nói *Thầu*, Hán Việt nói *Thủ*, ta nói *Đầu*. *Đầu* của ta, chắc chắn là vay mượn.

Nhưng tại sao có sự vay mượn ấy? Trường hợp *Đầu* giống hệt trường hợp *Bén* đã nói ở bài trước tức đó là những vay mượn khó hiểu vì không lẽ ta lại không có những danh từ sơ đẳng như vậy, tay, chơn, cổ, ngực, bụng thì có tiếng, còn đầu lại phải mượn của Tàu.

Những người bạn học tiếng Tàu với chúng tôi nhứt định tin rằng *Đầu* hơi giống *Thủ* và *Thầu* vì ngẫu nhiên trùng hợp chớ không phải vay mượn. Có lẽ đó là vấn đề còn cần phải học lại mới xong.

Những vay mượn lạ lùng chắc không bao giờ giải đáp được, nếu không nói bướng rằng đó là sự trùng hợp ngẫu nhiên, chẳng hạn về màu sắc, ta có đủ cả, đỏ, đen, xanh, trắng nhưng lại không có màu *vàng*. Quan-thoại nói *Wàng*, Quảng-đông nói *Woòng* thì *Vàng* chắc chắn do đó mà ra. Không lẽ trên lãnh thổ Giao-chỉ vào thời ấy, củ nghệ lại chưa mọc, mà hễ có nghệ thì dân phải biết màu vàng và phải có danh từ, tĩnh từ *Vàng*.

Hợp kim *Đồng* (bronze) ta cũng mượn của Tàu một cách kỳ lạ. Các nhà bác học của Viện Bác Cổ Viễn Đông đã chứng minh được bằng cách phân chất rằng đồ đồng Lạc Việt là do chính dân Lạc Việt đúc ra, chớ không phải mua của Tàu, mà đồ đồng ấy, đã tiến qua nhiều thế kỷ rồi chớ không phải là mới phát minh vào đầu Tây lịch Kỷ nguyên, vậy mà lại không có danh từ chỉ món hợp kim ấy hay sao, để đi mượn danh từ *đồng* của Trung Hoa?

Bén, *Đầu*, *Vàng*, *Đồng* là những tiếng vay mượn không có lý do, như, chúng tôi đã ám chỉ ở bài trước khi nói về *Đùi*, do bọn sĩnh nói tiếng Tàu vay mượn, còn ta thì đã có danh từ *Bắp Vế*.

Qua cuộc tìm tòi nhỏ này, ta chỉ biết được có một sự kiện

lịch sử thôi, là nam nữ ta đã sống chung vào thời đó, tức đã có vợ chồng, và dẫu còn theo hệ mẹ, vẫn biết có người cha.

Về thủy vận, ta đã biết dùng *buồm*, nhưng ăn uống thì còn kém chưa có món gì để *chém* thì chắc cũng chưa có món gì để mà thái cá, thái thịt. Những tiếng *chiên, chung, hấp, xào* toàn là tiếng Tàu, ta chỉ biết *luộc, nướng và kho* mà thôi. Ta không biết món cháo, y như đồng bào Thượng ngày nay. Vả lại Trung Hoa cũng biết cháo trước ta không lâu lắm. Theo bác sĩ Huard, giáo sư y khoa ở Hà-nội hồi tiền chiến, tác giả quyển “Y Khoa Trung Hoa” thì môn trị bệnh bằng cách ăn uống (diététique), chỉ mới xuất hiện ở Trung Hoa vào cuối đời nhà Chu mà thôi, tức cách nhà Hán chỉ một triều đại nhà Tần dài không tới trăm năm. Món cháo không phải là món ăn của người thường mà là món ăn của người đau ốm vì cháo thuở ấy là cháo trắng, tức cháo hoa, chứ chưa biết nấu cháo thịt, cháo lòng, cháo cá như về sau. Mà đừng nói chi cháo nó gần như là một vị thuốc. Cơm, người Tàu biết cũng không lâu. Họ chỉ biết ăn cơm khi nước Sở thành lập, vì lúa gạo không mọc được ở Hoa-bắc, ở đó họ chỉ trồng lúa mì, làm bánh bao mà ăn cho đến ngày nay.

Thật ra thì người Trung Hoa đã cướp đất Kinh của người Việt từ đời nhà Hạ. Bọn di cư ấy đã biết cơm từ thuở đó, nhưng vì không có liên lạc với chánh quốc nên khi nước Sở mà họ lập ra, hùng cường rồi thì trung ương của Trung Hoa mới biết cơm. Đó là vào đời Tây Chu.

Cái quần còn là nghi vấn, mặc dẫu ta có tiếng *quần*, bởi hình ở trống đồng không cho ta thấy cái quần một cách rõ ràng.

Tất cả những động tác sinh lý về Đệ-tam-khoái và Đệ-tứ-khoái đều là tiếng ta. Về điểm này, có một hiện tượng ngộ nghĩnh lắm. Chúng tôi nói rằng *phương ngữ* (dialecte) của các vùng ở Trung Hoa đều biến mất hết, chỉ còn *phương âm* (prononciation provinciale) mà thôi, nhưng những

chuyện bí mật sinh lý thì các địa phương còn dùng danh từ “man di” của họ hồi cổ thời. Triết-giang, Phước-kiến, Quảng-đông và Việt Nam, mỗi xứ mỗi giữ đúng tiếng cổ chỉ những việc đó.

Người Trung Hoa đời Hán rất liêm khiết và đạo đức. Họ bắt các “man di” học đủ thứ, nhưng không dám đá động tới những cái đó, nên thổ ngữ các vùng mới còn sống sót cho tới ngày nay. Thí dụ, việc đại tiện, Quảng đông nói là *Ói xỉ*, Mân Việt *Bẩn Xoái*, đều không phải do Quan-thoại *Tá Pél* mà ra.

Từ nầy giờ, chúng tôi chỉ nói đến những tiếng Việt gốc, do hay không do tiếng Tàu mà ra.

Nhưng nếu nó không do tiếng Tàu mà ra thì tự nhiên nó thành hình, hay do ngôn ngữ nào khác? Về điểm đó, chúng tôi chưa kịp học cho tới nơi, những công trình ngôn ngữ học của người Pháp cho rằng tiếng Việt có họ hàng với tiếng Thái cũng chưa chứng minh được gì. Nhưng tiết lộ sau đây có thể làm quý vị ngẩn ngơ suy nghĩ. Là danh từ *làng* của ta là tiếng Mã Lai đấy. Người Mã Lai đọc là *T'Làng*.

Làng là một tổ chức độc đáo và tối cổ của dân tộc ta thì danh từ chỉ tổ chức ấy, nguồn gốc nó ở đâu, nguồn gốc dân tộc ta có thể ở đó.

Nhưng có ai tin được rằng dân tộc ta gốc Mã Lai hay không? Không, không ai tin cả. Những sử gia, những nhà học giả đã nhận căn rằng người Lạc Việt ở Đông Sơn là tổ tiên của ta, họ nhận xét thiếu tinh thần khoa học, nhận người Đông Sơn Lạc Việt là tổ tiên ta, nhưng lại không nhận rằng Lạc Việt là người Anh-đô-nê-diêng mặc dầu màu sắc Anh-đô-nê-diêng quá rõ rệt nơi các cổ vật. Họ không nhận vì họ tưởng Anh-đô-nê-diêng đã man lăm, bởi các nhà học giả Tây-phương thường nói “người mọi” cũng là “Anh-đô-nê-diêng”. Họ xấu hổ mà có tổ tiên thấp kém

đến thế.

Nhưng họ quên mất rằng không phải nhóm Anh-đô-nê-diêng nào cũng chậm tiến như đồng bào Thượng; mặc dầu đồng chủng nhau mà có thể hai nhóm tiến theo hai nhịp khác nhau vì điều kiện sinh hoạt khác nhau. Vả lại nếu cách đây hai ngàn năm mà tổ tiên ta chậm tiến như người Thượng ngày nay thì đã có gì mà xấu hổ ?

Nói tổ tiên ta là Anh-đô-nê-diêng, không ai nhận, giờ nói tổ tiên ta là Mã Lai, thiên hạ lại còn phản đối hơn, vì Anh-đô-nê-diêng tuy chậm tiến, nhưng họ hiện còn sống bên cạnh ta, chứ như người Mã Lai thì ở quá (...mất vài chữ)

... tưởng tượng được rằng một dặm, ở giữa có Chàm, có Cao Miên mà lại đồng chủng với nhau.

Nhưng chúng tôi xin trình ra lời của nhà địa-lý-học Etienne Baron: “Anh-đô-nê-diêng là một thuật ngữ chuyên môn được dùng để chỉ cái chủng tộc thường được gọi nôm na là Mã Lai.”

Vậy thì Anh-đô-nê-diêng là Mã Lai chứ không có gì lạ hết.

Nếu vị nào không nhận tổ tiên ta là Anh-đô-nê-diêng, hẳn cũng sẽ không nhận tổ tiên ta là Mã Lai. Nhưng, nếu chứng minh được rằng trong xã hội Việt Nam ngày nay, còn rơi rớt lại rất nhiều di tích Mã Lai, thì chắc không ai còn có thể chối cãi gì được nữa cả.

Những di tích ấy là những khoen trung gian mà phương pháp khoa học đòi hỏi, những cái khoen minh họa sự biến chuyển của nền văn hóa Mã Lai của Lạc Việt thành ra nền văn hóa của Việt Nam, nhuộm màu sắc Trung Hoa.

Danh từ *làng* của ta và *t' làng* của Mã Lai là một trong những khoen trung gian ấy. Đây là một từ tạp chí chuyên nghiệp về văn học, nên chúng tôi chỉ có thể trình bày khía cạnh ngôn ngữ mà thôi, nhưng còn không biết bao nhiêu

cái khoen trung gian lối đó, nó làm cho phái phủ nhận tổ tiên ta là Lạc Việt phải soát lại quan niệm của mình và phải nhận càn, không đưa được chứng tích, sẽ được ở yên trong sự nhìn nhận của họ, mặc dầu họ đã nhận mà không tìm tòi theo sự đòi hỏi của phương pháp khoa học.

Xin nói rõ một điều là danh xưng Mã Lai không phải là tiếng Tàu hay tiếng ta, mà là danh từ của dân Mã Lai, được Tàu, ta và Tây phiên âm để đọc.

Bình Nguyên Lộc

(nguồn: tạp chí Tân Văn số 15 tháng 7-1969)



CHỦ ĐỀ GIÁNG SINH



Nguyễn thị Thanh Sâm

“NGƯỜI TA SỐNG BẰNG GÌ?”

KỊCH THƠ

PHÓNG TÁC THEO TRUYỆN NGẮN CỦA VĂN HÀO
NGA LEON TOLSTOI
PHÂN CẢNH, ĐỐI THOẠI VÀ THƠ CỦA THANH SÂM

NHÂN VẬT

THIÊN THẦN MIKHAN: vào khoảng 20 tuổi

SIMON, NGƯỜI THỢ GIẤY: “ 35 tuổi

MATRONA : “ 30 tuổi

NHÀ QUÝ PHÁI : “ 40 tuổi

THIẾU PHỤ THƯỜNG GIA : “ 30 tuổi
 NGƯỜI HẦU CẬN CỦA NHÀ QUÝ PHÁI : “ 20 tuổi
 ĐƯA CON CỦA SIMON : “ 10 tuổi
 HAI EM BÉ GÁI SINH ĐÔI : “ 6 tuổi

CẢNH I

Cảnh mùa Thu nước Nga, buổi chiều trên cánh đồng, có ánh trăng non trên tháp chuông một ngôi nhà thờ, bức tường nhà thờ ở góc sân khấu phía trong, thoáng bóng một vật gì trắng trắng nhìn không rõ tựa vào bức tường.

Simon, người thợ đóng giày đi trên con đường làng, anh ta mặc cái áo độn bông của vợ dưới lớp áo choàng đã cũ rách, trên vai vác một cây gậy có treo một đôi giày bột đã hỏng của người ta đưa nhờ sửa, Simon đang bước đi chênh choáng của một người hơi say...

SIMON: Có phải ta đang đi trên đường trăng,
 Nên bước chân xiêu lãng đãng?
 Ồ sao lạ quá, chiều hôm nay,
 Có cái gì tưởng đã quên nay bỗng nhớ;
 Một mùa Thu xưa không trở lại bao giờ.

(ngước mắt nhìn trời)

Mây thu đang bay đi cho đông giá
 Xoè đôi cánh mỏng lạnh buốt xương da;

(Anh dừng lại, vỗ vỗ tay lên trán, lắc đầu thật mạnh)

À, ta biết rồi,
 Biết cái gì đã sười ảm máu ta,
 Chiều hôm nay lạnh buốt gió đầu mùa;
 Nửa chai rượu Vốt-ka ta đã uống,
 Ôi Vốt-ka, Vốt-ka, người đã lên ngôi thần

nữ,

Mái tóc xanh loáng thoáng thu sương...

(Giọng nói chợt mơ màng)

Ta đang đi trên con đường quê ta, có phải?

Ta là người thợ đóng giày tên là Simon
 Người thợ đóng giày mang đôi giày sòn
 rách,

Ta là Simon không có chiếc áo choàng!
 Rượu Vốt-ka dim ta trong nỗi buồn đau ảm
 áp,

Không gì trong đời sánh bằng hồ rượu,
 Cho dù đôi mắt giai nhân, ôi, giai nhân giờ
 đây...

(Tỏ vẻ sợ hãi, lo lắng)

Đã trở thành mụ vợ Matrona của ta ở nhà,
 Matrona bây giờ như bó củi khô
 Với ba đứa con nhỏ đòi ăn suốt ngày
 Các con ta không bao giờ bớt đói!
 Matrona mặc chiếc áo độn bông rách
 bướm,

Nàng mắng mỏ chồng con thay cho cơm
 bữa.

(Giọng kể lễ)

Hai chúng tôi chỉ có một chiếc áo choàng mà hai vợ chồng phải thay nhau mặc, vậy mà nay cũng đã rách hết, hãy xem đây này *(Simon nâng vạt áo choàng rách lên)*, khi tôi có việc phải đi ra ngoài như hôm nay là vợ tôi ở nhà phải chịu rét; sáng hôm nay mẹ chúng nó sai tôi đi đòi năm rúp mấy người trong làng thiếu nợ, họ sửa giày mà mãi vẫn chưa có tiền để trả, chúng tôi cộng thêm ba rúp dành dụm suốt hai năm nay, là có thể có tám rúp đủ mua một tấm da cừu để may một chiếc áo choàng. Suốt cả ngày hôm nay tôi đã đi khắp các nhà những người thiếu nợ, không ai có thể trả, chỉ có mỗi một người hẹn sẽ trả vào tháng sau và lại còn đưa nhờ sửa thêm một đôi giày bớt, có trả trước tiền công cho tôi hai mươi kô-pêch *(đưa cao đôi bớt treo trên chiếc gậy)*, còn thì tất cả những người khác đều thề không có một xu nào cả. Tôi đến nhà người bán da cừu xin mua một tấm da, tôi xin trả trước ba rúp, còn lại năm rúp thì xin bán chịu, ông ta nhìn tôi thật chán

nản: “Bán chịu á, này, anh đừng có mà đùa dai, tôi biết rõ các anh quá mà!” Thế là tàn giấc mơ có được một chiếc áo choàng mới ấm áp, một chiếc áo choàng để mong sống còn qua mùa Đông giá buốt của nước Nga, quê hương tôi. Buổi sáng nay tôi rời nhà ra đi lạnh quá, giờ đây mọi việc không thành, lòng tôi buồn hết sức, nỗi buồn thấm lạnh vào tim, tôi bèn tạt vào quán rượu uống hết hai mươi cô-pêch rượu Vốt-ka tiền người ta trả trước tiền công sửa đôi giày này đây, rượu vào làm ấm lòng tôi vô kể, làm dịu bớt nỗi buồn biết mấy...

(Simon lại say sưa mơ mộng)

Ta lại bước đi trên con đường quê ta,
 Trên xứ sở có những cây bạch dương
 Thân trắng muốt tóc tơ xanh tằm lụa là;
 Ta chỉ là người thợ giày tên là Simon,
 Ta đóng đôi hia ngàn dặm cho chú bé tí hon
 Cho dù trái tim ta ngấm dần buốt giá,
 Không còn rung theo nhịp bước trẻ thơ,
 Ta lại bắt đầu yêu những người nông dân không trả
 nợ cho ta,

Và yêu luôn cả người bán da cừu không cho ta
 thiếu nợ!

Ta không có chiếc áo choàng mà vẫn ấm,
 Uống nửa chai Vốt-ka, máu chảy căng đầy mạch,
 Rừng phong trút lá trên đường xào xạc,
 Giọt tuyết hôn ta xui bước la đà!
 Giờ đây ta không nài nỉ chi đời,
 Ta cũng chẳng xót đau,
 Dù mắt ta dâng lên màu sương khói!
 Dù sắc hoa thu héo úa trong hồn,
 Dù chẳng bao giờ còn thấy đời vui
 Ta đã tính toán trong từng ước muốn,
 Là cuộc đời, hay đây giấc mộng, Chúa ơi!
 Ôi, hạnh phúc này, ta tỉnh hay say?
 Trong gió nghe hương kiêu mạch khắp trời
 Tiếng ngựa hồng chập chùng trong gió cát,

Đã qua lâu chuyến tàu mộng xa khơi!

(Bỗng Simon dừng lại, nghiêng đầu có vẻ lắng nghe)

Nhưng này, lạ quá,
Đêm yên tĩnh có cái gì bí mật,
Hình như hồn ta lên tiếng thì thầm:

Tiếng vang: “Này Simon, anh thợ giày ơi!
Trong bóng trắng thanh, chiều rồi bóng,
Có một người đã tới đây, cô độc, trần trụi...”

(Simon đứng thẳng, đổi giọng nghiêm trang, đồng dục)

Simon:

Này hồn ta ơi, ta không say đâu, đừng cợt nhả,
Ta sẽ nói cho người bí mật của rừng phong,
Ta sẽ chỉ cho xem tâm hồn từng sợi gân của lá,
Run trong thu đầy, có tiếng buồn xa...

(Anh đứng lặng băng khuôn, bỗng giật mình như sự tỉnh cơn mơ mộng, anh nói to)

“Nhưng này, Simon, người mộng mơ gì thế hả? Người là thứ gì? Chốc nữa đây, về đến nhà mẹ vợ sẽ cảm râm dừ lắm, mẹ sẽ làm nhục người không sai.”

(Simon bắt chước giọng đàn bà the thé, đưa tay xĩa xối)

“Simon, mày ngu đến thế là cùng, còng lưng sửa giày, làm việc cho người ta, suốt năm này qua năm khác, mà không đòi được đồng nào hết, lại còn đứng xó rớ đó mà nói tầm phào hả? Đi ngay đòi tiền về cho ta, không ta đánh cho bay đầu.”

(Làm bộ trở lại giọng đau khổ phân trần)

“Thì cha nội đó có đưa cho mình hai chục kô-pếch tiền sửa đôi giày mới đưa này đó chứ, *(chợt ngao ngán lắc đầu)*, ồ

mình uống rượu hết cả rồi, tội nghiệp, mọi người đều nói họ gặp khó khăn ... Ô , mà mình không khổ quá đó sao, mọi người còn có nhà mà ở, còn vợ chồng mình cùng với con cái đang phải ở nhờ nơi một góc nhà của người bạn nông dân tốt bụng, ai cũng có nuôi ít nhiều gia súc, họ có đủ thứ áo quần vật dụng, còn vợ chồng ta chỉ có cái áo choàng rách này thôi; mọi người đều làm được bánh để trong nhà ăn, còn chúng tôi thì phải đi mua từng ngày ngoài lò bánh mì, đừng kể gì thức ăn, nội tiền bánh mì không ta cũng phải mất một tuần ba rúp, nhiều khi ta đi ra ngoài về, vợ con ta ăn hết luôn phần bánh mì của ta nữa vẫn chưa đủ no, lại phải đi mua thêm một rúp nữa.”

(Lại làm bộ trở giọng gắt gỏng đòi nợ) “Này thôi ông trả tiền đây cho tôi chứ.”

(Simon quay người lại, bất chợt nhìn thấy vật trắng dựa vào bức tường nhà thờ, Simon dụi mắt vài lần, cố mở mắt to nhìn cho kỹ)

“Ồ, cái gì đây, nơi bức tường màu trắng gác chuông?

Cái gì trắng trắng như thể một con người.”

(dáng vẻ sợ hãi, nhắm nghiền mắt lại)

“Mắt ta ối, hãy xóa nhòa hình thể trong mơ,
Cho ta thấy đường trăng chiều tuyệt đẹp,
Hay một tảng đá nào đây,
Mà trước kia ta nào đâu có thấy;
Ta chỉ là một người thợ đóng giày,
Giấc ngủ ta thường buồn mùi súc vật;
Ta đánh giày bằng kem màu nâu bóng,
Nhưng hình thể này xem chẳng phải trâu bò!”

(Anh ta cố can đảm mở mắt ra, bước lại gần vật trắng một cách dè dặt)

“Trời ơi, một con người thì phải.”

(Simon bước tới gần nhìn rõ, thấy một người nằm đó, không rõ đã chết hay còn sống, người ấy mình trần bất động, tựa trên bức tường nhà thờ, Simon quá hoảng hốt, bước giật lùi, sợ hãi, bỏ đi nhanh)

“Ôi, ta sợ quá, chắc có kẻ cướp vừa giết người, lột hết quần áo, quăng xác chôn này, tốt hơn mình nên bỏ đi, đừng dính líu gì vào việc này, nguy hại lắm!”

(Simon bỏ đi, quẹo khỏi tường nhà thờ để khỏi nhìn thấy người ấy, nhưng khi qua khỏi khúc quanh, Simon ngoái nhìn lại, thấy người kia cựa quậy và như thể ngóng nhìn theo anh ta, Simon lại càng thêm sợ, nhưng bước chân chùn lại, phân vân)

“Trời, người kia đang còn cựa quậy và đang nhìn theo ta, ta có nên tới với người đó hay thôi bỏ họ mà đi? Thật là rắc rối, biết sao bây giờ, chắc chắn là có chuyện chẳng lành rồi. Mình tới lỡ người ta níu lại thì sao, ừ mà họ có không níu thì mình cũng phải công họ về nhà, phải công một người ở trần! Trời, cả nhà ta, thân ta chỉ còn một cái áo choàng, không thể cởi ra mà mặc cho người ấy được. Thôi, lạy Chúa, mình lo đi cho rồi.” *(Định bỏ đi, nhưng lại đứng im nghĩ ngợi)*

“Này Simon ơi, ta đã ra thế nào?
 Gặp một người hấp hối trong đau thương,
 Ta sợ hãi, ta toan tính thiệt hơn!
 Ta đã bỏ đi, ta tính trốn chạy,
 Trên đường chiều nay, ta thương nhớ mộng mơ,
 Tiếc ngày vàng đã đi qua vì miếng cơm manh áo,
 Ta có còn gì đâu mà ích kỷ,
 Đời còn cướp của ta được nữa những gì?
 Ôi Simon, thật là hổ thẹn cho người!”

(Simon quay lại đi chậm chậm về phía người lạ, nhớ lại)

tiếng vang trong hồn khi này)

Tiếng Vang: “Anh thợ giày ơi, trong ánh trăng xanh chiều
rối bóng,

Có chàng trai nào đã đến đây, cô độc, trần truồng!”

Simon: “Ừ, đúng thật, chẳng phải ta say

Tiếng vọng trong lòng mà ta nghe khi này,

Chàng đây rồi, chẳng biết vàng trăng hay bóng tối,

Thấp sáng trong ta ánh nền xa vời!”

*(Khi Simon lại gần, thấy chàng trai tỏ vẻ kinh sợ gục đầu
xuống, Simon cúi nhìn, xem xét, nói dịu dàng)*

“Đây là một chàng trai,

Ồ, trên mình không hề có vết thương,

Vàng trán thanh cao, dịu dàng xanh ngắt,

Người là ai, mà nét mặt sáng như gương,

Dáng nét cao sang, chẳng phải người thường,

Ôi, ta cảm thấy tràn ngập tình thương!”

*(Chàng trai ngoảnh lại nhìn Simon, Simon cởi áo choàng,
cúi xuống nâng chàng trai đứng dậy, khoác chiếc áo lên
người chàng trai, ủ ấm cho chàng)*

“Này áo tôi đây, anh hãy mặc vào,

Này giày tôi đây, anh hãy mang vào.”

(Simon giúp người lạ mặc áo và mang giày)

Simon: Xong rồi, anh bạn trẻ, anh hãy đứng dậy mà đi
cho ấm người, anh có thể đi được không?

*(Người lạ đứng dậy, nhìn Simon một cách dịu dàng, nhưng
không nói)*

Simon: Sao, anh không nói được à? Trời lạnh lắm anh

không thấy sao, chúng ta không nên ở đây lâu. Nào anh cũng về nhà tôi nhé, hỡi người bạn trẻ, anh hãy chống cái gậy này, (*Simon đưa cây gậy cho chàng trai*) ồ, anh hãy nhấc một chân lên xem, nào, hãy cố lên!

(*Người lạ vâng lời anh, nhấc một chân lên, và bước đi dễ dàng*)

Simon: Tốt lắm, có thể chứ, hay lắm bạn ạ. (*Giọng vui vẻ, thoải mái*) Xin hỏi bạn một câu. Bạn có thể cho tôi biết bạn từ đâu đến đây?

Người lạ: Tôi không ở quanh đây!

Simon: Vâng đúng thế, mọi người ở quanh đây tôi đều biết rõ, nhưng tôi xin hỏi, làm sao mà bạn đến nằm nơi sau lưng nhà thờ đó?

Người lạ: Tôi không thể nói được.

Simon: Có ai làm hại bạn không?

Người lạ: Không ai làm hại tôi cả. Chúa phạt tôi đấy!

Simon: Tình trạng của bạn bây giờ thì nói là Chúa phạt cũng phải, ai cũng rõ là Chúa ở khắp mọi nơi, nhưng dù sao thì bạn cũng ở từ một nơi nào mà tới đây chứ?

Người lạ (*nói rất dịu dàng*): Tôi thì ở đâu cũng vậy mà thôi.

Simon (*nói một mình, quay mặt ra khán giả*):

Lạ thật, con người này trang trọng quá đi thôi,
Dù chối từ không muốn nói về mình;
Ta sẽ đưa người ấy về nhà ta
Đêm tối lâu rồi, chờ ánh bình minh.

(*kéo sát chiếc áo trong vào mình, run rẩy trong gió lạnh*)

Trời, gió đêm thổi lạnh, thấm tận ruột gan,
 Ta tỉnh rượu rồi, ôi, chiếc áo choàng!
 Có lẽ chẳng bao giờ ta có được!
 Giờ đây cái áo khoác cũng không còn,
 Lại dẫn người ở trần về để sấm giầy cho nữa,

Nghĩ đến Matrona vợ ta, thấy lo phiền trong bụng
 quá; (*Simon liếc nhìn người lạ*)

Nhưng cái nhìn trẻ thơ tin cậy của người này,
 Làm ấm lòng ta, dù buổi giá heo may...

CẢNH II

Cảnh nhà của Simon, thật nghèo nàn, bàn ghế thô sơ bằng gỗ tạp, phía trong có một bếp lò, bên cạnh bếp lò có một cái bọc gỗ dài. Matrona, vợ của Simon đã làm xong mọi công việc trong ngày, mấy đứa con đã ăn xong và đã đi ngủ. Matrona thức ngồi khâu và chờ chồng về.

Matrona (*nói giọng sốt ruột*): Lũ trẻ đã đi ngủ cả rồi mà chồng tôi vẫn chưa về, ồ, tôi ước chi Simon đã lo xong mọi việc. Thời buổi này gom góp được tám rúp đâu có phải là ít gì. Chắc Simon đã lo xong mọi việc, đã mua xong tấm da cừu, tôi mong một loại da không mòn, thật tốt. Mùa Đông không có áo, thật khổ biết bao, tôi không đi đâu được cả, hai vợ chồng chỉ có một chiếc áo, Simon thường phải đi đây đi đó, phải mặc hết cả đồ trong nhà mới đủ ấm, thế là mình ngồi nhà chịu lạnh vậy thôi, không có gì nhiều để mặc. (*Nàng hướng về phía khán giả, giọng trầm buồn*)

Ta là Matrona, vợ người thợ giày thật thà chất phác,

Kiếp nghèo đeo đuổi những người phận bạc;
 Ta mãi lo chuyện bánh mì hôm nay,

Vẫn không hề đủ cho đến ngày mai.

(Nàng đưa mắt nhìn quanh gian nhà nhỏ, cái nhìn lạc lõng)

Ta quên thuở yêu chàng, từ buổi thơ ngây,
Ta thờ ơ với tất cả quanh đây,
Lửa hồng reo, lòng ta nguội lạnh dừng dung,
Mỗi năm xuân về, rừng hoa rực rỡ,
Ta chẳng buồn nhìn, nỗi khó nghèo theo sát bên
lưng,

Ta chỉ thấy những ruộng đồng tuyết phủ;
Đời các con ta rồi sẽ ra sao?
Ta mệt mỏi, ta không còn sức lực
Để nghe âm vang trên bánh xe đời,
Cuốn lăn đi từng vòng khoen tiếp nối! *(lại tỏ vẻ sốt ruột)*

Sáng nay Simon ra đi, sương mai trên cỏ rồi,
Đáng lẽ giờ đây đã phải về rồi!
Chắc còn la cà đầu đó, rượu Vót-ka! *(nghe có tiếng người đi bên ngoài, Matrona giắt kim vào vải áo, bước ra xem, thấy Simon dắt một người lạ bước vào, đang mặc chiếc áo choàng rách của mình)*

Thôi hồng rồi, lại chè chén say sưa,
Về đến nhà, trên tay không có gì cả,
Lại dẫn theo một tên vô tích sự.

(Matrona ngán ngẩm nhìn người lạ đang đứng yên, mặt cúi gằm, dáng sợ sệt đau khổ. Matrona tỏ vẻ bức bối, quay nhìn ra chỗ khác, Matrona nhận xét)

Hắn ta sợ, đúng là người không tốt!

(Simon xoa tay cho đỡ lạnh, nói to, giọng làm ra vui vẻ)

Simon: Này Matrona, hãy dọn cơm cho chúng tôi ăn đi, trời lạnh nên đói quá. *(Lại xoa tay, Matrona quay ngoắt)*

nhìn chỗ khác, không thèm trả lời, Simon nắm tay người lạ)

Simon: Bạn hãy ngồi xuống đây, rồi chúng ta sẽ cùng ăn buổi tối. Matrona, ô, mình không nấu ăn hay sao vậy? *(Người lạ vâng lời Simon ngồi xuống trên chiếc ghế dài, đầu vẫn cúi gằm xuống. Matrona bật la lên, giận dữ)*

Matrona: Tôi đã nấu, nhưng cơm không để dành cho những kẻ say mềm hư hỏng ăn, đã đi về tay không, lại còn mang theo về nhà cái thứ lang thang...

(Simon vội vàng ngắt lời vợ)

Simon: Matrona này, đừng có già mồm, bà hãy hỏi sự việc ra sao đã chứ.

Matrona: Vậy chứ tiền đi đâu hết?

Simon *(thò tay vào túi áo, rút gói tiền ra):* Đây đây, tiền còn đó, chứ đi đâu? Tất cả mọi người đều khát nợ, không có đòi thêm được đồng nào hết.

(Matrona giật gói tiền trên tay chồng cất vào bọc, càu nhàu)

Matrona: Không có cơm nước gì đâu, tôi không nuôi những thứ rượu chè say sưa ở trần như vậy.

Simon: Matrona, em hãy giữ mồm miệng tí chứ, em phải nghe cho rõ xem người ta là ai đã chứ!

Matrona *(xua tay tỏ vẻ không muốn nghe):* Thôi thôi, tôi đã lỡ nhiều lần nghe người điên say rượu, uống vào rồi thì nói đủ thứ, muốn nói gì chả được, ai mà biết; lỡ lấy ông tôi mất đứt cả cuộc đời. Áo quần mẹ tôi cho tôi, ông cũng đem bán đi mà uống rượu *(nhảy tới chụp áo chồng đang mặc)* trả cái áo lại đây cho tôi, tôi chỉ còn có cái áo này mà thôi,

ông lấy ông mặc cho mình ông, đưa ngay lại đây, cái đồ hư sự, ông đi đâu thì đi, chết phứt đi cho rồi, cho tôi rảnh nợ.

(Simon lộn tay áo lại, cởi áo ra đưa cho vợ, Matrona giật mạnh áo, rách tước ngay chỗ đường khâu, Matrona thu lấy áo, trùm lên đầu, chạy ra cửa, bắt chợt nàng đứng dừng lại, cúi đầu suy nghĩ một giây)

Matrona *(dịu giọng)*: Nếu ông ta là người tốt, thì đã không ở trần như vậy, và nếu ông ta có công ăn việc làm, có nơi ăn chốn ở đàng hoàng, thì tôi hỏi ông: “Làm sao ông lại phải dẫn ông ấy về đây giữa đêm khuya như thế này?”

Simon: Ủ, có thể chứ, hãy để yên nghe ta kể cho mà nghe: “Ta đang đi trên đường, người này ngồi sau bức tường nhà thờ đàng kia, trần truồng và lạnh giá, bà cũng biết là mùa này đâu có phải là mùa hè mà ngồi hóng mát. Tôi thấy tội nghiệp quá, tôi nghĩ là Chúa đã định cho tôi phải đến với người này. Vậy phải làm sao trước những sự việc xảy ra trước mắt như thế? Trước tiên là tôi phải cởi áo choàng mặc cho anh ta, quần mình anh ta cho ấm và dẫn về nhà gấp.” Ồ này, Matrona, bà phải biết nghĩ chứ, coi chừng kéo mà mang tội, phải nhớ chúng ta ai rồi cũng phải chết cả.

(Matrona muốn cãi lại chồng, nhưng bà nhìn người lạ, rồi làm thinh. Người lạ vẫn ngồi yên, hai tay đặt trên đầu gối, đầu gục xuống tận ngực, mắt nhắm nghiền, nét nhăn đau đớn trên trán, thấy thế, Matrona yên lặng)

Simon *(dịu dàng gọi vợ)*: Matrona ơi, chẳng lẽ trong lòng em không có Chúa? *(Nghe nhắc đến Chúa, khuôn mặt Matrona trở nên hiền dịu, nàng rời cửa, đi vào sau bếp, đoạn đi ra, dọn thức ăn lên bàn, quay lại dịu giọng nói với hai người)*

Matrona: Đây thôi, tới ăn đi.

Simon (nói với người lạ): Tới đây ngồi anh bạn.

(Simon cắt bánh mì, hai người bắt đầu ăn. Matrona ngồi cạnh góc bàn, chống tay nhìn người lạ bằng đôi mắt thương cảm. Tự nhiên, người lạ tỏ vẻ vui mừng, vết nhằn đau đớn trên mặt biến mất, chàng ngược lên nhìn Matrona và mỉm cười khiến Matrona vô cùng ngạc nhiên, vì nàng nghe một sự bình an thư thái trong lòng rất lạ. Hai người ăn xong, Matrona dọn dẹp xong, đoạn bắt đầu hỏi chuyện người lạ)

Matrona: Ông ở đâu tới vậy?

Người lạ: Tôi không ở đây.

Matrona: Làm sao mà ông lại tới chỗ nhà thờ đó?

Người lạ: Tôi không thể nói ra.

Matrona: Có kẻ cướp lấy hết áo quần đồ đạc của ông phải không?

Người lạ: Không, Chúa phạt tôi.

Matrona: Vì thế mà ông phải nằm trần ngoài trời lạnh như thế sao?

Người lạ: Tôi nằm ở đó, tôi bị lạnh lắm, ông Simon đi qua thấy tôi, ông tội nghiệp tôi, ông cởi áo choàng ra mặc cho tôi, ông lại mang giày cho tôi nữa, và đưa cho tôi về đây, bà đã cho tôi ăn và cảm thương tôi, Chúa sẽ trả nghĩa cho bà.

(Matrona đứng dậy lấy cái áo của Simon nàng đã khâu và hỏi chiều đang treo trên thành cửa sổ. Nàng đưa cho người lạ và lấy thêm cho người lạ một cái quần dài)

Matrona: Nay ông, không khó khăn gì để thấy rõ ông không có gì để mặc trên người ông cả. Đây, ông hãy nhận lấy những áo quần này và hãy mặc vào, và ông hãy đến chỗ cái bọc gỗ gần bên cạnh bếp lò mà nằm cho ấm.

(Người lạ mặc áo quần của Matrona đưa, cởi áo khoác ngoài, trao lại cho Matrona, đoạn đến nằm nghỉ trên bọc gỗ dài. Matrona ra ngồi bên cạnh chồng trên chiếc ghế dài, trước bàn ăn, phía trước sân khấu, Simon đang ngồi trầm tư)

Matrona *(vẻ suy tư như nói một mình):* “Nghĩ cũng lạ thật, thế là anh ta đã ăn hết phần bánh ngày mai của cả nhà mình, và thế là anh ta cũng lại mặc hết cả áo quần của nhà mình, lòng ta lại cảm thấy lo âu. *(Giương mắt nàng lại trở nên dịu dàng, nàng bỗng đưa hai tay lên, phác quanh một vòng tròn rộng lớn, mỉm cười, nói với chồng)*

Matrona: “Này Simon, mình có thấy anh ta mỉm cười khi này?

Thật lạ lùng, ta chưa hề thấy ai mỉm cười như thế cả;

Sáng trong đêm một dải Ngân Hà,
Bóng tối nhân gian phút chốc bỗng lìa xa!

(nét mặt tươi sáng)

Người ấy đến đây, trong thương khó, đã mỉm cười!
Lóng lánh sao đêm, rạng rỡ đất trời,
Ta cảm thấy mình giàu sang vô số kẻ,
Đến nỗi cho đi không để lại chút gì!

(nàng quay lại nhìn chồng, giọng nói chân thành thân thiết)

Này Simon ơi! Em như thấy lại thuở chúng mình mới yêu nhau,

Giữa trời quê ta, màu xanh biêng biếc
 Mây tha thướt trên đường hoa diễm ảo,
 Mạch sông tuôn trào, hội lễ mùa xuân;
 Em lại là Matrona của mười lăm năm trước,
 Trên đường quê, trên vạt cát bình nguyên.
 Ôi, yêu quá đời nghèo trên trần thế,
 Vẫn cho ta tròn mộng buổi thơ duyên;
 Và trọn kiếp cuu mang niềm ân huệ.
 Nửa mai này thành tro bụi trần gian;
 Đời ngát hương, vẫn đẹp buổi phai tàn!

(giọng ấm áp, tràn đầy cảm mến)

Người ấy đến đây, trong thương khó, đã mỉm cười,
 Giới hạn mộng lung không còn nữa trong tôi,
 Từ nguồn nước chảy tràn ơn vĩnh cửu,
 Ôi, Chúa yêu thương, con đã hiểu rồi,
 Cái không thể đã trở thành có thể!
 Simon anh yêu ơi!

(Simon tự nghĩ giờ trong khi vợ nói vẫn nhìn vợ không chớp mắt, vẻ hân hoan hạnh phúc, anh mau mắn trả lời)

Simon: Gì thế, hỡi em yêu!

Matrona: Ngày mai nhà ta hết cả bánh mì, em sẽ hỏi mượn bà hàng xóm Fanny một ít nhé!

Simon: Matrona em ơi, anh quá đổi vui mừng,
 Nhìn em vô cùng khác lạ đêm nay,
 Em kiều diễm hơn mười lăm năm trước!

Lời trên môi em, ôn nhu hồng tước;

Từ ngàn năm Chúa đã dặn dò ta:

“Vì xưa ta đói mà các người cho ta ăn,

Ta khát mà các người đã cho ta uống,

Ta khách lạ mà các người tiếp rước,

Ta mình trần, các người đã cho ta mặc (Matthieu

25: 35-36)

(Giọng Simon trều mến, nhắc lại lời vợ)

Khách lạ đến đây, trong thương khó, mỉm cười!
 Chúng ta sẽ sống mãi với niềm vui,
 Vì cuộc đời từ nay sẽ đổi mới;
 Có khó nghèo mới thấy được lòng nhau!

(vỗ về, trấn an vợ)

Ngày mai sẽ có bánh ăn mà, chớ lo chi, em yêu
 dấu!

Matrona: Em nghĩ ông khách lạ của chúng ta cũng là người tốt đấy, có điều sao ông ấy không chịu nói gì về bản thân ông ấy cả?

Simon: Ông ấy không ưng nói, biết sao bây giờ!

(Vừa lúc ấy người khách lạ từ bụi gỗ phía trong ngòai dậy, bước ra đến ngồi bên cạnh hai vợ chồng Simon, vẫn im lặng trầm tĩnh)

Simon *(quay lại, nói với anh ta):* “À, bạn trẻ đây rồi, này anh, dạ dày chúng ta cần có bánh mì, và thân thể chúng ta cần có áo quần để mặc, tất cả mọi người ai cũng phải thế, cho nên ta xin hỏi anh bạn một câu, anh có biết làm nghề gì không?

Người lạ: Tôi không biết làm nghề gì cả.

Simon *(ngạc nhiên):* Chừng nào con người muốn, thì vẫn có thể học làm được một cái gì.

Người lạ: Nếu người ta làm việc, thì tôi cũng phải làm việc.

Simon: Hay lắm! Xin hỏi, tên anh là gì?

Người lạ: MIKHAN

Simon (vui vẻ): Thôi được rồi, anh bạn Mikhan, anh không muốn nói rõ về anh thì thôi, nhưng anh phải kiếm kế sinh nhai, vậy nếu anh muốn, anh sẽ làm những việc ta chỉ cho anh, ta sẽ nuôi anh trong nhà của chúng ta.

Mikhan: Cầu Chúa giúp ông! Được, xin ông chỉ cho, tôi học và làm được.

Simon: Ngày mai nhé, xem ra không có gì khó đâu!

CẢNH III

Vẫn cảnh nhà của Simon một năm sau. Bây giờ đã khang trang hơn trước, có thêm nhiều đồ đạc tốt hơn, phòng khách, phòng làm việc bày biện sáng sủa, Simon ăn mặc chỉnh tề, áo dạ ấm, quần màu xám sậm bằng len, anh bước ra đứng hướng về khán giả.

Simon: Quả thật, xem ra chẳng có khó gì đối với anh chàng Mikhan này cả, người khách lạ mà tôi đã dẫn về nhà chiều mùa thu năm ngoái, lúc đó anh ta trần trụi và lạnh lẽo, đói khát, không hề biết một việc gì, chưa hề làm một nghề gì cả. Vậy mà bây giờ anh bạn của tôi đã trở thành người thợ đóng giày giỏi nhất ở vùng này. Đúng ra thì nghề đóng giày của chúng tôi coi vậy mà chẳng dễ dàng gì đâu. Nhiều người đã phải học nhiều năm chưa chắc đã có thể trở thành thợ giỏi, vậy mà lạ quá, tôi đã chỉ dẫn cho Mikhan chưa tới ba ngày, dạy đâu anh ta nhớ đó, và bắt tay vào làm thật đúng ngay, lại rất khéo tay một cách thần tình, như thể một người đã theo học lâu năm và làm nghề này suốt cả đời vậy. Mới một năm mà chàng ta đã nổi tiếng trong nghề nhất ở cả vùng này và cả các vùng kế cận, không ai đóng giày vừa vặn và bền chắc như chàng ta

được, tạ ơn Chúa, nhờ đó mà gia đình tôi đã trở thành khá giả hơn trước nhiều, chúng tôi đã có thực phẩm và áo quần dư dả cho tất cả mọi người trong gia đình. *(cúi đầu ngẫm nghĩ, đoạn ngẩng lên)*

Tôi vừa nói gì nhỉ, à, tôi đang nói về người khách lạ của chúng tôi năm trước, vâng, thậm chí thoát thế mà đã được một năm chàng đã sống dưới mái nhà của tôi, dưới mái gia đình tôi, chàng đã ăn, đã ngủ, đã làm việc không hề hờ tay nhưng sao mà chàng ăn uống lại quá ít ỏi. Tôi gọi chàng ta là người khách lạ vì bởi sống với nhau cả năm trời, chúng tôi vẫn không thể biết gì về chàng ngoài cái tên Mikhan, không thể biết chàng từ đâu tới, cũng không thể biết chàng thuộc hạng người nào trong xã hội này. Những lúc rảnh việc chàng ta chỉ ngồi yên lặng, luôn luôn ngẩng mặt nhìn trời, không hề nhìn ngang nhìn ngửa, cũng không hề bước ra đường đi chơi đâu cả. Chàng lại quá ít nói, không hề nói một lời gì ngoài những điều cần thiết, làm như suốt đời chàng không hề biết cười đùa chuyện vãn là cái gì. Từ ngày đến với chúng tôi trong nhà này, chàng chỉ mỉm cười có một lần, đó là buổi tối đầu tiên tôi dẫn chàng về đây, khi Matrona dọn cho chàng ăn và nhìn chàng bằng cái nhìn thương cảm. Thật vậy, vì thế mà cho đến nay chàng vẫn là người khách lạ của chúng tôi. À, chàng đã ra kia, đã đến giờ chúng tôi cùng làm việc sau buổi trưa.

(Mikhan bước ra sân khấu, chàng mặc một bộ quần áo thợ màu xanh, sạch sẽ, tươm tất. Chàng lặng lẽ ngồi xuống sàn nhà, soạn đồ nghề ra, bắt đầu làm việc cùng với Simon. Matrona cũng bước ra theo, ngồi khâu và trên một chiếc ghế thấp có nệm êm. Chợt cả ba người cùng ngừng đầu lắng nghe, có tiếng vó ngựa chạy bên ngoài, dừng lại trước cổng nhà họ. Simon đứng dậy, nhìn qua cửa sổ)

Simon: Ô, một cỗ xe ba ngựa đen bóng lộn, *(tầm tắc trầm trồ)*, chà, thật là lộng lẫy sang trọng quá, ủa, sao họ lại dừng trước cửa nhà ta kia, để làm gì nhỉ, cái góc nhà tôi

tân này làm sao có chỗ cho một vị quý tộc nhỉ. Mẹ nó ả, y như rằng đúng là một ông quý phái đã xuống xe và đang đi vào nhà ta thật đấy, làm sao mà ông ta chui vào trong này được nhỉ, người đâu mà to lớn như con bò mộng vậy đó, hay là một pho tượng đúc bằng gang thép chi đây...

(Nhà quý phái cúi thấp đầu, đi qua cái cửa thấp, bước vào nhà, ông ta cởi áo khoác, điềm nhiên ngồi xuống chiếc ghế dài, Simon cúi chào)

Simon: Kính chào ngài, thưa ngài đến đây có việc chi vậy?

Nhà quý phái: Ai là người thợ chủ ở đây?

Simon: Thưa ngài, tôi đây.

Nhà quý phái *(quay ra ngoài xe gọi lớn)*: Hay lắm, Feka, đem bó da giày vào đây.

(Người hầu của nhà quý phái đem vào một cuộn da đặt lên bàn, người quý phái ra lệnh: “Mở ra đi!”), người hầu cận mở cuộn da ra, trải rộng trên bàn ăn, nhà quý phái chỉ vào cuộn da nói với Simon)

Nhà quý phái: Giờ đây hãy nghe cho kỹ, ông chủ, ông đã thấy loại da này bao giờ chưa?

Simon *(đưa tay sờ vào tấm da, vẻ thán phục)*: Vâng, có lẽ tôi chưa được thấy.

Nhà quý phái: Dĩ nhiên rồi, tốt lắm. Ông chưa hề thấy thứ da như thế này bao giờ đâu. Đây là hàng của nước Đức, giá đến hai mươi rúp đó.

Simon *(tò vè kinh hãi)*: Ô, làm sao mà chúng tôi có thể thấy da như thế này được.

Nhà quý phái: Vậy ông có thể đóng giày cho tôi bằng thứ da này được chứ?

Simon: Thưa ngài, dạ được.

Nhà quý phái: Nói được cũng chưa đủ, ông có nhận rõ giá trị thứ hàng mà tôi đặt cho ông làm không? Tôi đặt ông làm cho tôi một đôi giày với điều kiện trong một năm nữa vẫn chưa bị hư, không bị nứt da, không bị hỏng. Nếu ông làm được theo đúng cam kết như thế thì ông hãy nhận, hãy cắt và may liền. Nếu không thì thôi; ta cần phải nói trước, nếu ông nhận điều kiện của ta, thì ta nói cho ông rõ, khi ta mang đôi giày ông đóng cho ta mà nó bị nứt hay cong vênh trước thời hạn một năm thì ta sẽ bỏ tù ông. Còn nếu ông nhận làm đúng như vậy, trong vòng một năm nó vẫn tốt thì ta thưởng thêm cho ông mười rúp.

Simon *(có vẻ lo lắng sợ hãi, quay nhìn Mikhan):* Mikhan, sao đây, có được không?

Mikhan *(điềm nhiên gật đầu):* Được, xin ông nhận lời đi.

Simon *(nói với nhà quý phái):* Thưa ngài, chúng tôi xin nhận làm đôi giày cho ngài theo đúng mọi điều kiện ngài ra cho chúng tôi.

(Nhà quý phái đuổi chân ra cho người hầu cận quỳ xuống cởi giày cho ông ta, đoạn bảo Simon)

Nhà quý phái: Này ông chủ, ông hãy đo chân tôi, đo cho cẩn thận đừng làm chật cửa chân tôi đau đấy nhé.

(Simon cầm lấy một tờ giấy trắng, trải thẳng, đặt bàn chân nhà quý phái lên, rồi đo cổ chân, đo lên ống quyển... Chợt lúc đó nhà quý phái đưa mắt để ý nhìn Mikhan, chàng đang đứng nhìn sững về phía góc nhà phía sau lưng nhà quý phái, ông ta đưa tay chỉ Mikhan, hất hàm hỏi Simon)

Nhà quý phái: Này ông, người đó là ai vậy?

Simon: Dạ, đó là người thợ cùng làm việc với tôi, chính anh ta sẽ lo việc đóng đôi giày của ngài đây.

Nhà quý phái (nói với Mikhan): Này anh kia, hãy nhìn đây cho kỹ, hãy hết sức cẩn thận, hãy may thế nào cho đôi giày của tôi trong năm tới không nhăn không hở đấy nhé.

(Không thấy Mikhan trả lời, Simon quay lại nhìn liền thấy Mikhan khi ấy không để ý gì đến câu nói của nhà quý phái mà chàng ta đang nhìn chăm chú về phía sau lưng ông ta, Simon giật mình ngạc nhiên vì thấy Mikhan mỉm cười, nét mặt tự nhiên vui vẻ vô cùng)

Nhà quý phái (gọi giật Mikhan): Này, anh kia, tôi đang nói với anh mà anh nhìn đi đâu vậy? Anh đang cười cái gì vậy hả? Liệu coi mà làm gấp đôi giày cho tôi đúng theo điều kiện chủ anh đã chịu với tôi đấy nhé.

Mikhan (quay lại hướng về nhà quý phái, gật đầu): Vâng, được rồi, thưa ông, ông cần giày khi nào là có ngay khi ấy.

Nhà quý phái (tỏ vẻ hài lòng): À, nhớ đấy nhé!

(Nhà quý phái gọi người hầu cận mang lại giày cho ông ta, đoạn đứng lên, mặc áo khoác vào, và bước nhanh ra cửa, khung cửa thấp, ông ta vô ý quên cúi đầu xuống nên bị va đầu vào cây xà ngang thật mạnh; ông ta lảo đảo cầm cầu nhàu và xoa đầu bước ra xe. Có tiếng vó ngựa trỗi lên rồi đi xa dần)

Simon: “Ông này cao lớn thật, cứ như là một ông hộ pháp ấy, coi bộ không có gì làm ông ấy hề hấn cả. Táng đầu vào cái khung cửa muốn nứt ra như vậy mà ông ấy cứ như không, thật là mạnh ghê gớm.

Matrona (*chép miệng*): Sống được cuộc đời giàu có vững vàng như ông ta mà không mạnh mẽ như thế sao được? Tôi nghĩ chả có thần chết nào dám động đến cái ông to như cái cột nhà đó...

Simon (*quay lại nói với Mikhan*): Thôi, giờ mình bắt tay vào làm ngay đôi giày ấy. Anh hãy cẩn thận kéo rắc rồi đấy, thứ da này thật là đắt tiền, mà ông này coi bộ nóng tính như lửa đỏ, làm hư nó là nguy hiểm lắm đấy. Bây giờ anh đo lại cho kỹ và cắt luôn đi, mắt anh rõ và khéo tay hơn tôi, anh cắt rồi để mũi giày tôi may cho.

(Simon đi vào trong. Mikhan đem tấm da trải trên bàn, khởi sự cắt xén. Matrona khâu xong chiếc áo, ngẩng lên chú ý nhìn Mikhan cắt tấm da, nét mặt Matrona có vẻ vô cùng ngạc nhiên, định nói gì, nhưng lại thôi, Matrona quay ra ngoài khán giả, nói một mình)

Matrona: Ủa, sao lạ quá, người ta đặt một đôi giày cao cổ, vậy mà anh Mikhan này lại đang cắt tấm da quý giá ra từng miếng nhỏ như đóng dép thường vậy. Không chừng một thời này của những người sang trọng đóng theo kiểu cách khác chẳng, ta nghĩ Mikhan chắc hiểu những điều này hơn ta, thôi ta đừng xen vô làm gì, *(lại liếc chừng về phía Mikhan đang làm việc)* Ô, không hiểu sao anh ta lại không dùng chỉ đôi để may giày mà lại dùng chỉ chiếc như để may dép dùng trong nhà vậy. Lạ thật, may một đôi giày như người ta dặn ít nhất cũng mất vài ngày công, anh ta đang làm sao thế chả biết, mà mình không dám hỏi...

(Vừa lúc ấy, Simon từ trong đi ra, đến gần xem công việc của Mikhan, bỗng ông ta giật mình, nét mặt biến sắc, kinh hoàng tột độ)

Simon (*giọng rên rỉ não nề*): Cái gì đây? Trời ơi, anh Mikhan, cả năm nay có bao giờ anh làm cái gì tai hại như thế này đâu. Người ta bảo đóng giày ống cao, lót nỉ, anh lại

đóng đôi dép không có đế, hư mất tấm da của người ta rồi, làm sao đèn nổi cho người ta đây, Mikhan ơi, anh làm sao vậy? Anh có biết cả hai chúng ta sắp ở tù đến nơi rồi không?

(Đúng lúc ấy, có tiếng đập cửa bên ngoài, người hầu cận của nhà quý phái bước nhanh vào nhà)

Người hầu cận: Chào các ông, chào bà!

Simon: Chào ông.

Người hầu cận: Bà chủ tôi sai tôi đến đây gấp về chuyện đôi giày!

Simon (sợ hãi): Có chuyện gì vậy ông?

Người hầu cận: Ông chủ tôi không cần đóng giày nữa. Ông ta chết rồi.

Simon (ngơ ngác): Chết! Không cần lấy giày à?

Người hầu cận: Vâng, vừa mới đây khi ông ấy về chưa tới nhà thì đã chết trên xe, khi người nhà mở cửa xe thì ông chủ khuyu xuống, ngã ra chết từ khi nào. Chúng tôi liền khiêng ông chủ ra khỏi xe và mang xác ông vào nhà. Bà chủ sai tôi đến đây ngay, bà dặn tôi đến bảo bác thợ giày rằng: “Cái ông hồi trưa đến đưa tấm da cho ông đóng giày cho ông ta đó, chiều nay đã không cần phải mang giày nữa, mà cần một đôi dép để mang cho người chết, vậy ông hãy làm cho nhanh để kịp mang cho ông ta, vì ngày mai đã liệm xác rồi.” Bà chủ bảo tôi ngồi đợi ông làm xong rồi mang ngay về nhà. Vì thế mà tôi đến ngay đây, tôi xin chờ.

(Mikhan lẳng lặng lấy đôi dép vừa may xong gói chung lại với cuộn da còn thừa, anh lấy khăn lau sạch sẽ và đưa cho người đàn ông hầu cận nhà quý phái, người hầu cận nhận đôi dép, chào mọi người trong nhà rồi ra về. Simon và

Matrona bâng hoàng ngo ngác nhìn nhau, trong khi Mikhan lặng lẽ trở lại bàn, tiếp tục làm việc).

CẢNH IV

Sáu năm sau ngày Mikhan đến ở với Simon - Matrona, vẫn cảnh nhà Simon, trang hoàng đẹp hơn, Simon đi ra, đứng dừng lại nhìn quanh, giọng nói cảm động tâm tình;

Simon: Tôi lại nói về Mikhan, anh bạn trẻ,
 Ở dưới mái nhà này, chàng đã sống,
 Đã sáu năm rồi, vẫn là người khách lạ năm xưa;
 Tôi thường tự hỏi, chàng có yêu chốn này?!
 Chàng có vui chăng, hay đã biết buồn chưa!
 Tháng ngày trôi qua, chàng cũng không hay,
 Không ra khỏi nhà, chẳng hề trò chuyện;
 Chàng chỉ nói những điều gì cần thiết!

(có vẻ quan trọng, đưa cao xòe ra hai ngón tay!)

Suốt sáu năm ròng, chỉ có hai lần,
 Chàng mỉm cười rực rỡ hơn mùa xuân!
 Lần đầu với Matrona khi ăn bữa tối,
 Lần thứ hai khi người quý tộc đến đóng giày;
 Chàng chẳng hề gây phiền bận cho ai!

(giọng kể lẽ tâm tình)

Trong màu xanh buổi thu muộn hôm nay,
 Lòng ta tràn ngập một niềm cảm khái,
 Về những năm thâm lặng sống bên nhau!
 Ta biết có chàng quần quanh đâu đó,
 Nổi vui thầm ta chẳng hiểu vì đâu!
 Cuộc đời ta, từ trước lúc có chàng

Ta chỉ là Simon, người thợ giầy nghèo khó,
 Giấc mơ đời không qua chiếc áo choàng!
 Tuổi xuân ta đã ngấm dần men rượu,
 Ta nghèo xơ cả đến mảnh linh hồn!
 Ta không hề biết vì sao mà ta sống?!
 Ta không biết khóc, ta chẳng biết yêu người,
 Tự do vui chơi trong tuổi trẻ cuộc đời,
 Chết chưa yêu, không thiếu, lũ chúng tôi!
 Có khi ngỡ đâu đây là hạnh phúc,
 Ta bơi giữa vũng bùn lầy thể tục.
 Trên đất này, nhiều sắc dân du mục,
 Ta quay tròn đêm, vũ điệu thâu đêm;
 Hòa tiếng thét gào cuồng phong bão tuyết,
 Phủ lấp những mái nghèo, tổ chim cò trú ẩn;
 Quanh những ngả buồn, còn lại dư âm!
 Tháng năm qua, ta những tưởng tàn đời,
 Trong một chiều thu ngấm buồn chất rượu
 “Cối đá vàng” ơ! Ta đã gặp người!
 Người khách lạ,
 Với cơn gió thổi lùa qua tóc xoắn,
 Với cái tên Mikhan, đất trời khó đoán,
 Đôi môi tươi khép kín chuyện ngàn năm,
 Ta vẫn nghe tiếng chàng trong thỉnh lặng!
 Chàng nói với ta về những kẻ hành hương,
 Từ những miền xa, từ những suối nguồn,
 Nơi những cảnh họa túy tử reo vui!
 Những thánh lễ thấp muôn ngàn ánh nến,
 Mùi mật ong táo chín ngát ngây đời!
 Ta muốn nói với tình không xa lạ
 Hồn ta rộn ràng điệu vũ xuân tươi
 Ta đã biết yêu thương dù đau khổ,
 Ta đã yêu cho đến nỗi dại khờ.
 Giờ không còn ai ngăn ta được nữa,
 Chớ yêu thương, đừng tin cậy hết lòng!
 Dòng đời trôi, ta chẳng trói buộc ai,
 Giữa thảo nguyên ngân lên tiếng tơ chùng;
 Lời nguyện cầu trắng xóa bóng hoa lau,

Như cánh thiên nga in bóng đầm sâu!
 Không còn nữa mùa đông ngoài nội cỏ,
 Mà chim trời sà cánh trắng thiên thu!
 Người đã đến đây, đã sống bình an,
 Như cội nguồn, như hừng đông tỏa sáng.
 Ta tìm thấy lại ta, trong vũ trụ mệnh mông,
 Tìm lại ngày đời hoang dã tươi hồng;
 Ngày lại sáng lòe mặt đất,
 Đêm nối đêm cùng tận trời xa...

(Có tiếng động, Simon quay lại, Mikhan lẳng lẳng xách đồ nghề đi ra, tay dắt đứa bé con của Simon lên mười tuổi, đứa bé kéo tay Mikhan chỉ ra ngoài cửa sổ)

Đứa bé: Xem kia, chú Mikhan ơi, hãy nhìn vợ ông thương gia dắt hai đứa con đến nhà mình kia. Có một đứa đi cà thọt, chú thấy không?

(Mikhan ngẩng lên nhìn theo hướng đứa bé chỉ, anh bèn bỏ đồ nghề xuống sàn nhà, đứng nhìn sưng ra đường một cách chăm chú)

Simon *(nói một mình)*: Quái lạ thật, Mikhan xưa nay không hề bao giờ nhìn ra đường, cái gì khiến anh ta chăm chú như vậy kia, *(Simon cũng ngoái nhìn ra ngoài)* à, một bà giàu sang đang dắt hai đứa con đi vào nhà ta, hình như là hai đứa con sinh đôi, chúng nó giống nhau như hai giọt nước, nhưng phải một đứa đi chân cà thọt.

(Thiếu phụ dắt hai đứa con gái sinh đôi bước vào nhà)

Thiếu phụ: Chào quý ông!

Simon: Chào bà! Thưa bà cần gì đây?

Thiếu phụ *(ngồi xuống ghế, ôm hai đứa con bám sát vào mẹ)*: Tôi muốn đóng cho hai đứa con tôi vài đôi giày da để mang vào dịp Noel sắp tới, thưa ông, có được không ạ?

Simon: Dạ được, nhà chúng tôi chưa nhận đóng giày nhỏ cho các em bé bao giờ, nhưng bà đã đặt thì tôi sẽ nhận đóng cũng được vậy, bà muốn lót da hay lót bằng nỉ cho êm chân em bé cũng được, ở đây chúng tôi có anh Mikhan đây, thợ nhà nghề đó.

(Simon chỉ tay qua Mikhan, chợt thấy chàng ngồi yên lặng chăm chú nhìn hai đứa bé con thiếu phụ)

Thiếu phụ *(niềm nở nói với Mikhan):* Tốt quá, xin ông đo chân cháu này, và làm một chiếc riêng cho bàn chân có tật của nó, còn lại ba chiếc kia thì xin làm cùng một cỡ, vì chân của hai cháu giống y nhau như hệt ông ạ. Hai đứa nó là sinh đôi đó.

Simon: Sao cháu này lại bị tật như thế thừa bà? Cháu xinh quá, đáng yêu quá, khi mới sinh ra đã bị tật rồi sao?

Thiếu phụ: Dạ không, mẹ nó làm quẹo chân nó đấy.

(Matrona từ nãy bước ra nghe ngóng câu chuyện và nhìn hai đứa bé, nghe thiếu phụ nói vậy bây giờ mới xen vào hỏi)

Matrona: Ủa, vậy ra bà không phải là mẹ ruột của hai em bé này sao?

Thiếu phụ: Vâng, tôi không phải là mẹ mà cũng chẳng phải là bà con ruột thịt gì cả. Tôi là mẹ nuôi của chúng nó, đây là hai đứa con nuôi của tôi đấy. *(Thiếu phụ vừa nói vừa cúi xuống vuốt ve mơn trớn tóc của hai đứa nhỏ)*

Matrona: Không phải con mà bà thương chúng nó quá há?

Thiếu phụ: Thừa bà, làm sao không thương cho được, tôi nuôi chúng từ ngày hai đứa mới sinh ra cơ mà.

Matrona: Con nhà ai mới sinh mà bị bỏ vậy bà?

Thiếu phụ (bắt đầu kể): Không phải chúng nó bị bỏ rơi đâu. Số là sáu năm trước đây, cha mẹ hai cháu này kế tiếp nhau chết trong vòng một tuần. Cha chúng nó là thợ làm rừng bị cây ngã đè chết trong khi mẹ chúng đang mang thai gần ngày sinh. Ngày thứ ba đưa đám tang người cha của chúng thì qua ngày thứ sáu mẹ chúng nó chết ngay khi sinh đôi hai đứa bé, bà ta chỉ có một mình khi trở dạ sinh con, lại nghèo khổ trợ trợ, không có bà con thân thuộc ở gần, bà ta chết một mình không ai biết cả. Hồi đó vợ chồng tôi làm ruộng ở gần đó, sáng hôm đó chúng tôi sang thăm hàng xóm, nào ngờ vừa bước vào nhà thì thấy bà ta đang hấp hối, người đã lạnh ngắt nằm đè lên chân một đứa con, đứa bị quẹo chân này đây. Mọi người hàng xóm quanh đó họp nhau lại lo tắm rửa, mặc áo quần, góp tiền nhau mua quan tài tắm liệm và lo chôn cất bà ta. Họ đều là những người nông dân hiền lành, tốt bụng, họ bảo tôi: “Bà Maria, thôi thì bà tạm giữ hai đứa bé rồi chúng tôi sẽ tính sau.”

Lúc bấy giờ, tôi cũng vừa sinh một cháu trai được tám tuần, lúc đầu, con bé quẹo chân này yếu quá, tôi đã định không cho nó bú vì không chắc gì nó sống được, để dành sữa đủ cho đứa kia và con tôi, song tôi lại nghĩ: Con trẻ là thiên thần, tại sao lại bỏ mặc cho nó chết, thế là tôi thương quá, tôi cho cả hai chúng nó bú với con trai tôi. Thế là cả ba đứa đều lớn lên, được hai năm sau, thì đứa con trai của tôi chết sau một cơn bệnh sơ sải, từ đó tôi cũng không sinh thêm được đứa con nào nữa. Nhưng việc làm ăn của chúng tôi càng ngày càng phát đạt, thịnh vượng. Nay chúng tôi đã trở thành chủ xưởng, đời sống khá giả, vốn liếng được đầy đủ, duy chỉ không có con đẻ. Vì vậy lẽ sống của chúng tôi là hai đứa con này, chúng tôi dồn tất cả tình thương cho chúng, chúng cũng như ngọn đèn cắm trên chân đèn đối với chúng tôi vậy. Tôi nhớ lời Chúa chúng ta nói như thế, mà quả thật là đúng y như vậy đó.

(Kể xong câu chuyện, thiếu phụ ôm ghì hai đứa con vào lòng, cúi hôn lên hai mái tóc bé thơ, đưa tay lên lau giòng nước mắt trên mặt vì xúc động)

Matrona (thở ra): Ngạn ngữ ta có câu: “Sống không cha mẹ còn sống được, chứ sống không có Chúa thì không thể sống.” Quả là đúng thật.

(Thiếu phụ đứng dậy, cùng hai đứa bé cúi chào mọi người, rồi ra về, vợ chồng Simon tiễn khách ra cửa, khi hai người quay vào nhà thấy Mikhan vẫn ngồi yên như từ lúc nãy, chàng đặt hai tay lên đầu gối, chột chàng ngẩng mặt nhìn lên mỉm cười!)

Simon (đến bên cạnh Mikhan): Ô, Mikhan, chúng tôi nài xin anh hãy nói đi.

(Mikhan đứng dậy, tháo cái khăn làm nghề thợ giày đang quàng trước ngực, cúi đầu chào Simon và Matrona)

Mikhan: Xin ông bà thứ lỗi, nay Chúa đã tha thứ cho tôi, thì tôi cũng xin ông bà tha thứ cho tôi nữa.

(Một vầng ánh sáng chói quanh thân hình của Mikhan, Simon cung kính cúi đầu chào Mikhan)

Simon: Thưa Ngài, tôi vốn đã biết Ngài không phải là người ở chốn phàm trần, chúng tôi không thể giữ Ngài được nữa. Tuy nhiên, trước đây chúng tôi không hề dám hỏi Ngài, nhưng giờ đây, đã đến lúc cùng Ngài chia ly, chúng tôi dám xin Ngài giảng cho chúng tôi biết những sự việc này. Thứ nhất là, vì sao lần đầu khi tôi gặp Ngài và đưa Ngài về nhà, Ngài tỏ vẻ đau đớn buồn bã quá, nhưng đến lúc vợ tôi mang thức ăn lên và săn sóc Ngài thì Ngài mỉm cười, nụ cười đầu tiên, và Ngài đã không hề cười mãi cho đến một năm sau, lúc nhà quý phái đến đặt làm giày, Ngài lại mỉm cười lần thứ hai, và cho đến nay là sáu năm

từ khi Ngài đến, lúc bà kia dẫn hai đứa con đến đóng giày, Ngài mới lại mỉm cười lần thứ ba? Thứ hai, chúng tôi xin Ngài cho biết tại sao thân Ngài tỏa sáng hào quang như vậy và suốt sáu năm chung sống trong gia đình chúng tôi, Ngài chỉ mỉm cười có ba lần đó mà thôi?

Mikhan: Chung quanh tôi có ánh sáng là Chúa đã tha thứ cho tôi, vì xưa tôi bị phạt. Còn tôi mỉm cười ba lần trong sáu năm sống dưới mái nhà ông bà là vì lần lượt trong ba lần ấy, tôi đã nhận ra ba Sự Thật của cuộc sống thế gian này mà Chúa đã dạy tôi đến đây để học.

Simon: Thưa Ngài Mikhan, xin Ngài cho chúng tôi biết tại sao mà Chúa đã phạt Ngài và Chúa đã dạy Ngài đi học về ba Sự Thật của thế gian, ba Sự thật đó là gì? Xin Ngài chỉ dạy lại cho chúng tôi với.

Mikhan: Chúa phạt tôi vì tôi không vâng lời Chúa. Hôm nay tôi xin nói rõ mọi việc cùng ông bà. Tôi vốn là một thiên thần trên thượng giới, một hôm Chúa sai tôi xuống trần gian để đón linh hồn một người đàn bà được về nước Chúa, bởi vì thời hạn của bà ta trên thế gian đã mãn, tôi bay xuống thì thấy một người đàn bà nghèo khổ, đau yếu, đang nằm trơ trọi một mình với hai đứa bé, bà mới sinh đôi. Bà ta nhìn thấy tôi liền biết là tôi đến đón bà, liền òa khóc lóc van xin: “Lạy Ngài, chồng tôi vừa chết mới chôn được ba ngày, tôi không còn ai thân thuộc trên đời này nữa, không thể gởi gắm con thơ cho ai được cả. Xin Ngài chớ mang tôi đi, cho tôi sống nuôi hai con sơ sinh, trẻ mới sinh không có mẹ làm sao sống được?” Tôi lắng nghe bà ta nói thế, tôi liền bồng một đứa bỏ lên ngực mẹ nó cho nó bú, và bồng đứa kia đặt lên tay mẹ nó cho bà ôm lấy nó, xong đầu đó, tôi trở về trình với Chúa mọi sự và tôi thưa cùng Chúa: “Con không thể mang linh hồn bà ta về được, trẻ mới sinh thiếu cả mẹ lẫn cha thì khó sống, bà ta xin cho bà được ở lại, sống nuôi hai con bà khôn lớn rồi hãy hay!” Chúa liền phán bảo tôi: Ngươi hãy đi mang linh hồn người

đàn bà đó về đây, còn phần người thì sẽ đi vào thể gian và tìm học ba Sự Thật này:

- Một là “CON NGƯỜI TRONG THỂ GIAN CÓ ĐƯỢC CÁI GÌ?”
- Hai là “CON NGƯỜI TRONG THỂ GIAN KHÔNG CÓ ĐƯỢC GÌ?”
- Ba là “TRONG THỂ GIAN CON NGƯỜI TA SỐNG BẰNG GÌ?”

Và Chúa đã dạy tôi: “Bao giờ tìm học được ba Sự thật đó mới được trở về trời. Tôi liền trở lại trần gian đưa linh hồn bà ấy lên, khi trút linh hồn lìa khỏi thân xác, bà đã đề lên chân một đứa bé làm queo chân của nó. Tôi mang linh hồn bà bay lên, nửa chừng thì có một cơn gió mạnh đánh ngã tôi rơi xuống mặt đất, còn linh hồn người đàn bà được siêu thăng nhẹ nhàng bay về nước Chúa.

(Hai vợ chồng Simon quỳ xuống bên cạnh Mikhan, lắng nghe, tỏ dấu sợ và vui)

Mikhan (nói tiếp): Tôi rơi xuống mặt đất mang thân xác người trần, liền đó tôi có cảm giác mà trước kia tôi không hề biết, tôi bắt đầu biết đói khát và lạnh lẽo vì trần trỗng trơn trượt. Vừa lúc tôi thấy một cái nhà thờ gần đó, tôi liền chạy đến bức tường sau để tránh gió. Đêm tối dần, tôi đói và lạnh quá, khắp người tôi đau đớn ê chề, chợt tôi nhìn thấy một người đàn ông từ xa đang đi tới, ông ấy đang nói năng than thở cuộc đời vô nghĩa, và lo âu tính toán chuyện cơm áo cho ông và vợ con ông, ông đang buồn rầu thất vọng. Vì thế mà tôi thấy một người đang đi mà trên nét mặt ông ta có dấu vết của sự chết khiến tôi sợ hãi phải quay mặt đi, tôi biết không thể trông mong gì nơi một người chỉ biết lo đến mình và vợ con họ, khó mà mong họ có thể ra tay giúp đỡ một kẻ đang đói lạnh trần trụi như mình. Mà cũng đúng như vậy, khi thấy tôi, ông đã cau mày khó chịu, trên mặt ông khi ấy đầy nét chết và ông bỏ đi, tôi

thất vọng vô cùng. Thình lình tôi nghe tiếng chân ông quay trở lại, tôi liếc nhìn ông thì tự nhiên thấy khác hẳn. Trên khuôn mặt ông đã có sự sống, tôi thấy hình ảnh Chúa in trên nét mặt của ông một vẻ vui tươi. Ông đến mặc đồ cho tôi và đỡ tôi dậy, ông mang giày cho tôi và đưa tôi về nhà ông. Vừa bước vào nhà, bà vợ ông ra đón, trông bà còn dễ sợ hơn ông nhiều: linh hồn chết thoát ra từ miệng bà, khiến tôi bị ngạt thở, chịu không thấu hơi chết của con người. Lúc ấy bà chỉ muốn đuổi tôi ra khỏi nhà ngay và tôi biết, hễ tôi ra khỏi nhà thì bà sẽ chết tức thì, nên tôi cứ đứng đó, đau đớn vô ngần. Bỗng tôi nghe ông nhắc bà nhớ tới Chúa, tức thì bà đổi hẳn, bà vui lòng cho tôi ăn và trong khi bà ngồi nhìn tôi ăn, bà cảm thấy thương cho thân phận của tôi, vừa lúc đó, tôi ngẩng lên nhìn bà thì nét chết không còn trên mặt bà nữa, hình ảnh Chúa sống động lung linh trong đôi mắt của bà. Tôi bèn nhớ ra lời Chúa dạy: “Hãy đi tìm mà học “CON NGƯỜI TRONG THỂ GIAN CÓ ĐƯỢC CÁI GÌ?”. Tôi thật vui mừng, vì Chúa đã bắt đầu cho tôi thấy những gì Người đã hứa cho tôi biết. Vậy tôi đã biết được Sự Thật thứ nhất, đó là: “CON NGƯỜI CÓ ĐƯỢC TÌNH THƯƠNG YÊU!”

Tôi mỉm cười lần đầu tiên vì thế.

Nhưng còn hai điều sau tôi chưa được biết, tôi ở lại với ông bà và chờ đợi để được thấy hai Sự Thật sau nữa, cho đến một năm sau, khi nhà quý phái tới bảo đóng cho ông ta một đôi giày mang một năm không nhả không hở; tôi đứng nhìn ông ta thì tôi trông thấy người bạn của tôi ở trên trời đang đứng sau lưng ông ta để chờ mang ông ta đi trước khi trời tối, chỉ một mình tôi có thể nhìn thấy vị thiên thần đó mà thôi. Sự thể như thế khiến lòng tôi thấu hiểu: con người sống giữa trần gian lo toan tính chuyện một năm sau mà không thể nào biết rõ chỉ trong chốc lát nữa thôi, mình sẽ phải chết. Thế là tôi nhớ ra ngay lời Chúa dạy: “Tìm xem CON NGƯỜI TRONG THỂ GIAN KHÔNG CÓ ĐƯỢC GÌ?” Tôi vui mừng vì gặp được bạn ở trên trời và

vui mừng vì Chúa đã ban cho tôi thấy thêm một Sự Thật thứ hai: “CON NGƯỜI KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG NHẬN THỨC VỀ CHÍNH MÌNH!”

Và tôi mỉm cười lần thứ hai!

Song vẫn còn điều thứ ba tôi chưa được rõ. Tôi chưa hiểu “TRONG THẾ GIAN NGƯỜI TA SỐNG BẰNG GÌ?” Tôi tiếp tục cuộc sống trần gian và chờ đợi Chúa ban cho tôi cơ hội thấy thêm một sự thật cuối cùng và cũng là sự thật chính yếu. Ngày hôm nay là đúng sáu năm từ khi tôi xuống trần, khi người đàn bà kia dắt hai đứa bé sinh đôi ngày xưa đến đông giày, tôi liền nhận ra hai đứa bé. Tôi ngồi lắng nghe người mẹ nuôi của chúng kể lại câu chuyện hai đứa bé đã được sống sót như thế nào, vừa nghe tôi vừa tự nghĩ: “Người mẹ sinh ra chúng nó đã van xin tôi để bà ở lại sống nuôi con, tôi đã nghe lời người mẹ đó, tin rằng con cái không có cha mẹ thì không sống được, thế mà nay ta thấy một người lạ, không ruột thịt, không thân thích, đã làm mẹ nuôi nó, đã nuôi chúng lớn khôn bằng cả tấm lòng mình. Khi người mẹ nuôi kia ôm lấy hai đứa bé vào lòng mà khóc, tôi nhìn thấy hình ảnh của Chúa sinh động sáng chói trên gương mặt của bà ta. Tôi hiểu ngay Chúa đã ban cho tôi được thấy Sự Thật thứ ba và cũng là Sự Thật cuối cùng. Tôi vui mừng vì biết rằng cùng lúc ấy, Chúa đã tha tội cho tôi.”

Và tôi mỉm cười lần thứ ba và là lần cuối.

(Bóng Mikhan chói lòa không còn nhìn thấy hình người nữa, chỉ thấy một vầng sáng rực chói lợi, tiếng nói thiên thần thật lớn như từ trời truyền xuống)

Tiếng nói thiên thần:

“Hỡi những người bạn đã cùng ta sống,
Đã cùng ta chia Sự Thật Chúa ban;
Ta làm người không do ta ước muốn
Mà do tình thương xót kẻ cơ hàn

Bạc giàu sang quyền thế chốn gian trần,
 Tưởng phải có những gì mình muốn có;
 Tính chuyện ngày mai cho đến trăm năm!
 Đâu biết trước sớm chiều vào phần mộ.

Những bé mồ côi kia được sống,
 Bú no đầy bầu vú sữa mẹ nuôi,
 Mẹ kiêu diễm, Mẹ muôn đời cúi xuống;
 Đáng yêu thương, tay ru chiếc nôi đời!

Chúa sinh ra con người như thế đó,
 Trong mỗi trái tim giữa chốn bụi hồng
 Ai biết được nỗi vui buồn của nó
 Có Chúa trong từng giọt lệ trinh trong!

Chào bạn nhé, cõi trần xin hãy nhớ,
 Chúa chúng ta là cùng đích đời ta!
 Là hạnh phúc của muôn đời hạnh phúc!
 Là yêu thương của muôn kiếp yêu thương!”

(Ánh sáng thiên thần vụt bay lên cao, Simon, Matrona và các con quỳ úp mặt xuống sàn nhà, đưa tiễn, đoạn trở dậy, Simon cùng gia đình chào khán giả)

Simon: Người đã đến tìm ba Sự Thật,
 Tìm thấy rồi Người lại ra đi,
 “**CƠN NGƯỜI TA SỐNG BẰNG GÌ?
 BẰNG TÌNH YÊU MẾN KHẮC GHI TRONG
 LÒNG!”**

MÀN HẠ

Giới thiệu tác giả

Cựu học sinh Đồng Khánh.

Sinh ngày 06 tháng 01 năm 1933 tại xã Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam.

Quê quán: Làng Thề Chí Tây, Huyện Phong Điền, Huế.

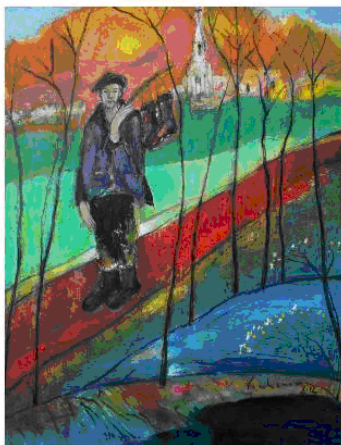
Hiện sống tại tiểu bang Washington State.

Tác phẩm xuất bản:

“**Cõi Đá Vàng**”, truyện dài, An Tiêm xb năm 1972, Thư Ấn Quán tái bản năm 2012.

Riêng vở kịch thơ này được xuất hiện trong tác phẩm **Kịch và thơ** Nguyễn thị Thanh Sâm cũng do Thư Ấn Quán hiệp cùng gia đình tác giả xuất bản và phổ biến hạn chế vào năm 2012 .

Kịch và Thơ Nguyễn thị Thanh Sâm



THƯ ẤN QUÁN XUẤT BẢN 2012



(Xin mời đọc Thư Quán Bản Thảo số 51 đặc biệt giới thiệu nhà văn nữ Nguyễn thị Thanh Sâm cũng như lý do tại sao tác phẩm Cõi Đá Vàng lại được tái bản tại Hoa Kỳ) ,

SONG LINH

Bên này thiên đường

“ Qui me invenerit inveniet vitam ”



Tranh sơn dầu Đinh Cường

Bà phước Anna lặng lẽ đi bên mép hành lang hun hút của bệnh viện. Mùa lạnh thoáng cựa mình thức dậy từ đêm qua. Sáng nay bà mặc áo chùng thâm, và đội mũ vải đen. Một cảm giác nao núng lay nhẹ trong tâm hồn trong suốt, thanh thần của bà. Bà dừng lại tận cuối đường, khẽ dướn người mở tung hai cánh cửa sổ. Bên ngoài sương trắng vờn vọt đang tan nhẹ dưới những vạt nắng nhọn hoắt chém xuống đầu ngày. Bà phước đứng im. Mắt nhìn buông lên khung trời hanh sáng, rồi đậu lại trên những ngọn cây đang rụng lá. Dưới vườn, cỏ xanh ướt dẫm sương đêm, long lanh trước nắng, sáng lên như tia nhìn con mắt trẻ thơ, và nụ cười thiếu nữ dưới ánh đèn rượu mạnh. Lá vàng nằm la liệt, thật buồn. Bà Anna nghe dội từ vực lòng thăm thẳm,

lạnh giá những làn sóng ký gợn tròn khua động tâm tư. Nơi ấy là giấc ngủ, là mộ phần chôn vùi, cấm cố khoảng thời gian hai mươi năm dĩ vãng. Bây giờ đối với bà hầu như xa lạ, mờ mịt. Tuy nhiên giữa niềm tin chói lòa, hình ảnh người đàn ông theo đòi dấu chân và cuộc đời của Chúa, vẫn ngồi quắc như ngọn hải đăng dẫn đường để nàng lao tới. Hình ảnh ấy, giữ mãi nụ cười cời mờ, giọng nói âm áp hoạt bát và tia nhìn nhọn hoắt như những ngọn giáo, những mũi tên phóng thẳng vào người đối diện, tựa một địch thủ. Tia nhìn ấy như ngọn lửa tỏa bốc giữa đáy mắt chàng, bùng cháy những niềm tin mãnh liệt, vây choán, phong tỏa những tâm hồn tội lỗi, cúi đầu nhìn xuống một vùng bóng tối trùng điệp không bao giờ hết. Nó như một sức mạnh ban xuống từ sự nhiệm mầu của đấng Ki-Tô cao cả, có mãnh lực lôi kéo, cứu vớt những bước chân lầm lẫn, sa ngã về dưới tay người. Thề xác tạm bợ của chàng đã trở về gió cát, như lời phán thánh thư. Như cuộc đời tận tụy, những tình thương đầy ắp, cứu rỗi đem chăm sóc mọi người, vẫn hằng sáng láng trong linh hồn nàng, và yên ngủ vĩnh cửu nơi linh hồn Chúa. Tiếng chuông sớm, chiều rung nhịp dồn dập, chỉ làm cho những linh hồn rối loạn, buồn phiền dịu lắng bình thân lại. Nó mang chứa những niềm an ủi vượt ve từ một cõi hư không vơi vợi, huyền bí, mà ý thức cùng bước chân loài người không bao giờ đạt tới. Chàng đã yên nghỉ đời đời ở đây—Đã thật sự tách rời cõi phàm trần đầy dẫy tội lỗi, để vượt tới, để nhập vào cái thế giới hư huyền bất tuyệt. Nơi ấy mông lung, vô tận hơn những bí mật của một buổi sáng hoang sơ, của một thời tiền kiếp, mà hoa cỏ tường chừng phải nở đầy bằng những tinh anh thánh thiện. Từ đó không là một ngăn cách trần thế, một ân sủng riêng tư, khiến những con người tu hành man trá ước mơ phóng tới an hưởng hoặc thông hối miễn cưỡng, đọc thật nhiều kinh để chỉ mong ân xá. Cái thế giới ấy thật tinh tuyền trong sạch. Nó thân nhiên như một bè mây, một dòng suối và quần tụ cái linh hồn biết quên mình, không hề mặc cảm kính sợ Chúa, mà vẫn toàn minh trong sự thiện căn cùng tận đáy lòng. Vẫn ngập lặn trong đau nhức, ê chề để tận

tuyệt vời niềm vui cho kẻ khác. Không bao giờ nghĩ sẽ được Chúa đền bù công lao với đường về bên Người thênh thang an lạc. Bà Anna bỏ lửng ý nghĩ, nhìn xuống con đường sỏi quanh co dẫn ra khu vườn xa trước mặt. Người lao công, đang đứng dang hai chân, quét những đám lá khô dưới các gốc cây. Bà có cảm tưởng những ý nghĩ của mình đang được bàn tay nào đó vun gợn lại thành một đồng, rồi đem đốt tất cả. Bà đưa tay lần chuỗi hạt đeo dài theo bên sườn. Cây thánh giá với tượng Chúa bằng đồng nhỏ bé, nằm gọn trong lòng tay trắng muốt của bà. Bà nhìn ra thật xa. Ý nghĩ hướng trọn vẹn về đáng toàn năng cao cả. Nhô khỏi tán cây khẳng khiu, nâu sậm, ngọn tháp chuông trắng xóa của ngôi nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế vươn cao chót vót trên nền trời hùng sáng. Hồi chuông lễ nhĩ của ngày chủ nhật đang nện giòn tan, phá đám giấc ngủ của loài chim én xây tổ từ đỉnh tháp, làm chúng hoảng hốt bay tán loạn, và buông những tiếng kêu thảng thốt yếu ớt. Ngoài đường những người đi lễ đang lác đác ra về. Cánh cổng sắt sơn xanh bên ngoài đã mở rộng từ bao giờ. Bà Anna nhìn ra con đường yên tĩnh chạy ngang ngoài cửa bệnh viện, và bắt gặp từ phía sườn đồi xoài dốc, nơi cuối hàng thông xa tít, khu nghĩa trang với những ngôi mộ trắng nằm quần tụ im lìm. Bên trên những cây thánh giá cúi đầu tưởng niệm. Bà nghĩ đến giấc ngủ bình yên, không một tiếng cựa mình của người đàn ông gửi trọn cuộc đời nơi bàn tay của Chúa, bất chợt bà đưa tay làm dấu thập tự. Bà Anna quay về phòng quỳ gối, ngược nhìn tượng Chúa, và lần hạt môi khấn hứa: Ôn huệ Chúa chẳng bao giờ rời bỏ. Dõi theo tôi trót cả cuộc đời. Và tôi sẽ ở đền Người, những ngày tháng, những năm dài không thôi.

Từ ngoài đầu tỉnh lý, con tàu sáng đang cần cù đậu lại ga xép, và mệt lử, thở hắt ra những hồi còi hú dài ảo não.

Tỳ tay trên mép cửa, Loan đứng nhìn ngọn tháp chuông cao vút của ngôi nhà thờ giữa thành phố, đang tiến gần lại phía nàng. Màu trắng của cây thánh giá trên đỉnh tháp,

chói nắng của ngày đầu mùa hạ. Con tàu đang giảm dần tốc độ, gắt gồng thét còi, rồi khật khừ đậu lại trước ga. Loan có cảm tưởng thị trấn nhỏ bé này, lần đầu tiên nàng đặt chân tới, đang vây bọc lấy nàng bằng những cử chỉ thân ái, mời đón. Loan đứng nán trên tàu, chờ những hành khách chen lấn xuống trước. Nàng đưa tay chải lại mớ tóc bị tung tóe khi hóng gió ngoài cửa. Hành khách xuống tàu, bỏ lại sự trống vắng trên mấy toa hạng sang. Loan nghĩ đến sự lạnh nhạt lãng quên khách qua sông, không bao giờ thềm nhớ đến sông nước và con đò. Thân phận những người con gái kém may mắn, trong tay người đàn ông xa lạ qua đêm một lần. Loan xách va-ly bước xuống thềm đá gập ghềnh. Nàng bỗng nở cười sung sướng khi nhìn thấy anh chị Giao đang đứng đón mình trước cửa ga. Gần họ, một người đàn ông dong dỏng cao, mặc áo choàng thâm, đầu húi ngắn, để trần đang khoanh tay trước ngực. Loan đoán chắc đó là Thiệu - bạn cũ của gia đình nàng. Anh Giao chạy lại đỡ lấy va-ly trên tay Loan. Trong khi chị Giao cười nói:

Tưởng cô còn luyến tiếc thành đô không thềm ra chơi với anh chị.

Loan cười đáp :

- Bộ chị tưởng mùa hè ở thủ đô với các cụ để thành “Bác-bi-kiu ” hay sao?

Loan ngược lên bắt gặp Thiệu đi đến.

- Lạy Cha ạ.

Thiệu và Giao cùng cười. Thiệu nói:

- Mười mấy năm nay Loan còn nhớ Cha sao?

- Dạ nhớ chứ ạ. Anh chị Giao có nói gặp Cha ở đây.

Bốn người song hàng đi ra chỗ chiếc ô tô đậu dưới bóng một cây thông. Thiệu nhìn Loan, tia nhìn thẳng thắn.

- Mới ngày nào Loan còn để tóc cun cún nhật bản. Bây giờ đã thành một thiếu nữ tân tiến, kiêu diễm mau quá.

Loan cãi:

- Thế còn Cha, mới ngày nào là cậu học trò đệ tứ, cùng

với anh Giao, bắt nạt Loan hoài, thế mà bây giờ đã thành một vị linh mục đạo đức rồi thì sao?

Thiệu cười im lặng. Bốn người vào xe. Giao mở máy, gạt số và lái qua những con đường hẹp trong tỉnh. Buổi trưa, vợ chồng Giao mời Thiệu ở lại dùng cơm. Trong bữa ăn, dăm ba câu chuyện được khơi về dĩ vãng, cùng với mối tình của vợ chồng Giao được Thiệu chứng kiến từ đầu. Giao ôn lại những kỷ niệm hồi hai người học chung một lớp. Về mùa hè. Giữa trưa. Trời nắng đỏ lửa. Thiệu thường cất công từ vùng ngoại ô Bạch-Mai đến đón Giao tại đầu phố Huế. Hai đứa lái nhau trên chiếc xe đạp của Thiệu lên tận hồ Tây tắm và bơi thuyền. Khi về bao giờ cũng vòng một lượt trong vườn Bách-Thảo, và hái hoa sen. Hai thằng trở về đường Quan Thánh, qua vườn hoa hàng Đậu trên người cảnh sát già đứng gác bên lề đường. Thiệu nhẹ cười, nụ cười thật sáng như tâm hồn còn mới của chàng. Thiệu bỗng nhớ đến những buổi chiều cùng Giao rong chơi trên mạn Phà đen. Hai đứa thường bơi qua cái đầm, sang hái trộm ổi trên mép con đường đầy lá khô và bóng mát. Rồi thời gian lặng lẽ trôi. Những ngày vui xa dần tuổi trẻ, nhường lại cho đôi tâm hồn đã gợn nhiều suy tư khắc khoải. Những đêm khuya, hai đứa nằm dựa lưng vào một đồng cát ẩm ướt trên bờ sông Hồng Hà, nhìn sao cháy trên vực trời như một biển lửa lân tinh, và lắng nghe tiếng súng vang vọng từ một vùng đồn bót xa xôi. Nước sông lạnh lùng như bộ mặt chiến tranh lý lợm. Thiệu bỗng thở dài, đem cái tâm trạng nao núng, thắc mắc hỏi Giao. Giao chỉ im lặng hút thuốc, lâu lâu mới nói một câu thật ngắn, và chán chường thất vọng:

- Chúng mình đang bị cùm kẹp và bế tắc trên mọi mặt, kể cả tình yêu.

Thiệu gạt đầu đồng ý với bạn:

- Nhưng ít ra chúng mình cũng phải tháo gỡ cái cùm kẹp ấy. Không lý cứ để mặc nó đè ấn, xiết chặt mãi, để bị chết một cách thảm hại hay sao?

Giao nện gót chân trên mặt cát ẩm. Những hạt nhỏ bắn rào rào tung tóe. Từ xa, con cầu Gia-Lâm căng thẳng trong đêm như một sợi chỉ, treo lơ lửng những bóng đèn. Thỉnh thoảng một đoàn xe nhà binh vượt ngang. Tiếng động cơ ầm ầm rung chuyển. Giao nói:

- Cái nhiệt huyết tuổi trẻ đã trở thành vô nghĩa, bất lực. Ngụp lặn vào sa đọa mãi cũng thấy chán chường cô đơn. Mà ra ngoài ấy càng chết sớm. Tao nghĩ chỉ còn một lối thoát duy nhất là đi lính, và đi tu.

Thế rồi hơn năm sau, Giao bị động viên vào học trường Võ bị. Thiệu đi tu một cách vô tình mà không hề biết trước. Anh không ngờ cái đêm hai đứa ngồi dưới cồn cát trên bờ sông Hồng, và các câu nói của Giao khi ấy lại trở thành một câu định mệnh sau này. Mười mấy năm trôi qua. Hai người xa cách tưởng chừng vĩnh viễn. Ai ngờ lại gặp nhau ở cái thị trấn nhỏ bé bờ biển này. Giao bây giờ đã là tỉnh trưởng. Còn Thiệu đã gởi trọn linh hồn cho Chúa. Quên mình trong trại cùi, để chăm nom, an ủi những con người bệnh hoạn hiềm nghèo, bị người đời ghê tởm, xa lánh. Thiệu đã tận tụy trong niềm vui cứu rỗi để che chở, dìu dắt những linh hồn khốn khổ tìm về với Chúa. Anh nghĩ chỉ có niềm tin mãnh liệt mới xoa dịu được những đau đớn, quằn quại của linh hồn cùng thể xác. Và Thiệu vẫn ngày đêm cầu nguyện Chúa thương xót, cứu vớt những kiếp người khốn nạn ấy. Tiếng nói của Loan văng lên phá tan ý nghĩ của Thiệu. Thiệu khẽ mỉm cười một thú nhận tình cảm. Loan nói:

- Bây giờ Cha Thiệu đã thật sự xa cách mọi người, không còn như ngày xưa nữa.

Thiệu vui vẻ đáp:

- Bề ngoài tuy có xa. Nhưng thật ra Cha đang gần gũi mọi người.

Loan im lặng cúi đầu. Nàng vừa thoáng gặp đôi mắt Thiệu ánh ra những tia lửa ngời quắc soi buốt tim mình.

Loan ra khỏi nhà thờ. Bóng tối đang về trên những

ngọn thông bằng những bước chân vội vã. Nàng rẽ ra con đường bờ biển. Gió mát lồng lộng thổi bay tóc nàng và cuốn tròn tà áo. Loạn có cảm tưởng tâm hồn mình bỗng nhiên hoang vu, trống trải như một bờ biển chết, như bề mặt đại dương mù tịt chạy thẳng đến chân trời. Không tìm đâu ra bờ bến.

Hình ảnh đôi mắt ấy, nụ cười ấy vẫn ám ảnh, mài miệt tâm trí nàng. Loạn muốn lẫn tránh nó, và chạy trốn ra khỏi vùng ý thức đang rên xiết từ vực lòng sâu thẳm. Nhưng cái bản năng tự vệ tựa hồ tê liệt, cùng với gân cốt, huyết quản như ngừng chạy nhường cho mối lửa tình cảm vẩn vù, âm ỉ như phún thạch chuyển động trong lòng một hỏa diệm sơn sắp nổ tung, như một ngọn sóng ngầm, nép mình dưới cái bề mặt thân nhiên và bao la của biển cả. Nhưng nàng biết, từ đó, nó đang bí mật chuyển đi cái sức mạnh vô cùng mãnh liệt, có tác dụng quật đổ và di chuyển cả một miền hải đảo sầm uất cỏ cây. Ngọn sóng ấy, phún thạch ấy là tình yêu của nàng đang phóng tới người đàn ông mà nàng hằng ôm ấp trong mộng tưởng gần trọn một mùa hè đằng đẳng. Người đàn ông đó nhất định phải là Thiệu. Tại sao không là người khác? Chính Loạn đã tự hỏi nhiều lần. Nhưng nàng đã bất lực không sao giải nghĩa được. Tâm trạng này bây giờ đang lâm nguy trước một vòng lưới rộng lớn úp xuống và xiết lại từ từ. Nàng cố vùng vẫy thoát ra, chỉ thấy lòng mình sa ngã và rơi xuống cái chiều sâu vực thẳm kinh khủng. Nàng hoảng sợ níu vót lại và từ đó mỗi ngày càng dần thân vào khu rừng tình yêu âm u đầy gai góc, và dây leo xòa ra chắn lối. Loạn nhắm mắt mãi mê bước tới, không bao giờ nghĩ rằng mình đang liều mình rượt bắt một hình bóng chập chờn hiện ra, khiến nàng tin tưởng. Loạn không thể phân tách được cái cảm giác tình yêu ấy như mọc từ bao giờ trong lòng mình, mà chỉ thấy nổi xót xa pha lẫn giận hờn, rướm rả, cổ thụ qua những ngày tháng chồng chất. Nhất là những khi gặp Thiệu, nó càng âm ỉ quật khởi, reo xiết tựa một giò thạch lữ, một phiến nước không lồ xô ập chân dê, cuốn trôi những làng

mạc quanh làng. Loạn sung sướng nghĩ đến những điều dự tính sẽ được giải thoát khi gặp Thiệu. Nhưng lúc gần chàng, nàng lại thấy mình hồi hộp, lúng túng một cách ngờ nghệch khôi hài. Loạn không đủ can đảm để phá vỡ bầu không khí cầm nín, kéo đến như một vầng mây đen che khuất khối óc mình mãi thường nhật. Những tươi vui, nhí nhảnh rất tự nhiên ngày mới gặp Thiệu cũng lần lượt chấp cánh bay khỏi nụ cười trong sáng cùng nàng. Cứ thế Loạn sống lầy lắt, lẩn hồi với cái tâm trạng dằng co, căng thẳng, không một lối giải thoát, không một nơi trú ẩn cho tâm hồn yên ổn. Loạn nghĩ miên man đến nụ cười khoan dung, cởi mở của Thiệu cùng cặp mắt toát ra những tình thương bao la, rộng lớn. Nó tiềm ẩn một khả năng cảm dỗ, thôi miên thần trí nàng. Nó thấu suốt cả trái tim cuồng nhiệt khắc khoải của nàng. Nhưng có thể vì đó, nó đã đánh lạc, bỏ quên nàng – y hết người con gái bị người tình lợi dụng rồi buông rơi giữa núi rừng xa lạ. Loạn nghĩ đến sự cô đơn, hãi hùng của ả con gái nhẹ dạ ấy – mà cũng có thể là nàng, đang lẩn mò trong đêm tối không định được hướng đi, với vô vàn nguy nan và thú dữ. Những thú dữ, mang tình yêu mà người đời vẫn cho là tội lỗi. Loạn hướng về Chúa với linh hồn trong sạch, với thiện chí tràn đầy, vì nghĩ rằng tình yêu của nàng gửi về riêng Thiệu, chính là một ước muốn lý tưởng của Người, cần được tạo dựng và phát triển đông đảo những con chiên thơ dại, để tiếp nối những cuộc đời Chúa đã gọi về quản tụ quanh người, hoặc bị lưu đày xuống một miền hỏa ngục. Loạn ngồi xuống một thềm đá xây quanh bãi biển. Hai chân buông thõng thoải mái. Trước mặt nàng, lưỡi cát phẳng mịn liếm những con sóng nhỏ lùi xa. Thủy triều đang xuống. Loạn nhìn ra khơi. Những ngọn đèn thuyền chài lênh đênh thoi thóp, tựa hồ những linh hồn bơ vơ, lạc lõng. Đèn thành phố hiu hắt buồn rầu, tổ cáo cái bộ mặt lạnh nhạt, như sự hững hờ của người đàn ông, lãnh nhiệm vụ sứ thần của Chúa. Chàng đã gánh vác sứ mạng đem lòng nhân từ của Chúa đi gieo rắc mọi nơi cho loài người đặt hết niềm tin mà lánh xa điều ác để lòng mình được mãi mãi an nhàn. Nhưng chàng đã quên

không nghĩ rằng chàng đang để một mình nàng đau khổ.

Loan thờ dài đứng dậy. Đêm đã gần khuya. Nàng vẫn không muốn quay về. Nàng sợ phải nhìn cái căn phòng trống trải, lạnh lẽo mà anh chị Giao đã dành riêng cho nàng trên lầu cao, để nàng được hoàn toàn tự do, hưởng trọn một mùa hè cửa biển. Loan lang thang qua các phố tối. Sau cùng nàng quyết định quay lại nhà thờ, với ý định đón đợi vô tình bước chân Thiệu đi qua. Loan ngồi xuống bậc cấp. Ngửa mặt nhìn lên cây thánh giá mờ mờ đứng trên đỉnh tháp cao. Gió mát reo hò qua những vuông cửa nhỏ hé mở, và quần quít những ngọn thông nghiêng ngả. Loan bỗng nghĩ đến cái hình ảnh rừng rợn của chị người làm cho gia đình Giao. Chị ta đã chết cùng với đứa con đầu lòng trong một nhà hộ sinh có những cô mụ nửa mùa. Người chồng đi lính phương xa chưa hề biết tin ấy. Nhưng Loan thấy mình có trách nhiệm thật lớn trong tai nạn chị ta. Loan đã hối hận dần vật, vì không giữ đúng lời hứa, đưa chị đến nhà thương có những bác sĩ chuyên môn, ở một thành phố lớn từ bên kia eo biển. Nàng đã bỏ rơi chị ngang dọc đường, trong một nhà hộ sinh tư nhỏ bé, để quay xe đuổi theo con tàu, có Thiệu quá giang lên một làng hẻo lánh cao nguyên, có những người cùi đang mong chờ chàng đến. Khi nàng cùng Thiệu trở về, thì chị ta đã chết. Loan thăm ân hận, nhưng không dám nói cho Thiệu và anh chị Giao biết. Loan bỗng giật mình. Nàng vừa nghe có tiếng ai hỏi mình như tiếng nói của Thiệu. Loan chưa kịp trả lời, thì quả tình Thiệu đã tiến lại trước mặt nàng cất giọng hoảng hốt :

Lạy Chúa tôi, giờ này con còn ra đây làm gì?

Loan run sợ, lẩy bẩy đứng lên. Miệng nàng ấp úng:

- Thừa Cha,... thừa Cha... con...

Giọng Thiệu khuyến khích ôn tồn:

- Con có điều gì cần nói? Cha có thể giúp được con không?

Loan lắc đầu.

- Thừa Cha, không, con muốn... nhưng... Loan lại ngừng bất không dám nói tiếp. Bây giờ nàng lại thấy mình hèn nhát hơn những lần trước. Thiệu vẫn sẵn hỏi sốt sắng, tuy chàng đã mang máng hiểu rằng Loan đã cố tình ra ngồi đây chờ đợi, để mong gặp chàng trong đêm khuya khoắt.

- Hay con có điều gì khiến lòng không yên ổn Cha sẽ cầu nguyện Chúa thương con.

Loan vẫn lắc đầu. Nàng bỗng thấy đôi khóm mắt mình nóng nóng như chóm có ánh lệ trào ra.

- Không, thưa Cha... con... Vâng, con... con đang đau khổ trong lòng... mong sẽ được Cha cứu rỗi.

Thiệu an ủi nàng với giọng nói hơi run run lạc điệu:

- Con hãy cố tránh xa mọi điều không hay, làm con đau đớn. Hãy để thì giờ về Chúa thường xuyên và hết tâm cầu nguyện con sẽ thấy lòng mình yên ổn, bình thường.

Loan đã khóc thật. Nàng cố cầm nó lại, song vô ích, vì nàng quá yếu đuối. Loan nói qua giọng nghẹn ngào, thật nhanh như một tia chớp lóe, đến nỗi chính nàng cũng không hiểu mình đang nói những gì.

- Không, con đã cầu nguyện nhiều... Nhưng “Loan” đã bất lực. Chỉ có Cha mới đem lại được sự yên ổn ấy - chỉ có một mình “Thiệu” mà thôi...

Nói chưa dứt lời Loan đã ôm mặt vùng chạy qua rừng thông, rồi lẫn vào đêm tối. Thiệu đứng im sững trên nền đá, nghe tiếng nước nở của Loan loãng xa và mờ dần. Tâm hồn chàng tê dại tự lúc nào. Chàng cúi đầu bước nhanh miệng cầu xin lắm lắm:

- Xin Chúa xót thương cứu vớt linh hồn lạc lõng, khôn nạn của nàng.

Cả đêm ấy, Thiệu quỳ gối trước bàn Chúa, để cầu nguyện cho Loan tránh xa khỏi sự xa ngã của loài quỷ dữ cám dỗ, và tìm thấy niềm tin sắt đá nơi Người.

Đôi cánh tay cuộn cuộn những bắp thịt rắn chắc

của hắn ghi chặt lấy thân thể Loan. Nàng cố vùng vẫy, la hét nhưng hoàn toàn bất lực trước sức mạnh của hắn. Loan bị hắn dẫn ngã xuống mặt đất. Những búp cỏ cứng và gạch đá vụn đâm vào lưng nàng nhói buốt. Loan uốn cong người lên từng chập vì đau đớn. Sau cùng nàng nằm mệt lử chịu trận. Hơi thở dồn dập hỗn hển của hắn phả lên mặt nàng. Và nàng rung mình thấy bàn tay ghồ ghề chai đá của hắn lùa vào ngực mình, xoay tròn - xuống dưới—xa hơn. Những hàng cúc bấm tung ra một cách dễ dàng. Nàng nhắm mắt, lơ mơ thấy mình lạnh toát thân thể, với làn da trắng nõn không còn gì che đậy. Mặt hắn cúi xuống sát má Loan. Hắn vừa hiếp nàng, vừa đòi trả đũa con của hắn. Loan mím chặt môi chịu đựng. Chờ đợi hắn sơ hở qua một động tác căn bản, nàng co hai chân, đạp hất hắn ngã ngửa ra sau. Nàng vùng chạy, và la hét cầu cứu. Loan nghe mơ hồ thấy tiếng rú của mình. Nàng choàng mở mắt. Cái bàn tay nhỏ bé tím ngắt của đứa trẻ thò ra từ phần dưới thân thể nàng vụt biến. Loan rung mình sợ hãi. Mồ hôi toát ra ướt đầm hai bên thái dương và lưng áo mỏng. Nàng thoáng biết mình vừa ảo mộng. Loan hoảng hốt nghĩ đến người đàn ông bị nàng đạp ngã, na ná giống khuôn mặt của Thiệu. Nàng nhắm mắt xua đuổi cái hình ảnh tội lỗi ấy, mà nàng nghĩ, chính nàng đã nuôi dưỡng, dung túng và nịnh hót nó trong tiềm thức mình từ bao lâu nay. Loan úp mặt xuống nệm gối, lòng ăn năn dày vò tràn ngập, cùng nước mắt đầm đìa hai gò má.

Loan thức dậy vào lúc trời nắng gắt. Nàng bước vào phòng rửa mặt. Bỗng nhiên đối diện tình cờ với khung gương sáng loáng như nụ cười mĩa mai, nham nhở. Loan thấy đôi quầng mắt mình sâu xuống mệt mỏi, và hơi thâm. Mái tóc rũ rượi bao phủ khuôn mặt héo úa. Loan cúi đầu lẩn tránh những tia nhìn xa lạ của đứa con gái trong ấy. Nó đang riêu cọt, nhạo báng nàng—và nàng ngượng ngập chạy trốn khỏi mình, như một tội nhân căm đầu chạy trốn mái miết để khi dừng lại, vẫn thấy bản án tử hình sừng sững trước mặt mình.

Loan xuống nhà dưới. Qua phòng ăn. Chị Giao

đang ngồi coi báo chờ nàng. Chị ngược lên mỉm cười.

- Hôm nay anh đi công tác xa. Chiều mới về.

Loan ngồi vào bàn; đối diện chị. Chị Giao gọi người đem lên bữa điểm tâm. Loan thấy mình mệt mỏi, mệt và chán nản vô cớ. Bữa ăn tẻ nhạt không một câu chuyện qua lại giữa hai chị em. Loan giật mình ngồi im. Tiếng còi xe hú dài ghê rợn chạy hẫng vào sân tòa tỉnh trưởng. Một người quần áo bụi cát, máu me chạy vào với bộ mặt tái mét, hồn hèn:

- Thưa bà, cô, Thiếu tá vừa lâm nạn.

Loan xô ghế cùng với chị Giao hơ hải chạy ra. Chiếc xe Jeep chở xác anh Giao vừa xịch đỗ. Loan và chị Giao cùng òa lên khóc, chạy lại ôm lấy anh. Những người lính cận vệ nhón nháo, lảng xăng.

- Thiếu tá còn sống. Chúng nó phục kích giết mìn. Người ta xúm quanh khiêng Giao để nằm trên chiếc băng ca giữa nhà. Hai chân Giao nát (*chữ không rõ*) và lồng ngực lộ chỗ những vết thủng. Máu loang đỏ thấm cả bộ quần áo trăn màu chàm. Mặt chàng xanh nhợt lả đi. Loan ghé xuống mặt anh khóc thảm thiết. Giao khề mấp máy đôi môi bảo nàng đi tìm Thiệu. Nàng tắt tá cùng người tài xế đến trại cùi tìm Thiệu. Khi Thiệu đến nơi vừa kịp rửa tội cho bạn lần cuối thì Giao tắt thở.

Buổi chiều, lúc chờ đợi đưa quan tài Giao về an-táng tại thủ đô. Loan một mình đến nhà thờ quỳ trước mặt Thiệu, thú thật những tội lỗi mà nàng nghĩ chính mình đã vô tình gây nên để làm phật lòng Chúa. Loan khóc nức nở:

- Lạy Cha, con đã trót yêu Cha. Xin Cha hãy nói Cha yêu con một lần cuối, trước khi con phải vĩnh viễn xa Cha.

Thiệu im lặng làm dấu thánh giá trên đầu nàng.

- Cha sẽ cầu nguyện Chúa che chở con hằng ngày. Con hãy bình tâm hướng về Người với linh hồn ăn năn toàn vẹn. Vì sự hối hận chân thành của con sẽ được Người rộng lòng tha thứ. Tất cả không do lỗi nơi con. Con hãy cố gắng dọn mình, để đạt tới một tình yêu bao la rộng lớn, trước vô vàn lỗi lầm và đau khổ đang ngập chìm nhân

loại.

Sáng hôm sau Thiệu ra sân ga tiễn đưa linh cữu bạn lên tàu. Loan chít khăn tang cúi đầu từ giã Thiệu. Lòng vị linh mục bỗng nao nao, bồn chồn. Thiệu cất giọng an ủi nàng:

- Cha biết khi ra đi, con vẫn mang rất nhiều nỗi niềm ân hận, hối cải. Trong mọi trường hợp Cha vẫn mong gặp con, để thấy con làm những điều lành và cứu rỗi mọi người trong tình yêu thần thánh.

Thiệu bỗng vô tình đưa bàn tay ra trước mặt Loan. Nàng quý xuống cảm lấy mà hôn nhẹ. Loan chợt hoảng sợ há miệng khi thấy bàn tay Thiệu có ngón chỉ còn nửa móng. Thiệu chợt nhớ, vội rút lại, trong khi con tàu đang hú còi thúc giục.

- Thôi con về. Xin Chúa thương con, cùng xin thánh thiên thần Raphael diu dắt con bằng an vô sự trong lúc đi đường.

Loan lật đặt lên tàu. Chị Giao gục mặt xuống quan tài chông khóc lịm, quên cả từ giã Thiệu. Con tàu chuyển bánh bỏ lại ga xếp quanh hiu với thị trấn bé nhỏ, nép mình ven thiết lộ. Loan quay nhìn lại sân ga. Qua màn nước mắt và tóc rối, nàng thấy Thiệu mặc áo chùng thâm, đang đứng nhìn theo con tàu xa dần và làm dấu thánh giá. Từ xa, tận phía nhà thờ, hồi chuông cứu rỗi bỗng òa òa trong không, Loan nghe mơ hồ như đang thánh thót rơi xuống hồn mình. Buổi sáng đầu thu. Thật buồn.

Song Linh

(Bán nguyệt san MAI, số 36 & 37 Xuân Giáp Thìn năm 1964)

Sơ lược tiểu sử: Tên thật Nguyễn văn Nghiêm. Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1942, tại Nam Định. Nguyên sĩ quan QLVNCH. Tử trận tại chiến trường Kiến Phong lúc 28 tuổi.

ĐẶNG KIM CÔN

Ánh Mắt Chiều Giáng Sinh



Mặt trời đã xuống khá thấp, nhưng vẫn còn đủ sức vươn những vạt nắng lấp lánh trên các mái nhà, các ngọn cây hai bên đường cao tốc, màu nắng đây hấp dẫn, hiếm hoi trong những ngày cuối đông âm u này. Nắng vậy, mà mặc dù đã mặc hai lớp áo, trong xe tôi vẫn phải mở sưởi.

Ở “lane” dành cho “left turn only” (chỉ cho quẹo trái) có cũng vài chục chiếc xe, xe tôi ở gần cuối. Tôi lơ đãng nhìn mấy dãy phố hai bên đường cũng như trước mặt, hầu như nhà nào cũng rực rỡ những bóng đèn màu, trời chưa tối mà đã xôn xao chớp nháy hồ reo giống như tận hưởng từng giây từng phút trong những thời khắc hiếm hoi mỗi năm chỉ có một lần. Có nhiều nhà, tôi không hiểu họ phải mất thời gian bao lâu để làm nên một vườn đèn đủ màu sắc, trùm hết cả mái nhà, quần quanh từng cành cây... chưa kể là dưới vườn còn những vật trang trí bằng đèn: Ông già Noel, người tuyết, tuần lộc kéo xe... Lát nữa, ở nhà thờ ra, tôi sẽ về chờ mấy đứa cháu đi xem đèn, đêm tối, thành phố sẽ huyền ảo biết bao, nhiều con đường sẽ chìm ngập trong

màu sắc, xe cộ cũng sẽ không vội vã, cảm giác như sẽ nhẹ nhàng trôi - như lòng người - trong thiên đường hạ giới mênh mông.

Từ đằng trước, một người hành khất già, người da trắng, run rẩy đi dọc theo dải phân cách ngược về dòng xe đang đậu. Tôi không thấy có ai hạ kính xe xuống thò cánh tay đưa tiền ra. Thường thì tôi cũng hay cho, nhất là những người già như ông này. Con gái tôi thường nói, hễ nó thấy là nó cho, dù người xin là thanh niên mạnh khỏe đi nữa, nó kể, có lần nó gặp người Việt, nó dốc hết trong túi ra cho, xong nó bật khóc nghĩ đến gia đình người đó ở quê nhà, biết bao là trông mong, kỳ vọng... Cũng như, khi người đó ra đi, đâu khi nào nghĩ đến một ngày tắc nghẽn đường về. Thế mà, nó nói, chẳng ai bình thường mà ra đứng cả ngày ngoài nắng gió, có khi lạnh xuống gần cả 0 độ C, có nhiều người cho là họ làm biếng không đi làm đi, nhưng thử hỏi có công việc nào cơ cực đến như vậy, mà ngày không kiếm nổi được lấy 3, 4 chục đô. Chưa nói là, khi họ đã là người vô gia cư thì lấy địa chỉ đâu mà ghi tên trên hồ sơ xin việc để được xin được việc làm.

Tôi móc túi thì đèn bắt đầu xanh, bốn túi áo khoác ngoài không có đồng nào, túi áo sơ mi cũng không, tôi vẫn cố cho xe chạy thật chậm, dù biết là có thể làm cho các xe sau bực mình, khoảng vội hai túi quần cũng chỉ có giấy, tôi nhòm mông lên rút cái ví ở túi quần sau, tôi nghĩ khi tới ngang chỗ ông ta, xe còn đủ chậm để đưa tiền mà ông ấy khỏi phải chạy theo. Trông ông ấy run run thế kia, thì nếu không đang bệnh thì chắc cũng là đói quá. Trong chiếc ví chỉ còn mỗi một tờ bạc 20 đô la, tôi lưỡng lự, con số lớn quá... vừa dậm ga chạy theo dòng xe, tôi lại lần nữa coi lại hết các túi áo, túi quần để xem còn có đồng bạc nào nhỏ hơn không, thường thì lúc nào qua các góc đèn có người đứng xin tiền mà gặp lúc dừng xe thì tôi cũng cho một hai đồng, nếu lúc đó trong túi có sẵn, nhiều hơn nữa thì rất ít khi. Riêng lần này, tôi định, nếu có được tờ nào 5 đô thì tôi cũng sẵn lòng, dù là 5 đô, gặp thêm vài người nữa, cũng là con số không nhỏ với một người nhiều năm thất nghiệp

như tôi. Tôi đang tính, nếu không cho bây giờ, khi tôi có tiền lẻ thì tôi sẽ quay lại... Dòng xe đã tăng tốc, tôi đã hạ sẵn kính xuống và chắc chắn ông lão cũng kịp nhận thấy, tôi vẫn chưa quyết định nên chưa vội chìa cánh tay ra, e sẽ làm ông ta mừng hụt, xe sau bấm còi, tôi lén quỳnh dậm ga chạy tới, qua khỏi ông lão, 20 đô vẫn còn tần ngần trên tay tôi. Khi ôm cua quẹo trái, tôi kịp liếc thấy ông lão nhìn theo xe, ánh mắt mệt mỏi đó tuyệt nhiên, như đã quá quen, không ánh theo chút trách móc nào.

Tôi cảm thấy đắng lòng, có một thoáng không tập trung trên vô-lăng, lát nữa đây tôi sẽ quỵ trong nhà thờ mừng Chúa Giáng Sinh, tôi không biết tôi phải làm gì để chuộc lại nỗi ám ảnh đang bắn khoăn day dứt tôi trước ánh mắt trong veo của Chúa trên cao. Rồi tôi tự hỏi, có phải hôm nay (tôi nói hôm nay, không phải của hơn hai ngàn năm trước), Chúa chỉ giáng sinh trong nhà thờ, những nhà thờ ầm ập trên khắp thế giới, nghe hàng triệu người hát Thánh ca, chúc tụng, mừng vui... hay Chúa đang bay bổng trên những dãy hoa đăng lấp lánh thiên đường!

Mà có lẽ, nếu tôi không biết tôi đã có lỗi, cái lỗi đã không kịp cho tiền người hành khất, để ăn năn, thì chắc tôi phải xin Chúa thứ tha cho tôi cái tội đã dám thắc mắc hoài nghi Chúa chỉ vì một gã ăn mày vớ vẩn kia. Tôi quyết định quay lại, lại chui vô cái only quẹo trái, thật không may cho tôi (hay cho ông ấy), đèn đang xanh, dòng xe đang vùn vụt lướt qua. Nhìn đồng hồ, tôi biết giờ lễ chiều đã trễ, nhưng trễ vẫn hơn bỏ lễ để vẩn vương thêm một nỗi bất an trong lòng. Ở đây không có tiếng chuông nhà thờ ngân, mà tôi nghe trong lòng hồi chuông thánh thót từ ấu thơ quen thuộc giục giã... giục tôi nhanh lên chút cho kịp buổi lễ quan trọng này.

*

Khúc hát phổ từ một câu trong Kinh Thánh đuổi theo tôi trên đường về. *Bình an dưới thế cho người thiện tâm*, là một lời chúc tụng cho những người lòng lành dưới trần

gian, hay một lời hứa hẹn, phần thưởng bình an sẽ chỉ dành cho những ai tâm thiện? Tôi không rõ lắm, chỉ hiểu một điều, cái phần thưởng đó chính tôi sẽ cho tôi, lòng tôi sẽ thơ thới yên bình hơn nếu tôi không còn bị dày vò vì sự so đo tính toán con số 20 đồng đô vừa rồi. Tôi ngược lại con đường cũ, giờ này có thời gian hơn, tôi sẽ tìm cách để xe dừng được ngay chỗ ông lão đứng, tôi nhút định vòng cho đến khi nào đưa được tiền mới thôi. Và cũng để phạt mình cái tội bủn xỉn, không dứt khoát, đã làm lỡ “cơ hội” lần trước, vừa cũng bù đắp cái ánh mắt buồn bã nhìn theo lúc ấy, tôi quyết định tặng hết cho ông tờ bạc 20 đô la này. Từ trong nhà thờ, tôi đã có quyết định đó. Tôi khắp khởi mừng thầm khi xe đến gần ngã tư. Tôi sẽ thật lòng nói “Không có gì đâu” khi nghe ông nói câu quen thuộc “Chúa gia ân cho ông”. Lòng tôi sẽ yên bình đêm nay, tôi sẽ mơ thấy nụ cười ông rạng rỡ trong giấc ngủ tôi.

Từ bên này đèn đỏ, tôi nhìn qua phía bên kia, nơi ông lão đã đứng. Cái con lươn ngắn giữa hai chiều xe trông trơn. Tôi rảo mắt tìm các góc đường, cũng không thấy bóng dáng ông đâu. Đêm đã xuống, xe tôi không có số đo nhiệt độ bên ngoài như những xe khác, nhưng tôi biết bên ngoài lạnh lắm, chả phải Thượng đế đã chọn cái đêm lạnh nhất trong năm này để đưa Ngôi Ba xuống trần chịu thương chịu khó cho nhân loại sao. Vậy là ông lão vô gia cư đã đi kiếm một chỗ kín khuất nào để trú lạnh rồi. Tôi nghĩ, mỗi một vị trí, đã vô hình trung thành “địa bàn” riêng của mỗi hành khất, chắc sáng mai, ông lão lại sẽ trở ra đứng nơi này, để kiếm miếng ăn. Thì ngày mai vậy, mai tôi sẽ mua thêm cho ông một ổ bánh mì Việt Nam, một ly café nóng, làm quà Giáng Sinh. Coi như tôi với ông có chút duyên nợ. Quả thật đêm nay khá lạnh, sự vắng mặt của ông lão vô gia cư khiến tôi càng không quên cái ý định đưa các cháu đi xem đèn. Các cháu vô tư reo hò mỗi khi xe chạy ngang qua một “vườn đèn” nào bắt mắt, mà hầu như cũng ít có nhà nào làm đơn giản, nên không mấy khi vắng tiếng cười vui rộn rã trong xe. Tôi cũng lây theo niềm vui các cháu, không chỉ là một tài xế, tôi còn là một hướng dẫn viên, giải

thích, trả lời không biết bao nhiêu là câu hỏi.

Nhưng mục đích chính của tôi, là xoáy ánh mắt vào những nơi kín khuất có thể có những người vô gia cư nấu mình ở đó. Tôi vòng đi vòng lại nhiều bận những con đường nhỏ quanh ngã tư ông đứng, tuyệt nhiên không thấy một dấu hiệu hy vọng nào. Thành phố lớn mà, đâu phải chỉ những con đường này, ông ấy có thể tới một ngã tư khác, có thể khoét một cái hốc nhỏ trong một hàng rào cây xanh nào đó, có thể ngủ dưới chân một cái cầu xa lộ... Nghe nói đêm nay có nhiều tổ chức thiện nguyện đãi ăn tặng quà cho những người vô gia cư ở nhiều điểm trong thành phố, chắc ông ấy đang ở một nơi trong số đó. Cũng biết đâu ông đang quỳ dưới chân tượng Chúa ở một nhà thờ nào. Ừ nhỉ, ông ta vô gia cư, nhưng đâu phải là vô đạo, ông cũng có biết bao nhiêu điều cầu xin Chúa gia ân. Thôi vậy, mình quay về các cháu nhé. Chúng ta còn một bữa tiệc nửa đêm, bên hang đá ở nhà, mừng Chúa Hải Đồng xuống thế. Các cháu có thích mấy con cừu không? Các cháu có thích đốt lò sưởi lên sưởi ấm Chúa không? *Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời, và bình an dưới thế cho người thiện tâm*, hát đi!

*

Mấy nhò không đợi nổi nửa đêm đã ngủ hết. Người nhà thì loay hoay chuẩn bị cho bữa tiệc réveillon truyền thống mang theo từ quê nhà không năm nào quên.

Lên xe xuống cộ, đi đứng năm ngời, vậy mà cũng mỗi, chả bù ông lão cả ngày không được ngời, đi tới đi lui giữa hai dòng xe, lăm khi vun vút đến chóng mặt, lơ vô ý, vấp chân sụp xuống lòng đường không chùng. Tôi ngửa người dựa ra sofa xem ti-vi nghe tin tức, thì ra không phải chỉ mấy đứa con nít đi coi đèn, mà các đài truyền hình cũng đi quay phim, xe quay dưới đường, trực thăng quay trên xuống, rồi bình chọn khu vực nào, nhà nào đẹp nhất. Bỗng tôi giật thót người, bản tin đầu giờ địa phương, có tin một ông lão vô gia cư ở ngã tư Capitol và Senter, lúc 7g tối, bị sảy chân

ngã xuống lòng đường, người ta gọi xe cấp cứu đến thì ông lão đã tắt thở, dài mô tả nhân dạng, áo quần, đồ đoàn, trong cái ba-lô rách của ông ấy chỉ có mỗi một chai nước lọc đã gần cạn, nếu có ai biết gì về ông lão xin liên lạc đài truyền hình...

Tôi run lên, bàng hoàng. Vậy là chính xác ông lão đó đã chết. Bất giác, một cách vô thức, tôi thọc tay vào túi rút ra tờ giấy bạc 20 đô la, như tôi đã biết quá nhiều về ông lão qua mối liên hệ này. Rồi thì tôi lại bàn thần nhét tờ bạc vào túi áo. Tôi sẽ cất 20 đồng này để nhớ một Giáng Sinh không vui. Tờ bạc yên nghỉ ở túi áo trái của tôi, nơi đó, như cũng có ông già xin ăn đang khép đôi mắt hiền lành cam phận, không chút trách móc gì tôi, không chút oán hận cuộc đời.

Và giả như lúc chiều, tôi kịp cho ông ấy 20 đô, thì ông ấy có khỏi bị chết hay không? Không thể nói là vì thiếu mấy đồng bạc của tôi cho mà ông ấy chết. Có khi, ông ấy có tiền mua, hoặc kịp cầm tiền tôi cho mà chưa kịp đi, hay đi không nổi, để mua thức ăn, mà đói quá, lạnh quá, đuối sức quá, lại không chịu nổi cái lạnh về đêm càng lúc càng như rút ruột, thì rồi cũng... Cũng có khi, kịp ăn gì đó, mà vì phải chịu đói nhiều ngày quá, cơ thể suy nhược kia cũng sẽ bị sốc.

Dẫu sao thì tôi cũng xôn xang không yên, 20 đô, giá như tôi không chần chừ, quyết định cho sớm hơn, biết đâu ông không chết! Và giờ đây tôi cũng đỡ phải ân hận.

Tôi thấy cái ánh mắt nhìn theo đó vẫn dịu dàng nhìn hun hút tới một cõi rất xa và rất bình yên, bình yên hơn cả những “bình yên dưới thế” này.

Không biết ông có nhớ hôm nay là ngày Chúa Giáng Sinh không?

10/2013

Đặng Kim Côn

Sáng tác mới

KHUẤT ĐẦU CON MÈO



Tranh Đinh Cường

Gã nhận được lệnh: phải giết một người. Một mệnh lệnh thật ngắn gọn. Như tắt đèn trước khi ra khỏi nhà. Như khoá xe trước khi vào rạp hát. Như tắt thuốc lá đi, hồi quá. Người ta giao cho gã một khẩu súng với một băng đạn có đủ sáu viên, trong đó có một viên dành cho gã nếu mọi việc không thành. Có nghĩa là gã nhiều gấp năm cái quyền được thấy ánh mặt trời so với người sắp bị gã ám sát.

Vậy đó, gã cất kỹ khẩu súng vào nơi kín đáo, rồi đi ăn. Gã gọi một đĩa bíp-tết ăn với khoai tây chiên. Gã uống một chai bia. Bữa ăn như thế là sang hơn lệ thường.

Gã đang có mấy trăm trong túi. Đó là món tiền công gã dạy kèm vừa mới lãnh hôm qua. Gã muốn ăn theo kiểu tây, vì gã thích cắt một miếng thịt còn tươi máu, chấm muối chanh và nghe vị ngọt của thịt bò tan trong miệng.

Người ta cho gã biết đó là một tên khát máu. Chính hắn đã chìm trong biển máu biết bao nhiêu người dân vô tội với những cuộc hành quân càn quét khủng khiếp. Hắn là một tên tiểu đoàn trưởng ranh ma. Đã bao nhiêu cuộc phục kích nhưng vẫn không diệt được hắn. Một trái B40 phóng thẳng vào xe của hắn. Xe cháy ngùn ngụt nhưng hắn vẫn thoát. Rồi cả một tiểu đội cận vệ bị tiêu diệt mà hắn vẫn không hề hấn gì. Như có một ma thuật nào đó khiến hắn vẫn cứ thênh thang ngự trị trên cái vùng lửa đạn nổi tiếng là một cối xay thịt người ở Bồng Sơn. Người ta đã thử đến kế sách cuối cùng là dùng đến gái đẹp. Nhưng chỉ để cho hắn chơi đến tan nát ra chứ cũng chẳng giết được hắn.

Nói tóm lại, trên chiến trường, đối mặt với hắn là thua. Vậy chỉ còn một cách là đánh vào sào huyệt của hắn tại hậu phương. Tức là ở đây, trong cái thành phố yên bình này với những nữ sinh áo dài tha thướt, những quán bar lộng lẫy đèn mờ. Có thể khử hắn trong rạp hát, trong siêu thị, trong bệnh viện, trong quán cà phê, dưới mái nhà của Chúa hay dưới bóng từ bi của Phật. Cũng có thể khử hắn tại nhà riêng lúc hắn đang ăn cơm, lúc hắn nựng con hay trên giường ngủ với vợ. Nghĩa là cái pháp trường dành cho hắn rộng mênh mông, một pháp trường di động và người đao phủ là gã lặng lẽ theo sau.

Tin cho biết đêm nay hắn sẽ về thăm nhà. Hắn đi một mình trên chiếc Jeep lùn của Mỹ. Hắn vẫn ngông nghênh cởi trần chỉ mặc một chiếc áo giáp chống đạn. Nhưng không thể dùng B40 ở đây. Cũng không thể gài chất nổ vào xe. Chỉ có cách là đột nhập vào nhà hắn và giết hắn lúc hắn không ngờ nhất. Một cách vào hang hùm mới

bắt được cốp.

Không ai làm được ngoài gã.

Vì sao? Vì gã có ít nhiều quen biết với vợ hắn. Nói rõ hơn là gã dạy kèm cho con hắn. Đứa nhỏ mới học lớp ba nhưng hắn muốn con học thêm tiếng Anh. Gã là một sinh viên văn khoa và là một thành phần của biệt động thành. Gã đã quen thuộc nhà hắn đến nỗi nhắm mắt gã cũng biết phòng nào là phòng của con hắn, phòng nào là của vợ chồng hắn. Ngôi nhà chỉ là một biệt thự nhỏ. Nối các phòng ngủ phòng khách với nhà bếp, nhà kho là một nhà ngang bằng tôn, hai bên chỉ chằng lưới muỗi. Leo qua cổng rồi vào nhà ngang lên lên nhà trên là một việc làm quá dễ.

Vì vậy, người ta đã chọn gã và chọn đúng.

Gã không cần phác thảo kế hoạch gì cho rồi rắm. Gã chỉ việc đi ăn, đi chơi, rồi đợi đến lúc hắn ngủ là nổi súng. Hắn sẽ rời bỏ cái thế giới này cùng với tội ác của hắn. Hắn sẽ không một chút bịn rịn vợ con. Hắn chỉ rùng mình một cái trước khi ngủ một giấc dài.

Gã đến gặp Nga, một nữ y tá mà gã quen. Bảo rằng đó là người yêu của gã thì hơi quá vì gã có những mộng tưởng to lớn hơn. Nhưng bảo rằng nàng yêu gã hay sắp yêu gã thì gã tin là đúng. Nàng đón gã lúc 8 giờ với tất cả duyên dáng của một con mèo biết cách nũng nịu. Cha mẹ nàng ngầm cho hai người quen nhau, đã lịch sự lánh mặt để họ có thể tự do trò chuyện. Lúc đầu họ ngồi đối diện với nhau nhưng khi hai cụ vào nhà trong, nàng đến ngồi bên gã. Một cái nắm tay hồ hững trộm lên. Một vài lời khen bằng quơ. Những câu chuyện về phim ảnh, về những bài hát mà cả hai cùng thích đã giúp cho gã lấp đầy khoảng trống thời gian chờ đợi. Gã còn muốn lâu hơn thế nữa vì gã cần một bằng chứng ngoại phạm nếu chẳng may sau đó bị bắt. Nàng có thể khai ra trước tòa rằng lúc đó gã đang ở nhà nàng. Lại còn ba má nàng làm chứng nữa. Họ chỉ cần nói quá đi một chút là gần 12 giờ, tức là giờ gã

định nổ súng.

Lúc nàng tiễn gã ra cổng, lần đầu tiên gã hôn nàng. Vì những dự định và trách nhiệm ngồn ngang trong đầu nên gã chẳng thấy thú vị gì. Nàng xúc động vùng về nghiêng chặt môi gã đến rướm máu.

Về đến phòng trọ gã đi tắm. Nước mát giúp gã bớt nôn nao. Gã đốt một điếu thuốc. Rồi lại thêm một điếu nữa. Hơn 11 giờ, gã đi bộ đến nhà hấn. Khẩu súng giấu trong người làm gã lợm cộm khó chịu. Một chiếc xe quân cảnh đi tuần đêm chạy ngang qua. Nhà hấn không có lính canh bảo vệ. Cái lon thiếu tá ở thành phố này đồ đồng rỗng ra đầy đường. Chẳng ai coi nó ra cái thứ gì. Dưới mắt của các vị tướng lãnh, của tổng thống hấn chỉ là một tên lính quèn, một cái bia đỡ đạn vậy thôi. Đêm nay hấn có chết thì cũng chẳng làm ai giật mình.

Hấn đã gặp gã một lần và bắt tay gã khá chặt. Hấn nói các anh sinh viên chưa biết mùi lính tráng là gì, thoải mái quá. Cứ biểu tình, xuống đường liên miên. Không như bọn tôi phải giành nhau từng tấc đất với bọn họ. Cái chết chỉ cách có mỗi một sợi tóc mà thôi. Hấn có hơi chua chát, nhưng ai ở mặt trận về mà không như vậy. Cả cái thành phố này đang béo tốt rùng mỡ lên từng ngày. Không có con đường làm giàu nào nhanh bằng con đường đi qua đạn bom. Cuộc chiến tranh quái đản này làm cho những đồng đô-la tỉ lệ thuận với những xác người chết cao như núi. Làm giàu, ăn chơi đú đờn là quyền của những kẻ có quyền.

Gã chẳng có thù oán gì với hấn. Chưa bao giờ gã có ý tán tỉnh vợ hấn, nên không thể nói rằng trong tiềm thức gã, hấn là một rào cản. Chị ta coi gã như một đứa em nghèo hiếu học. Bớt ra mỗi tháng năm trăm bạc, con chị ta có một người anh người chú vừa dạy đôi ba chữ vừa chơi với nó. Cả nhà họ ít nhiều đều thích gã và gã ít nhiều cũng mang ơn họ. Nhưng đêm nay gã phải giết hấn. Gã là định

mệnh không cưỡng lại được khiến chị ta phải góa chồng, đứa bé phải mồ côi cha.

Như vậy là gã gieo cái ác? Không, gã là một bộ phận của nhân dân. Mặc dù gã không bị áp bức, được đi học, được đọc sách báo ngoại quốc, được xem xi nê, được tán tỉnh các cô gái gã thích, được làm tình với gái điếm nếu rủng rỉnh tiền, nhưng nhân dân bị áp bức, bị bóc lột là gã bị áp bức bóc lột. Người ta dạy gã như thế. Gã đã thâm nhuần điều đó. Gã phải trang bị một áo giáp quần chúng, phải đeo đôi kính căm thù tự nó đổi màu xanh êm đềm trở thành màu đỏ nhầy nhựa những máu. Gã không muốn đeo cũng phải đeo. Người ta đã áp kính vào tròng mắt gã bằng những bài báo kích động, bằng những bài hát *dậy mà đi* và nhất là những đêm chinh huấn bí mật. Trong những đêm đó bọn họ rùng rục lòng căm thù. Bọn họ muốn đập bằng cả thành phố này. Bọn họ sẽ thay cờ trên nóc dinh Độc Lập. Nhưng trước hết bọn họ hãy bẻ gãy từng ngón tay cầm súng của chúng. Và gã phải giết hấn đêm nay. Đó là mệnh lệnh. Một mệnh lệnh thì không cần biết đúng hay sai. Mệnh lệnh là mệnh lệnh. Có thể sai lầm, ngu ngốc. Có thể phi nhân, tàn bạo. Nhưng đã là mệnh lệnh thì anh phải chấp hành. Gã đã ở trong tổ chức tức là ở trong một cái guồng máy vận hành bí mật. Gã chỉ là một cái đinh ốc.

Gã đến nhà của tên tội phạm được tuyên án trong bí mật. 12 giờ kém 15. Mọi việc sẽ chỉ diễn ra trong 15 phút cuối của ngày, gã tin là thế. Ngọn đèn đường đã được tổ chức bí mật làm cho nó tắt ngúm. Ngôi nhà của hấn chìm trong bóng tối. Một chút ánh sáng mờ ảo hắt ra từ phòng ngủ. Thật thuận tiện cho gã đột nhập vào nhà. Nhưng bất ngờ lũ mèo hoang lại gào lên, rồi đuổi nhau chạy rào rào trên mái ngói. Cảnh vật như đang rùng mình. Thế thì không được rồi. Những nhà bên cạnh có thể thức dậy đuổi mèo. Hấn cũng có thể choàng dậy và gã dễ dàng nộp mạng. Dù khinh suất đến đâu, hấn cũng thủ sẵn súng dưới gối. Bao nhiêu bản án đã tuyên với tội danh gây *nr*

máu nhân dân khiến hắn không thể không cảnh giác dù đang nằm trên giường với vợ.

Gã lấy thuốc ra hút và lững thững bỏ đi. Rất may đêm nay không có thiết quân luật và gã có thể lang thang đến sáng. Gã gọi một bát phở khuya, bảo người bán cho thêm nhiều thịt. Gã ăn phở và lắng nghe những tiếng động quen thuộc trong thành phố. Những tiếng rao hàng buồn bã, những tiếng xe lôi máy nổ ầm ỹ. Gã đi ngang qua công viên, định ngồi xuống một băng đá hút thuốc, nhưng những ả làm tiền sẵn tới. Ngày thường gã có thể nán lại sờ mó đôi chút, nhưng lúc này các ả mà vợ phải sủng thì sẽ sinh lắm chuyện. Gã lại bỏ đi, thăm rũa những con mèo chết tiệt.

Gã lúc này giống như một gã thất tình. Không ai biết gã là một đao phủ. Trông bên ngoài, gã rất hiền lành, có vẻ dễ thương. Gã đang học đại học và mẹ gã cứ tưởng gã đang miệt mài sách đèn. Không ai tin là gã đang cầm súng và sắp giết người. Thầy giáo và bạn bè cũng vậy. Nếu ngày mai các nhật báo đăng tin hắn bị giết thì cũng chẳng ai ngoài tổ chức của gã biết được đó là một chiến công đầu tiên của gã.

Gã lại đến nhà hắn. Lúc này đã 2 giờ sáng. Không còn lũ mèo, không còn những xe phở, không còn những gánh hàng rong. Tất cả im lặng, say ngủ. Và hắn nằm trong kia, phơi ngực ra mà chờ những viên đạn. Chiến tranh không giới tuyến là thế. Nó có lúc ở sát bên giường với người vợ nồng ấm chứ không phải chỉ ở dưới những giao thông hào hay trong những công sự lạnh lẽo. Nó ở ngay trong giấc ngủ. Và hắn sẽ thua gã, chỉ một mình chứ không phải với cả một biển người. Hắn thua vì gã thức còn hắn thì ngủ.

Hai mươi năm sau khi ngồi nhớ lại chuyện này gã thấy mình hành động không đường hoàng. Gã rình mò núp

lén như một tên trộm. Gã không có được cái hùng khí của Kinh Kha vào đất Tần. Gã chẳng phải anh hùng gì như người ta sẽ thổi lên. Gã được chọn đi giết hấn chỉ vì gã đã từng ra vào nhà hấn. Và giả dụ bị bắt thì gã vẫn có thể cứu lấy mạng sống của mình, nếu chịu mặt trời mày đá khai ra trước tòa rằng gã mê vợ hấn. Gã đột nhập vào phòng ngủ của vợ hấn chỉ vì tình! Nhìn bộ dạng gã ai mà không tin mặc dù ngay sau đó người ta nhổ nước bọt vào mặt gã.

Rất nhẹ nhàng gã leo qua cổng. Nhà hấn không nuôi chó. Vợ hấn sợ chó bị dại. Chỉ có một con mèo thường nằm ngủ trên kệ sách. Không biết có phải nó vừa rượt đuổi trên mái cùng với lũ mèo hoang. Gã lách mình qua cửa lưới. Rất may cửa nhà trên ăn thông nhà ngang không khóa. Nếu khóa chắc gã phải đu ngoài cửa sổ bắn vào. Như thế cần phải bắn tưới nhiều viên và gã có thể bị bọn dân quân tự vệ vây bắt.

Gã đi ngang qua phòng đọc sách và xem TV. Con bé nằm ôm chiếc gối ôm có vẻ không được thoải mái. Có lẽ nó ảm ức vì phải nhường chỗ bên cạnh mẹ cho bố. Mái tóc của nó chảy xuống cổ. Gã thường vuốt ve mái tóc đó và mơ màng nghĩ đến một ngày không xa mình sẽ có một đứa con gái xinh và ngoan như thế. Nếu bố nó chết, gã vẫn sẽ đến nhà nó như không có gì xảy ra. Đến để chia buồn với mẹ nó. Có thể gã sẽ đi đưa đám. Gã sẽ nắm tay con bé dẫn đi. Gã sẽ phải đóng cho tròn vai kịch.

Gã nhẹ nhàng đẩy bức màn cửa bằng trúc, khẽ xoay tay nắm. Phải nói là run, rất run. Đường như những vật vô tri buồn bã ấy biết quá rõ gã là ai. Chúng biết gã vừa mới nhận phong bì tiền công từ tay vợ hấn. Gã cũng nhận được hai tiếng cảm ơn thật dịu dàng. Và gã biết trái tim gã đang đập rộn rã có chất thịt bò bíp tét và rượu bia từ những đồng tiền của vợ hấn. Cũng là tiền của hấn. Đã có lần gã nói chuyện với chị ta. Một chút hé mở về mối tình khá đẹp của hai người. Anh ta cũng là thầy dạy kèm chị. Họ có

những giờ phút yên lặng bên nhau. Hai người đã trao đổi thương yêu bằng những hình vẽ và những câu thơ. Như những đứa học trò ngồi ở bàn trên và bàn dưới. Rồi anh ta bị động viên. Anh ta đã thôi không làm thơ mà say máu với những cuộc hành quân. Anh ta bảo nếu không giết họ thì họ cũng giết mình. Cuộc chiến đầm máu không phải do anh gây ra. Anh bị nắm đầu nhúng vào. Nhưng dưới mắt bọn gã, anh ta gây nợ máu. Và đêm nay, ngay lúc này đây, anh ta phải đền nợ. Khẩu súng đã được cầm sẵn trên tay gã. Ngón trở định mệnh đang chờ đợi siết cò.

Ngọn đèn ngủ tỏa ánh sáng yếu ớt và có đến vài mươi giây gã mới nhìn rõ hẳn. Hẳn nằm ngửa, đúng là đang phơi cái ngực to rộng ra trước họng súng. Vợ hẳn nằm bên cạnh áp má lên ngực, một tay để lên bờ vai của hẳn. Cả hai thở nhẹ nhẹ. Và cả hai trần truồng. Rõ ràng là bọn họ vừa làm tình xong và giấc ngủ là một cuộc phục sinh êm dịu. Người đàn bà ngày thường gọi gã là em bỗng trở nên xinh đẹp lạ thường. Bờ vai nhỏ đó, tấm lưng thon thả đó, đôi mông xinh xắn đó và một chân gác lên đùi chồng là cả một bữa tiệc trần gian mà bất cứ người đàn ông nào cũng thèm muốn. Gã cảm thấy ngạt thở. Có một chút gì đó buồn buồn như thể gã cảm thấy mình thấp hèn, thua xa cái vẻ đĩnh đạc mạnh mẽ của hẳn. Gã nhìn bàn tay hẳn đặt lên đùi vợ. Không một chút gì chứng tỏ đây là bàn tay từng nhúng máu người. Trái lại là khác, có thể nói đây là một bàn tay mềm mại biết nâng niu thương thức từng chút thịt da của vợ. Một bàn tay gọi mở hạnh phúc và đang no nê hạnh phúc.

Cả hai người đều hạnh phúc. Gã cảm nhận như thể khi thấy họ nằm gối đầu lên nhau ngủ. Như hai con chó con. Một vẻ bình yên thấm thiết như đang ở cõi thiên đường. Chẳng có đạn bom, chẳng có oán thù. Họ như nước sông chảy dưới ánh trăng. Và gã sẽ làm cho tất cả run rẩy vỡ tan với viên đạn đang chờ sẵn trong nòng. Gã không bắn vào hẳn mà bắn vào một giấc mơ. Ai chẳng mơ trong

đời có một giấc ngủ ngọt ngào và bình yên như thế.

Rõ ràng là gã phát sốt lên. Mệnh lệnh khô khốc là phải bắn, dù phải bắn cả hai. Gã đã từng thuộc nằm lòng rằng cứu cánh biện minh cho hành động. Rằng không được chùn tay trước kẻ thù. Nhưng gã cũng nghe một mệnh lệnh khác không biết từ đâu: đừng bắn! Đây là một cái gì xinh đẹp nhất của trần gian, là một kết nối mong manh nhưng bền chặt nhất giữa người với người.

Đang lúc gã loay hoay với ý tưởng bắn như thế nào, bắn hay không bắn thì bất ngờ con mèo của nhà nàng ngày thường vẫn quen gã đến cọ vào chân kêu meo meo. Phải chăng đó là tiếng kêu của định mệnh. Tiếng kêu chạy suốt dọc sống lưng gã lạnh buốt. Nó không để cho gã một phút giây lưỡng lự nào nữa. Gã lặng lẽ ra khỏi phòng. Tấm màn cửa bằng trúc đổ xuống sau lưng gã như một tràng súng máy đuổi theo.

Hắn thoát chết trong gang tấc.

Sau vụ giết người không thành, tổ chức không tin tưởng gã nữa. Gã cũng bỏ dạy kèm, bỏ học. Nhưng cái tiếng mèo kêu gã không bỏ được ngoài tai. Nó đánh thức cái gì trong gã? Cái đẹp của đời sống hay chút lương thiện tối thiểu của một con vật có tên gọi là con người?

Khuất Đẩu

2008



Sáng tác mới

Có đời sống thực

HOÀI ZIANG DUY



Tranh Đinh Cường

1.

- Điều anh nói có thực đáng tin không?

- Chị nghĩ lại coi, quý chị lắm tôi mới nói điều này.

Từ cái ngày hôm đó, chị cứ vẫn vợ bán tín bán nghi. Lẽ nào người đàn ông đầu ấp tay gối với chị ở nhiều năm qua, lại không phải là chồng mình.

Câu nói của Hùng. Gặp lại ông ta trên xứ người, tôi thấy có gì là lạ. Trước đây so với bây giờ khác quá. Vậy rồi, quý chị lắm tôi mới nói. Câu kết như tuồng cũ lặp lại

Những dẫn chứng liên tục, nhiều ý nhiều lời mỗi lần gặp nhau. Một Hùng nói, người quen nói. Chị phân vân hỏi ý mấy người bạn gái. Có khi nào anh ấy không phải là người đàn ông năm xưa không? Câu trả lời với tiếng cười nhạo. Chỉ có chị mới khám được ông ta thôi.

Chứ tội này làm sao mà rõ được.

Vậy thời chiều nay anh ấy về. Cứ tưởng cứ nghĩ vậy, như thể một mình ngó mong. Đã bao nhiêu chiều còn sót lại trong lòng chị, trong căn nhà này. Anh ấy đã không về như thường bữa.

Lúc mà chị muốn biết rõ, xem xét đàn ông như một món hàng, định vị một con người thật, là lúc người đó không còn gần gũi bên chị như ngày nào. Khi đã mất, mới thấy dễ nhớ những gì không muốn nhớ. Đã mấy năm qua, từ một ngày đường ai nấy đi, do hoàn cảnh sống thời thế đổi thay, do điều kiện tiền bạc, chỉ có mất ra chứ không bù vào, khác nào cái tình cảm lẫn hồi buông trôi từng mảnh rời, theo sóng nước đi xa...

Ý tưởng bên người đàn ông không thật. Chị cảm thấy có chút hổ thẹn, lẫn niềm thú vị cái hơi hướng xa gần, dễ thấy mình còn đẹp, còn quyến rũ cuốn hút đàn ông muốn gần gũi. Có người đàn bà nào đã ở hoàn cảnh này, để chị thăm hỏi. Có gì phải nghi ngờ ở năm tháng cũ, ở người đàn ông nằm kề bên, nếu không có ai đặt vấn đề này. Hay chính nghề nghiệp chị, tất bật với công việc, phải đi xa nhiều nơi nhiều chỗ. Rồi khi quay về, chị mệt mỏi với giấc ngủ, ăn nằm với anh như một chuyện đáp lễ. Đó là hồi chuyện cũ nhớ lại.

Thật ra, lúc này là lúc chị đang muốn vươn lên, sống với tên tuổi mình, không dựa vào thời cũ năm xưa. Bởi, hiện tại tuồng đời với cái thân làm ăn đang lồi chị ra, đánh bóng tên tuổi chị, từ chuyện hát ca, làm model, mọi cái phải trả bằng tiền. Điều này, làm chị háo hức như một thời con gái mới lớn ngày nào. Năm xưa, chị như con chim ẩn mình ở hào quang thế lực. Chị xa rời một thời áo trắng, bạn bè cùng lớp cùng trường. Chị đi vào ngưỡng cửa hôn nhân, do áp đặt dành sẵn. Tuổi nhỏ chị không có quyền phản kháng, như một cánh hoa thời loạn trước bão giông cuộc đời.

Hồi trước chị an thân gởi phận, không biết làm gì hơn, ngoài niềm khát khao giấu kín những mộng mơ lãng mạn trong cuộc tình. Chị có gì, được gì, khi thực

tế bây giờ. Cái giá phải trả cho sự mất hết, mất cả địa vị ở người thân, danh dự gia đình, mất cả những gì chị có, nép mình bên thế lực năm cũ. Bù lại chị tự an ủi, chim bây giờ sổ lồng cất cánh bay xa. Chị sống cho chính mình. Chị có quyền làm đáng cuộc đời, đầu muộn màng, để làm lại nổi kết tình thân bạn bè năm cũ.

Qua internet, qua email chị cập nhật với đời sống kiếm tìm, như ước vọng một thời con gái ngày nào. Cái tuổi này là tuổi hồi xuân? Không đâu, chị còn trẻ mà, nhất là tâm hồn một người có máu nghệ sĩ, bao giờ cũng sống với những háo hức định liệu trước mặt. Chỉ có điều chị bị ám ảnh chính mình làm điều không phải với bản thân, khi có người kết án như vậy. Cho đến ngày chị gặp lại thằng em năm nào, rồi nghe nó phê phán bằng lời tự thuật.

2.

Câu chuyện mà tôi được biết từ miệng chị kể. Câu nói, người đàn ông bên chị không chắc là chồng làm tôi ngờ ra. Mấy năm nay thấy chị đi mỹ viện sửa sang nhiều quá, chính tôi cũng không nghĩ là còn chị. Cái hình ảnh năm xưa một thời tôi biết. Chị đẹp sang trọng quý phái, như một đóa hoa vừa hé nụ, hương nồng chưa quuyền rũ đâu xa, thì đã vội bỏ cành bỏ chậu ra đi. Chị bị ép duyên hơi sớm. Không biết trong đám con trai quen biết, xóm giềng có tiếc không? Có tôi là tiếc, không phải tôi thương thầm nhớ trộm, mà tiếc một thời thanh xuân chưa sống đủ, để rồi bây giờ qua đi một thời xuân sắc. Chị muốn kéo thời gian, sống lại cái thuở ban đầu chưa là con sáo sang sông? Hồi đó trong giòng họ, đâu có người khuyên chị từ chối, giữ lấy mối tình đầu với anh Phong, chắc gì chị nghe. Huống hồ, tôi ở vòng ngoài làm sao dám nói lời nào. Anh Phong chỉ là người mới vào quân ngũ, chức phận chưa tới đâu nếu so với thực tế trước mắt. Chị đành theo đạo làm

con, để công việc kinh doanh của gia đình phát lên, coi như thế thời phải thế. Anh Phong sau này có gặp lại, so ra cũng cỡ thuộc cấp của chồng chị. Có bắt ghế anh ấy cũng không dám trèo, chỉ đành nhìn chị mà hẹn thăm kiếp sau.

Bây giờ chị kêu tôi làm thám tử. Đúng là hết người rồi chị mới nhờ đến. Chị nói: “Em là chỗ thân tình, dễ tìm hiểu hơn”. Tôi đáp: “Tôi là dân cù bơ cù bất, có biết chính trị gì mà chị nhờ cậy”. Chị cười: “Chị biết mà, cái thế em bây giờ khác”. Nghe về chồng chị, hầu như những điều không tốt lành. Hỏi chị. Chị nói nửa đúng, nửa sai. Chị nói vậy khác nào trong cuộc chia tay, đường ai nấy đi này, cả hai đồng thuận cả? Chị đáp: “Thiên hạ nghĩ sao cũng được, mình sống cho mình trước đã”. Chị đã nói vậy thì thắc mắc làm gì, khi người đàn bà nằm bên anh ấy không phải là chị. Còn người đàn ông bên chị bây giờ đâu phải là người cũ. Hương lửa mặn nồng năm xưa đã tàn rụi, ở ngoài nhìn vào thì nằm bên ai, chỉ như một phương tiện để cho tim đập mạnh, máu huyết lưu thông, yêu người yêu đời.

Như phần tôi này chị biết không. Chị chỉ thấy bên ngoài người nữ cạnh đời sống tôi. Tôi dùng danh xưng người nữ để chỉ rõ cô nàng chưa lần sanh đẻ, thì không gọi là đàn bà. Gọi vậy khi chúng tôi thỏa thuận cuộc sống chung. Cái ý nghĩ này là phản chống chế để giữ thể diện (nếu có). Cho đến bây giờ tôi cũng không dám chắc, sống thế này có phải là tình yêu không? Hay chỉ là chỗ nương tựa, hạnh phúc trước mắt mọi người. Yêu thế nào và bắt đầu từ đâu, nói ra thêm dài dòng tuồng tích cái lương. Thực tế chúng tôi đang sống tình bạn trong nghĩa tình nhân. Người phụ nữ có một thời xuân sắc thì kiếm tiền trước đã. Nàng không muốn có con nhỏ lúc này. Lời nàng nói. Còn làm ra tiền được thì duy trì ngoại hình này cho dễ coi.

Nói về nghề nghiệp ở nàng? Đúng trên quan niệm sống của người mình, chắc phần đông không mấy

người hoan nghinh. Ai hỏi, tôi cũng âm ừ, làm như thể không bận tâm một cuộc sống chung lắm. Tôi đã đi tìm một thể giới mới, một tập quán mới cho cuộc phiêu lưu không định trước bến bờ. Có lẽ từ quan niệm giản dị vậy mà chúng tôi chấp nhận nhau. Xứ sở này cái tình chân thật khó kiếm, nhất là ở thời buổi việc làm không có. Ở đâu ai cũng có thể đồ thừa cho cơ hội sống. Đành chịu thôi, nhất là thân tôi không phải làm ông, làm thầy gì. Sống với nhau như một hợp đồng, đâu chắc nữa chừng không gẫy gánh. Tôi không có một lý tưởng tốt đẹp nào trong cuộc tình, nên phải lo cho phần mình trước.

Chị đừng nghĩ tôi ăn nói bạt mạng. Ở buổi đầu tiên đến xứ người, rồi hoàn cảnh đẩy đưa anh em, bè bạn. Nghề nó chọn mình, không ưng theo cũng không được. Vậy rồi quen đi, khó mà buông bỏ, nhất là một khi có cơ hội, cơ may ăn nên làm ra, muốn ngừng tay đổi nghề cũng phải nghĩ lại, làm bài tính so đo thực tế bây giờ. Bên tôi, nàng là cô gái người Nam Mỹ lớn lên ở xứ này. Có phải cho là duyên phận chúng tôi gặp nhau. Qua cảnh đời sống chung, qua ngôn ngữ mỗi ngày ứng dụng. Tôi có còn là mình không, khi mà đời sống cô nàng kéo tôi sinh hoạt theo một chiều hướng, thành phần xã hội giao du khác. Chúng tôi có một thỏa thuận ở giao tình lần đầu, là không đụng chạm đến nghề nghiệp nhau. Mỗi người một việc riêng, một đời sống chọn lựa. Đúng, chúng tôi tôn trọng nhau, như quyền bình đẳng làm người ở xã hội này.

Nói thật, lần đầu tiên khi biết ra, tôi không tránh khỏi ngượng ngùng khó chịu. Nàng làm gái nhảy, biểu diễn múa cột hàng đêm. Nơi nàng phục vụ, nhìn bề ngoài giống như những nơi chốn khác, nó nằm dần trải đôi ba tiệm đối diện, trên đường phố thủ đô này. Chỗ nàng làm mỗi ngày, nơi mà đến đi có xe đưa rước từng toán, ra về có người theo bảo vệ đề chừng sự nổi loạn, bất thường sau buổi diễn. Sự bình dị bên ngoài với hai cánh cửa khép kín, khép chặt cái âm thanh cuồng loạn

bên trong không thể vung vẩy ra ngoài. Ở đó nàng làm nghệ thuật uốn éo, mời gọi dưới mắt bọn đàn ông đến nhìn ngắm thỏa mãn, nhưng không thể đụng chạm. Qui luật này, đã đến đây thì ai cũng biết, thêm nữa những gã vệ sĩ to con túc trực can thiệp như một hình thức bảo kê cho phép. Chỉ nhìn thôi, ngồi đó uống nước ngọt, uống bia trả tiền. Muốn coi gần thì tốn thêm tiền típ, nhét ở đâu được trên thân thể hở hang cứ đặt để. Kể ra nó rẻ như bèo, vào cửa tự do, chỉ trả năm, ba đồng tiền nước, so với phẩm giá ở một người nữ làm nghệ thuật. Phần đông khách là lớp người trẻ. Đừng nghĩ nơi chốn vậy mà không có nữ giới đi vào. Đa phần họ là những cặp tình nhân. Một lần thấy người bạn trẻ đi cùng người cha lớn tuổi. Thấy là người da vàng mình, tôi hỏi nhỏ: Cha con sao đi chung vậy? Nó đáp tỉnh tuồng. Có sao đâu đại ca, cho ông hưởng lúc tuổi về chiều, xứ mình đâu có vụ này. Rồi ở nhà biết không? Ba dặn rồi, về đừng nói cho má mầy biết. Chuyện người ok thì mình cũng phải ok theo. Xứ sở tự do, cái gì cũng có, tự do trong đóng khung qui định, như công việc kinh doanh này. Nó lộ liễu trần tục được phép, ở khu vực trong bức tường đóng kín, bước ra ngoài cửa là một thế giới khác, một trật tự kỷ luật ở đời sống phải tôn trọng, ai cũng như nhau. Chính vì vậy, bên nhau không thấy mặc cảm, không cần thiết đến đây làm người khách hàng đêm. Khi trở về nhà, bên tôi, nàng chỉ là người nữ bình thường như bao cô gái khác, một đời sống khác, không phải vì đồng tiền phải đổ mồ hôi, đang sống với nghệ thuật khoe người.

Như vậy tôi hỏi chị người nữ này, có phải là của riêng tôi không?

Nói ra rồi nghĩ lại, trong sinh hoạt hàng đêm ở nàng, nếu so với chuyện đưa thân thể trình diện để kiếm tám chòng xuất ngoại ở xứ mình, kể ra thật tội nghiệp. Cái chuyện chạy cò buôn gái ra xứ ngoài, không có quan chức đồng thuận chớ che thì làm sao trót lọt, để tuồng tích diễn ra diễn lại muôn ngàn lần, si

nhục danh dự làm người khi họ nói đến dân tộc mình. Hồi nhỏ tôi thường nghe câu hát ví von bên nhà: “*Rót tú tài anh đi trung sĩ. Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con. Chừng nào hết chuyện nước non. Anh về chắc có Mỹ con anh bông*”. Câu ca oán trách thời thế, chạy theo đồng tiền, coi như lấy người khác dân tộc mình là điều không thể chấp nhận. Vậy rồi, sau khi sống ở xứ người, mới thấy ai cũng muốn qua Mỹ mà sống, bất kể bất cần mọi diễn tiến tôn kém, mách mung, miễn là đạt mục đích. Tình yêu bây giờ cho người ra đi theo kiểu này thì không còn như tình yêu năm xưa? Cái giá phải trả cho hai tiếng tự do, cho đời sống kinh tế làm người đôi khi thật phũ phàng. Cái khác là tuổi trẻ lớn lên học hành tiến thân ở xứ này, đã bị Mỹ hóa thì đời sống hội nhập, lập gia đình, sinh hoạt xã hội ngày càng tách rời chính bản thân cội nguồn. Vậy rồi quan niệm năm xưa trở thành lỗi thời, tự nó hiển nhiên không ai thấy nó khác thường, khi chung quanh chính chúng ta là thành phần lạc lõng trong thế giới này.

Đôi khi tôi tự hỏi mình, trên xứ người tôi có khác ngày xưa không? Chị bảo tôi khác, bởi chị là người ra đi theo giòng đời từ ngày mất nước. Còn tôi là kẻ ở lại lớn lên, trưởng thành trong một xã hội mới, sống lẫn lộn với muôn ngàn người từ xứ đàng ngoài vào định cư, phải biết bon chen học đòi xứ sự trong xã hội. Tất cả đều khác, đổi thay từ văn phong ngôn ngữ, đất đai, để thấy tất cả không có gì của riêng mình, không có gì là tư hữu đối với thành phần thứ dân loại thị thành nghèo hèn như tôi. Không phải một ngày một buổi tôi thành dân hè phố, giang hồ hiệp nghĩa. Ban đầu tôi cũng là kẻ khờ khạo ở tuổi mới lớn. Có điều tôi biết đọc sách văn nghệ, có tâm hồn lãng mạn khi biết yêu lần đầu. Với tôi mỗi tình tuổi học trò là mỗi tình chân thật, cảm giác rung động thật sự biết yêu thương, bày tỏ giận hờn lo lắng nôn nóng. Trong hoàn cảnh xã hội khó khăn cho người ở lại, sống hôm nay không biết ngày mai. Nhưng mà ngày đó chị ạ. Chúng tôi thấy con đường

trước mặt là sự phấn đấu với thực tế để sinh tồn. Ai cũng phải chen nhau mà sống.

3.

Biết ra hôm nay chị đang trở lại quê nhà. Chị làm cái gì ở đó? Nghe nói lúc này vốn liếng chị mang về kinh doanh hàng quán? Hỏi là hỏi vậy, thiệt hư thì chỉ có chị trả lời thật tình mới biết, bởi đời sống ở xa quay đầu ngoá lại, nghe cái gì cũng trót quớt, không đáng tin nhiều quá. Cho đến ngày gặp lại chị.

- Chào chị.

- Đúng là quả đất tròn, không mong lại gặp. Em về vui chơi hả?

- Đang đổi diện cùng đất đây chị

- Kiếm đất? Lúc này nhà cửa xây lên còn đó. Em đâm đầu vô làm chi?

- Giang hồ như em có vốn liếng đâu mà làm ăn ở xứ sở này.

- Vậy đổi diện với đất vụ gì, kiện tụng lấy lại nhà cửa?

- Kiếm đất dòi mộ song thân đây chị.

- Trước đây sao em không mua đất vĩnh viễn

- Đã mua từ trước, nhưng bây giờ họ thay đổi... Cái nhà là của chị, đất là sở hữu của nhà nước, chỉ có 4 bức tường che chắn lên cao thôi.

- Em ở ngoài cũng theo dõi dân tình quá?

Nghe nói vậy. Tôi hỏi lại chị: “Cái chuyện năm nào chị nhờ tôi làm thám tử thiệt giả về phần anh ấy, bây giờ ra sao rồi?” Chị âm ừ: “Xã hội bây giờ khác, đàn bà ở đây có tiền cũng khác hồi trước. Họ sống tự lực trong đời sống, tìm thú vui thực tế cho bản thân mình nhiều hơn là tùy thuộc vào người đàn ông.”

- Chị học điều gì ở họ vậy?

- Nói cho công bằng, đàn bà bên đây hôm nay khác với thời kỳ của xã hội mình ngày trước.

- Lúc này nghe nói chị làm chủ nhà hàng hạng sang?

- Không phải làm chủ đâu em.

- Có phần hùn hã? Nghe báo quảng cáo chị về nước chung vốn mà.

- Thực ra không phải vậy. Họ nhờ mình ra mặt, mượn cái lớp bên ngoài làm business thôi.

- Để làm gì? Sao họ không mượn hoa hậu tươi mát hơn?

- Mỗi chỗ nó có giai cấp riêng. Thành phần đến đây, phần nhiều tai to mặt lớn, có quyền có thế.

- Vậy họ đến đó làm gì?

- Họ đến nơi ít người tìm đến.

Tôi quan sát chị, dù đã có tuổi, nhưng cái nét sắc sảo năm xưa còn đó. Chị còn đẹp, vẻ đẹp quý phái đài các ở người đàn bà có chỗ dựa lưng quyền thế.

- Em thấy chị sao?

- Lúc này chị yêu nhiều quá nên ồm, ồm nhiều quá nên yếu.

Chị trách:

- Em học câu này ở đâu khi nhìn chị vậy? Có thật chị đang cần tình yêu để sống, hay đang cần sự yên ổn ở tâm hồn.

- Chị nhập vai, thì làm sao thoát ra để có đời sống riêng được.

- Không thấy chị đang sống một mình đây sao?

- Có chắc là chị đang sống một mình để thấy không còn là mình không?

Qua câu nói này, tôi muốn đặt lại điều tự hỏi năm xưa đã đeo đẳng chị, lúc mà người ta sống thoát ra ngoài một đời sống riêng, muốn tận hưởng cuối đời những gì chưa ném thử trải qua. Chị là người lãng mạn. Ngày trước danh vị chị còn chưa đặt nặng để giữ gìn, hưởng hờ bây giờ chị đang muốn sống cho chính mình.

- Đúng, nhiều người cũng nói chị lạ hơn ngày trước. Chị có lạ với chính mình không? Đôi khi chị tự hỏi

vậy. Nhưng đứng, ngồi trước gương trang điểm mỗi ngày. Chị tự hỏi. Tôi lạ tôi rồi? Không đâu em, chị với bóng trong gương là một. Chị không chạy trốn chính mình, chỉ có người chung quanh thấy mình khác, bởi trước sau danh vị chị gắn liền với quần chúng, như cuộc đời nghệ sĩ tài danh, chị không có tài, nhưng có danh, chắc hẳn cái danh nào cũng đi liền với tai tiếng.

Tôi hỏi lại chị vậy thời bây giờ, chị có biết anh ấy là ai, nhất là thời gian sau này chung đụng cuộc đời, chung đụng với người khác, chắc chị phải hiểu rõ hơn việc kiếm tìm cho chính mình.

Chị thờ dài, tiếng thờ dài buông xuôi.

- Chị thua rồi hả?

- Có thắng thua đâu em, cả hai mặt chị đều hiểu trên một thân xác này.

Chị kể sau này chị làm bạn với đàn ông khác, cái nghĩa làm bạn em cũng hiểu ở xứ sở thời đại bây giờ, nó đi liền với danh vị, công việc kinh tế của mình. Chị mới thấy không phải ở họ, mà với chị cũng không sống cho chính mình. Nếu bây giờ gặp, gần lại anh ấy, chị cũng sẽ thấy khác, cái khác của mấy năm trước, so với bây giờ. Đâu ai sống giùm ai, đâu ai đau giùm ai nỗi đau ở phận mình.

- Như vậy kể từ cái ngày chia tay, hai người có lần gặp lại?

- Có, coi như sự thể tình cờ, cũng có thể là sự sắp đặt của ai đó.

- Cũng còn lãng mạn chị hả?

- Có thể là lần cuối em à.

Tôi biết chị nói thật, khi mà phút này đôi mắt chị nhìn vào chốn xa buồn bã. Giọng chị. Đó là lần chị biết anh ấy mang căn bệnh hiểm nghèo khó qua khỏi. Từ lâu rồi, anh ấy chịu đựng không nói. Làm người cái khốn khổ là không muốn nhận mình bị bệnh, để còn giữ chí khí hào hùng, tránh đi lòng thương hại của kẻ khác. Anh ấy làm những việc tự mình muốn làm, gấp rút theo thời gian, chạy đua trước khi căn bệnh phát tác. Cho đến ngày năm đó. Anh cầm tay chị, không còn cái thanh âm trầm ấm năm

xưa, không còn cái rung cảm ngày nào ở buổi đầu. Anh nói cho phép anh nắm lấy, cho dù bây giờ anh không có quyền, cái quyền như ngày nào. Anh cảm ơn chị đã tìm đến. Nhìn anh ấy, chị không thể nói trái lại, chị có tìm kiếm anh bao giờ đâu. Mọi sự chị không hề biết trước.

Lúc này đây, không phải là anh ấy, là chồng chị, như nghi vấn người ta đặt để. Thời gian của mấy mươi năm trước, so lại thực tại bây giờ, hình hài khác đi liền với tâm tánh đổi thay, cùng với hoàn cảnh đã khác. Có thể một lúc nào đó, hay sau này em sẽ nhận chân điều này. Không ai đi suốt cuộc đường trần mà không đổi thay. Không ai giữ vẹn cái tình nồng thắm ban đầu, còn được mùi hương thời xưa cũ. Cái thoáng năm xưa nó đi với bước song hành ngày càng thấy xa, gần lại với một tình bạn thủy chung vị nê. Vậy rồi bây giờ để trả lời em. Có phải là anh ấy, là người đêm đêm nằm bên chị? Có phải là anh ấy năm xưa có thể có quyền mặc cả tình yêu tội nghiệp của chị. Người ta chê trách anh ấy, chị không hiểu. Người ta trách chị sao không giữ cái danh một thời, tìm kiếm chi một đời riêng. Chị cũng không biết em à. Khi cái danh đã có, ngó quanh quần có thấy ở đâu, hướng hồ chi nó vô hình vô tướng, thì sao chị lại phải đeo vào người cái xung tụng từ người khác ban phát bằng ánh mắt, mà lại không sống thật với chính mình. Xã hội bây giờ nó văn minh, đi liền với người nam nữ thay giống, đổi vai trò làm vợ làm chồng, làm tình nhân mà vẫn thấy vui, làm một kiếp người thỏa mãn tự ái cho chính mình. Hướng hồ ở đây người ta đang làm chính trị đối kháng, thì việc thay ngôi đổi vị cái danh xưng bên ngoài, biết là không đi đến đâu, vậy rồi vẫn sống vẫn làm đeo đuổi cho một lý tưởng biết xa, cứ coi là gần. Biết đâu sau này, không phải là em khi gặp lại chị. Người ta sẽ có cách đổi thay ký ức, muốn nhớ muốn quên. Chừng đó gặp nhau, biết đâu lại không vừa ý thuận lòng, trở trêu ở cuộc đời thường. Sau cái chết của anh ấy, trả lời bằng như câu tự hỏi cho bản thân. Tìm kiếm để làm gì trước dư luận, chứng minh cái gì với cuộc đời này? Hay chỉ thỏa mãn cho tự ái chính mình.

4.

Đó là lần cuối tôi gặp lại chị, cả hai không còn vấn vương chuyện chị nhờ tôi buổi đầu. Tôi trở về đời sống tôi trên xứ người, xứ sở này đang vào mùa Thu, một màu vàng thay lá, rục rờ trong cái không khí se lạnh. Mùa thu cũng là mùa của năm đầu tiên tôi đến xứ này, đi liền với tâm tình của người xa quê hương, quá nhiều ngỡ ngàng, mang tâm trạng buồn. Mùa thu có quyến rũ, cuốn hút, chỉ làm buồn thêm trong không gian đẹp, khi nhớ về một chốn xa nào đó, ra đi không chắc hẹn ngày về. Nhưng rồi đó như bao giòng chảy khác, đâu ai liệu được bến bờ ngày mai. Hạnh ngộ hay chia ly đâu phải là một lần xác định điểm chấm hết.

Sao hôm nay tôi lại nhớ để ghi lại chuyện này. Tôi không phải là người viết truyện, nên không biết bắt đầu và kết như thế nào, chỉ bằng đi vào phân đoạn 1,2,3,4 và kể luôn phần cuối ở mấy năm sau này. Kể từ khi người nữ và tôi chia tay, thật ra trước đây cũng không có điều khoản cam kết nào, coi như trai tứ chiếng gặp gái giang hồ. Vậy mà cũng làm tôi xuống sắc không ít. Nỗi buồn của tôi là nỗi buồn của “Thúy đã đi rồi”, chuyện gì đến cũng phải đến. Thời gian mất em rồi, tôi mới biết là mình yêu thật chị ạ. Tình yêu có giới hạn, chừng mực sống như một tình bạn, tôn trọng lẫn nhau. Tôi nhớ em có đáng dấp dầy đà như chị. Tôi khao khát cuộc tình tưởng như hờ hững mà cuồng nhiệt qua đi. Tôi không nghĩ nó rời xa cùng lúc với thời gian không gặp lại chị. Ai cũng nói hôn nhân ngoài đường phố thì chỉ như chiếc lá rơi rụng, theo chiều gió cuốn. Vậy mà lúc ngồi một mình, tôi muốn hỏi chị nhìn thấy tôi bây giờ có phải là tôi, người con trai bản lĩnh trước không? Chưa có câu trả lời, thì chuyện thị phi phang tới hỏi nhỏ tôi. Có phải tôi có chút tình cảm với chị không? Sao lúc nào cũng đâm đầu vào chỗ nệm ấm chăn êm, ở người có nhan sắc tài danh dễ thân quen bầu bạn. Nên nhớ biết khôn là phù thịnh chứ không phù suy ghen.

Tôi biết điều đó chứ, thật ra tôi sống với người

chung quanh bằng một tấm lòng, có điều đôi khi không nói, nói không vừa ý, nên dễ bị hiểu lầm. Bây giờ tôi mới biết nỗi khổ trong tình yêu nó đau xót như thế nào. Để trả lời cái chung chung, tôi nói phải để tôi gượng dậy, vịn đầu giường mà đứng lên, chứ đâu phải thi hào vịn câu thơ mà đứng dậy. Tìm ai lúc này, tìm chị là tìm lại một thời quá khứ, ở đó có hình bóng mình để nương tựa. Còn hỏi tôi thương chị không? Tôi không biết trả lời sao để khỏi méch lòng chị. Làm sao để chị không phân thiệt giả ở người đối với mình. Học câu nói: “Quý chị lắm tôi mới nói điều này”. Tình thương ở tôi là thứ tình cảm đời thường, mà đời thường thì có ngã năm ngã bảy. Đi ngã nào trước sau cũng gặp lại. Tôi muốn đến với chị thời năm cũ, cầm tay chị như trong truyền thuyết chị kể. Nghĩ tưởng giản dị vậy, mà có được đâu. Cho nên tôi cầm lấy tay tôi, coi như người đối diện trước lạ sau quen. Tôi nói lời dịu dàng còn ngượng ngập. Nói lời giả dối mua lòng chưa nhuần nhuyễn. Tôi nói lời khuyên tôi, nhủ lòng để tập sống với mình, để rồi đổi tay nhau nhơn rộng ra chuyện nhỏ lớn. Còn bây giờ tôi đang sống, biết yêu, dù là yêu thầm, biết khóc giọt nước mắt ích kỷ, thương thân mình trước, sau mới tới người đồng cảm chung quanh.

Nói lung tung, là nói hể hả cho mình nghe, nói ra chứ không giữ lại trong lòng. Còn ngày sau biết ra sao. Câu tự vấn để thấy cuộc đời trước mặt, sẽ tới hay ngày mai thức dậy, có còn thở hơi người, có sống với tình thân. Chị có đọc được mấy giòong này? Ngoài cuộc, họ cho là chuyện thực giả, hư cấu? Là lời tự thuật, phiên bản chuyện âm? Có giống chị không. Tôi đã sống trong mơ ước, lãng mạn nhiều quá. Tôi đã đi xa quá đà? Phải chăng đời sống thực là cái tôi đang có, đang sống hôm nay, lúc này, bây giờ.

Tôi đã đứng lại chưa, để thấy gió cuốn qua.

HOÀI ZIANG DUY



Sáng tác mới

CAM LI NGUYỄN THỊ MỸ THANH

Từ Một Góc Đời



Tranh ViVi

1

Xong một “buổi học”! Đoan đứng dậy, đầu óc choáng váng. Sáng nay đã có một nữ sinh viên ngất xỉu trong giảng đường và được đưa ra ngoài. Chẳng qua là vì trời khá lạnh nên người ta đóng kín cửa hội trường lại. Không quạt máy, không máy lạnh. Bầu không khí tù túng với cả ngàn con người. Thiếu không khí, chịu không nổi, chị ấy

xỉu.

Cái rạp hát trước đây thường lệ mỗi tuần làm nơi xổ số, “*xổ số quốc gia giúp đồng bào ta mua lấy xe nhà giàu sang mấy hồi*”, nay được dùng làm giảng đường để học chính trị. Ít nhất có sinh viên của bốn trường cùng đến học chung, rồi sau đó về trường vào “tổ thảo luận”: Trường Y, trường Dược, trường Luật, trường Kiến Trúc. Nghe hấp dẫn vậy nhưng không có mối liên kết nào cả, chỉ là ghép lại cho tiện các “thầy”. Sinh viên mạnh ai nấy ghi chép, về nhà học, thảo luận, rồi làm bài thi. Ngay cả trong chính nhóm trường lớp của mình, Đoan cũng là một người cô độc. Một mình một bóng đến rồi ra. Khác với trước đây, mỗi lần đi học “cours” hay thực tập Đoan đều có hai nhỏ bạn thân là Xuân và Mỹ. Nhưng Xuân đã đi mất. Mỹ thì không còn thân nữa, bởi chính Đoan đã tự lìa xa. Mỹ bây giờ làm tổ trưởng một nhóm thảo luận. Còn Đoan lặng lẽ, lặng lẽ như cây sấu đầu trong vườn dược thảo.

Đoan ra khỏi rạp. Đúng, nó là cái rạp hát, không thể là giảng đường. Mấy hôm nay Sài Gòn chịu ảnh hưởng của một cơn bão ngoài biển Đông nên mưa nhiều và khá lạnh. Đoan khoác áo mưa, lấy xe đi về trường. Chỉ một cái ngã ba, quẹo trái. Thật ra cũng không cần về trường vì thời gian này tất cả sinh viên đều chỉ học chính trị, không có giờ chuyên môn. Nhưng Đoan vẫn muốn hưởng một chút cái lặng yên của một buổi chiều mưa. Đoan vào cất xe ở chỗ cũ trong nhà xe, chào bác giữ xe – con người ốm o, đáng nhẽ nhục – rồi lên đứng nơi hành lang, nhìn xuống những nhánh sông, chính là những dòng nước chảy men theo bờ tường thấp. Đoan nhắm mắt lại, tưởng như đó là nhánh sông đời của mỗi người. Chỉ riêng với những con người trong ngôi trường này thôi, biết bao nhiêu nhánh đời đã thay đổi. Đoan thở dài...

Mỹ xuất hiện. Mỹ đi một mình. Như một phản xạ, Đoan lùi lại một bước. Nhưng Mỹ đã thấy Đoan. Mỹ mỉm cười.

Đoan mỉm cười đáp lại. Hai đứa chào nhau. Đoan tưởng chỉ đơn giản như vậy thôi, như bao lần, nhưng có vẻ như Mỹ định nói một điều gì. Mỹ đi về phía Đoan. Đoan vẫn đứng yên khi bạn đến gần. Mỹ nói một cách hơi vui vẻ:

“Định ngày mai sẽ nói với Đoan, nhưng đã gặp đây rồi, hay quá! Đoan nè, Đoan còn nhớ có lần Mỹ nói Mỹ có cô và chú ở “trông” không?”

Đoan hơi khựng, nhưng trả lời được ngay:

“Đoan có nhớ.”

“Cô và chú đã về rồi. Họ đang công tác bên trường Văn Khoa.”

“Ừ, Đoan nhớ... Mỹ nói họ là sinh viên Văn Khoa.”

“Đoan nè, cô của Mỹ muốn gặp Đoan để nói chuyện đó!”

“VẬY À? Nhưng cô chưa gặp Đoan bao giờ mà!”

“Mỹ có nói nhiều với cô về Đoan, bởi Đoan là bạn thân của Mỹ mà!”

“Thì... cũng đâu có gì đặc biệt!”

“Đặc biệt chứ! Cô biết Đoan viết văn, Đoan là nhà văn của tuổi học trò.”

Đoan cố cười ra tiếng cho nhẹ bớt bầu không khí:

“Trời ơi! Cho Đoan xin đi Mỹ ơi! Đoan có tự xưng mình là nhà văn bao giờ! Chỉ là viết cho con nít.”

“Dù muốn hay không, Đoan cũng đã đăng bài trên báo, Đoan đã xuất bản sách truyện. Nhiều người đã biết đến Đoan.”

Đoan thở ra:

“Biết để làm gì chứ? Đoan không nghĩ đến những cái đó nữa Mỹ à! Nhưng... cái đó có liên quan gì đến cô của Mỹ?”

“Có chứ! Cô đang lo về công tác văn hóa văn nghệ cho thành phố mà! Cô nói rất muốn gặp Đoan. Mỹ cho Đoan địa chỉ, cuối tuần Đoan ráng đến nhé! Mà không phải nhà của cô đâu, nhà này là nhà của một người Đoan quen biết đấy!”

“Ai thế?”

“Nhà văn Mai Huyền, cùng tòa soạn với Đoan đó!”

Đoan ngơ ngác:

“Cô Mai Huyền... cũng quen với cô của Mỹ hồ?”

“Mới quen thôi! Mai Huyền là nhà văn khá nổi tiếng, cô của mình mời cô ấy cộng tác.”

“À!...”

Không có gì để trao đổi thêm. Đoan hứa với Mỹ, rồi cũng như hứa với mình:

“Sẽ đến... xem sao.”

2

Đoan từng nghe nói về nhà của cô Mai Huyền, nhưng chưa đến. Thật ra, Đoan không thân lắm với nhà văn này như đã thân với các anh chị khác. Chỉ một vài lần gặp nhau khi có dịp họp tòa soạn, thế thôi. Cô Mai Huyền thường viết hoặc dịch những truyện về gia đình và xã hội, cũng chuyên cho lứa tuổi học trò. Cô có cái cách nói chuyện của người trong thế hệ học chương trình Pháp - thế hệ của Ba. Đoan có chút cảm mến đối với cô, nhưng thấy hơi khó gần. Nhưng thôi, hãy gác lại tất cả.

Đoan đến trước cửa. Cánh cửa đã mở sẵn. Cô Mai Huyền đi ra ngay khi thấy Đoan. Cô đón Đoan vào nhà. Trong phòng khách đã có sẵn một người. Nhìn nét mặt, Đoan biết ngay là cô Liên của Mỹ. Người đó lên tiếng trước:

“Chào em Đoan.”

“Dạ cháu chào cô.”

“Cứ gọi chị là chị nhé! Chị chỉ hơn em vài tuổi.”

“Dạ.”

Cô Mai Huyền mời:

“Đoan ngồi đi, cô rót nước cho uống nhé!”

“Dạ cảm ơn cô, xin cô để cháu tự nhiên ạ!”

Trong khi cô Mai Huyền đi rót nước, Liên lấy ra một tờ nhật báo. Cái tên báo đập vào mắt Đoan, tờ báo duy nhất

được phép phát hành. Dù muốn hay không, Đoàn và mọi người đều đã quen với cái tên này – Sài Gòn Giải Phóng. Thành phố đã không còn tên Sài Gòn, nhưng hai chữ “Sài Gòn” lại nằm bình an trên cái tên của tờ báo ra mắt vào những ngày đầu tiên của tháng Năm. Liên lại mở ra một trang trong, đặt tờ báo lên bàn. Đoàn nghe tim nhói đau. Cái trang báo mà Đoàn đã đọc đi đọc lại cả chục lần ở nhà, bây giờ đang được bày ra trước mắt mình. Để làm gì cơ chứ? Chắc hẳn Liên đã có một dụng ý.

“Em xem đi!”

“Thưa chị, số báo này em đã xem ạ!”

“Em... thấy sao?”

“Dạ, ý chị là...?”

“Chị muốn hỏi em cảm thấy thế nào khi đọc mục này?”

“Dạ em...”

Đoàn nghẹn lời. Đoàn cố gượng cho mình được tỉnh táo. Dù sao, Liên cũng chỉ là một người lạ. Đoàn không thể khóc với người này.

Một khoảng lặng ngắn qua đi. Cô Mai Huyền đưa cốc nước cho Đoàn, rồi ngồi xuống ghế bên cạnh. Liên nói:

“Chị tiếc cho em, rất tiếc. Em là một nhà văn đầy triển vọng. Nhưng trong danh sách này đã có tên hai truyện dài của em bị cấm, trong khi cô Mai Huyền và những cây bút khác thì không, tuy họ cùng trong một nhóm với em.”

Như người đưa tay đỡ một nhát roi đang bồi vào vết thương đang mở, Đoàn nói:

“Em biết, thưa chị. Bởi em viết về những chuyện em sống, không giống quý vị ấy.”

“Hơn thế nữa, em à, là cái nhìn của em, chứ không phải chỉ những sự kiện mà em chứng kiến.”

“Thưa chị, em chưa hiểu...”

“Cùng những sự kiện đó, người khác không viết như em. Em đã đứng về một phía. Cái phía đó, hiện nay đang là đối tượng mà nhân dân chê trách.”

Đoàn thấy mình cần phải cứng rắn lên. Đoàn nói:

“Thưa chị, em đã viết trong sự tự do của em. Không ai yêu

cầu em viết cả. Và cũng không ai yêu cầu em nên hoặc phải viết thế nào cả. Em sống và cảm nhận, và viết, thế thôi ạ.”

Cô Mai Huyền lên tiếng:

“Liên à, cũng nên thông cảm cho các em như Đoan, mở mắt ra đã thấy Mỹ.”

Liên đáp:

“Dạ phải. Không trách được. Các em không được tiếp xúc với tư tưởng cách mạng.”

Chúa ơi! Đoan cảm thấy không thể chịu đựng được nữa.

Đoan đứng lên, nói nhanh:

“Thưa cô, cháu có việc gấp, xin phép cô, xin phép chị...”

“Khoan đã Đoan à – Liên nói – Mục đích của buổi gặp hôm nay không phải là chuyện em có tác phẩm bị cấm, mà là chuyện xây dựng. Đoan hãy nán lại, nghe chị nói. Chị đang giữ trách nhiệm làm văn hóa văn nghệ cho thành phố. Trước mắt, chị sẽ xây dựng một tờ báo, phổ biến văn nghệ cách mạng. Chị thấy trong những truyện còn lại của em, có một quyển em viết về những người nông dân kháng Pháp, hay lắm! Nếu em phát triển ý đó, tiếp tục đi con đường của em, chị tin em sẽ tiến bộ.”

Đoan hơi dịu lại, ngồi xuống ghế. Liên gấp tờ báo lại, cất đi. Giọng của Liên thật nhẹ nhàng:

“Đoan à, thời đại này rất cần những người như em. Tuy có chút lệch hướng, nhưng không quan trọng. Chị biết nhìn người. Qua cô Mai Huyền và qua Mỹ, bạn thân của em, chị tin rằng em là người rất tốt. Nếu được dìu dắt, em sẽ đóng góp rất nhiều cho xã hội.”

“Thưa chị, em đã vào danh sách đen rồi!”

“Rất nhiều người vào danh sách đó lắm, có phải riêng em đâu! Em hãy quên cái danh sách ấy đi, tiến tới, em nhé! Chị bảo đảm em sẽ thấy còn nhiều cơ hội cho em.”

Cô Mai Huyền nói thêm vào:

“Đoan hãy còn trẻ lắm, hãy vươn lên Đoan ạ! Theo như cô đây, cô thấy rất dễ dàng để bắt tay vào cuộc sống mới.”

Cuộc gặp gỡ rồi tàn. Đoan có cảm giác mình như người tù

được tha bổng.

3

“Danh sách những sách báo phản động và đòi truy bị cấm”

Đoan thù người trước tờ báo mà mình đã định xé bỏ ngay khi thấy đăng cái danh sách này, nhưng lạ sao Đoan lại cất nó đi. Bây giờ đem ra xem lại, tay lần theo từng cái tựa, mắt dò chăm chú như người đi coi bảng thi đậu. Nhiều người “rớt”, mình “đậu”! Hai cuốn truyện dài được vào danh sách. Ngày đầu thấy nó thì Đoan bật khóc. Nhưng bây giờ thì không. Giống như người tù khi thấy mình đã ở sau chấn song thì không còn gì để tiếc rẻ hay lo sợ. “Phản động” và “đòi truy” được gom lại làm một. Đoan cười chua chát. Mình, một cô bé mới lớn, đang ở trong một khu vườn ngát hoa thơm, bỗng vén bức màn lên, thấy mình chìm ngập trong màu xám xịt của khói. Đoan bập bùng trong đó...

Phản động và đòi truy, hai khái niệm nhưng đã thành một, qua danh sách đó. Người ta đã thật nhanh chóng nắm bắt được tất cả những hoạt động văn hóa văn nghệ của miền Nam, nhanh chóng lên được một danh sách để thông báo khắp nơi. Một “nhà văn của tuổi học trò”, lại có hai tác phẩm “phản động và đòi truy” bị cấm! Đã mấy ngày qua, Đoan như người mắc một căn bệnh nhiễm trùng, nhưng còn trong giai đoạn hâm hấp sốt, nay sau khi Đoan gặp cô Mai Huyền và Liên, bệnh bước qua giai đoạn bùng phát. Nhiệt độ tăng cao, những triệu chứng hiển hiện, quật ngã người bệnh. Không! Đó chỉ là trong trí tưởng tượng của Đoan mà thôi, còn về bề ngoài của Đoan vẫn luôn là một mặt hồ êm ả. Đoan muốn tránh tất cả các tác động cho gia đình. Các vị đã quá mệt mỏi với những biến cố xảy ra. Các vị đã đương đầu với những nỗi sợ, nỗi lo, nỗi buồn, nỗi chán. Đoan không có quyền làm tăng thêm một chút gì

trong những nỗi ấy.

Đoan lại cắt tờ báo đi. Sau này, khi mình già, mang ra xem lại, có khi lại cười. Ôi, nhưng từ nay cho đến khi mình già, mình sẽ làm gì? Mình có còn viết được gì nữa không? Hiện giờ thì mình không bị bắt, không bị ai “ngó ngang” tới, chẳng có gì phải sợ. Miễn là mình đừng làm cái gì như là “phản động đòi tự” nữa.Ồ nhưng cũng không được, người ta nói có cơ hội khác mở ra cho mình kìa! Viết, viết tiếp!

“Mở mắt ra đã thấy Mỹ”. Bỗng nhiên câu nói của nhà văn Mai Huyền vang lên, xoáy mạnh trong tai Đoan. Đoan muốn la lên: “Không! Không phải như thế! Sao một nhà văn lại có thể nói như thế?”

Người phát thư đi qua, ném vào nhà mấy lá thư. Có thư của Liên gửi cho Đoan. Trong thư, Liên hỏi thúc Đoan viết một bài cho tờ báo mới ra do Liên làm chủ nhiệm. Liên nhắc đến việc “dùng văn chương phổ biến triết học Mác-Lê-nin”. Đoan nghe ù cả hai tai. Những buổi học chính trị gồng mình trong rạp xỏ số chưa đủ hay sao? Những buổi “thảo luận tổ” nghe tổ trưởng gào thét “tinh thần đấu tranh giai cấp” chưa đủ hay sao?... Có một hôm, trong giờ họp tổ thảo luận – mà các tổ viên phải ngồi vòng tròn, ngồi bệt dưới đất trong sân trường - Đoan đã lớn tiếng cãi lại tổ trưởng khi anh ta mạ lị những người lính của “chế độ cũ”. Cả tổ nhìn Đoan ái ngại. Kể cả người bạn có cha đang ở trong tù “học tập cải tạo” cũng nhìn Đoan ái ngại. Đoan nói ngay:

“Xin các bạn đừng nghĩ tôi nói vì tôi. Ba tôi không phải là quân nhân. Tôi nói cho những người bạn tôi. Tôi nói vì lòng tôi luôn cảm ơn những người lính. Tôi nói vì sự hy sinh của họ. Còn anh tổ trưởng muốn nhận xét, phê bình tôi ra sao là quyền của anh. Anh hãy nhớ lại trong khi anh bình yên học hành ở thành phố thì ai là người đã bảo vệ anh. Có khi họ phải què cụt. Có khi họ phải chết. Ngày

hôm nay họ là kẻ chiến bại thì anh quay lưng với họ, anh miệt thị họ... Tôi xin dứt lời.”

Sau buổi họp tổ ấy, tổ trưởng nói ít hơn. Các tổ viên ít phát biểu hơn. Đoàn càng im lặng hơn.

Một hôm, Mỹ tìm Đoàn trong sân trường, mở lời:

“Mỹ muốn nói với Đoàn một chuyện.”

“Chuyện gì hở Mỹ?”

“Cô Liên nhờ Mỹ “động viên” Đoàn.”

“Về chuyện gì?”

“Về chuyện viết văn. Đoàn... chưa viết gì gửi cho cô Liên phải không?”

“Chưa. Ở... phải nói là Đoàn chưa biết viết gì.”

“Đoàn giấu nghề thôi! Mình là bạn thân của Đoàn từ mấy năm nay, mình biết hễ Đoàn muốn viết thì chỉ một đêm là xong một truyện ngắn. Còn truyện dài thì Đoàn cũng viết vèo vài tuần là xong.”

“Nhưng... Mỹ à, Đoàn đâu phải là cái máy viết. Đoàn phải có cảm hứng, có chất liệu để viết.”

“Thế bây giờ... không có chất liệu sao?”

Đoàn yên lặng. Người bạn nói là thân này sẽ không hiểu Đoàn đâu! Mỹ lại thuyết phục:

“Mỹ hiểu Đoàn lắm. Có khi Đoàn còn vương vấn những cái thuộc về quá khứ. Chứ hiện nay đời sống quanh mình có vô số chất liệu cho Đoàn viết mà! Đoàn thấy không, xã hội đang thay đổi, đất nước đang vươn mình. Tụi mình còn trẻ lắm mà, sẽ hòa nhập dễ dàng Đoàn à!”

Đoàn nhìn Mỹ, chợt thấy mình không cảm động. Mỹ nói giống như thầy Tỉnh nói với Đoàn trong ngày đầu tiên trở lại trường với Ban Giám hiệu mới: “Sống trong chế độ này, chỉ cần mình yêu nước, yêu dân tộc là đủ.” Hai cách nói khác nhau, nhưng sáo rỗng giống nhau. Đoàn cười nhẹ một cách ơ thờ, không muốn nói nữa.

Mỹ đưa cho Đoàn một cuốn báo:

“Tạp chí số đầu tiên đây, cô Liên nhờ Mỹ đưa cho Đoàn.

Chưa có bài của Đoàn đây nhé! Cố gắng số tiếp theo sẽ có Đoàn xuất hiện ha!”

4

Đoàn đặt cuốn tạp chí Mỹ mới đưa bên cạnh cuốn tạp chí cuối cùng của Đoàn, số ra ngày 1 Tháng Tư 1975. Cuốn tạp chí của tuổi học trò! Đoàn còn giữ cả chồng báo và sách của tuổi học trò. Lẽ ra Đoàn đã ngoan ngoãn đem ra phường để nộp như một số bạn của mình đã làm, rồi đứng nhìn người ta đốt những sách báo đó. Nhưng một sức phản kháng lặng lẽ khiến Đoàn không làm vậy. Đoàn giữ lại hết. Cùng lắm nếu họ có biết được thì mình nộp, chẳng ai bắt mình bỏ tù cho tốn cơm. Đoàn và chị Thủy cười khúc khích với ý kiến này. Chẳng những vậy, mấy ngày nay Đoàn lục những cuốn “cours” của lớp cũ đã học xong rồi đem ra tiệm sách cũ bán lại, cũng được một ít tiền. Ra đó Đoàn mới biết hóa ra tiệm cũng đang tìm mua sách báo cũ, để bán lại cho những người “săn sách”. Thật buồn cười! Và thế là Đoàn cùng chị Thủy lại ra tìm sách cũ để mua về đọc, đương nhiên là đọc lén.

Đoàn cười một mình. Có lẽ cái vườn hoa kỷ niệm của mình vẫn không thể mất. Theo quán tính, Đoàn lật cuốn tạp chí học trò của mình, không với ý định tìm kiếm cái gì cả, chỉ để hít lấy mùi giấy quen thuộc. Cuốn báo vẫn còn như mới. Đó là cuốn báo do tòa soạn tặng Đoàn. Vẫn còn mới mà! Mới Tháng Tư! Tay vẫn lật sách, mắt nhắm lại, Đoàn hít thật sâu cái mùi giấy thơm tho đó. Chợt khi mở mắt ra, Đoàn dừng lại ở trang “Từ Mọi Góc Đời”, một mục mới toanh Đoàn nhận phụ trách kể từ số báo này. Một mục chết non!!!

Đoàn đọc, bài “Trong Những Bức Thư Của Danh”...

...

Phước Tuy 22-9-1974

Tôi lại bắt đầu nghĩ đến việc mình phải làm. Làm gì bây giờ hả chị Huyền? Nằm không thì buồn chết. Còn học thì... đang thử. Chắc chắn là có rất nhiều trở ngại. Còn làm ruộng... không thể được rồi! Buồn buồn xem lại một cuốn truyện. Tôi phân vân quá! Không biết rồi mình có “vĩ đại” như nhân vật Nghiêm trong “Khúc Lan Can Gãy” được không?

Phước Tuy 22-12-1974

... À, chị Huyền, tôi mới thêm một lần nữa nhập viện để chuẩn bị cắt xương dư và điều trị vết thương nơi chân phải. Lại một đoạn văn của chị làm tôi nhớ đến. Và không hiểu tôi nên vui hay nên buồn cho cái sự đang tăng trưởng của mình, cho lứa tuổi đang “trẻ” của mình (nhiều khi tôi cứ tưởng mình đã già từ lâu!)

...

“Khúc Lan Can Gãy”, một trong hai tác phẩm bị cấm của Đoàn! Đoàn viết về họ, cho họ. Chất liệu là họ. Cảm hứng cũng là từ họ. Danh cũng trở thành “nhân vật” của Đoàn rồi! Những Danh của đất nước sau ngày đổi đời đã trôi dạt đi đâu không biết.

Đoàn lại mở cuốn tạp chí mà Liên muốn mời Đoàn viết. Cách viết của những người này hoàn toàn khác. Đoàn không thể nào giống họ được. Không bao giờ!

Đoàn phải sống, phải làm người chân thật. Không thể nào Đoàn nặn óc viết theo sự khuyến khích của Liên, của Mỹ, của nhà văn Mai Huyền. Đoàn phải là chính mình, phải viết theo cảm xúc thật của mình. Mà cũng có thể không bao giờ Đoàn cầm đến cây bút nữa, biết đâu được!

Tháng Mười Một 2013

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh



Chu Trầm Nguyên Minh
Mùa vọng thì thầm

Ta chưa vượt qua kiếp này
 Dù đã uống máu cúng dường ngất ngây
 Uống cạn, uống say
 Uống quên trời, quên đất

Ta chưa sống được một ngày
 Dù đã ăn Bánh Lạt và Rau Đắng
 Lạt như gió may
 Đắng như tháng ngày trần ải

Ta chưa hạnh phúc một lần
 Dù đã hót nắm đất dưới chân đèn thờ
 Thấm đẫm máu chiên
 Đắp lên trái tim
 Phủ kín linh hồn

Ta chưa được yêu một lần
 Dù đã dâng trái tim đại khờ
 Với bao vần thơ
 Chảy ra từ xương máu

Ta chưa nói yêu em một lần
 Dù niềm khát khao hiển dăng
 Mở ra một trời ước vọng
 Tiếng yêu, sao ghen cứng nơi lòng
 Trôi theo dòng lệ đỏ

Ta chưa yêu em một lần
 Dù tay đã run mở cửa cuộc đời
 Nổi khát khao dâng trào lên ngực

Và nỗi đắm say trên đôi môi em
 Chúng ta khát thêm dâng hiến
 Nhưng sao trong đôi mắt em
 Và cả đôi mắt anh
 Lệ nhỏ đầy vơi
 Chúng ta khóc vì hạnh phúc
 Vì tình yêu
 Phải không, em ơi ./.

Saigon 16/12/2012

Niềm đau chưa tắt

Vết thương đó dân tộc mình ôm chịu
 Khóc bao năm hay hơn thế nữa không chừng
 Trên cánh đồng đàn cò bay ngã xuống
 Tiếng hò đưa thành tiếng súng đao binh

Giòng sông quê hương cong mình quấn thắt
 Nước trong ngả màu máu đỏ anh em
 Người gục chết viết thêm vào lịch sử
 Vết nhọc nhằn tử huyệt không nguôi

Màu mắt biếc thay bằng ngọc ngà
 Nỗi kinh hoàng dựng tóc tuổi thơ
 Trước mặt, sau lưng bom rền súng nổ
 Đời quay tròn ai biết được mai sau

Chúng ta ngó trăm chiều đau đón
 Niềm cô đơn vô động trong hồn
 Giang sơn này thét gào dã thú
 Đàn em mình còn đâu tuổi lớn khôn

Vết thương đó dân tộc mình ôm chịu
 Máu trên tay tưới xuống ruộng vườn
 Trong tận cùng tim mẹ buồn bật khóc
 Cánh tay còn dang nịt cả quê hương

Chu Trần Nguyên Minh

Mai Quang

Núi Lại

(Thương cảm tặng SN. và TN CB.)

*Tay âu yếm vuốt cung Thương,
 Tay đưa nguyệt ngoạc mấy đường phù vân
 Núi Xuân lại thật rõ gần
 Âm xa mã vọng, huýt dầm Cỏ Kinh.*

Lắng Rụng

*Tiếng trời rền
 đất tựa
 Giọt sương mai túy lúy phản hương
 hồng
 Bụi dính mắc ngàn đời
 rơi là tả
 Càn khôn tan
 hê!
 Cõi sáng tinh.
 Không.*

Trần Vạn Giã

DẠ KHÚC GIÓ

Vẫn trong tiếng gió bồi hồi
Thổi qua lạnh lạnh chỗ ngồi chiều nay
Thổi qua muối mặn gừng cay
Câu thơ từ đó cũng bay về trời

Tại tôi ngơ ngẩn trong đời
Tìm mùa sim tím tìm lời tình yêu
Bây giờ vách đồ tường xiêu
Đò đây sông cạn phải liều chớ sao

Bây giờ ướt áo mưa rào
Kẻ đi người ở nôn nao lối về
Tôi đem đốt những câu thề
Thả theo khói rạ mà mê mẩn đời

Dù cho núi đổ sông đời
Dễ gì quên được một thời có nhau
Về quê tóc đã bạc đầu
Chuyện xưa cũng đã qua cầu gió bay.

CHỊ TÔI GÓI CHÔNG SAU CHIẾN TRANH

Chị ơi trời sắp sang đông
Đêm nghe gió bắc mà lòng nao nao
Ngước nhìn lên tận trời cao
Đề rồi cúi mặt khát khao đợi chờ
Con sông còn có bến bờ
Chị thì tóc bạc bơ vơ giữa dòng
Ngược xuôi năm tháng nhớ chồng
Đã đi ra trận mà không trở về

Chiêm bao chợt tỉnh cơn mê
 Ngồi nghe tiếng vạc tái tê nỗi buồn
 Ngày mưa thấp cánh chuồn chuồn
 Chị tôi đâu dễ cạn nguồn cô đơn.

CHIỀU MÙA THU Ở BADEN - BADEN

1. Baden-Baden những con đường rừng xuyên thẳm
 Những nóc nhà thờ trắng cánh chim bồ câu
 Chóp trong những sắc màu
 Của hoa hồng và liễu rủ
 Con đường nào Dortofewrki
 Đứng nhìn mùa thu lá đỏ

Baden-Baden
 Xứ sở của mạch nguồn nước nóng
 Nơi bóng thời gian cô đọng
 Tôi tắm mình
 Trong sương
 Trong khói
 Trong tiếng nói
 Của những thiếu phụ da màu – áo váy
 Thấp thoáng dáng đi trong chiều mùa thu

2. Tôi ngồi chờ đêm canh thức
 Nhìn những đám mây phiêu bạt
 Bay trên trời miền tây nước Đức
 Và nghe âm vọng đâu đây
 Lời dân ca ai hát gọi quê nhà
 Thôi gửi lại em những con đường vừa quen vừa lạ
 Có lời kinh cầu
 Bên Thánh Giá tình yêu.

Trần Vạn Giã

Đinh Thắng

Có thể nào ta không bắn

Để bao lâu em thành người chiến sĩ?
 Nếu ít gì cũng mười bảy năm dư
 Đời dạy cho em đời dạy từ từ
 Nhưng viên đạn có đường đi nhanh lắm
 Làm sao hiểu trên vạt máu đào còn thắm
 Đường đạn này và số phận có dính nhau
 Em đi từ đâu?
 Em đi từ Hà Nội
 Tôi đi từ đâu?
 Tôi đi từ Sài Gòn
 Nghĩa vụ chúng mình cùng bảo vệ nước non
 Sao có những trái khoáy ta giết nhau vì một tấm lòng
 chung như thế
 Em băng rừng vượt bể
 Tôi từ bỏ thành phố yêu thương
 Ta gặp nhau một góc chiến trường
 Có thể nào ta không bắn?

Lời nhắn

Ngồi trong này nhìn qua ô cửa nhỏ
 Thấy ngọn gió lùa qua mái cây
 Tự do như người tình ảo
 Gọi hoài sao cứ bay

Ngoài ấy con đường ra sao nhi
 Giờ này cây ngã bóng bên đồng
 Có người về rất vội

Em ở nơi nào giữa khúc sông?

Mai em về thông thả
 Đừng vội lo từng mối chưa xong
 Vai em gầy guộc quá
 Anh không muốn em đeo một nỗi lòng

Mùa này hoa phượng nở
 Em để yên cho tóc bông bay
 Em chỉ vừa qua trường học nhỏ
 Hãy cứ vui cho giấy mực không nhàu

Hãy nhấn giùm anh lời gửi mẹ:
 Ở trong này con không khác chi đâu
 Giờ thức nửa khuya không còn nữa
 Lời mẹ nguyện cho con đã nhiệm màu

Hãy nhấn giùm anh lời gửi chị:
 Mẹ già nua chị khéo trông nom
 Mười năm dài ngẩn trôi sông nước
 Mẹ chờ em bóng nguyệt còm

Hãy nhấn giùm anh lời gửi bạn:
 Mắt còn vui thì hãy cứ vui
 Đời người mấy thuở trong trời đất
 Mà tiếc nhau chi, phí ngậm ngùi.

Đình Thắng



Lưu Trọng Tường

Mười năm thâm hẹn

Mười năm trước
 Tôi gặp anh, rất tình cờ
 Trên tấm gỗ lán bên góc phố.
 Mười năm sau
 Quay lại chốn cũ
 Rong ruổi tìm chẳng thấy bóng anh đâu.

Anh đang ở nơi nào?
 Vẫn trên mảnh gỗ nặng nề mục nát
 Hay ung dung trên xe lăn hiện đại nhẹ nhàng?
 Anh vẫn còn trên mảnh đất quê hương
 Hay đã thành người thiên cổ?

Tôi còn nhớ
 Đã hỏi anh là lính bên nào
 Bên ta cộng hòa
 Hay bên kia cách mạng.
 Anh đã mắng tôi
 Là cộng hòa thì sao?
 Nào ai cần bố thí!
 Tôi đã hãnh diện nói cùng anh
 “Qua” đây một thời cũng đã là quân nguy
 Và anh đã nhào xuống ôm chân tôi
 Thấm thiết gọi “Ông Thầy”
 (Ông Thầy đã bỏ đàn em thoát chạy!)

Chân tôi chạm mảnh gỗ lán sần sùi méo mó
 Tay xoa đầu anh tóc cứng kềm gai.
 Rồi từ đó tôi xa anh
 Sau một bữa cơm via hè
 Và tách cà phê đắng chát.
 Chắc anh đã quên

Nhưng trong tôi hình anh chưa mờ nhạt.
 Vết thương còn rát nhức mỗi ngày.
 Hôm nay trở lại
 Phố cũ tìm anh, chẳng thấy.
 Nhưng dáng anh còn phảng phất đâu đây.
 Tìm tôi lại nhói đau
 Nhớ tình xưa huynh đệ!
 Ôi người lính Cộng Hòa
 Một thuở bình minh,
 Hoàng hôn buông súng!
 Nay trôi dạt phương nào?

Mảnh gỗ lẩn chắc đã mục
 Lòng anh chắc đã mềm
 Chiếc xe lẩn thông dong quay bánh
 Trên đường phố hiền hòa
 Hận thù chắc đã hết.
 Quả tim trở lại nguyên lành
 Như đất nước hôm nay không còn chia cắt.

Riêng Anh và Tôi
 Một nửa nỗi niềm riêng
 Xin giữ lại mãi mãi cho Minh.

Lưu Trọng Tường
Chợ Bến Thành, Saigon
 28-08-06



Đinh Cường

Nghe trời đổi gió

Nghe trời đổi gió nhớ quanh quanh
(Vũ Anh Khanh)



Ánh trăng trên nhà thờ
sơn dầu trên canvas 50 x 60 in
đìnhcường

Và những buổi chiều cuối năm
tôi đi dưới bầu trời xám
gió lạnh phải mặc thêm áo
lấy ra chiếc áo coat cũ năm ngoái
cứ thích mặc nó, không biết vì sao
khi con gái hỏi thiếu gì áo mới
sao ba cứ mặc hoài chiếc áo đó

như thể để nhớ lại một thời gian khó
ở Lạc Lâm chỉ với chiếc áo kaki nhà binh
bốn túi cũ trong có lót lớp nỉ carreau
rất ấm mua ngoài chợ áo quần cũ Đà Lạt
như Sơn mua chiếc mũ màu xanh vert
Sơn rất thích đội hoài đội mãi

tôi có vẽ cái chân dung bạn với chiếc mũ ấy
 mà không xong, đành ghi portrait inachevé
 ghi dấu kỷ niệm một thời thật đẹp
 đôi khi chỉ ước mơ có cục xà bông thơm
 để tắm, và tôi đã nhịn bữa ăn để mua
 cục xà bông thơm, cùng ra tắm nước nóng
 ở chỗ gần bến xe, chỗ cà phê Tùng đi lên...

những chiều cuối năm tôi đi dưới trời sương giăng
 không tìm thấy ánh sao như trên núi đồi Dran
 có khi ghé qua Suối Thông
 ngồi trước bậc thềm ngôi nhà thờ rất nhỏ
 cây thánh giá thấp vòm cửa tối đen
 nhân danh Cha và Con và Thánh Thần
 Amen, câu quỳ đọc kinh trước giờ cơm
 thời tuổi đại học trường Bà Sơ ở Hớn Quản
 Thủ Dầu Một. rừng cao su ơi tôi sẽ về thăm...

những chiều cuối năm cứ nhớ gì đâu xa xăm
 tôi vẽ một vệt màu đỏ tươi trên nóc nhà thờ
 như nghe chuông chuông gọi hồn ai
 nhớ đã đọc Pour qui sonne le glas của Hemingway
 nhớ đã đọc rất nhiều bài thơ của Trần Hoài Thư
 ghi lại một thời chinh chiến cũ ...

Virginia, Oct. 16, 2013

Đình Cường



Nguyễn Thị Khánh Minh

GIẤC MƠ BIỂN

Nụ hôn xanh
 Xanh như trời
 Xanh như lá
 Xanh như nước
 Xanh như ánh mắt tình yêu
 Em, hạt biển. Bung cao
 Những con sóng nhìn lên. Ngưỡng mộ
 Em,
 Điểm long lanh vương miện triều sóng

Nụ hôn sâu
 Như biển sâu
 Như rừng sâu
 Như ý thơ người thăm sâu
 Chìm xuống tận cùng xanh
 Hơi thở âm vang
 Dội lên từ ngực
 Biển rộng mở mùa thiếu nữ. Gọi nhau
 Em,
 Thủy lưu hết sức ngọt. Và dịu dàng
 Biển tan
 Chết chiu
 Ấu thơ em
 Xuân thì em
 Bờ cát cùng nổi đợi chờ dài
 Sóng hết những ranh giới của nước
 Yêu nhau. Yêu nhau

Nhốt vào sâu thăm nụ hôn
 Tiếng vỡ những hạt nước mắt rất trong
 Của sóng và những vì tinh tú

Biển mềm môi
 Óng ánh rượi trắng triền cát. Luân vũ ánh sáng
 Em,
 Điểm hoan lạc nhất của cơn say
 Trời với đất

... Và tôi thức giấc
 Sau cơn mơ. Kéo tung chiếc màn cửa
 Tràn mắt màu xanh
 Biển. No căng. Tách nở.
 Phút giây mặt trời bung lên khỏi mặt nước
 Mới tỉnh
 Như gió vừa thổi mùa thu đến
 Như bờ cát sung mãn nắng
 Và như đôi môi tôi...

9.2013

Nguyễn Thị Khánh Minh



Người Lạ

** thơ mhhòaìlinhphương*

Anh đừng hỏi
 Vì sao em cúi đầu mắt đỏ vu vơ
 Khi lời anh thảng thốt yêu thương ngọt ngào, mê đắm
 Bởi chẳng bao giờ em nói đâu anh
 Em quen rồi nín câm
 Xin cho em giữ riêng mình
 Như những ngày chúng mình còn là kẻ lạ
 Không phải em quen rồi kiêu sa
 Không phải trái tim em ngàn năm gỗ đá

Như bạn bè có lần cười cợt bảo nhau
 Từ trong thâm sâu...
 Em vẫn ước ao được gục đầu kê lể
 Khóc trên vai một người để hiểu rằng mình không cô đơn
 quá lể
 Nhận môi hôn nồng nàn
 Và cho trọn một vòng tay
 Hiến dâng bằng tất cả đắm say
 Của một tình yêu thánh thần tuyệt đối
 Hình như... em yêu anh
 Vâng, thưa anh
 Nhưng mà không
 Ừ, mà làm sao em cố tình gian dối
 Dối người
 Dối lòng
 Cho mộng tưởng còn tuyệt vời tháng tháng, năm năm
 Bởi tình yêu anh
 Mong manh như tơ trời
 Như lá vàng một sáng thu bay...
 Chợt đến, chợt đi, chợt còn, chợt mất
 Em không muốn thêm một lần cay mắt
 Thêm một lần nghe khói thuốc vàng môi
 Người yêu dấu ơi!
 Em nhỏ bé một đời
 Khi chia xa người
 Làm sao em không khổ?
 Nên em cúi mặt đành thôi...
 Dù trái tim em một trời bão tố
 Dù anh vẫn là một diên mê gọi buồn và gây nhớ
 Cho em lìa xa tuổi nhỏ thiên đường
 Nếu có anh diu về địa ngục yêu thương
 Em cũng nhận... nhưng mà thôi... người ạ!
 Nên suốt đời chúng mình là kẻ lạ
 Vâng, bây giờ... mãi mãi chẳng quen nhau.

M.H.HOÀI LINH PHƯƠNG

Saigon – Việt Nam 1973

Tuyết Linh

BÀI THÁNG MƯỜI

Bây giờ là tháng mười
 Anh đi, thu vào cuối
 Lá và em ở lại
 Chờ giông bão cuộc đời

Nào phải chỉ riêng em
 Buồn khi mùa đông tới
 Em biết nơi xa ấy
 Cũng mòn mỏi ngày đêm

Nhớ anh em tìm thơ
 Lạnh từng lời trong ngực
 Thấp từng canh thao thức
 Gọi anh về ngày xưa

Tình yêu như lời ca
 Dẫn thu về với hạ
 Dẫn em về phố nhỏ
 Đợi ngọn đời lên hoa

Làm sao em biết được
 Chỗ bắt đầu tình yêu
 Chỉ biết yêu từng phút
 Buồn vui tính từng chiều

Bây giờ em đã biết
 Tình yêu lúc xa người
 Bơ vơ là có thật
 Thật như môi quên cười

Bây giờ là tháng mười

Em và mùa đông lạnh
 Nỗi nhớ chừng chấp cánh
 Sao thời gian ngừng trôi?
 2012

KHI MÙA ĐÔNG TỚI

Tháng ngày vẫn qua mau
 Anh cũng chưa về tới
 Gió mùa đông tê tái
 Thêm lạnh bước tình sầu

Nơi trái tim em đau
 Chờ tay anh xoa dịu
 Ôi mỗi tình kỳ diệu
 Lẽ nào như chiêm bao?

Không phải nắng xuân đâu
 Ngọn đèn khuya le lói
 Vách đêm đen đứng đợi
 Chiếc bóng mình bên nhau

Gần hết một mùa thu
 Biết là điều đã cũ
 Sao em cứ mong chờ
 Một người về qua phố

Sao em viết cho anh
 Bài thơ tình dang dở
 Bởi tình quá mong manh
 Nên phập phồng lo sợ

Em sợ gió mùa đông
 Thổi tan màu xanh biếc
 Cây thương nhớ em trồng
 Chỉ riêng anh mới biết.
 2012

Nguyễn Dương Quang
BI KHÚC

Không có gì trên núi chiều nay
 gió ở đâu chừng không lên tới
 trái cô đơn ra sâu cỏ đợi
 tiếng thời gian im ắng trong cây

vật nắng chiều buồn như điệu hát
 con nai ngóng tiếc lá thu nào
 hồn suối cạn đá trở khô khốc
 cọng hoa rừng mỗi dáng gầy hao

đất trời đâu đó màu thê thiết
 bóng cừu cúi mặt cỏ khô cong
 triều đại nào tích tuồng hưng, phế
 cũng có trang buồn chuyện nhiều nhưng

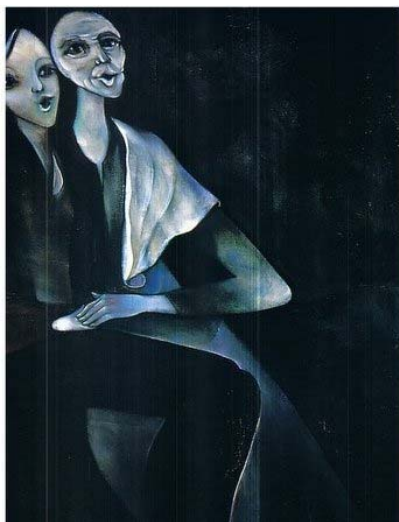
những bình minh qua hoàng hôn đến
 đã bao nhiêu nước chảy qua cầu
 sậy một mình hát lời buồn thảm
 rừng hoang mang cây ngại ngừng nhau

chiều nay không có gì trên núi
 quanh quất nhìn đâu cũng thấy buồn
 chút hồn treo vào chòm mây lạc
 buông mình lặn xuống núi hoàng hôn.

2013

nguyễn thanh châu

bây giờ. như chúng ta đang sống



Tranh Nguyễn Hiền

bây giờ. có thể em chẳng nhìn ra anh
 năm năm tù khốn đọa
 cơn sốt rét rừng vàng da
 trận đòn hằn thù tím mặt
 anh phải cách ly những thân bằng quyến thuộc
 nơi cuối bãi miền nam
 hay tận đầu sông miền bắc
 chẳng còn tình yêu
 chẳng còn tính dục
 nhưng. dầu thế nào anh phải sống sót
 để trở về
 lạ lắm
 nỗi lạ lắm của người thất thổ

thử hỏi còn đau xót nào hơn
 khi đang ở trên chính quê hương
 mà cứ ngỡ mình là khách lạ...

bây giờ. có lẽ anh không nhận được em
 năm năm đời xiêu tán
 tượng đá sườn non cụt đầu
 tiếng tắc kè đêm khắc khoải
 em luống dải dầu mỗi giấc chiêm bao
 trong những lao xao thường tục
 mầm hiểm họa sinh sôi
 làm sao kể xiết
 làm sao nguôi ngoai...

bây giờ. như chúng ta đang sống
 một thời của tai ương
 một thời của tội ác
 nhưng dấu thế nào đi nữa
 thời gian sẽ bóc vỏ bao kín những lọc lừa
 không khoan nhượng
 em sẽ lại nhận ra anh
 anh vẫn còn nhìn được em
 rạn vỡ
 rạn vỡ một tình yêu như buổi ban đầu
 rạn vỡ như sự thật không sao khuất lấp
 bởi một điều hiển nhiên
 chúng ta đã kinh qua những gian khổ phận người
 chúng ta cố vượt thoát cái lằn ranh sinh tử
 thế không cúi đầu...

1980/1982

nguyễn thanh châu

Nguyễn Hàn Chung

Khúc Chàm nâu

*Những chùm rêu bầu bạn áo xiêm em
cuộc hôn phối thời gian và cổ tháp.
điều múa ấy làm hồi sinh phé tích
trong vô thanh phẳng phát nét ca Chàm.*

*Cỏ bàng hoàng từ mấy trăm năm
em vẫn múa sá chi màu dâu bể.
đã tro bụi những hoàng triều chuyên chế
mọi trò chơi phù phiếm bậc quân vương*

*Người về đây để được tái sinh em
sự già cỗi hóa thanh xuân quyến rũ
những gót nhảy, tay xòe hông múa
không dễ tìm đâu trên thế gian này*

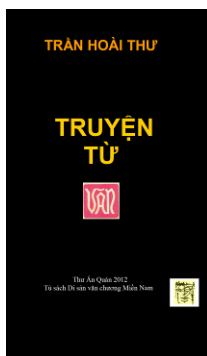
*Đừng hao mòn vì một thoáng mưa mây
Chiêm nữ ạ! em vĩnh hằng tĩnh tại.
cứ vũ lộng hồn em đi, cô gái
thời gian xanh quỳ rạp trước em thôi.*

*Đừng bắt những chùm rêu phải nhận chịu đôi dờn
xin van vì kẻ nguôi lòng cổ tích
Tôi muốn hóa thành rêu để ôm em thật chặt
móc meo nhau ngôn ngữ không lời.
Trong hoang tàn diễm lệ Mỹ Sơn ơi!*

Độc sách

HOÀNG NGỌC HIỀN

Độc “TRUYỆN TỪ VẮN” của Trần Hoài Thư



Độc xong “Truyện từ Bách Khoa” của Trần Hoài Thư, chúng tôi đọc tiếp “TRUYỆN TỪ VẮN” của anh. Cuốn sách đề tặng tôi vào “cuối năm 2012,” được trân trọng lấy ra từ tủ sách vào một trong những ngày cuối năm 2012. Thật tình cờ, truyện đầu của cuốn sách “Bệnh xá cuối năm” là một cuối năm nào đó của Trần Hoài Thư! Cuối năm? Sao lại cuối năm? Những ngày của năm tàn tháng tận bỗng gọi cho tôi một nỗi buồn nào, tĩnh lặng, u hoài. Tôi đọc “Truyện từ VẮN” trong cái tâm trạng tựa tựa như hồi còn ở mặt trận, một chiều cuối năm, ngồi trên một mô đất trong tiền đồn, châm một điếu thuốc, nhớ nhà. Đọc vào truyện, mới hay tác giả đã trở lại bệnh xá này lần thứ hai trong đời lính của mình:

“Đây là lần thứ hai, tôi được sống những ngày tuyệt vời nhất của tuổi trẻ. Bom đạn, hận thù, lệnh lạc tôi đã bỏ lại ở ngoài hàng rào dây kẽm. Bây giờ, thế giới của

tôi, tôi đang thu nhỏ lại trong nỗi cô đơn. Tôi và cái giường sắt quen thuộc. Tôi và tấm chăn áp ủ suốt ngày. Tôi và những ngày trôi qua, với những nỗi quên lãng...” (Truyện Từ Văn, Trần Hoài Thư, Thư Án Quán 2012, Tủ sách Di sản Văn Chương Miền Nam, trang 10).

Tôi biết nhà văn Trần Hoài Thư. Anh thuộc khóa 24 Trường Bộ Binh Thủ Đức. Tôi thuộc khóa 25. Ra trường, Trần Hoài Thư đi Bình Định, giữ chức Trung Đội Trưởng thuộc Đại Đội 405 Thám Kịch Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Anh bị thương trận ba lần. Tôi tự hỏi vậy lần anh trở lại bệnh xá trong bài “Bệnh Xá Cuối Năm” là lần bị thương trận thứ mấy? Còn tôi, ra trường, giữ chức Trung Đội Trưởng, thuộc Đại Đội 399 Tiểu Khu Bình Long, làm lính tác chiến ở một miền cao nguyên biên giới thuộc Vùng 3 Chiến Thuật. Tôi may mắn, không bị thương trận lần nào. Nhưng tôi biết bệnh xá của Tiểu Khu Bình Long, bởi có nhiều đêm tôi đã dẫn trung đội của tôi nằm gần bệnh xá. Từ hồi chiều, trung đội tôi đã lảng vảng gần đó. Nó có vẻ gần giống với bệnh xá của Trần Hoài Thư, bởi nó cũng là một bệnh xá miền núi:

“Bây giờ là buổi chiều. Một buổi chiều cuối năm, một buổi chiều như trăm ngàn buổi chiều khác. Vẫn một bầu trời thiêm thiếp, mà màu xanh đã thấy bàng bạc một màu rắng đỏ, với những cụm mây trắng lười biếng trôi qua như đàn cừu trở về chuồng. Những thân cây cổ thụ đã thu hình trong nỗi buồn tịch liêu của một bệnh xá miền núi. Giờ đây, ngày cũng sắp lặn và gương mặt của mỗi thằng thương binh đã trở nên gầy hao hơn dưới ánh hoàng hôn nhá nhem, và những bóng áo nhà thương màu xanh dương đang lướt qua, chậm rãi, mỗi một đã trở thành những bóng ma của trần gian...” (Sách đã dẫn, trang 18).

Tôi đã buông cuốn sách xuống. Dừng lại thật lâu ở trang sách này, rồi nhìn ra đường phố nơi ngụ cư, buổi chiều đang xuống rất nhanh trên đầu những ngọn cây. Tôi chợt nhớ lại buổi chiều ngày xa xưa dẫn trung đội đi kích ấy, ngồi bệt xuống lề đường của Đại Lộ Hoàng Hôn, nhìn những mảng ánh nắng tàn phía rừng Quán Lợi, nơi xa xôi

nào đó mờ mờ sương phủ, tôi nghĩ đó là núi Bà Rá của tỉnh Phước Long. (Tỉnh đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa bị Bắc Việt tấn công, tiến chiếm năm 1975. Quân Bắc Việt gồm có Sư Đoàn 3, sư đoàn 7, một tiểu đoàn xe tăng T.54 của Nga, một trung đoàn pháo binh, một trung đoàn pháo cao xạ. Họ tiến vào từ mặt khu ở Cambodia ngày 13.12.1974. Quân Việt Nam tại Phước Long được tăng viện Tiểu đoàn 2 của Sư đoàn 7, sáu khẩu đại bác 105 ly, hai đại đội của tiểu đoàn Biệt kích 85. Nhưng như vậy, lực lượng vẫn không cân xứng. Quân Bắc Việt pháo kích vào tỉnh lỵ tới ba ngàn quả mỗi ngày. Vị tỉnh trưởng, Đại tá Nguyễn Thống Thành bị thương, nên bộ tham mưu của ông phải rút khỏi Sông Bé. Tổng kết, 5.400 binh sĩ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu ở đó, chỉ còn lại 850 người sống sót. Thật là một bi kịch lịch sử. Nó đánh dấu trận mở màn của quân Bắc Việt tiến chiếm miền Nam. Nó cũng đánh dấu sự kiện lịch sử Hoa Kỳ bỏ rơi đồng minh Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ phản bội lại những lời cam kết, đã bỏ mặc miền Nam Việt Nam trong số phận bi thương của nó. Đó là một vết nhơ bần của dòng lịch sử Hoa Kỳ không bao giờ rửa sạch được. Đại tá Nguyễn Thống Thành, hồi đầu năm 1970, ông là Trung tá Tiểu Khu Phó Tiểu Khu Bình Long, lúc đó tôi ở dưới quyền ông, tôi là sĩ quan Trưởng Ban Ba Tiểu Khu. Tôi biết rất rõ ông Thành.). Đốt một điều thuốc. Biết làm gì bây giờ, ngoài việc đốt một điều thuốc, trong khi chờ bóng tối xuống thị trấn? Ai đang đốt đời tôi hay tôi đang đốt đời tôi? Ai đang giết hại dân tộc tôi? Ai đang tàn phá đất nước tôi? Ôi chao sẽ là hạnh phúc biết bao nếu như ta, vào một lúc nào đó, được đứng ngoài cuộc chiến, như người lính đào ngũ trong “Giã Từ Vũ Khí” của Ernest Hemingway? Hay là, ôi chao, như Trần Hoài Thư bị thương trận, nằm trong bệnh xá sư đoàn? Để “*được sống những ngày tuyệt vời nhất của tuổi trẻ*” (Sdd, trang 10, dòng 4,5)? Thật là tội nghiệp cho thế hệ chiến tranh chúng tôi? Chúng tôi đã quá mệt mỏi ở chiến trường, để rồi một lúc nào đó, bỗng trở thành những bóng ma của trần gian?! Thiết tưởng cũng còn

may mắn hơn những chiến hữu nằm ở nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa? Hoặc phế binh vĩnh viễn, mất mát một phần thân thể, sống nốt cuộc đời thừa của mình, nhìn cuộc chiến thảm bại ngày 30 tháng Tư 1975?!

QUÊ HƯƠNG NÀO ĐỂ TRỞ VỀ:

Thử hỏi người lính nào mà chẳng ở xa quê nhà? Ở chiến tuyến xa xôi, hay ở “bệnh xá cuối năm” hoặc “bệnh xá mùa xuân”, người lính của Trần Hoài Thu đã nghĩ đến quê nhà:

“Nhắc đến quê, thằng cụt chân đâm ra buồn bã. Hắn không còn quê hương để mà về. Và đôi vai hắn chột chùng xuống, khi nhớ lại những kỷ niệm ở quê nhà. Cha mẹ, người yêu, và đám cháu ngoan hiền. Hắn thấy lại một căn nhà cổ kính ba gian hai chái, với những mái ngói âm dương đã trở màu rêu phong. Hắn thấy lại ngôi vườn, với những cụm hoa mà ba hắn nung niu yêu mến nhất đời. Hắn nín thở, trước những cơn gió lạ từ đâu thổi qua. Cơn gió mang theo mùi cát bóng của Gio Linh, mùi trưa nồng của Ái Tử, mùi muối mặn của Cửa Việt. Nhưng sau đó, hắn sực tỉnh cơn mộng. Bởi vì, hắn đã nhận chân được sự thật: Hắn đang là kẻ côi cút nhất trần gian. Nước mắt muốn ứa ra, hắn cúi đầu nhìn khúc thịt đang còn mưng mủ. Một cơn gió lạnh từ đâu thổi về làm run rẩy cả châu thân hắn! Hắn liên tưởng đến những ngày sắp sửa. Những ngày không có chỗ để trở về. Những ngày mà đôi nạng gỗ sẽ tiếp tục gõ từng nhịp buồn hiu tại những chốn không người.

“Vì thế, hắn không khao khát thêm muốn như lũ bạn. Mà trái lại, hắn chỉ cần một giấc ngủ, thật cô độc trong bệnh xá này. Hắn muốn nằm lại đây như một con sâu cuốn chiếu...” (Sđd, trang 20, 21).

Tôi cảm thấy thật cay đắng trong câu: “Những ngày không có một chỗ để đi về”!!! Điều này, đã xảy ra cho rất nhiều người lính Việt Nam Cộng Hòa, sau khi trận chiến kết thúc một cách tức tưởi vào ngày 30 Tháng Tư

1975! Chúng tôi, những người lính bại trận đã bị Hà Nội lừa hết vào các trại tù lao động cưỡng bức ở những chốn rừng thiêng nước độc. Bao nhiêu người đã nằm lại ở các nghĩa trang sâu thẳm, hang hốc, hẻo lánh: con số ước lượng trên một trăm ngàn người! Số còn lại, khi ra về, trong ốm đau, bệnh tật, không khác chi mấy với thương bệnh binh, cùng tờ giấy tạm trú nếu ở thành thị, với thời gian quản chế năm, ba năm! Quả thật, chúng tôi không có một chỗ để trở về! Có phải chúng tôi đã bị lưu đày trên chính quê hương mình? Hoặc bị đuổi ra khỏi quê hương, như những kẻ tội đồ thời trung cổ? Bản thân tôi, trên mười năm sống trong các trại tù của Cộng Sản, đã cảm nhận đến rõ rệt, đến tận cùng, thế nào là “*đêm cô độc của trần gian*”! Cuộc chiến đấu anh dũng của chúng tôi đã kết thúc ngoài sức tưởng tượng của chúng tôi (Những kẻ không chiến đấu, trốn chạy, lẩn tránh, hèn nhát, chỉ là một thiểu số không đáng kể): “*Nó nằm trong tay của những kẻ đồ tể*” (Sđd, trang 25, dòng 13).

Ôi quê hương tôi! Ôi số phận đất nước tôi! Nó bị quyết định bởi những kẻ đồ tể trên hành tinh này!!!

Quê hương nào cho tôi? Cho Trần Hoài Thư? Trần Hoài Thư viết: “*Cõi trời mù mịt nào để anh tìm đến, ẩn thân như một chàng ẩn sĩ, để tìm bình an sau những năm tháng nổi trôi. Quê hương nào anh trở lại để uống cốc cà phê, mà tuổi thanh xuân đã bỏ quên trên rừng Trường Sơn cao ngất, để anh tìm lại cái hạnh phúc nhỏ nhen của một đời người trẻ tuổi. Ở đâu? Ở đâu bây giờ? Trước mặt anh các toa tàu vẫn nằm yên ngủ từ một ngày ly loạn, các đầu máy vẫn nằm lì trong góc tối của cơ xưởng, các con đường sắt vẫn yên lặng ngủ thiếp trong đám cỏ dại mọc lên tự do.*” (Sđd, trang 179).

Phải, tuổi thanh xuân của thế hệ chiến tranh chúng tôi đã bị bỏ quên trên rừng Trường Sơn. Và rồi tiếp tục bị bỏ quên, bị lãng phí, bị vùi dập, trong các trại lao tù ở Yên Bái, Nam Hà, Pleiku, Xuân Phước, Xuân Lộc...!

NGƯỜI MẸ VIỆT NAM:

Chúng tôi đọc được đoạn văn sau đây của Trần Hoài Thư viết về một người mẹ. Người mẹ của nhân vật tên là Tân. Nhưng tôi có cảm tưởng người mẹ này của Tân là một biểu tượng của người mẹ Việt Nam. Người mẹ trong xã hội cổ kính của Việt Nam ta. Người mẹ Việt Nam chịu đựng, hy sinh, đau khổ, lao đao, không một tiếng thở dài!

“Tự nhiên anh đâm ra nhớ mẹ anh. Người đàn bà, sống bằng những ngày gian khổ, mà cuộc sống chỉ biết mỗi sáng mỗi chiều, xách những rổ chuối, những rổ trái cây, những gánh gồng, cho phiên chợ sớm, chiều. Người đàn bà, hy sinh trọn tuổi thanh xuân cho chồng, cho con, chưa bao giờ thở dài một tiếng. Anh nhớ lại những giọt nước mắt của mẹ khi tiễn đưa anh lên đường, những món quà nhỏ mọn khi anh trở nên một tên tân binh trong quân trường nắng cháy. Những ngón tay nhăn nheo, run run mở từng món đồ, gửi từng số bạc ít ỏi vào túi anh và những giọt lệ long lanh trên gò má, khi người nhận ra anh ốm và đen hơn. Anh còn nghe như thể, từ chiếc giường kê ở bên trong căn buồng nhỏ, tối, tiếng thở dài của mẹ anh, tiếng mẹ anh căn chỉ, để lo toan những việc gia đình. Và anh còn thấy ánh đèn dầu hỏa bà thắp lên trong đêm khuya khoắt, khi bà rửa chùi những nải chuối, những quả thanh long đỏ ửng, những quả trứng gà, trứng vịt. Anh lại thấy gương mặt đen đúa, xấu xí như hai trái táo, như thể mang nặng một nỗi bất hạnh suốt đời trên vai người. Bây giờ bà đã bỏ đi.” (Sđd, trang 172)

Chưa hết! Trần Hoài Thư viết tiếp ở trang 179:

“Con tàu nào, đưa mẹ anh đi. Phương trời nào mẹ anh trốn chạy. Góc biển, chân mây nào người lặn độn lao đao.” (Sđd, trang 179)

Ồi chao, sao người mẹ Việt Nam khổ quá thế?! Cuối cùng, người phải trốn chạy thực tại, hay hoàn cảnh, hay cảnh ngộ? Người lặn độn lao đao nơi góc biển, chân mây nào? Đó là mẹ của nhân vật Tân trong truyện ngắn: “Ga đêm quanh quẽ”. Đối với tôi, đây là một truyện ngắn

hay trong toàn tập. Cũng là một truyện buồn, rất buồn, rất thật là buồn. Tôi cũng có một người mẹ khốn khổ như người mẹ của Tân trong truyện này. Một thời bà ngồi bán thúng xôi đậu đen ở đầu ngõ hẻm. Một thời bà bán bánh cuốn, cũng ở đầu một lối ngõ. Ngõ nhỏ. Bà làm việc từ sáng sớm tinh sương cho đến đêm khuya khoắt. Không một lời than vãn. Không một tiếng thở dài. Có điều, tôi không bao giờ thấy bà nhỏ một giọt nước mắt nào, kể cả ngày bà tiễn chân tôi lên đường đi trình diện đơn vị. Bà thân nhiên nói: “Đất nước đang có chiến tranh. Anh là người trai. đương nhiên anh cần có một trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ đất nước. Anh hãy vui vẻ lên đường mà làm tròn nhiệm vụ của mình.”. Và sau Tháng Tư 1975, tôi đi tù hơn mười năm, bà không hề đi thăm tôi một lần nào. Bà nói với các em tôi: “Bây giờ, trách nhiệm của anh ấy là đi tù!”. Bà đã hóa điên trước khi tôi trở về hai năm. Tôi vẫn tự hỏi không biết bà có nhận ra tôi là con trai của bà, ngày tôi trở về, mà không trả lời được. Bà nhìn tôi như thể nhìn một người xa lạ! Hơn một năm sau, bà qua đời. Là con trai trưởng, tôi đứng ra lo tang lễ cho bà, và cho đến phút cuối cùng, tôi mới bật khóc, một mình, không ai hay biết.

Đọc đoạn văn trên của Trần Hoài Thư, tôi đã lặng người đi. Tôi cảm nhận mẹ tôi, cũng như người mẹ của Tân: *“như thể mang nặng một nỗi bất hạnh suốt đời trên vai người.”*

HÌNH ẢNH ÔNG GIÀ CHÈO ĐÒ:

Đối với tôi, truyện ngắn “Khu Chiến” là truyện hay nhất, đặc sắc nhất, độc đáo nhất, trong toàn tập “TRUYỆN TỬ VÂN” của Trần Hoài Thư. Trong truyện này, hình ảnh ông già chèo đò ám ảnh tôi: *“Ông già Tư. Ông già chèo đò từ mấy chục năm qua. Ông sống cùng vợ trong một túp lều tranh trống gió bên bờ sông. Một con thuyền nhỏ, một chiếc sào tre dài. Và hình bóng một ông lão, với hàm răng đã hầu như rụng, gầy guộc trong bộ quần áo trần rộng thùng thình mà ông lão đã xin được từ một người lính trên*

đồi, côi cút bé nhỏ giữa bến nước mông quạnh lê thê.”
(Sđd, trang 135)

Đó là ông già Tư. Ông già chèo đò trong truyện “Khu Chiến”.

Dòng sông trong truyện không có tên. Cũng như địa danh, nơi có dòng sông chảy qua, cũng không có tên. Điều này cho thấy “khu chiến” ở rất nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, trong cuộc chiến 20 năm (1954-1975). *“Dòng sông như đường phân ranh chia hai miền đất. Bên kia bờ, đám du kích vẫn trở về hằng đêm, bắt loa gọi đám dân quê ra khu đất trống, hay vào từng nhà tịch thu vài ba ký gạo. Những đêm thường bão bùng, trong những hồi chó tru, hay những bước chân giẫm xào xạc trên cánh đồng lúa dẫn từ mật khu trở về.”* (Sđd, trang 133). Đó là đám du kích Việt Cộng nằm vùng, hoặc chính qui từ miền Bắc xâm nhập Miền Nam. Chúng cần tuyên truyền, xâm nhập nhà dân, tịch thu vài ký gạo, để sống còn. Những người dân ở các vùng xa xôi, vùng rừng núi, phải nộp thuế cho chúng, nếu muốn được yên ổn làm ăn. Ở những quốc lộ hẻo lánh, chúng hay xuất hiện, chặn xe đồ, yêu cầu đóng góp cho chúng tiền bạc, thực phẩm, thuốc men. Chúng tỏ ra lời yêu cầu, ủng hộ “cách mạng nhân dân” nhưng thực chất là hăm dọa! Và rồi, trong “khu chiến” ấy, vào một đêm kia, họ về xóm, gõ cửa nhà ông già Tư, cầm ông không được chèo đò đưa đám lính “ngụy” bên kia qua sông! Từ trước tới giờ, ông sống nhờ vào mùa nước nổi với một đơn vị lính Việt Nam Cộng Hòa ở trên đồi qua sông. Thế mới hay rằng quân đội nào bảo quốc an dân, mới đích thật là quân đội. Bắc quân lúc nào cũng khoe mẽ là “quân đội nhân dân”, nhưng thực chất chúng chỉ là công cụ bảo vệ đảng Cộng Sản, bóc lột nhân dân, làm tay sai đắc lực cho Cộng sản quốc tế! Rõ ràng quân du kích cộng sản và quân chính qui Bắc Việt xâm nhập miền Nam, không phải là thứ “bảo quốc an dân”! Bộ mặt thực, bộ mặt gian trá, bịp bợm của chúng, ngày càng lộ nguyên hình, sau khi chúng chiếm được miền Nam Việt Nam. (Thực ra, chúng được những tên đồ tể quốc tế sắp xếp cho chúng

chiến thắng miền Nam mà thôi!). Ông Tư chèo đò đã bị bọn chúng cầm hành nghề.

Con sông. Con sông không có tên ấy, đã được nhà văn Trần Hoài Thư viết như sau: “*Con sông buổi sáng vẫn còn ngủ yên trong lớp sương mù trắng bùng tầm mắt. Nó gọi trong trí tưởng tượng già nua một quãng thời gian xa xưa. Cũng bến đò, cũng cây đa, cũng những ngôi làng ngôi ấp, cũng những biến chuyển đau buồn của lịch sử. Cũng vẫn chỗ ngồi này, nơi ông mỗi ngày ra nhìn bãi cát và lũ chim bới cá, vút lao xuống mặt nước, ông đã thấy lại chiếc bóng ông chập chờn. Đó là hình ảnh một chàng thanh niên nhà quê mộc mạc, nghèo nàn, giữa đồng ruộng mênh mông bát ngát. Đó là những đêm trăng giã gạo, rộn ràng tiếng hò, câu hát, hay những lần chờ đợi bên đình làng, một người con gái đi chợ trở về. Ông còn thấy lại những con chèo béo gọi nhau trong những lùm tre, trong giắc trưa nồng. Những kỷ niệm, soi dẫn, mỗi lúc một lan rộng như những vòng tròn lăn trên sông nước. Những ngày thái bình ấy trôi qua, rồi đến những ngày binh lửa đạn bom, giày sắt đá, mũi tầm vông, dao mác, rồi đến bây giờ... Ông ngồi bất động trong tâm áo dạ. Mưa vẫn còn lất phất. Sương mù vẫn còn đọng trên ngọn đồi bên kia, và quện trên những bãi lau sậy bên này. Con sông như một dây mơ hồ luôn giữa hàng tre rậm lá. Rồi có ngày ta sẽ bỏ nơi này. Cái ngày đó ta ước ao nằm trên con thuyền của ta, để nó trôi đi đâu thì đi. Bởi đời ta có lẽ chỉ còn bãi sông này. Ta đã buồn vui với nó, chờ đợi với nó. Trong khi bom đạn đuổi đàn con cháu của ông ra những cánh đồng để giết nhau, thì ông vẫn còn ngồi lại để mỗi ngày ra bờ sông nghe tiếng gọi đò.*” (Sđd, trang 137, 138 trong truyện ngắn KHU CHIẾN).

Hình ảnh dòng sông, con thuyền, ông lái đò (hay cô lái đò), vốn là hình ảnh đẹp, đẹp một cách thơ mộng, của quê hương ta. Đọc đoạn văn trên của Trần Hoài Thư, làm tôi băng khuâng, bồi hồi, nhớ lại con thuyền nan và dòng sông Đáy mênh mông, một chiều kia máy bay Pháp ném bom ở làng bên, mẹ tôi dẫn tôi xuống đò sang sông,

hầu tránh xa vùng lửa đạn. Không ngờ, chỉ một loáng sau, chúng ném bom làng tôi. Một ngọn khói đen bốc cao trên những ngọn cau và lũy tre già. Mẹ tôi nhìn về làng, không một giọt lệ nào nhỏ xuống, nhưng mắt người như cầm giân. Căn nhà của cha mẹ tôi, năm gian hai chái, toàn bằng gỗ lim, đã bị bom đốt cháy! Rồi tất cả chìm trong bóng đêm, nhưng ánh lửa và khói đen vẫn còn ám ảnh tôi. Trong trí nhớ nhỏ nhoi của tuổi thơ, tôi không biết tại sao? Cũng như ông già Tư tự hỏi; “Đời ông đã gắn bó vào nó, tại sao ông lại không được quyền?” (Sdd, trang 142). Nhưng câu hỏi đã ẩn chứa câu trả lời! Phải, tại sao ông không được quyền chờ khách qua sông để kiểm tiền độ nhật, chỉ vì những người khách kia là chiến sĩ Cộng Hòa?! Bọn du kích lấy danh nghĩa “nhân dân” cấm ông! Láo! “nhân dân” nào? Ôi chao, chiến tranh bắt kể đến đạo lý làm người! Khu chiến, nơi ông già chèo đò, là một biểu tượng của chiến tranh!

Con sông. Con sông bỗng trở thành con sông vắng. Mùa nước lớn đã về từ đầu mùa đông... Cuộc đời là những hình ảnh buồn thảm: Vợ ông già Tư đau bệnh, nằm rên rĩ trong túp chòi lá nghèo nàn nhất ấp kia. Và ông Tư, trong ráng chiều đỏ ửng góc trời Tây, nhớ đến thằng con trai lưu lạc phương nào...? Sau hết: *“Mắt ông nhắm lại, tưởng tượng thân xác ông sẽ nhẹ nhàng như con thuyền nan giữa dòng sông mệnh mông xa thẳm...”* (sdd, trang 141). Đó là một cách chết? Một cách ra đi thanh thản, nhẹ nhàng, thơ mộng. Tôi không thể không chợt nhớ đến một cách ra đi nhẹ nhàng, nhưng còn hào hùng, của Sirik Matak, Quốc trưởng Cambodia. Trước khi bị hành quyết bởi bọn Khmer Đỏ, ông đã viết trong lá thư gửi vị Đại sứ Mỹ từ chối lời mời di tản dành cho ông: “... I cannot, alas, leave in such a cowardly fashion...” (Hỡi ôi, tôi không thể ra đi một cách hèn nhát như vậy được.). Ai cũng phải chết. Nhưng cách chết của Sirik Matak hào hùng quá, đẹp quá. Còn cách chết, trong ước mơ của ông già Tư chèo đò, thơ mộng quá! Nhưng mà, sao hình ảnh ấy buồn quá đỗi!!!

Cuốn “TRUYỆN TỪ VĂN” của Trần Hoài Thu dày 288 trang. Đọc xong, tôi thấy rõ tác giả viết từ sự thật đời thường, ở đơn vị, giữa chiến trường gai lửa. Đúng như tác giả đã viết trong Lời mở đầu sách: *“viết trên ba-lô, trong hầm sâu, sau những chuyến hành quân, hay giữa đường bụi khói...”* (Sđd, trang 6). Tôi hiểu rất rõ, bởi tôi cũng là một người lính, cũng đã từng một thời giữ chức vụ Trung Đội Trưởng Đại Đội 399 đi giữa chiến trường biên giới Miên Việt, lặn lội trong các cánh rừng cao su âm u của Hớn Quản, Lộc Ninh... Tôi cũng cầm bút, viết văn, nhưng tôi không viết được nhiều như anh. Tôi có cảm tưởng anh viết dùm cho tôi, viết dùm cho những người lính chiến chúng tôi. Anh đã nói lên tất cả sự thật của khu chiến. Kể cả tâm tư, tình cảm, tư tưởng của người lính. Đây là những chất liệu thật công hiến cho lịch sử. Không ai có thể phủ nhận được. Không ai có thể chối cãi được. Anh viết với một văn phong trong sáng, đầy hình ảnh, nhưng không kém phần thơ mộng và lãng mạn. Anh là một nhà văn tài ba, lỗi lạc, có tâm, của nền văn chương miền Nam Việt Nam (1954-1975). Ai muốn nghiên cứu di sản văn chương miền Nam Việt Nam, không thể thiếu sót nhà văn Trần Hoài Thu.

Gấp cuốn “Truyện từ Văn” của Trần Hoài Thu lại, tôi cảm nhận “Khu Chiến” là truyện hay nhất của toàn tập, rồi đến “Ga đêm quanh quẽ”, thứ ba là “Bệnh xá cuối năm” và “Bệnh xá mùa xuân”. Cái gì gây ấn tượng cho tôi nhất? Đó là ông Tư chèo đò, với niềm *“ước ao nằm trên con thuyền của ta, để nó trôi đi đâu thì đi”*. Thơ mộng quá! Nếu ông đã mơ ước một cách chết thơ mộng như vậy, ắt ông cũng đã sống một cuộc đời thơ mộng không kém. Nhắm mắt lại, tôi thấy hình ảnh con thuyền nan của ông già Tư trôi bèo bồng trên các trang sách “Truyện Từ VĂN” của Trần Hoài Thu.

HOÀNG NGỌC HIỂN

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

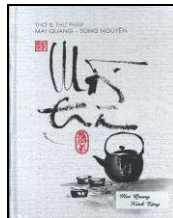
Phụ trách: Phạm văn Nhân

LTS: Người phụ trách Mục Giới Thiệu Sách Báo là nhà văn Phạm văn Nhân. Vì vậy, nếu quý tác giả nào muốn có sách giới thiệu xin gửi thẳng về địa chỉ anh PVN (có ghi ở mục từ Tòa soạn và Thân hữu ở số TQBT 57). (Tòa soạn TQBT)

Trong tháng 9-2013, chúng tôi nhận được một số tác phẩm do tác giả gửi đến TQBT. Chúng tôi rất trân trọng ở mỗi tác phẩm mà quý vị có nhã ý gửi tặng. TQBT xin ân cần giới thiệu đến độc giả của TQBT.

Nếu quý tác giả gửi sau tháng 11-2013 chúng tôi sẽ giới thiệu vào số gần nhất. (PVN)

Thơ Và Thư Pháp: Mời Trà



Của hai tác giả: Mai Quang - Song Nguyên. Tập thơ dày 184 trang. In trên giấy láng. Bìa cứng. Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Thị Thanh Hương. Trình bày: Song

Nguyên và những người bạn. Bìa: Minh Đức Triều Tâm Ảnh. Gồm 91 bài thơ và 91 thư pháp. Những bài thơ ngắn mang tính Thiền. Đọc Thơ và Thư Pháp trong không gian tĩnh, bên tách trà thơm thì rất tuyệt vào buổi sáng tinh khôi. Giới thiệu với độc giả những câu thơ trong bài: Tinh Khôi Giọt Tuyệt:

Khởi từ sinh tử rong chơi

Hoang mang mấy độ luân hồi

Nhớ trắng

Thủy tinh vỡ hạt sóng hằng

Tinh khôi giọt tuyệt

Hiện thân

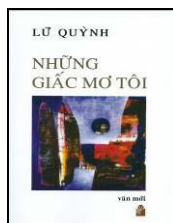
Lỏa

Lồ.

Tập thơ không bán, chỉ biếu cho những người yêu thơ và thư pháp.

Độc giả TQBT cần có tập thơ này xin liên lạc với nhà thơ Mai Quang qua địa chỉ: maiquang95@yahoo.com

Những Giác Mơ Tôi



Tập Thơ của Lữ Quỳnh. Sách dày 113 trang chia làm hai phần. Phần I: Thơ. Và phần II: Phụ lục. Gồm những bài viết của Du Tử Lê, Nguyễn Mạnh Trinh, Khuất Đầu, Đỗ Hồng Ngọc. Bìa và phụ bản: Đinh Cường. Trình bày: Phạm Cao Hoàng. Do Văn Mới xuất bản 2013.

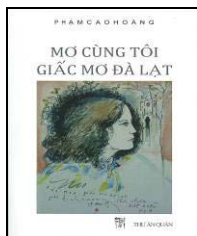
Lữ Quỳnh, độc giả miền Nam không xa lạ với anh trước

1975. Anh vừa là nhà văn vừa là nhà thơ. Tập thơ: Những Giấc Mơ Tôi là tác phẩm mới nhất của anh sau những tác phẩm đã xuất bản, như: Cát Vàng, Sông Sương Mù, Những Con Mưa Mùa Đông, Vườn Trái Đắng, Sinh Nhật Của Một Người Không Còn Trẻ, Thành Phố Mùa Đông.

Không thấy ghi giá bán.

Độc giả TQBT cần tập thơ Những Giấc Mơ Tôi liên lạc với Lữ Quỳnh qua email: songsuongmu@yahoo.com

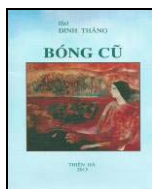
Mơ Cùng Tôi Giấc Mơ Đà Lạt



Tập Truyện và Tùy Bút của Phạm Cao Hoàng. Thư Ấn Quán in và xuất bản năm 2013. In trên giấy láng cả bìa và ruột. Đẹp. Sách dày 142 trang gồm bốn (4) truyện ngắn và 11 tùy bút. Những truyện ngắn và tùy bút mà nhà thơ Phạm Cao Hoàng ghi lại qua những hình ảnh thật việc thật mà anh đã trải nghiệm trong cuộc sống, cũng như với bạn bè của anh thời gian qua cũng như bây giờ. Nhất là hình ảnh rất dễ thương với người bạn đời lúc nào cũng đi bên cạnh nhà thơ lãng tử này. Đà Lạt “không còn là nơi chốn lạnh lẽo và sương mù”. Nhưng nơi đó là một cõi ấm áp lạ kỳ qua những bài viết ngắn, chân thật đầy ấp tình người.

Bìa: Đinh Cường. Phụ bản: Nguyễn Trọng Khôi, Đinh Cường. Tựa Luân Hoán. Trình bày: Thiên Kim. Không ghi giá bán.

Bóng Cũ



Tập thơ Đinh Thắng. Thiên Hà xuất bản 2013. Sách dày 162 trang. Bìa: Đinh Cường. Trình bày: Thùy Trang. Gồm 73 bài thơ ngắn có dài có. Những bài thơ làm trước 1975 và sau này khi nhà thơ định cư tại Mỹ. Bóng Cũ là hình ảnh đã qua, nhưng đọng lại trong nhà thơ những hình ảnh quá khứ buồn vui của một thời chinh chiến mà anh tham dự. Và, một thời cay đắng tủi nhục... “*Bệnh viện Cộng Hòa đầy ắp người thương tật/ Có kẻ chết trước khi gặp người thân/ Có kẻ sống tật nguyên chưa yên khi ngày cuối cùng vừa đến/ Ta bị đuổi về khi ta biết ta thua/ Thắng bạn công đi/ Sà gì bọn người vô sĩ...*”

Thơ Đinh Thắng mang theo cái buồn. Cái buồn của quá khứ, cái buồn của hiện tại. Buồn vẫn là cái buồn man mác trong thơ.

Có thơ cộng tác với Thư Quán Bản Thảo

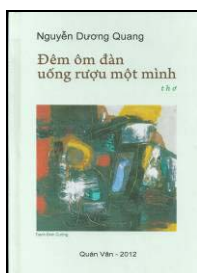
Đây là tập thơ thứ hai của anh. Sau: Trắng Bay (2011).

Ấn phí 15 Mỹ Kim. Địa chỉ liên lạc:

dingtranthang@yahoo.com

Đêm Ôm Đàn Uống Rượu Một Mình

Tập thơ của Nguyễn Dương Quang. Quán Văn xuất bản năm 2012. Trình bày: Nguyễn Minh. Bìa: Đinh Cường. Sửa bản in: Cao Quảng Văn. Phụ bản: Đinh Cường, Nguyễn Sông Ba. Kể nhạc Nguyễn Phú Yên.



“Đêm Ôm Đàn Uống Rượu Một Mình” là tập thơ đầu tay của anh, sau những bài thơ in chung với nhiều tác giả khác. Với Nguyễn Dương Quang, anh làm thơ rất lâu trước 1975, nhưng không xuất hiện trên báo chí. Qua bạn bè biết anh nhiều hơn; mặc dù thơ anh rất có hồn, hay. Nhưng với sự khiêm tốn của một người làm thơ, hôm nay thơ anh mới xuất hiện.

Tập thơ chia làm hai phần sáng tác trước 1975 và sau 1975. Gồm khoảng 60 bài, in trên giấy tốt. Bìa cứng. Tựa cho tập thơ là một bài thơ, mà nơi đó anh tâm sự: *...Trăng sắp tàn chưa? Sương tiếp sương/ đàn say sau khúc mấy tờ chùng/ đêm chung thủy, bao dung...đêm biết/ con người nhỏ bé giữa mông lung.*

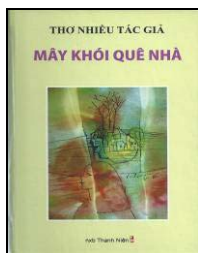
Tôi đọc thơ anh trước 1975 trong cái sôi nổi với bạn bè, và trong tình yêu văn chương chữ nghĩa của một người lính cầm súng chân thật nhưng cũng mạnh bạo.

Tập thơ không ghi giá bán, chỉ tặng thân hữu.

Mây Khói Quê Nhà

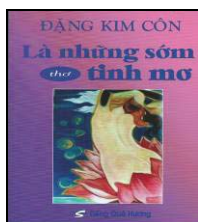
Tập thơ gồm nhiều tác giả trong và ngoài nước. Do nhà xuất bản Thanh Niên phát hành 2012. Chịu trách nhiệm xuất bản: Đoàn Minh Tuấn. Biên tập: Nguyễn Công Bình. Sưu tầm: Nguyễn Dương Quang. Tựa: Phạm Cao Hoàng.

Trình bày: Nguyễn Sông Ba. Bìa: Đinh Cường. Sửa bản in:
Cao Quảng Văn. Liên kết nhà xuất bản: Nguyễn Minh



Tập thơ in trên giấy tốt. Bìa cứng. Đẹp.
Mây Khói Quê Nhà là một tuyển tập thơ gồm nhiều tác giả được chọn lựa cho mỗi tác giả một bài. Mà theo người chủ trương: *...bao năm...đâu cũng trời đâu bể/ đâu cũng đi hui cuộc phù sinh/ có lúc động lòng quê xa cách/ ngồi hát nghêu ngao, hát một mình...* Vì thế mà Mây Khói Quê Nhà ra đời. Sách dày 167 trang không kể phần phụ lục. Sách không bán chỉ tặng thân hữu.

Là Những Sớm Tinh Mơ

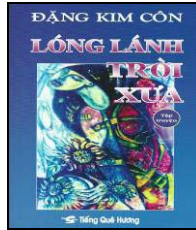


Thơ của Đặng Kim Côn. Tiếng Quê Hương xuất bản năm 2013. Được biết đây là tập sách thứ tư của anh. Sau ba tập: Đẻ Trắng Khuya Kịp Rót Đây Sớm Mai (thơ 2011). Một ngày, Một ngàn ngày (tập truyện 2011). Dưới Trời Dạ Ngọc (thơ 2011). Viên Linh giới thiệu. Bạt Trần Văn Nam. Bìa: Họa sĩ Rừng. Phụ bản: Đinh Cường, Duy Thanh,

Đặng Giao, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Đình Thuần. Và hai bản nhạc của Trần Quang Lộc và Vĩnh Điện phổ thơ của Đặng Kim Côn.

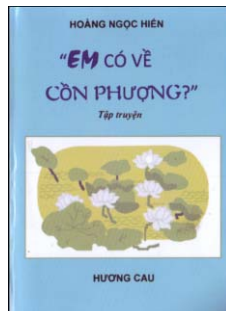
Sách dày 184 trang. Không thấy ghi giá bán.

Lóng Lánh Trời Xưa



Tập truyện thứ hai của Đặng Kim Côn sau tập truyện: Một Ngày, Một Ngàn Ngày. Do Tiếng Quê Hương xuất bản năm 2013. Trình bày: Đặng Kim Huy Du. Gồm 16 truyện ngắn. Mấy năm gần đây, những cây viết hải ngoại, có lẽ Đặng Kim Côn là người viết nhiều. Cho ra nhiều tác phẩm trong vòng mấy năm từ 2011 cho đến nay. Văn phong nhẹ nhàng, thoáng. Không ghi giá bán.

Em có về còn Phượng



(THT) Tập truyện của Hoàng Ngọc Hiến, Hương Cau xuất bản năm 2013. Sách dày 287 trang, gồm 16 truyện ngắn, mà hầu hết đều dựa vào chất liệu của lịch sử để sáng tác.

Theo tôi, viết về đề tài lịch sử rất khó. Chúng đòi hỏi ở tác giả ngoài khả năng sáng tác, còn có một số vốn kiến thức về sử học, sử liệu, và nhất là gạt bỏ ra ngoài sự phê phán có tính cách chủ quan của mình.

Bởi vậy rất ít tác giả viết truyện về dã sử hay dựa vào lịch sử. Thời tiền chiến có Khái Hưng với Tiêu Sơn Tráng sĩ. Trước 1975, thời chiến tranh Nam Bắc có Dương Nghiễm Mậu với “Kinh Kha, Con chủ thủ và đất Tần bất trắc”, hay “Tù Hải và cuộc phiêu lưu của đời chàng” v.v...

Bây giờ, ở hải ngoại có **Em có về còn Phượng**.

Theo tôi, viết về mình đã khó rồi huống hồ viết về người xưa hay người khác, có khi lại còn đắc tội với tiền nhân nữa.

Bởi vậy tôi không dám khen hay chê. Chỉ biết là tác phẩm đã lôi cuốn tôi ngay từ truyện đầu, tức là truyện được dùng làm nhan đề. Một truyện khác cũng lôi cuốn tôi không kém là truyện “Huyền thoại Chắc Cà Dao” mà tác giả khéo léo cho biết nhân vật chỉ là hư cấu, nhưng đọc xong ta thấy rõ ràng là một biến cố của lịch sử cận đại: vụ án Tướng Ba Cụt Lê Quang Vinh.

Quý vị muốn mua sách xin trực tiếp với người chủ biên
Nhà xb Hương Cau, Nhóm Văn Hóa Pháp Việt:

Ông Võ Đức Trung

1 Allée des Peupliers 59320 Hallennes Lez Haubourdin,
France –

Giá sách 14 Euros hay 20 USD.

ĐT: 03 20 448132

Giữa thân hữu và tòa soạn

:

* Xin được nhắn tin lần chót: **Kể từ nay, chúng tôi sẽ không đăng bất cứ bài nào đã đăng một lượt trên các báo hay diễn đàn khác, trừ bài ấy được đăng trên Blog do tác giả làm chủ. Chúng tôi sẽ không thông báo tác giả việc rút bài hay không đăng bài.**

Mong quý bạn rộng lòng thông cảm.

* Kể từ số này, việc gửi tặng báo đến quý vị ở ngoài đất Mỹ (ngoại trừ Canada) sẽ tạm hoãn vì cước phí quá cao. (Cước phí trung bình gửi qua Pháp là \$15-\$16). Thay vào đó chúng tôi sẽ gửi E-book qua điện thư. Nếu bạn có ai quen ở Mỹ có thể bỏ công chuyển giùm, xin vui lòng cho chúng tôi biết. Xin cảm ơn.

* Quý bạn hỏi về cách thức để có báo. (Kể cả những số báo cũ). Xin trả lời, tùy tâm tùy hỉ. Gửi tem (loại \$1) thì càng tốt.

Nhà thơ NTKM: Rất vui khi được biết thi phẩm của nhà thơ được đón nhận bởi nhiều độc giả TQBT. Dù là báo biểu, nhưng TQBT phổ biến rất sâu rộng và cùng khắp thế giới, hoặc qua báo giấy hoặc qua E Book. Trân trọng.

